Tác Giả và Tác Phẩm

Phan Nhật Nam (I)

Tiểu sử
Sinh năm 9.9.1943 tại Huế.

Tác phẩm
Dọc Đường Số Một (1970), Ải Trần Gian (1971)
Mùa Hè Đỏ Lửa (1973) , Dựa Lưng Nỗi Chết (1973)

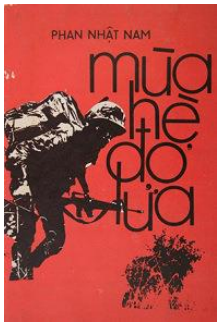

Bìa tranh Tạ Tỵ

Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2
Máu lửa ... Charlie – 3
Những nơi người lính đã đi qua...- 19
Gặp lại Phan Nhật Nam trên Quốc Lộ 1 – Trần Vũ - 23
Bài viết về Tonle Tchombe – 26
Người ở lại Charlie - 32
Phan Nhật Nam Dựa lưng nỗi chết – Đào Vũ Anh Hùng – 45

Phụ đính I:

Em tôi – 51
Phan Nhật Nam giữa chúng ta – Lưu Na - 56
Người chết dưới chân chúa - 58
Trong lửa đỏ, giữa sự chết, trên quê hương dọc Tỉnh lộ 7 B! - 62

Phụ đính II:

Bắt đầu từ…đêm trăng – Huế
Hãy biểu dương cùng tận
Phương Nam, không hề thiếu hào kiệt...
Cái ống điếu thuốc lào
Chung quanh... bụi, rác, và nỗi đau!

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

Vài hàng về tác giả

Thân thế

Ông sinh ra tại Nại Cửu, Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Cha ông là Phan Văn Trình gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam nhưng bị loại bỏ vì tội "tiểu tư sản, gia đình hào lý...". Vì sư kiện này lý lịch/danh tính của Phan Ngọc Khuê được đổi thành *Phan Nhật Nam*.

Ông là một nhà văncủa Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Sau khi tốt nghiệp khóa 18 Trường Võ bị Quốc gia Đà Lạt, ông là một sĩ quan của binh chủng Nhẩy Dù với cấp bậc Trung úy.

Đóng góp văn học

Tác phẩm đầu tay của ông là cuốn *Dấu Binh Lửa* (1969). Tiếp theo là các tác phẩm: *Dọc Đường Số Một*, *Ải Trần-gian* (1970), *Dựa Lưng Nỗi Chết* (1971), *Mùa Hè Đỏ Lửa* (1972) và *Tù Binh và Hòa Bình* (1974). Những tác phẩm của ông đều lấy Chiến tranh Việt Nam làm bối cảnh.

Sau 1975, ông bị bắt giam vào trại tập trung cải tạo 14 năm (1975-1989). Trong nhiều lần bị biệt giam hàng năm trời trong hầm tối, ông cũng làm ra nhiều bài thơ. Tuy sau ông được thả, nhưng lại bị quản chế tại gia ở Lái Thiêu, Bình Dương.

Năm 1993 ông sang Mỹ định cư và cho ra mắt những tác phẩm: *Những Chuyện Cần Được Kể Lại*, *Đường Trường Xa-xăm* (1995), *Đêm Tận Thất-thanh* và *Mùa Đông Giữ Lửa* (1997). Năm 2002 cuốn *Những Chuyện Cần Được Kể Lại* được phát hành với ấn bản tiếng Anh dưới tựa*The Stories Must Be Told*.

&&&
Trích lục “Em tôi” của tác giả trang 51

Tháng 12 năm 77, tại trại cải tạo Sơn La, bố đến thăm tôi .

Đứng trong văn phòng viên sĩ quan trưởng trại một người đàn ông trung niên, tóc muối tiêu và gương mặt xương. Bộ áo quần dân sự khá thẳng thớm , và sự lễ phép của tên đại úy trưởng trại tiết lộ về địa vị không nhỏ của người này . Thấy tôi vào, viên trưởng trại quay qua nói nhỏ một câu gì đó rồi bước ra ngoài . Tôi im lặng đứng nhìn người đàn ông xa lạ .

Bố đến bắt tay tôi, tự xưng tên mình , bố gọi tôi bằng anh, bố kể là đã gặp em ở Phan Rang, bố hỏi tôi học tập thế nào, bố không hề nhắc đến mẹ , có lẽ ông đã biết về cái chết của mẹ. Bố nói là có đọc văn tôi . Tôi ngồi yên nghe bố nói, sau cùng , bố đứng dậy, móc trong xách ra một gói nhỏ bảo đó là đường và thuốc lá , trao cho tôi , khuyên tôi cố gắng học tập tốt để sớm được khoan hồng. Tôi nhìn vào mắt bố, lòng thấy dững dưng. Tôi bắt tay bố rồi về lại lán mình.

Đó, cuộc hội ngộ của bố con tôi sau hơn hai mươi năm là thế đấy . Chắc cuộc tái ngộ giữa bố với em cũng tẻ nhạt như thế. Có cái gì đó ngăn cách , có cái gì đó phân chia, có cái gì đó tôi không hiểu và không diễn tả được . Bây gi tôi hiểu vì sao cái tin quan trọng đến thế mà em lại chỉ đề cập một cách ngắn ngủi ở cuối thư .

Lần đó là lần đầu và cũng là lần duy nhất tôi gặp bố trong suốt 13 năm lang thang trong các trại tù biệt giam miền Bắc.

Máu lửa ... Charlie

- Tưởng nhớ Anh Năm Nguyễn Đình Bảo, Khóa 14 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 11 Nhẩy Dù/QLVNCH.
- Nhớ "Đệ Nhất Ẩm Sĩ, Cuồng Thái Y" Tô Phạm Liệu, Y Sỹ Trưởng Tiểu Đoàn 11 Nhẩy Dù/QLVNCH.
- Các chiến hữu đã ở lại Charlie..
- Gửi Mễ, Duffy, và các bạn hữu để nhớ Charlie.

Những quân mạt-chược màu đỏ màu xanh, những vệt nắng lung linh xuyên qua khe lá pha trộn với màu áo hoa rừng của những người lính Nhẩy Dù trong buổi trưa hè, dưới tàng cây rợp bóng của vườn Tao Đàn, đã tạo cho tôi một cảm giác thật êm ả, thoải mái dễ chịu.

Đang mãi mê xoa thì anh Năm kêu đi họp, làm cả bọn bật đứng lên. Trong đơn vị, chúng tôi có thói quen kêu nhau bằng anh, với cấp bậc đi sau. Tiếng "Anh" nghe gần gũi thân quen và đầy tình cảm, như trường hợp ông Tiểu Đoàn Trưởng của tôi hiện nay, chúng tôi vẫn kêu bằng Anh Năm, vì ông mang cấp bậc Trung Tá.

Tiểu đoàn 11 Nhẩy Dù của chúng tôi được không vận ra Pleiku, sau đó vào vùng hành quân để giải tỏa áp lực địch đang đè nặng lên hai tỉnh Pleiku và Kontum.

Giã từ vườn Tao Đàn sau hơn một tháng dưỡng quân với nhiệm vụ bảo vệ Dinh Tổng Thống, cầu Xa Lộ, Hóc Môn, Phú Lâm, Bà Điểm. Những địa danh này là cửa ngõ chính mà địch thường lợi dụng xâm nhập thủ đô Sàigòn. Tạm biệt Đêm Màu Hồng, hủ tiếu gà, cá bờ sông, những tàng cây đầy bóng mát trong vườn Tao Đàn và Sàigòn, nơi đầy những biến động trong trận chiến tranh dành quyền lực của các tướng lãnh và các phe phái chính trị?

Ngày 13 tháng 3 năm 1972, tôi ghi lại những nét đầu tiên trong trang nhật ký hành quân.

Những cơn gió lạnh của rừng núi Pleiku làm tôi rùng mình, kéo cao cổ áo saut. Những đỉnh núi cao với nhiều hình thể lạ lùng in đậm trên nền trời, trông thật đẹp và hùng vĩ. Biển Hồ với màu nước xanh phẳng lặng.

Tượng Đức Mẹ trên đỉnh đồi cao, hiền dịu, bao dung, hai cánh tay mẹ giơ ngang trái tim như đang ôm cả bầu trời. Lòng tự nhiên lắng đọng, tôi hít thật sâu cái lạnh của núi rừng, nhìn những ngôi sao đổi ngôi trên bầu trời, tôi cầu xin bình an cho bạn bè và đồng đội.

Mấy ngày tạm ở Pleiku, đêm nào tôi cũng ra hội quán Phượng Hoàng với Thăng "Fulro", Long "đất", Kỳ, Xuân.. bên Không Quân, để nhắc đến bạn bè, kể cả những người đã ra đi trong cuộc chiến.

Tuần lễ sau, đơn vị tôi theo quốc lộ 14 lên Kontum, Tân Cảnh. Lâu lắm mới hành quân trở lại vùng 2, vẫn núi đồi hùng vĩ năm nào, nhưng quốc lộ, xóm làng đã thay đổi nhiều, bom đạn chiến tranh làm loang lổ mặt đường, cầu cống hoàn toàn đổ gãy, dân chúng sống thật nghèo nàn dọc theo hai bên quốc lộ.

Đóng quân tại Diên Bình, tôi đã xúc động khi thấy tháp chuông nhà thờ sụp đổ, cả dãy nhà nguyện phía sau chỉ còn là những đống gạch vụn hoang tàn. Mấy năm trước tôi bị thương trong trận đánh khai thông quốc lộ này, tôi đã nằm trong dãy nhà nguyện, tôi không thể quên cha Joe, vị cha xứ người Pháp đã sống và chết trên ngôi giáo đường cao nguyên với những con chiên ngoan đạo của cha đến từ các giáo phận miền Bắc, trong những năm 54 chia đôi đất nước.

Từ Tân Cảnh, Charlie ẩn hiện trên nền trời ảm đạm mờ sương. Charlie gồm 3 đỉnh đồi, cao độ trên dưới 1000 thước, nối liền nhau bằng những sườn đồi thoai thoải. Phía bắc là ngã ba biên giới Việt-Lào-Cambốt, phía đông bắc là quận Tân Cảnh, và xa xa về phía nam là tỉnh lỵ Kontum chìm trong rừng xanh núi đỏ.

Mặt trận B3 Cộng Sản gồm 3 sư đoàn 2, 3, 320, du kích địa phương và các trung đoàn pháo, phòng không, đang liên tục tấn công tạo áp lực nặng nề cho Quân Đoàn II. Cộng quân công khai xử dụng xe Molotova tiếp tế quân trang, quân dụng cho mặt trận B3 trên hệ thống đường mòn Hồ Chí Minh và Charlie đã trở thành cái gai nằm ngay trên khoảng "xa lộ" tiếp tế chính yếu này của địch.

Từ ngã ba biên giới, giòng sông Pôkô dậy sóng, qua núi băng rừng, đổ về chảy dọc theo quốc lộ 14. Gần đến Tân Cảnh có một nhánh nhỏ ào ào như thác đổ chảy gần căn cứ Charlie. Dọc theo những đỉnh núi chập trùng, Charlie cách Tân Cảnh hơn 10 cây số về phía tây nam; phía bắc Charlie là căn cứ Yankee, căn cứ 5, căn cứ 6, phía nam Charlie là căn cứ Delta, Hồng Hà, Mêtrô, Võ Đính.. Lữ Đoàn 2 Nhẩy Dù rải đều quân trên các căn cứ, tạo thành một vòng cung với nhiệm vụ phát giác và tiêu diệt địch, để bảo vệ quốc lộ 14 và vùng đồng bằng duyên hải của Quân Khu II.

Charlie, Delta, Hồng Hà.. hay Võ Định, là những tên được Bộ Chỉ Huy Hành Quân đặt ra cho Không Quân, Pháo Binh, dễ nhận diện khi cần yểm trợ.

Tiểu Đoàn 11 Nhẩy Dù được trực thăng vận vào Charlie xong xuôi, Đại úy Hùng, đại đội trưởng đại đội 113 đóng quân phía bắc Charlie, 3 cây số gần chân núi Yankee, tạm gọi là C1. Trung úy Thinh, đại đội trưởng 111, đóng tại C hay Charlie. Đại úy Hùng, đại đội trưởng 112, Đại úy Nho, đại đội trưởng 110, Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn và đại đội 114 của Trung úy Cho đóng tại C2, đỉnh cao phía nam cách Charlie hơn 500 thước. Từ điểm cao C2 này, tiểu đoàn xử dụng để tiếp tế hay khi cần tăng viện, một cách dễ dàng hơn.

Ném mạnh cục sỏi ra xa, đá tung cục đá dưới chân, anh Năm nhăn mặt cau có, sau một ngày vần vũ trên trực thăng đổ quân và quan sát địa thế quanh Charlie. Tôi biết anh đang tức giận với nhiệm vụ hành quân. Đưa tay chỉ dẫy núi cao phía tây, trùng trùng điệp điệp, Sư đoàn 320 Cộng quân và các đoàn xe Molotova của địch đang tự do di chuyển, trong khi đó thì nhiệm vụ của tiểu đoàn bằng mọi giá giữ vững Charlie, có nghĩa là tử thủ Charlie.

Ráng chiều đỏ rực đang phủ nhòa cảnh vật, Tiểu Đoàn 11 Nhẩy Dù vừa qua ngày đầu tiên trên chiến địa!

Nằm trên võng, lắng nghe những âm thanh kỳ lạ của núi rừng trong buổi sớm mai, những tia nắng đầu ngày rơi từng vệt tròn trên poncho, tiếng chim hót, tiếng suối reo, hơi thở của rừng cây, mùi đất mới, vệt khói mong manh từ ly cà phê buổi sớm tạo cho tôi cảm giác khó tả. Tôi uể oải vươn vai nhìn xuống thung lũng, những vạt sương sớm giăng mắc trắng đục trên lưng đồi.

Anh Năm, Mễ, tôi, Duffy (Cố Vấn Mỹ Liên Lạc), Liệu (Y Sỹ Trưởng Tiểu Đoàn) và các đại đội trưởng bàn thảo kế hoạch phòng thủ, các hỏa tập cận phòng, chung quanh và ngoài căn cứ. Anh Năm gằn giọng chỉ tay về những đỉnh núi xa xa:

- Mình chỉ có vài đỉnh đồi để vinh quang hay gục ngã. Tao đã xin Lữ Đoàn để lại một đại đội tại Charlie, còn toàn bộ Tiểu đoàn phải di chuyển hàng ngày để phát giác và tiêu diệt địch sớm hơn, nhưng Lữ đoàn không chấp thuận và lệnh phải giữ Charlie bằng mọi giá. Như thế là mình

mất thế thượng phong, chỉ thủ và không tấn công.

Hổ "xám" chiến trường nhún vai bất mãn vì cái lệnh hành quân kỳ cục, phải tử thủ Charlie khi biết địch hơn mình về quân số và vũ khí gấp mấy mươi lần! Đưa mắt nhìn nhau, với kinh nghiệm nhiều năm trận mạc, chúng tôi biết đang bị đâm thấu tim bằng một lệnh hành quân quái ác.

Lính tráng đào hầm hố, giao thông hào ngang dọc vị trí đóng quân. Tôi xin trực thăng tăng cường tối đa thuốc men, đạn dược, để sẵn sàng phòng thủ. Các đại đội tung quân lục soát xa căn cứ, nhưng lần nào cũng đụng mạnh, khi Mễ tiến chiếm các cao điểm phía nam. Lợi dụng địa thế hiểm trở, địch đóng chốt trong các hang đá, trên các cao điểm mà bom đạn không thể "lách" vào các khe núi để "móc" chúng ra. Địch gài trận địa pháo và bố trí phòng không dày đặc, gây tổn thất cho đơn vị mỗi khi tấn công.

Ngày 6 tháng 4, Tiểu Đoàn 2 Nhẩy Dù tại căn cứ Delta, phía nam Charlie bị pháo và tấn công. Tiểu Đoàn 11 Nhẩy Dù bên Charlie theo dõi trận đánh qua máy truyền tin. Giao tranh suốt đêm, có lúc địch đã chiếm nửa căn cứ, sau lại bị đánh bật ra, rồi mờ sáng hôm sau "Ngọc Ngà" thằng bạn cùng khóa báo cáo chiếm lại Delta, địch thảm bại tháo lui, để lại nhiều tổn thất về nhân mạng và vũ khí.

Chiêu một ngụm cà phê, Anh Năm chỉ trên bản đồ và nói:

- Rút kinh nghiệm trận đánh đêm qua, địch sẽ pháo mình liên tục, sau đó sẽ tung cả trung đoàn để chiếm lại Charlie. Nhắc "tụi nhỏ" dè sản đạn dược, căng thêm tối đa phục kích tự động, tung tiền đồn ra xa, tu bổ thêm hệ thống phòng thủ.

Trước khi về hầm trú ẩn, Anh Năm nói với lại với tôi:

- "Khều", mày và Mễ move vị trí ra xa tao một chút, mỗi người một góc, lỡ có gì thì còn thay nhau chỉ huy.

Hai ngày kế tiếp, địch bắt đầu pháo trên cả 3 căn cứ. Theo tình báo và tài liệu tịch thâu từ tù binh, địch chắc chắn xử dụng Sư Đoàn 320 tấn công và tiêu diệt Charlie, để chiếm lại con đường huyết mạch dùng tiếp tế, chuyển quân về đánh Tân Cảnh, Kontum, trong chiến dịch mùa hè.

Ngày 9 tháng 4, hỏa tiễn và đại pháo 130 địch cầy tung hệ thống phòng thủ, sau 4 giờ pháo kích, với hàng ngàn quả đạn công phá. Địch bắt đầu tấn công Charlie, trong khi đó chúng vẫn đồng thời pháo Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn.

Đại đội 111 chống trả mãnh liệt. Pháo binh, khu trục, trực thăng võ trang trút đủ loại bom đạn lên đầu địch. Sau nhiều đợt xung phong không kết quả, địch rút, để lại hàng trăm xác chết với vũ khí ngổn ngang đầy ngất sườn đồi.

Địch dùng pháo 130 với đầu nổ chậm, đạn chui sâu xuống lòng đất, rồi nổ tung lên. Hầm hố nào chịu đựng cho nổi với tầm bắn xa gần 30 cây số, nhanh và chính xác. Pháo 130 là vũ khí tối tân cực kỳ độc hại, bỏ xa pháo binh 105, 155 hay 175 mà ta đang xử dụng!

Đêm xuống thật nhanh, Tiểu Đoàn 11 Nhẩy Dù đang chuẩn bị cho một định mệnh tàn khốc trong những ngày sắp tới. Nơi những rặng núi mịt mùng phía tây, từng đoàn xe Molotova địch đang di chuyển, ánh đèn pha sáng rực góc rừng. Kêu pháo bắn tiêu diệt, pháo bắn không tới,

kêu Không Quân oanh kích thì không có phi vụ, kêu Duffy xin B52, những vẫn mịt mù vô vọng.

- Mình làm gì bây giờ?! - Anh Năm buông tiếng thở dài với khuôn mặt buồn bực, rồi nói tiếp - Tử thủ một ngọn đồi chờ địch pháo cho tan nát, sau đó ào ào tấn công. Cứ đà này tiếp diễn hơn tuần lễ, chắc chắn mình sẽ tổn thất nặng. Nhớ ngày ở Hạ Lào, Dambe, địch tung cả trung đoàn, nhưng tao coi như "pha", vì mình có địa thế để vùng vẫy, không có cái nhiệm vụ "tử thủ". Còn bây giờ thì khác, phải "ôm lấy" Charlie để ăn pháo và chấp nhận thương đau..

- Không lẽ sinh nhật tháng này cũng là ngày đi tàu suốt tại đây? Bếp lửa gia đình mịt mờ xa tắp cuối phương nam!

- Thôi ngủ đi ông ơi. Mình chiến trận nhiều rồi, đâu có sao.

- Nhưng lần này tôi thấy không ổn. Hồi chiều Anh Năm mặc lại bồ đồ Hoa Huyết Đỏ, tôi tính nói mà sợ ông giận.

- Bộ đồ đó sui bỏ mẹ! Ông nhớ kỳ quốc lộ 22 giải tỏa Thiện Ngôn, chút xíu là tịch rồi...

- Mẹ kiếp, cứ mỗi lần ông ấy bận đồ đỏ là đụng liên miên. Sáng mai tôi phải nói ông ấy vứt mẹ nó đi.

- Dị đoan quá, nhưng không tin không được.

Trao đổi vài câu tâm sự với Toubib Liệu, tôi thiếp đi trong giấc ngủ nặng nề, đầy mệt mỏi trong cái lạnh của rừng núi Tây Nguyên.

Vừa viết xong chữ "Ngày 10 tháng 4" trên cuốn nhật ký hành quân thì địch bắt đầu pháo ngay Bộ Chỉ Huy. Nép mình trong giao thông hào, tôi kêu máy cho các đại đội. Tất cả đều đang bị pháo. Tiếng rít của hỏa tiễn và pháo 130 ly làm tê liệt lệnh lạc. Tôi nói như hét trên máy truyền tin, báo cáo lên Lữ Đoàn để xin phi cơ quan sát lên vùng với hy vọng thấy vị trí pháo địch. Lữ Đoàn có vẻ không tin là pháo 130. Tôi bực tức cúp máy và chửi thề vài câu cho bớt giận!

Đắng môi, khô miệng vì căng thẳng mỗi khi nghe tiếng "depart" của pháo, vài giây chờ đợi, giây phút ngắn ngủi lằn ranh của tử sinh.

- Nó pháo ra ngoài, hình như đạn rơi về phía suối?

- Ừ, nó pháo ra ngoài...

Thật ra đó chỉ là ảo giác, nói để trấn an, nói để hy vọng, nói để tự dối lừa mình, nói để biết mình đang sống trong nỗi chết gần kề.

Tôi nghe tiếng phi cơ quan sát trên đầu. Vào tần số Không Lực, nhận ra giọng Xuân trên chiếc L19. Tôi hét lên:

- Mở mắt ra coi tụi nó đặt pháo ở đâu? Hướng dẫn thằng "Fulro" giệt nó đi cha nội. Nó hỏi thăm tao hơi nhiều rồi đó.

- OK. Có đám thằng Long "đất" khu trục vào vùng rồi đấy.

Căn cứ lãnh gần 3000 quả 130 nổ chậm và hỏa tiễn. Địch bắt đầu tấn công...

Hình như địch muốn dò xét khả năng phòng thủ và hỏa lực Không, Pháo yểm, nên chúng vừa dứt pháo thì lại tấn công, lúc hướng đông, lúc hướng nam, xong chúng lại rút... Trò chơi tiếp diễn suốt ngày. Rõ ràng địch đánh thăm dò và pháo 130 vẫn là trò chơi hữu hiệu và độc hại nhất, vừa tiêu hao, vừa làm thần kinh căng thẳng. Tiền sát viên của địch trên những hốc núi cao dùng ống nhòm điều chỉnh pháo mỗi khi thấy binh sĩ di chuyển. Để tránh tối đa thiệt hại, chúng tôi chỉ di chuyển trong giao thông hào kiên cố quanh vị trí đóng quân.

Trực thăng tản thương cố gắng mấy lần, nhưng không thể đáp được vì hỏa lực phòng không quá mạnh của địch, toàn 12 ly 7 từ các khe núi bắn ra. Trực thăng võ trang, không quân oanh kích ít gây tổn thất cho địch. Duffy xin được mấy phi vụ B52 sẽ thả lúc nửa đêm. Sau khi cho tọa độ, anh Cố Vấn hét lên vì xin thả quá gần, chỉ cách vị trí đóng quân hơn 500 thước.

Đêm xuống thật nhanh, sao lấp lánh trên cao, núi đồi đen thẫm đầy đe dọa, những đốm lửa bập bùng trong đêm sau các cuộc oanh kích trong ngày làm những bụi cây chập chờn di động như bóng địch quân. Tiểu Đoàn 11 Nhẩy Dù chống mắt đợi chờ, mệt mỏi đói khát sau mấy ngày đêm ăn pháo và tấn công của địch. Tựa lưng vào giao thông hào chờ B52 tới thả bom, tôi buột miệng:

- Anh Năm, sao anh khoái bộ hoa dù Angle quá vậy? Bộ này coi bội sui lắm, hay là anh thay đi, có tin có lành mà Anh Năm.

- Sui cái gì, tụi mày chỉ dị đoan. Bộ đồ vừa đẹp lại vừa hiếm, tao kiếm mãi mới ra đấy!

Mễ phang thêm một câu:

- Lần trước ở Dambe, đụng mấy ngày đêm, Anh cũng bận bộ đồ này.

- Lần đó thắng lớn, tao ngồi trên thiết giáp điều quân như Patton, dứt điểm một trung đoàn của Công Trường 9 như lấy đồ trong túi. Vũ khí thu như núi, rửa mặt cho Quân Đoàn III. Nghĩ lại tao còn thấy khoái.

- Nhưng mình mất một đại đội trưởng và hai trung đội trưởng.

- Thì biết làm sao. Chiến tranh có những tổn thất mà tao đâu có bao giờ mong muốn.

Toubib Liệu thêm một câu:

- Cú giải tỏa quốc lộ 22 gần Thiện Ngôn, một mảnh cối vào mắt, nằm Cộng Hòa cả tháng, bộ ông không nhớ sao?

Tôi châm thêm ngòi:

- Hôm vi vút ở Văn Cảnh kỳ đóng quân ở vườn Tao Đàn, chút xíu có chuyện lớn, bộ anh quên rồi hả? Cứ mỗi lần Anh "chơi" bộ hoa dù Angle này lên là có chuyện.. Vía nó nặng lắm, hay là anh cho tôi đi..

- Để mai tính, giờ tối rồi, còn nửa giờ nữa là đúng nửa đêm, check lại với Duffy chưa? Chúng mày chỉ lắm chuyện, hay là tụi mày muốn "chôm" bộ đồ của tao. Áo quần thì ăn thua mẹ gì mà sui với hên.

- Rồi Anh Năm! Mấy cái hỏa châu tôi đuổi ra khỏi vùng rồi. Mấy thằng nhỏ tiền đồn tôi cho về hồi chiều và đã báo tất cả chuẩn bị với sức chấn động của B52.

Duffy giơ ngón tay cái lên trời, tay kia chỉ hướng nam. Đột nhiên, trời đất rung chuyển, lửa cuốn cuồn cuộn bốc lên trong tiếng nổ giây chuyền của hàng ngàn trái bom 500 cân Anh từ B52 trút xuống. Không khí như nghẹt thở. Đứng tựa mình vào giao thông hào, hai ngón tay bịt chặt hai lỗ tai, mồm há to để chống lại sức dội, nhưng tôi muốn tắt thở, máu muốn ào ra từ lòng ngực, người rung lên, đất đá, cành cây rơi lộp bộp trên nón sắt. Đợt ném bom chấm dứt sau vài phút. Lửa vẫn cuồn cuộn bốc lên ở phía nam căn cứ.

Ngày hôm sau, địch không tấn công chỉ pháo cầm chừng. Buổi sáng sương mù nên mãi gần trưa trực thăng tản thương mới vào vùng. Khu trục bao vùng, gunships tác xạ những điểm nghi ngờ trong các khe núi để trực thăng cố gắng đáp. Nhưng vô hiệu, phòng không địch vẫn tác xạ như đan lưới. Một trực thăng trúng đạn đang lết ra khỏi vùng.. Hy vọng hoàn toàn tan vỡ...

Anh Năm cất tiếng:

- Tao nghĩ cú này nặng đấy. Tao đã báo cáo rất rõ tình hình địch với Lữ Đoàn. Vũ khí và quân số mình quá yếu so với địch. Một tiểu đoàn Dù so với hai trung đoàn địch và cả rừng pháo, phòng không. Chắc chỉ hơn một tuần nữa ăn pháo và vài đợt biển người tấn công là mình sẽ bị..

Anh Năm bỏ dở câu nói. Trong đôi mắt xa xăm của Anh đã linh cảm một điều không may sắp đến. Anh lầm bầm:

- Duffy đã báo cáo qua hệ thống Cố Vấn, nhưng chẳng ai buồn nghe, lúc nào cũng chỉ là lệnh Tử Thủ.. Đánh nhau mà như thế này, tao nản lắm. Tao là con nhà võ, tao không thích bị trói tay, rồi chìa mặt cho địch đánh. Người trực tiếp chỉ huy mặt trận phải biết rõ địch và tình hình hơn Bộ Chỉ Huy.. Thôi! Mình cố gắng một hay hai hôm nữa, nếu cứ tình hình này, tao sẽ tính...

Tôi chán nản đề nghị:

- Để lại một trung đội, rồi mình di động đi Anh Năm. Ra ngoài dễ xoay sở hơn. Nằm đây đợi pháo, tôi nghĩ không khá. Nhẩy Dù chuyên tìm và diệt địch, nay đóng quân chờ pháo.. là tiêu rồi.

- Tao đã nói rồi, nhưng không ai nghe. Tao cũng chán với cái chữ Tử Thủ rồi!

- Sương mù ngày nào cũng dầy đặc đến gần trưa mới tan. Bốn năm giờ chiều là trời bắt đầu nhá nhem tối thì Không Quân đánh đấm gì được. Có hôm chờ dài cổ cũng chả có bóng ma nào trên trời.. Thôi thì nhờ ông "Lạc" pháo binh nấu "phở" cho ăn vậy.

- Thôi đừng lèm bèm nữa. Tao không muốn ra tòa. Lữ Đoàn còn không tin nó pháo mình bằng delay 130 nữa đấy. Ê, Khều, mày lượm vài mảnh gửi về cho họ.. coi đi!

- Nếu họ muốn thì vào đây mà lấy. Bộ mình đùa với xương máu anh em hay sao?!

Tựa giao thông hào, mỗi người mang một tâm sự khác nhau. Tôi thấy không vui và bâng khuâng tự hỏi: "Không lý đây là trận đánh cuối cùng trong đời?"

Cảnh vật mờ dần trong nắng chiều. Đêm xuống nhanh, đêm yên lặng rợn người.. Biết đâu

ngoài kia địch đang bò tới gần căn cứ và ở một nơi không xa, trong các dẫy núi phía tây pháo địch đang căn lại hướng súng và dùng loại đạn tàn phá khốc liệt hơn.

Tôi đang mải suy nghĩ thì Toubib Liệu buông một câu, rồi gục gặc cái đầu:

- Dám kỳ này không được nhìn mặt đứa con sắp sinh lắm! Mấy thằng Y sỹ khác giờ này đang "phè cánh nhạn" chứ đâu có đứng tựa giao thông hào chờ pháo như tao.

- Có ai bắt đi Nhẩy Dù đâu. Thôi ráng đi. Vài tháng nữa về Lữ Đoàn hay bệnh xá Sư Đoàn thì tha hồ vi vút.

- Mẹ kiếp, tôi không thích về đó. Tính tôi ngang bướng, hay nhậu nhẹt, đụng mấy Xếp mất công. Mấy cha không ưa tôi, thôi tan hàng đi ngủ.

Trằn trọc trên võng căng dưới giao thông hào, tôi nghe rõ tiếng rên xiết đau đớn của các thương binh. Lòng tôi chùng xuống khi thấy poncho bó xác các binh sĩ tử thương càng ngày càng nhiều. Hồi chiều anh Toubib cho biết thuốc men sắp cạn.

Tiếng "em gái hậu phương", giọng anh ca sĩ quen thuộc trong bản "Lính Đa Tình" làm tôi muốn đá văng cái radio đi chỗ khác. Mẹ kiếp, lúc này mà đa tình đa tiếc cái mẹ gì.. Tôi buồn bực thiếp đi trong mệt mỏi.

Tảng sáng 12 tháng 4, quây quần bên ly cà phê dã chiến, tôi hỏi đùa Anh Năm:

- Sao Anh không thay bộ đồ đi. Anh nói anh cho tôi mà?

- Tụi mày chỉ vớ vẩn và nói dai như đỉa. Hải, mày hỏi thằng Hùng "mập" có động tĩnh gì không? Nói nó bung ra lục soát tìm một cái trảng trống để tản thương cho mấy thằng "rách áo". Mễ, mày cho thằng Móm bung ra thật xa phía đông tìm cái LZ (bãi đáp) khác đi!

Rồi Anh Năm đứng dậy nói:

- Tao về thay bộ đồ, nói không lại tụi mày.. Cứ coi ba cái sách bói tướng, rồi nói nhảm. Nhớ dặn "tụi nhỏ" lấy súng đạn của địch mà sài. Tình hình này hy vọng tiếp tế, tản thương coi bộ gay go lắm. Để thương binh như thế này tao chịu không nổi. Tao về hầm viết lá thư, khi nào có trực thăng thì gửi, nhớ kêu tao nếu có gì lạ.

Anh nói xong hơi chồm về phía trước đi về hầm, Liệu đánh một câu:

- Tướng hơi lộ sỉ, đi chồm về phía trước là tướng ít gặp may, tướng vất vả!

- Lại đến phiên ông. Bụng ông to chứa đầy cognac chắc hậu vận khá.

- Dĩ nhiên "Đệ Nhất Ẩm Sĩ" (người uống rượu số 1) họ Tô có bao giờ thiếu VSOP đâu!

Vừa nói xong thì nhiều tiếng rít qua đầu và nhiều tiếng nổ liên tiếp. Địch bắt đầu pháo đón chào một ngày mới. Lại hỏa tiễn, lại 130 nổ chậm. Tôi chép miệng nép mình trong giao thông hào, để mặc cho số phận. Mễ chụp máy hỏi các đại đội. Tất cả báo cáo đều bị pháo. Mễ lẩm bẩm: "Kỳ này nó nhất định dứt điểm mình."

Một quả rớt cách tôi và Mễ vài thước. Mễ bị hất văng ra xa tôi, tôi nhào lên vừa đúng lúc Mễ lăn

mình trở lại. Thật may mắn, quả đạn rớt vào giao thông hào bên cạnh nên Mễ chỉ bị thương nhẹ, máu lấm tấm đầy người. Toubib Liệu khám qua cho Mễ và nói:

- Không sao, sây sát chút đỉnh, còn đánh được thằng VSOP.

Tôi kêu máy gọi Anh Năm, không có tiếng trả lời. Tôi chạy lại hầm trú ẩn của Anh và Duffy. Tôi muốn ngộp thở đứng tim khi thấy hầm Anh Năm trúng đạn, mấy thân cây lớn đặt ngang hầm sụp đổ hoàn toàn. Ngay lúc đó, Duffy vừa chui ra khỏi hầm, đầu ngực đầy máu. Mễ, Liệu và tôi, Long và chú đệ tử của Anh vội moi đất kéo Anh ra khỏi hầm, mặc cho pháo vẫn rơi đều trên căn cứ.

Chúng tôi mang Anh ra khỏi hầm, đặt ngay dưới giao thông hào. Thân thể Anh còn nóng, tôi bịt chặt vết thương cho Anh, máu ấm chảy qua kẻ ngón tay. Liệu cúi xuống coi kỹ lại vết thương rồi ngẩng lên nhìn chúng tôi lắc đầu: "Anh đã đi...". Thi thể thân thiết đó sẽ lạnh dần, đời sống đã ngưng lại, những giọt máu hồng vẫn nhỏ giọt thấm vào lòng đất. Bộ áo hoa dù Angle bê bết máu, mùi thuốc súng và mùi da thịt thoảng trên không. Tai tôi ù đi như không còn nghe tiếng bom, tiếng đạn. Mắt tôi nhòa đi và thấy rõ lại hình ảnh Anh mới lúc trước đây hơi chồm về phía trước, đá tung cục sỏi, đi nhanh về hầm. Tôi lẩm bẩm một mình:

- Đã nói rồi mà Anh Năm! Bộ đồ sui lắm, sao Anh không thay từ trước. Biết đâu nếu không mặc nó, Anh chả được bình an?!

Hôm ở hậu cứ Long Bình, Anh đã nói với tôi rằng năm nay là năm sui của Anh. Anh nói Anh sẽ cẩn thận, nhưng Anh cẩn thận thế nào, Anh chống chỏi làm sao với một cái lệnh hành quân quái ác "Tử Thủ Charlie" và một định mệnh tàn khốc đã dành sẵn cho Anh.

Ngày khánh thành câu lạc bộ Đồi Mũ Đỏ (Red Hat Hill) trong doanh trại của Tiểu Đoàn, Anh bê về bức tượng Mẹ Bồng Con của anh Thịnh và anh Huấn ở báo Diều Hâu biếu Anh. Anh nói: "Bức tượng ám ảnh tôi hoài. Tượng đẹp thì có đẹp, nhưng sao lại là nàng chinh phụ bế con và choàng vòng hoa đại trắng."

Tôi biết Anh không vui từ lúc lãnh nhiệm vụ trấn thủ Charlie. Với bao lần vào sinh ra tử, Anh biết sớm muộn gì cũng gặp tai ương khi phải đóng quân tại một đỉnh đồi quá vài ngày. "Song Kiếm Trấn Ải 11 Dù" đã san bằng Dambe, đánh tung Ashao, Aluoi.. nhưng cũng không thể đánh bật cả rừng phòng không và hai trung đoàn địch đang vây hãm Charlie. Với một tiểu đoàn Dù, vài trăm binh sĩ. Anh biết và chúng tôi cũng biết, nhưng nào ai có biết cho Anh!

Lấy bông và cồn lau cho Anh, gói ghém Anh.. rồi thẫn thờ chào Anh lần cuối. Tiếng gọi thân quen "mày, tao" đơn sơ mộc mạc nhưng nồng ấm tình người. Anh thường hay nói với tụi tôi: "Tao Khóa 14, tụi mày Cùi 18, 19, 22.. Tao coi như em út trong nhà nên mày tao với tụi mày cho thân mật." Thường mỗi lần Anh nói như thế, thì Toubib Liệu hỏi ngay:

- Còn Quân Y thì sao?

- Thì cũng thế thôi. Năm nào ông chẳng khăn gói lên học quân sự trên Đà Lạt. Thái Phiên, Chi Lăng.., ông đi mòn mấy đôi giầy thì rõ ràng là ông cũng dân Võ Bị...

Nằm đó đi Anh Năm, Chalie sẽ mãi mãi là tên Anh. Rừng núi Tây Nguyên nơi Anh đến và đi. Tôi sẽ nhớ mãi cả đời Charlie oan nghiệt. * * * * * "Anh Năm,

Anh mất đi, Mễ lên thay Anh, tôi thay Mễ làm những chuyện Mễ vẫn làm. Trách nhiệm đơn vị

đang đè nặng trên vai Mễ.

"Đã quá trưa, địch vẫn pháo. Căn cứ như bị đào sới. Cây cối đổ gẫy ngổn ngang, lính chết và bị thương càng lúc càng cao. Tử thương gần 30 và bị thương nặng nhẹ trên 100. Charlie vẫn mịt mờ bom đạn. Tôi cũng chẳng biết là bao nhiêu đạn đã nổ trên Charlie và trên Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn, mà chỉ biết lòng đang đầy rẫy những muộn phiền, căng thẳng. Pháo giăng giăng bao phủ khung trời. Ngày nào cũng ăn pháo từ sáng tới chiều thì chắc ít nhất cũng vài ngàn...

"Pháo vừa ngưng thì địch tấn công. Từ đồi cao nhìn xuống Charlie, những bộ kaki vàng giắt lá cây, hàng hàng lớp lớp xung phong.

"Giọng Thịnh chắc nịch vang lên trong máy điều động đại đội chống trả. Pháo binh, Không Quân yểm trợ rất hữu hiệu. Đã mấy lần địch khựng lại, rồi lại tấn công. Mễ điều động mấy tổ đại liên và đại bác 90 của Hùng "móm" kéo xuống lưng đồi tác xạ ngang hông địch. Tôi hướng dẫn và chỉ điểm cho L19 hướng tấn công của địch.

"Khu trục tác xạ oanh kích mục tiêu, tôi nhìn rất rõ từng chiếc nón bay của bạn bè khi phi cơ chúi xuống trút bom Napalm trên đầu địch. Cả một biển lửa bùng lên quanh Charlie. Lửa hừng hực thiêu đốt rừng người, lửa nhân gian cuồng bạo. Bắc quân la hét lăn lộn trong biển lửa. Lửa từ lưng trời chụp xuống, lửa từ chân núi cháy lên.. chỗ nào cũng lửa và lửa.

"Phòng không địch tác xạ như đan lưới. Hai khu trục trúng đạn, một nổ cháy như một cây đuốc trên không, chiếc còn lại với làn khói trắng sau đuôi bay chớp choáng về hướng Tân Cảnh. Tôi hét lên trong máy hỏi Xuân L19 và biết Kỳ bị bắn rớt, còn Long bị bắn ngay đuôi, sống chết chưa biết ra sao?

"Không gian, tổ quốc, bầu trời! Vì nhiệm vụ, vì bạn bè.. đại bàng đã gẫy cánh. Vĩnh biệt Thần Phong can đảm tài ba mà tôi mới gặp mấy tuần trước tại Pleiku.

"Sau nửa ngày thiêu đốt Charlie, từng thảm TOT hỏa tập pháo binh bắn cận phòng với đầu nổ chụp. Địch bắt đầu tháo chạy. (TOT là lối tác xạ của nhiều pháo đội Pháo Binh từ nhiều hướng khác nhau cùng bắn tập trung rất nhiều quả đạn vào cùng một mục tiêu).

"Tiếng súng thưa dần, xác địch cháy cứng sườn đồi. Mùi da thịt cháy, mùi thuốc súng, làm tôi lợm giọng muốn ói. Đánh bao nhiêu trận, đụng địch bao nhiêu lần, nhưng thật tình tôi chưa bao giờ thấy địa ngục rực lửa thiêu đốt con người như hôm nay.

"Anh Năm,

"Tôi vẫn làm nhiệm vụ hàng ngày để báo cáo với Anh là "tụi nhỏ" đã làm theo lời Anh, đã chiến đấu như bày sư tử dữ, đã đánh đẹp như ngày theo Anh vào Dambe, Thiện Ngôn, Trại Bí... "Song Kiếm Trấn Ải", biệt danh của Tiểu Đoàn 11 Nhẩy Dù do Anh đặt đã làm những gì Anh muốn với trên 400 xác địch quân cháy la liệt quanh Charlie và cả trăm vũ khí bỏ lại chiến trường.

"Hoàng hôn trên Charlie vẫn đẹp, tôi vẫn tựa giao thông hào nhìn những đám mây giăng mắc với hàng ngàn hình thể khác nhau. Mây trời như biển động dậy sóng theo gió đổi hình và theo nắng chiều đổi thay màu sắc, có lúc ánh vàng rực rỡ, có lúc rực đỏ như máu lửa Charlie, lại có lúc như ngàn vạn tinh binh cờ xí rợp trời bao vây thành quách. Sao Hiệp Sĩ vẫn rực sáng trên trời. Chùm sao Thơ Ấu của Anh, chùm sao trong giải ngân hà Anh đã theo đó về quê tìm lại tuổi thơ ấu nơi miền quê đất Bắc. Anh về tận Hà Đông, nơi Anh cất tiếng khóc chào đời, nơi êm

đêm chỉ có diều bay theo gió và không có chiến tranh...

"Tôi chỉ nhắc lại những gì Anh mơ ước trong những chiều cấm trại, bó gối ngồi ở lưng đồi trên hậu cứ Long Bình, lơ đãng nhìn xuống giòng sông Đồng Nai mênh mông uốn khúc quanh các lò gạch nhả khói dưới chân làng Cao Thái, gần Tân Mai, Tam Hiệp.. và xa xa pho tượng Tiếc Thương để súng ngang đùi như đang thương tiếc những người lính trong Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa.

"Hùng "mập" và Thinh hỏi tôi sao vắng tiếng Anh. Tôi nói Anh còn đang say ngủ...

"Số thương vong lên cao, quanh Charlie đầy xác địch. Mễ nói Thinh để lại mấy toán tiền đồn nhỏ, gài tối đa phục kích tự động, rồi rút về tăng cường phòng thủ Bộ Chỉ Huy. Tôi trằn trọc cả đêm, chỉ chợp mắt được vài tiếng đồng hồ thì trời sáng. Tôi nghe Liệu nói với Mễ:

- "Hôm nay là ngày 13, con số không lành, thế nào chúng cũng pháo và tấn công mình nữa. Tôi lo cho thương binh quá. Nếu không có thuốc và di tản kịp thì chắc sẽ không qua khỏi. Mê Linh đưa tôi cây M16 hay M79 cho được việc. Tôi hết thuốc men rồi...

"Không Quân và trực thăng võ trang bắn phá để trực thăng tản thương cố gắng vào vùng. Nhưng tất cả đều vô hiệu, một trúng đạn ở phía bắc Yankee, một nổ tung gần Charlie và một chập choạng bay khỏi vùng với làn khói trắng bên hông. Thế là hết! Hy vọng tan theo mây khói.

"Mễ ra lệnh cho Hùng 113 lục soát kiếm bãi đáp phía bắc Charlie. Hùng báo cáo đụng địch khi kiếm ra bãi đáp. Hình như địch bố trí tại tất cả những trảng trống chung quanh Charlie để ngăn chặn tiếp tế hoặc đổ quân tiếp viện. Thinh dẫn đại đội 111 bung mạnh về hướng đông. Giao tranh dữ dội khi Thinh ra khỏi căn cứ hơn nửa cây số. Trung úy Thinh, đại đội trưởng đại đội 111 hy sinh trong trận đánh tàn khốc đầy máu lửa. Địch bố trí phòng không 12 ly 7 và đại bác trực xạ kèm theo hàng hàng lớp lớp tấn công. Trung sĩ Lung, tay tổ trưởng nổi tiếng tháo vát, lỳ lợm của tiểu đoàn, chưa bao giờ thất bại trước bất kỳ một nhiệm vụ giao phó nào, cũng vừa gục ngã. Chuẩn úy Khánh, sĩ quan tiền sát pháo binh độc nhất không bị thương và đã chiến đấu cực kỳ dũng mãnh để mang xác Thinh và đồng đội về căn cứ.

"Xế chiều ngày 13, địch tấn công sau khi đã mưa pháo vào căn cứ từ lúc trưa. Hơn tuần lễ nay, hầu như ngày nào cũng vài tiếng đồng hồ ăn pháo. Cây cối đổ gẫy thêm, nằm ngổn ngang. Binh sĩ móc thêm những hàm ếch thật sâu trong các giao thông hào. Chỉ còn đường tơ kẽ tóc để sống còn, nên hệ thống trú ẩn đã được đào sới rất công phu.

"Bây giờ thì đi không được mà ở cũng không xong. Giao tranh tiếp diễn suốt đêm. Nhờ quen thuộc địa thế, quen từng ngã rẽ đường hầm. Nhiều khúc giao thông hào địch đã xâm nhập, nhưng cuối cùng cũng bị tiêu diệt vì chúng không quen hệ thống địa đạo của ta. Hỏa châu vẫn bập bùng soi sáng núi đồi...

"Trời sáng dần, ta và địch vẫn quần thảo đẫm máu, bám sát lấy nhau. Đã có lúc tôi, Mễ, Duffy và Toubib Liệu chiến đấu như những khinh binh khi địch đánh vào tới sát vị trí chỉ huy.

"Đại đội 113 bị cầm chân nên không thể về tăng cường cho căn cứ. Tôi đề nghị với Mễ cứ để 113 ở ngoài làm trừ bị cuối cùng và tôi cũng đề nghị bỏ Charlie vì thương vong quá cao, đạn dược còn rất ít. Mễ nhìn hàng loạt poncho bó xác Anh Năm, các sĩ quan, binh sĩ tử thương và các thương binh rên xiết nằm chật giao thông hào.

"Có cái đớn đau, dằn vặt nào hơn khi thế cùng lực kiệt, không tiếp tế, không tản thương, không

lương thực thuốc men.. mà vẫn phải đương đầu với hàng hàng lớp địch quân, để rồi lần lượt gục ngã vì kiệt sức!

"Mễ, tôi, Duffy lấy quyết địch cuối cùng: Bỏ Charlie vào lúc xế chiều, sau khi Duffy xin được mấy phi vụ B52 thả xuống phía nam và phía đông căn cứ để tiểu đoàn di tản. Đợt bom lửa cuối cùng thả ngay trên tuyến phòng thủ đại đội 114 của Trung úy Cho đã đánh bật địch quân ra khỏi tuyến phòng thủ. Chiến trường tạm lắng dịu, chỉ còn tiếng pháo binh tác xạ yểm trợ vào những điểm nghi ngờ địch quân tập trung dưới chân đồi. Chúng tôi biết chắc địch đang điều động mở một đợt tấn công khác.

"Tôi thẫn thờ buồn bã châm điếu thuốc cho chú đệ tử bị thương. Thầy trò chia ngọt sẻ bùi với nhau từng miếng ăn, giấc ngủ trong mấy năm liền. Qua ánh mắt như chờ đợi, như ước mong khi tôi dìu chú về chỗ của tôi. Vết thương ở vai khá nặng, máu ra nhiều. Tôi nhắc chú cố gắng đi sát tôi, tới đâu hay tới đó. Chú mỉm cười bóp chặt tay tôi. Giọt nước mắt nóng rớt trên mu bàn tay...

"Chiều nay di tản. Thương binh nhẹ thì đi theo, còn thương binh nặng thì sao?! Không còn một phép nhiệm mầu nào đến với chúng tôi. Tôi báo cho Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn 2 Nhẩy Dù biết rằng chúng tôi sẽ phải di tản hai phần ba quân số thương vong, lương thực, thuốc men đã hết từ hai hôm trước.

"Vĩnh biệt Anh Năm và các chiến hữu! Thôi thì biết làm sao, đời lính chiến nay ở mai đi! "Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi".. Có mấy ai đi mà trở về trong buổi loạn ly?!

"Tôi và Hùng "móm" lấy hướng 800 dẫn đầu đoàn quân ào ra khỏi Charlie khi ánh nắng chiều cuối cùng vừa khuất sau dẫy núi phía tây, trong khi pháo binh bắn ngăn chặn phía sau và bên hông để ngăn địch truy kích. Nhờ mấy phi vụ đánh bom hồi chiều và ba toán tiền đồn nằm sẵn từ buổi trưa, đoàn quân ào đi không gặp kháng cự.

"Xuống khỏi chân đồi chừng 400 thước thì B52 rải từng thảm bom ở phía nam, đông nam căn cứ. Chúng tôi cố tránh thả bom ngay đỉnh đồi, vì nghĩ rằng biết đâu những thương binh nặng còn chưa theo kịp và thân xác Anh Năm cùng bao đồng đội tử thương còn nằm tại đó. Bom rít qua đầu. Cơn địa chấn bom và sức ép làm cả đơn vị lăn lộn bên sườn núi. Tất cả đều kiệt lực. Mễ nằm gục vì vết thương hôm qua. Mồm tôi ứa máu vì quá mệt mỏi và kiệt sức. Duffy cũng chẳng hơn gì, còn Toubib Liệu gục xuống bên gốc cây bất động.

- Hải! Coi hướng cho đúng và hỏi coi thằng 3 tới đâu rồi?

Với bản năng sinh tồn, chúng tôi lại vùng lên lao về điểm hẹn. Đêm tối đen, lính nắm vai áo nhau mà đi, kẻ mạnh dìu kéo thương binh, tựa lưng vào cây rừng để lấy thêm sức tiến qua cây khác. Kim địa bàn lân tinh giao động, hướng 800, hướng của sự sống và hy vọng. Hỏa châu vẫn bập bùng trong đêm tối.

"- Khều! Ông nghĩ mình thoát không? Nó mà phục kích là kể như chết chắc!

"- Còn chừng một cây số nữa thì tới nơi. Tao đã liên lạc được với Hùng "mập" rồi, hắn sắp tới. Đừng nói nhảm, cái miệng lép xép, sui bỏ mẹ!

"Điểm hẹn Mễ và tôi chọn là một khoảng trống ngay cạnh bờ sông Pôkô để đơn vị lấy nước và di tản thương binh. Trảng trống trong khu rừng lau là điểm hy vọng, điểm mong đợi cuối cùng của những người lính Dù sau 7 ngày đêm quần thảo với 2 trung đoàn địch, kèm theo những

trận mưa pháo đẫm máu trên hỏa ngục Charlie.

"Trời sáng dần, bắt tay được với đại đội 113, Hùng "mập" đang rải quân sát bìa rừng và tung các toán tiền đồn ra xa.

"Như một gáo nước lạnh tạt vào mặt tôi và Mễ, vì Lữ Đoàn cho biết chưa có trực thăng và ra lệnh cố gắng chiến đấu để về Tân Cảnh.

"Chiến đấu?! Chiến đấu trong thế cùng lực kiệt với quân số 167 người, kể cả thương binh đang kiệt sức vì đói khát đã 3 ngày. Nhưng Nhẩy Dù là "cố gắng" nên chúng tôi lại vùng lên. Tôi không buồn trả lời và đưa mắt nhìn Duffy, viên Thiếu Tá Lực Lượng Đặc Biệt đã sống với tụi tôi như anh em, chia nhau từng bát cơm hộp cá. Vết thương rỉ máu trên đầu, trên ngực, nhưng Duffy vẫn cứng như một thỏi thép với cây XM18 và chiếc máy truyền tin đặc biệt của các toán Lực Lượng Đặc Biệt khi nhẩy xâm nhập.

"Chúng tôi sẽ có máy bay Mỹ trong vài phút!

"Ngả lưng nhìn trời xanh qua khe lá, chưa hút tàn điếu thuốc thì có tiếng súng nổ của các toán tiền đồn của đại đội 113. Hùng "mập" báo cáo tất cả đều chạm địch. Pháo 82, B40, B41 và AK nổ vang một góc rừng. Địch ào tới tấn công. Tiểu Đoàn 11 Nhẩy Dù vùng lên chống trả, lính đại đội 113 ào ra ngăn địch. Giọng Hùng sang sảng điều động các trung đội. Đúng là kẻ đến không mong, giặc Bắc phương ào vào vị trí đóng quân. Chúng tôi vừa bắn vừa rút vào khu rừng lau cao quá đầu người...

"Đơn vị tan thành từng mảnh nhỏ, từng toán chiến đấu đơn độc. Tiếng chửi thề và tiếng la hét của ta, của địch vang khắp khu rừng lau và các sườn đồi kế cận, chỗ nào cũng có súng nổ. Địch gọi tên Mễ, tên tôi ra đầu hàng! Chắc chúng tra khảo thương binh để lấy tin tức. Ngay lúc đó, Duffy vừa liên lạc được với 2 chiếc trực thăng võ trang Cobra, một chở quân và một O2 quan sát. Nhờ địa thế trống trải của khu rừng lau nên Cobra thấy rất rõ đâu là địch, đâu là bạn. Toán còn 36 người nên di tản làm 5 đợt vì chỉ có một trực thăng chở quân.

"Với hỏa lực khủng khiếp và chính xác của Cobra, địch khựng lại, trực thăng đáp xuống rừng lau:

"- Liệu, ông đi trước đi! Chân ông bị thương ông không chạy nổi đâu!

"- Tôi không đi, tôi ở lại với các ông.

"- Đi đi, chân cẳng như thế mà ở lại. Ông nặng bỏ mẹ, tôi cõng ông không nổi đâu.

"Vừa nói, tôi vừa lùa Liệu lên trực thăng với 6 người lính khác. Máy bay vút đi. Trong ánh mắt Liệu có một chút gì vương vấn xót xa.

"Địch lại ào về phía chúng tôi. Cả toán vừa chạy vừa bắn lại. Nhờ hỏa lực yểm trợ của Cobra, thêm được 3 đợt bốc quân an toàn. Toán còn lại Mễ, Duffy, tôi và Trung úy Long bị địch đuổi bắt tới cùng.

"Trong mấy chuyến trực thăng di tản vừa qua, phi công Mỹ muốn Duffy được bốc đầu tiên, nhưng Duffy nhìn tôi và nói:

"- Tôi không bỏ các anh, những chiến hữu đúng nghĩa nhất mà tôi chưa hề gặp trong cả đời

chinh chiến. Tôi biết rõ, nếu tôi đi đợt đầu thì chắc khó hy vọng có máy bay trở lại bốc nốt các anh.

"Ngay lúc đó, cặp Cobra, trực thăng võ trang mới vào vùng, chúng tôi sẵn sàng chờ đợi di tản đợt cuối cùng.

"Trực thăng vừa đáp, tôi lên sau cùng. Máy bay vừa lên cao vài thước thì một loạt AK bắn lên tàu, tôi trúng đạn ở chân phải và rớt từ trực thăng xuống đất. Tôi hét lên và chỉ kịp nhìn đuôi trực thăng vút lên.. Trời xanh mây trắng ngang tầm mắt. Tôi đứng lên, nhưng gục xuống ngay vì đạn bắn trúng bàn chân và ống chân bên phái. Tôi tự nghĩ chắc sẽ chết vì vết thương ra hết máu, vì đói, vì khát, vì kiệt sức cho dù địch không bắt được tôi. Khẩu súng Colt và cây M16 còn đầy đạn. Tôi chợt nghĩ đến hồi tháng 6 năm 65, một lần Đồng Xoài tan nát, tôi đã mất Dũng, thằng bạn thân cùng khóa. Tôi đã thấy Tiểu Đoàn Trưởng, Tiểu Đoàn Phó và mấy trăm chiến hữu gục ngã trong trận đánh kinh hãi hồi tôi mới ra trường Võ Bị. Lần đó, với vết thương bể mặt nát tay, tôi vẫn về được sau 5 ngày lê lết, đói khát trong rừng với vết thương đã làm độc.

"Giờ là tháng 4 năm 72, Charlie rực lửa, tôi đã mất Anh Năm và bao nhiêu chiến hữu còn nằm lại Charlie. Tôi ước tính từ đây về Tân Cảnh chỉ còn 5 cây số, nhưng là 5 cây số đồi cao vực thẳm, 5 cây số đường rừng và tôi lại đang bị thương ở chân thì làm sao tôi đi được. Tôi có thể sẽ gục chết ở một xó rừng, khe suối và bày kiến sẽ kéo nhau rúc vào thân thể, thịt xương sẽ rữa nát hình hài. Hình ảnh thân yêu vợ con, cha mẹ chập chờn trong trí óc. Thằng bé mới sinh chỉ gặp mặt đôi lần.. Còn phép lạ nào sẽ đến với tôi?! Sau 7 ngày chiến đấu quên ăn quên ngủ, sao giờ này tôi lại trúng đạn từ trực thăng rớt xuống. Chỉ chậm một giây nữa là tôi sẽ bay về vùng trời êm ấm...

"Tiếng trực thăng trên đầu làm tôi vụt đứng lên bằng bàn chân trái. Tôi giơ cao tay, miệng hét lớn. Tôi không thể tin, mồm tôi há to, mắt mở lớn. Trực thăng xà xuống bãi cỏ. Duffy giơ hai tay nắm chặt giây đạn và một tay tôi, rồi kéo mạnh tôi lên. Máy bay vút lên với một loạt đạn bắn trúng thân tàu. Chiếc trực thăng nghiêng một bên rồi bay thẳng, máu phun có vòi từ anh xạ thủ đại liên người Mỹ làm ướt mặt tôi và Duffy. Mễ kéo tôi vào giữa thân tàu khi nửa người tôi và hai chân còn đong đưa ngoài không khí. Duffy chồm tới bịt chặt vết thương trên ngực anh xạ thủ đại liên.

"Nằm trên sàn tàu, tôi không thể tưởng và không thể tin tôi còn sống trước tình chiến hữu cao cả của hai người lính ở hai đất nước khác nhau. Duffy ôm lấy tôi.. Có một chút nghẹn ngào trong khoé mắt. Vì vết thương quá nặng, anh xạ thủ đại liên Mỹ đã qua đời, anh phi công phụ đang gục đầu bên cửa máy bay với vết thương ở tay.

"Khi về đến trạm cứu thương, tôi mới biết anh xạ thủ đại liên Mỹ đã hết nhiệm kỳ, ngày mai anh sẽ về Mỹ, anh đang có mặt trên trực thăng thì vô tình chiếc máy bay nhận được lệnh vào bốc tụi tôi. Định mệnh thật trớ trêu!

"Tảng sáng hôm sau 15 tháng 4, Thành "râu", bạn cùng khóa 19 của tôi, từ Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn vần vũ trên trực thăng bay ngang Charlie, ngó cảnh hoang tàn đổ nát đang âm ỷ cháy để chào Anh Năm lần cuối và tìm cách bốc các binh sĩ lạc lõng sau trận đánh hãi hùng ngày hôm trước.

"Anh Năm,

"Đó là tất cả những gì đã đến với đơn vị, sau khi Anh ra đi. Mặc dù Anh ở lại Charlie, nhưng Anh không cô độc, anh có "tụi nhỏ" ở lại cùng Anh. Anh sẽ ngắm hoàng hôn để nhớ thời trai trẻ,

Anh sẽ gặp lại hình ảnh một "công tử càn" của Hà Nội năm xưa hay một thanh niên mới vào đời trong Trại Học Sinh Nghèo Phú Thọ, bỏ Bắc vào Nam năm 1954 khi đất nước chia đôi. Chiếc đai đen nhu đạo và những kỷ niệm "giang hồ" Anh hay kể cho tụi tôi nghe vẫn mãi mãi là những gì đẹp nhất khi bạn bè ngồi nhắc tới anh.

"Anh Năm thân kính,

"Đúng như Anh đã tiên liệu khi đặt chân lên Charlie, nỗi lo âu, sự tiên đoán của Anh đã thực xảy ra cho Bộ Chỉ Huy Nhẩy Dù và các đơn vị bạn.

"Charlie mất ngày 14 tháng 4 thì Delta, Metro ở phía nam cũng phải di tản. Vòng đai Nhẩy Dù bỏ trống bên hông, Sư Đoàn 320 Cộng quân tăng thêm Sư Đoàn 2 ào ào như nước vỡ bờ đánh chiếm Tân Cảnh, khởi đầu cho những ngày Hè rực lửa trên quê hương.

"Sông Lô, Tiểu Đoàn 7 Nhẩy Dù phải mở huyết lộ đánh qua đỉnh Chu-Pao, kéo toàn Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn 2 Nhẩy Dù về Kontum.

"Ngày 24 tháng 4 năm 72, Tân Cảnh rơi vào tay giặc, đúng 12 ngày sau khi Anh đi khuất. Giòng sông Dapla quanh thị trấn Kontum đỏ ngầu, xác ta và địch hòa với màu đỏ của những hàng phượng vĩ buồn thảm gục ngã hai bên bờ sông. Kontum, Pleiku đang chiến đấu một mất một còn với giặc. Mùa hè thảm khốc đang ập đổ trên quê hương, mở đầu cho thiên Chiến Sử oai hùng của Quảng Trị, Kontum và Bình Long anh dũng.

"Anh Năm,

"Sau ngày tôi bị thương, tôi được đưa về bệnh viện Đổ Vinh trong căn cứ Hoàng Hoa Thám. Loạt đạn AK bắn bể xương bàn chân và mắt cá chân bên phải. Mổ xẻ xong xuôi, mấy anh Toubib cho biết tôi không còn hy vọng quay lại đơn vị tác chiến và nhẩy dù được nữa, vì xương bàn chân và mắt cá đã gẫy vụn làm nhiều mảnh. Tôi lê bàn chân bó bột về nhà chờ 29 ngày tái khám và bắt đầu làm quen với đôi nạng gỗ trên vai.

"Anh Năm,

"Đã năm lần bảy lượt tôi vào cư xá sĩ quan Chí Hòa muốn thăm Chị và cháu Tường, nhưng lần nào cũng vậy, khi đỗ xe gần cửa nhà Anh, nhìn vành khăn tang trên đầu chị và cháu thì tôi lại không có can đảm và đổi ý ra về. Tôi sợ sự thật, tôi sợ khi phải đối diện với chị. Tôi biết ăn nói làm sao, giải thích thế nào về sự ra đi của Anh. Còn cái cảnh khổ và chua xót đớn đau nào hơn khi hình Anh trên bàn thờ nghi ngút khói hương, nhưng thân Anh lại không có được một nấm mồ? Người ta nói nghĩa tử là nghĩa tận, sống mỗi người mỗi nhà, chết mỗi người mỗi mồ, nhưng chúng tôi đã bất lực, đã bỏ Anh mà đi, bỏ Anh ở lại Charlie nơi rừng xanh núi đỏ xa hút mãi tận Trường Sơn.

"Anh Năm,

"Ngoài đời Anh sống hào sảng, phóng khoáng và thật "giang hồ" với bằng hữu anh em, còn trong quân ngũ, Anh như một cây tùng ngạo nghễ giữa bão táp phong ba, Anh không nịnh cấp trên đè cấp dưới, Anh chia xẻ vinh quang buồn thảm với sĩ quan và binh sĩ thuộc cấp. Anh sống hùng và đẹp như thế mà sao lúc ra đi lại quá phũ phàng!?

"Tôi lang thang ra phố, người ta vẽ chân dung nhiều sĩ quan tử trận trên khắp 4 Quân Khu thuộc đủ mọi binh chủng, trên những khung vải thật lớn dựng trên công viên hay những giao lộ

tấp nập người qua lại, với hàng chữ "Anh Hùng" và hai chữ "Tiếc Thương". Người họa sĩ có nét bút xuất thần vẽ thật giống Anh với đôi hàng chữ: "Tiếc Thương Cố Đại Tá Nhẩy Dù Nguyễn Đình Bảo, Người Anh Hùng Đã Ở Lại Charlie" trên khung hình treo trước công viên Quốc Hội.

Tôi ngừng xe, nhìn Anh thật lâu giữa giòng người xa lạ trên hè phố, nhưng đầu óc thì chỉ thấy khỏi lửa ngập trời bên tiếng hò reo ở trận chiến Charlie.

Tôi về lại vườn Tao Đàn, vẫn những hoa nắng tròn tròn xuyên qua khe lá, lấp loáng trên bộ đồ hoa ngụy trang theo mỗi bước chân. Cây vẫn xanh, chim vẫn hót, ông lão làm vườn vẫn lom khom cầm kéo tỉa những chùm hoa loa kèn, những cụm hoa móng rồng và những bụi hồng đầy mầu sắc. Bên gốc cây cạnh căn lều chỉ huy của Anh hồi tháng trước khi còn đóng quân ở đây, tôi thấy có bó hồng nhung đỏ điểm vài cánh hoa loa kèn trắng.

Chống đôi nạng gỗ xuống xe, tiếng gõ khô cứng của đôi nạng trên mặt đường khiến ông lão ngẩng đầu và nhận ra tôi. Xiết chặt tay ông cụ, trong ánh mắt già nua chùng xuống nỗi tiếc thương, chòm râu bạc lưa thưa phất phơ trước gió. Ông cụ đọc báo, nghe đài phát thanh nên biết Anh đã ra đi, nên sáng nào cũng để một bó hoa tưởng nhớ và tiễn đưa Anh. Cụ mời tôi điếu thuốc Quân Tiếp Vụ, rồi ngồi xuống cạnh gốc cây, tay vuốt nhẹ trên những cánh hồng, sợi khói mỏng manh của điếu thuốc nhà binh quện trong tiếng nói:

"- Thuốc lá Ông Quan Năm cho, tôi vẫn còn đủ dùng cho đến cuối năm. Mấy chục năm nay tôi mới gặp một ông quan nói chuyện thân mật và tốt bụng với những người dân như tôi. Người tốt mà sao Ông Trời bắt đi sớm như vậy!? "Tôi lên xe theo xa lộ Biên Hòa để về hậu cứ tiểu đoàn. Doanh trại Đồi Mũ Đỏ hoang vắng buồn tẻ khi các đơn vị đang bận hành quân. Qua khu trại gia binh, khăn sô trải trắng trên đầu góa phụ, bầy em bé thơ ngây đang nô đùa hồn nhiên trước sân trường.

Vượt con dốc, chạy một vòng quanh doanh trại, sông Đồng Nai vẫn mênh mông uốn khúc quanh các lò gạch nhả khói dưới chân đồi, rừng cây khuynh diệp bên kia vẫn thoang thoảng mùi dầu gió trên không. Giàn hoa dưa tím trước phòng Anh và tôi thoảng mùi thơm đong đưa trước gió. Cảnh cũ còn đây, nhưng người xưa sẽ chẳng trở về.

Tôi chợt nghe tiếng kèn hạ cờ buổi chiều trên đỉnh đồi doanh trại. Tôi lại nghĩ tới Anh. Lúc nằm xuống không một tiếng kèn đưa tiễn và thiếu cả một lá cờ phủ lấy xác thân. Tôi dục chú tài xế lái xe xuống đồi thật nhanh, tôi đang chạy trốn Anh, chạy trốn đồng đội và thằng bé đệ tử của tôi. Tất cả hình như đang nói nói cười cười đâu đây trong doanh trại..

"Anh Năm,

"Anh đã ra đi hơn một phần tư thế kỷ, 26 năm biết bao vật đổi sao rời. Để tôi làm lại nhiệm vụ ngày xưa kể lại anh nghe...

"Mễ, Liệu và tôi, những người gần gũi Anh nhất trong trận chiến Charlie đã không còn ở quê nhà và chúng tôi đã nhấp nhô theo vận nước nổi trôi. Đàn em của Anh đã bỏ quê hương đi về "quê hương mới?!" Mặc dù Anh đã đi thật lâu, con trai của Anh đã là một y sỹ, chiến hữu của Anh kẻ ở người đi, nhưng những người còn lại vẫn nhớ Anh, họ vẫn nhắc đến tên Anh qua bài hát mà Nhật Trường viết tặng riêng Anh, viết cho "Người Ở Lại Charlie."

"Mấy chục năm sau, vượt đại dương muôn trùng sông nước, theo gió bay ngang dọc địa cầu, dù ở nơi đâu, chân trời góc biển, nơi đâu có người Việt thì nơi đó họ hát bài ca bất hủ để nhớ Anh. Ngay cả ở quê nhà, kẻ thù của Anh cũng vẫn nghe dân chúng hát bài ca để nhắc đến tên

Anh.

"Chắc Anh chưa quên ông "Sĩ Quan Võ Bị Quân Y" Tô Phạm Liệu, ông Toubib Nhẩy Dù ngực đỏ huy chương, người uống VSOP (Very Sexy Old Parachutist) như hũ chìm. Khi hành quân thì một bên ống chích, một bên M16, cũng ăn pháo, cũng la hét, cũng bắn hết băng M16 này đến băng M16 khác khi đánh ở Charlie, Dambe, Hạ Lào, Ashao, Aluoi...

"Tháng 4 năm 75. Cũng lại tháng 4, tháng mà Anh đã đi khuất, Liệu di tản qua Mỹ, thi lại bằng y sĩ và hành nghề tại tiểu bang Lousiana trong một bệnh viện tâm thần. Liệu vẫn như xưa, vẫn vui vẻ, ồn ào. Ông đội trưởng "Đội Hổ Sói Con" vẫn gặp tôi, Duffy và Mễ vài tháng một lần, nhưng Liệu có cái tên mới, để tôi đọc Anh nghe, chắc Anh lại búng tay, đá sỏi mà cười: "Đệ Nhất Ẩm Sĩ, Cuồng Thái Y Tô Phạm Liệu".

Làm gì có ai trên đời có cái tên lạ lùng và hay như vậy. "Đệ Nhất Ẩm Sĩ", người uống rượu số 1 thì Anh đã biết rồi, còn "Cuồng Thái Y" là anh Toubib làm việc ở nhà thương chữa cho mấy người điên.

"Liệu vẫn "ra đi không mang ba-lô, quần áo cứ thế đút túi" mà giang hồ với anh em. "Bến Cũ" nào cũng nồng ấm khi Liệu ghé ngang. Nếu ngày xưa chinh chiến có cướp mất Anh, thì ngày nay, bệnh hoạn đâu có tha Tô Phạm Liệu. Mặc dù là "Quan Thái Y" nhưng Liệu cũng không tránh khỏi bệnh nan y. "Ẩm Sĩ" họ Tô đã bỏ "Bến Cũ" mà đi. A Lịch Sơn thành (Alexandria) là nơi Liệu làm việc và lặng lẽ ra đi sau cả năm bạo bệnh cuối đời...

"Mê Linh, Phương Hải, Sông Lô, từ Bắc Cali "đội pháo" mà đi. "Bến Cũ" Nam Cali, Dallas, Houston, New Orleans "hành quân" kéo tới. Đám gà nhà Tịnh Hô, Đà Lạc, Phán, Trác từ New York, DC kéo sang. "Nam Xương", người kể chuyện Anh trong thiên bút ký Mùa Hè Đỏ Lửa đọc bài điếu văn, có nhắc đến Anh, nhắc đến Charlie.. cỏ cây hoa lá còn rung động, nói chi đến đám bạn bè đỏ mắt đứng quanh.

Ở đâu "Bến Cũ" cũng về để dự đám táng, đến để nhìn Liệu ra đi, đến để mỗi người một ly nhỏ VSOP với "Ẩm Sĩ" họ Tô. Ngày xưa thì bạn bạn bè bè. Bây giờ thì tro tàn thiêu xác!

Gần một phần tư thế kỷ sau, Liệu ra đi ở một nơi cách Charlie nửa trái địa cầu.

"Anh Năm và Toubib Liệu thân kính,

"Viết để nhớ Anh, để kể sự thật về Charlie và cũng để báo cáo với Anh là Liệu đã trở lại Charlie với Anh, với tụi nhỏ trong ngày giỗ tròn một năm của Liệu. Đáng lẽ tôi muốn báo cáo với Anh từ lâu, nhưng mỗi lần cầm bút lên thì lại không biết viết gì. Không biết viết làm sao, toàn là chuyện kẻ ở người đi làm lòng chùng xuống, viết hoài không nổi.
"Hôm tháng rồi đi xem một phim chiến tranh. Phim chiếu cảnh một ông già mang gia đình qua bãi biển Normandie bên Pháp. Ông cụ đi một mình vào nghĩa trang, bóng người chập chững trong nghĩa địa toàn thập tự giá trắng tinh. Từ ngàn dặm xa xôi ông mang bó hoa đến thăm cấp chỉ huy, thăm những chiến hữu cùng chung đại đội với ông đã nằm xuống khi cùng ông cụ đánh chiếm một khu phố. Bao nhiêu bạn bè hy sinh, chỉ còn một mình ông cụ sống sót. Ngày Chiến Sĩ Trận Vong, một mình đứng nhìn bãi biển đổ quân, tiếng binh đao khói lửa, hình ảnh bạn bè gục ngã, cụ chập choạng với nước mắt lưng tròng. Đi vào nghĩa trang, gục đầu bên mộ để nhớ bạn và hình ảnh chiến trận năm xưa. Gia đình, vợ con rời xa nghĩa trang để cụ một mình sống lại với những huy chương dĩ vãng.
"Ngày Chiến Sĩ Trận Vong, tôi không thể đi thăm Anh, đồng đội và thằng bé đệ tử thân tín của tôi đã ở lại Charlie. Không phải vì Anh ở quá xa, nhưng vì 23 năm qua tôi chưa có ý định trở về.

Nơi nào người ta cũng kèn hoa cho người đi khuất, vinh danh tưởng nhớ những chiến sĩ vị quốc vong thân, chỉ riêng nơi quê cũ, từ khi đất nước đổi thay, đâu có ai còn nhắc đến Ngày Chiến Sĩ Trận Vong!?
"Xin thắp nén hương lòng để tưởng nhớ Anh và tất cả bạn bè đã hy sinh cho tổ quốc.
"Tôi tự nhủ lòng, một ngày nào đó, nếu có dịp, tôi sẽ về, sẽ dến Charlie, sẽ đến những chiến trường xưa cũ, để nhớ bạn bè, để thắp một nén nhang thăm Anh và đồng đội. Nhưng, chả biết bao giờ thì làm được, mặc dù bây giờ tóc đã điểm sương!

"Xin tạ lỗi cùng Anh và Chiến Hữu.

"Toubib Liệu, gọi tên ông một lần nữa: "Đệ Nhất Ẩm Sĩ, Cuồng Thái Y Tô Phạm Liệu" để nhớ Giỗ đầu của ông và gửi về ông hai chữ "Hồ Trường": ..... "Hồ trường, Hồ trường.. nay biết rót về đâu..."

Những nơi người lính đã đi qua...

Huy và tôi đã rất thành thật luôn khi tự xác nhận và nói với người khác: Chúng tôi không là "nhà văn" trong nguyên nghĩa tức là những người dùng văn chương như một cách thế tiên khởi chính thống. Chúng tôi đã nói như thế vì chữ nghĩa chỉ đến sau khi cây súng và bộ áo quần lính đã không giải quyết gì được, nếu không nói một cách khác: Đấy chính là đầu mối của tất cả mọi vấn đề (bế tắc) và cũng là nguyên nhân gây nên nên tình huống không xuôi thuận giữa bản thân với hoàn cảnh. Nhưng cũng khó khăn thay, chúng tôi lại không có cuộc đời nào khác ngoài những tháng năm trong lửa đạn (khác chăng là người chịu dài ngày, người gánh ngắn hạn) với những nơi chốn buộc phải đi qua, sống cùng, chết với. Như con người không có, không còn một nơi nào khác ngoài mặt đất. Cũng bởi không thể ứng xử theo một chọn lựa nào khác nên khi nói đến chuyện chữ nghĩa, văn chương thì hình như động tới một mối đau với cách bỡn cợt, mỉa mai tệ hơn nữa là một sự vô ích. Tôi kể lại những nơi chốn đã sống qua thêm một lần như một nén hương để tiễn đưa Huy...

1- Cửa Việt, Quảng Trị...

Mùa Đông năm 1967, hướng 6400 ly giác trên địa bàn, Tiểu Đoàn 9 Nhảy Dù rời căn cứ Cửa Việt của Hải Quân Mỹ theo trục chính Bắc lúc trời vừa qua sáng. Trăng lạnh soi lên mặt biển lóng lánh sáng bốc khói sóng mờ đục. Những đợt sóng nhỏ đập vào thành xe M'track của Thủy Quân Lục Chiến Mỹ chuyển đoàn quân đi lầm lũi trong ánh sáng của ngày chưa tới. Vượt khỏi làng Diêm Hà Nam vừa chạm tới bờ rừng dương liễu của làng Diêm Hà Trung kịp nhận xa xa sông Bến Hải vạch đường mờ nhạt giữa bãi bờ cát xám thì cùng lúc khám phá thấy những bóng người lê lết bò ra từ những khối đụn nâu đen rải rác dọc bãi biển… Đám sinh vật người đưa hai tay lên trời đồng lên tiếng kêu rên thảm thiết.. Bộ đội lính ơi.. Bộ đội lính ơi.. Đồng bào mền khôn cả.. Lính cộng hòa ơi.. Tập trung tất cả lại, trời sáng dần giúp anh nhận rõ hầu hết là con trẻ, người già, hoàn toàn không có đàn ông thanh niên. Và trong số dẫu là những người nữ gầy gò trong độ tuổi trung niên hay trẻ hơn nhưng không ai mặc áo lót mà chỉ với vạt áo dài phủ xuống thân hình luôn ở vị thế bò và quỳ bởi không có chiếc quần che hạ thể. Anh tự nói thầm

câu vô nghĩa: Có người dân nào cùng khốn và đau thương hơn thế nầy khi nhìn vào những "căn nhà" mà những con người kia vừa chui ra: Đấy là những mui thuyền úp trên bãi cát, trên mặt cát ẩm ướt trải những manh chiếu tơi tả rách nát.. Mỗi gia đình gồm mấy con người ngồi bó gối trên manh chiếu nát như thế từ bao ngày qua. Nhưng sự bình yên khốn khổ cuối cùng cũng không còn khi pháo từ bên bờ Bắc sông Bến Hải bắt đầu dội xuống! Không phải pháo vài quả, vài tràng nhưng dồn dập ào ạt từ nhiều vị trí với đạn 130 ly đầu nổ công phá.. Lính nhẩy nhanh xuống những hầm hố đào vội. Dân chỉ biết chui vào lại những căn chòi mong manh. Có những mui thuyền bị đạn pháo bắn tung lên như rác vụn với những xác người bay bay.. Bộ đội cộng hòa ơi.. Cứu đồng bào bộ đội cộng hòa ơi. Ngồi dưới chiếc hố dã chiến anh úp nón sắt che kín mặt ủ vào hai gối, thầm nói như một lời thú tội: Ai cứu được ai trong đạn pháo bây giờ?!

Tháng 1, 1973, Tiểu đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến của Huy từ Hương Điền, Thừa Thiên được lệnh lên đường tiến chiếm Cửa Việt, Quảng Trị được đặt tên Mục Tiêu T. Ngoài vũ khí đạn dược mỗi người lính phải mang thêm trong ba-lô năm lá cờ để sẵn sàng cắm lên vị trí sẽ chiếm được. Cuộc hành quân có tính cách thần tốc, thời gian được ấn định thật chi ly chỉ vỏn vẹn hai-mươi bốn giờ từ 7 giờ sáng ngày 27 đến 8 giờ sáng ngày 28 tháng 1 – Ngày ký Hiệp Định gọi là Tái Lập Hòa Bình Việt Nam ở một nơi xa nửa vòng quả đất. Đúng 7 giờ 58 phút sáng ngày 28 tháng 1 nghĩa là trước Lệnh Ngưng Bắn có hiệu lực hai phút quân miền Nam làm chủ được chiến địa.. Ngưng bắn! Ngưng bắn! Đ..má.. không bắn nhau nữa.. Bắn làm đ.. gì giờ nầy nữa mấy bác!!… Xông lên.. Chạy lên.. Không vũ khí chỉ có những lá cờ cầm tay và bao thuốc lá chìa trước mặt.. Hút đi mấy cha .. Đánh đá cái chó gì mà đánh dữ vậy..Hút đi.. Đây là thuốc quân tiếp vụ đ.. phải là thuốc của đế quốc Mỹ.. Không có tẩm thuốc độc đâu.. Tôi hút trước cho mấy cha yên tâm. Lính nói tiếng Nam, tiếng Trung, giọng Quảng chen lẫn âm sắc Hà Nội, Nam Định. Có người lính nước mắt chảy dài nói trong tiếng khóc ghìm xuống..Đ..m giờ trước mà bắn trúng nhau thì thật là khốn nạn. Chết vô duyên, lãng xẹt. Hiệp định Hoà Bình ký ngày 28 tháng 1 năm 1973 giúp người lính hai bên biết được điều vô nghĩa tàn nhẫn của chiến tranh. Chết khốn nạn. Chết vô ích. Nhưng "hòa bình" chỉ kéo dài được đến chiều tối. Khoảng 9 giờ cùng ngày 28, lệnh Không Được Tiếp Xúc phải tuyệt đối thi hành và người lính tiếp tục đào xuống sâu hố cá nhân, giao thông hào để đề phòng bị tấn công sau hòa bình. Phía Bắc quân cũng im bặt, những người lính âm tiếng Bắc, mời thuốc lá ban sáng đã hoàn toàn vắng mặt. Nửa đêm ngày 28 rạng 29 chiến tranh lại bắt đầu. Người lính vừa bóp cò vừa chảy nước mắt ghìm tiếng thét căm phẫn.. Đánh nhau làm gì nữa trời ơi?!! Từ dưới hố cá nhân được đào sâu thêm trong những "giờ hòa bình" Huy nhìn lên bầu trời tối đen với những ngôi sao lấp lánh trên cao.. Anh cũng muốn gào lên lên câu hỏi tương tự và tuôn trào giòng nước mắt giận dữ. Cũng chẳng biết giận ai. Anh nói tiếng nhỏ qua máy truyền tin.. Đ.. m không được bắn hoảng, kể từ giờ phút nầy chỉ còn tự túc cá nhân chiến đấu, không yểm trợ, không tiếp tế, không tải thương để khỏi mang tiếng vi phạm lệnh ngưng bắn, để bảo vệ hòa bình mà hiệp định vừa mang lại. Trên toàn cầu nhiều giới người gồm những nguyên thủ quốc gia, chính khách, nhà tu, những kẻ vận động, yêu chuộng công lý hòa bình đồng nâng ly chúc mừng thắng lợi của hiệp định trong tiếng chuông nhà thờ ngân vang mừng hòa bình đã đến với con người thế giới nói chung, ba nước Đông Dương, Việt Nam nói riêng! Từ 28 đến 31 tháng 3 Huy đại tiểu tiện một chỗ trong hố cá nhân bởi chiếc cần ăng-ten của máy truyền tin PC 25 vừa nhú ra khỏi mặt đất đã bị cắt cụt bởi một tràng thượng liên vô cùng chính xác. Cuối cùng đại đội của Huy rút lui về phía sau theo chiến xa của Thiết Đoàn 20 mở đường máu giữa trùng vây của một trung đoàn lính Bắc Việt mới được tăng cường thay thế đơn vị bộ đội đã hút chung điếu thuốc lá, khóc với lính cộng hòa trong sáng ngày 28. Đại đội Huy phải bỏ lại trận địa nhiều xác chết và thương binh - Những đồng đội vừa chết trong trận đánh sau hòa bình. Có người lính chết trong túi còn nửa điếu thuốc lá hút dở. Điếu thuốc của một bộ đội miền Bắc mời ngày hôm kia chưa kịp hút hết thì đã vội nhảy xuống hầm..

2- Huế, Thừa Thiên.

Mùa hè 1972, từ Mang Cá, thành nội Huế bản doanh của Bộ Tư Lệnh Tiền Phương Quân Đoàn I, cũng là tiền trạm của Lữ Đoàn 2 Nhẩy Dù, đơn vị tăng phái cho mặt trận Trị-Thiên đang trong hồi nguy ngập, anh đi bộ ra hướng Hồ Tịnh Tâm. Qua khỏi khu hồ vuông vức anh rẽ phải hướng về Đường Mã Khái. Những năm thơ ấu trước 1950, anh thường theo Mẹ đi trên lối nhỏ nầy về nhà Cậu Cả. Lối đi ngày ấy một bên được chắn bởi hàng rào lá chè đan dày và một bên là con rạch nhỏ lác đác những lá tre vàng khô lay lắt chuyển động, thân cây tre theo gió cạ vào nhau gây nên tiếng kĩu kịt rì rầm bí ẩn. Thuở ấy dẫu buổi trời đang nắng gắt, con đường luôn xanh um bóng mát làm đậm thêm mùi cây lá mục rã dưới rạch nước sẫm màu rêu. Ngày ấy đứa bé luôn có cảm giác nôn nóng khi đi đến căn nhà thoang thoảng mùi thơm của nhiều loại hoa chưa biết hết tên; vườn nhà cậu trồng nhiều cây nhưng đứa bé chỉ lưu tâm về cây trứng cá bên giếng nước sai trái chín đỏ lẫn với quả xanh mọng nứt mùi mật vo ve rì rào những con ong nhỏ, và cây khế với chùm trái căng vàng lẫn trong tàng lá lấm chấm những cánh hoa trắng. Cây khế là nơi chị Ng bế con mèo đứng chụp hình, tóc xõa xuống trán che dấu sẹo nhỏ, dáng điệu nhu mì hiền thục. Đứa bé rất thương yêu người chị vì chỉ có chị mới che chở cho nó khi bị cậu la rầy.. Thằng R còn nhỏ thầy đừng la em tội nghiệp, nó không cha mới vô đây ở với nhà mình.. Chiếc ảnh của chị treo nơi căn nhà ngang lợp tranh tường quét vôi trắng xôm xốp ẩm ẩm. Căn nhà trên đứa bé không được phép lên bởi là nơi thờ Phật, nó chỉ được nhìn vào từ chỗ đậu xe hơi đến chiếc ghế gỗ lót da nơi cậu ngồi hút thuốc uống trà dưới bức ảnh của anh D. Anh đi học bô-da bên Tây theo ý kiến gợi nên từ mẹ. Chỉ mấy phút của chuyến đi ngắn anh sống hết, đủ với cảnh sắc, mùi vị, hương thơm của những ngày thơ ấu luôn cho anh nguồn vui, mối an ủi nụ cười bất chợt trong những cảnh huống khắc nghiệt nhọc nhằn.. Cậu ơi! Con đây.. Nhà có ai không. Cánh cửa gỗ khóa chặt, sân đất ngổn ngang xác lá và những luống hoa tơi tả, trốc gốc, héo tàn. Anh nhìn quanh quất nghe ra âm âm gờn gợn điêu tàn của chốn không người, lần sụp vỡ không khả năng, cơ hội hồi phục. Anh nhảy qua khung cửa gỗ, đi lên lối nhỏ của hơn hai mươi năm trước, đến trước chiếc xe phủ bạt kín, nhìn vào căn hầm đất đắp nổi.. Hình dạng người ngồi bó gối im lặng.. Cậu ơi.. Cậu ơi.. Con đây.. Con R, con O Tám.. Hình người chuyển động bò ra.. Những ngón tay rờ rẫm trên chiếc áo lính.. Con hả.. Cả nhà đi hết rồi.. Chỉ còn lại cậu.. Chị Ng và mợ đâu cậu. Mợ, chị và hai em đi vào Đà Nẵng, chung quanh ni ai cũng đi hết.. Họ đi vì sợ như Mậu Thân, xóm ni năm đó có mấy người bị giết.. Họ đem lấp dưới mương trước nhà mình. Mậu Thân con từ Quảng Trị vào Huế thì bị thương ở Cửa Thượng Tứ nên không về nhà thăm cậu, mợ và chị được.. Cậu biết, có mấy người lính nhảy dù vô ở nhà mình, cậu có hỏi về con.. Con biết chuyện đó, đó là lính của tiểu đoàn con nhưng khác đại đội. Vì đại đội con kẹt ở Cửa Thượng Tứ nên con không về thăm cậu được, đứng trên thượng thành nhìn về phía nhà mình tưởng cảnh cậu mợ, chị và hai em không ai lo lắng, chăm sóc.. Anh nhắc lại trận đánh như muốn làm nhẹ phần hối hận về một bổn phận thiếu sót. Anh trở lại ý định sẵn có: Con đưa cậu vô Đà Nẵng ở với chị H.. Ông cậu nói nhỏ nhưng dứt khoát: Hôm nay giỗ bà, cậu làm giỗ bà với bát cơm và chút muối mè. Không hương đèn, cậu tụng kinh cho Bà không cần lên bàn thờ Phật. Hôm nay Bà đưa con về nhà với cậu là để nhớ Bà. Cậu không đi đâu nữa. Cậu ở lại với Huế. Một trái hoả tiễn loại địa không 122 ly từ đâu rơi xuống nổ bùng ngay giữa sân.. Anh ngã chụp lên người ông cậu nghe rõ cơn run rẩy của người già qua da thịt của mình. Anh xa Huế từ năm đó đến nay. Không rõ cậu, mợ anh đã chết lúc nào, ở đâu sau 1975. Chị Ng và hai con cũng không biết có còn không sau lần di tản khỏi Huế tháng Ba, 1975.

Tháng Ba, 1975. Huy và những người lính Tiểu Đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến từ căn cứ An Lỗ trên Quốc Lộ I đường đi Quảng Trị rút về Huế dửng dưng. Qua ngã ba An Hòa, cửa ngõ dẫn về Huế đã gần 12 giờ khuya. Đến cầu Bạch Hổ, tại chòi gác ở gần cầu, Huy thấy một người lính Nghĩa Quân quần áo súng đạn rất chỉnh tề đang đứng gác. Huy ngạc nhiên hỏi với giọng đùa: Giờ này còn đứng gác cái mẹ gì ở đó, cha nội? Em không nhận được lệnh gì hết. Lệnh cái con c.. Tiểu đội trưởng mày đâu? Một người lính già tay xách khẩu súng chạy lại. Dạ tôi. Huy nói như gầm: Huế bị bỏ rồi, ông còn gác cái gì nữa. Tôi là trung úy ra lệnh tan hàng, về lo mang vợ con đi gấp nghe không! Dạ.

Huy gom lính đi tiếp thấy thêm cảnh tượng.. Một bà già đứng ở cửa một túp lều bên vách tường thành Phú Văn Lâu, một tay cầm đèn dầu, tay còn lại quẹt nước mắt liên hồi, nhìn đám lính khẩn thiết tang thương. Huy hỏi bà cụ: Mệ muốn đi theo tụi con không? Mệ không có tiền! Huy nói nhanh: Tụi con cho mệ tiền, hay mệ đi chung với tụi con. Bà già khóc nhỏ, buông xuôi: Chừ hết kịp rồi con ơi! Huế đang là một thành phố chết và đang là một thành phố bị bỏ ngỏ. Cả thành phố chỉ còn lại vài ba ngọn đèn đường, cái sáng cái tối. Đạn pháo Việt Cộng nã đều vào cầu Trường Tiền (cũ) và khách sạn Hương Giang. Đó đây người ta đang đạp xe ba bánh, xe xích lô đi hôi của. Đi lối cầu mới thì được an toàn, nhưng Huy quyết định dẫn lính đi lên lối cầu Trường Tiền (cũ) mặc dù cầu đang bị pháo. Một chút lãng mạn trong người Huy nổi dậy, chẳng gì cũng chỉ còn là lần chót. Ngay đầu cầu, một chiếc M-48 nằm chình ình, máy vẫn còn nổ mà không có người. Lên đến giữa cầu, Huy nói với mấy người lính đệ tử: Quay lại nhìn Huế lần chót bay, chắc chắn là mình sẽ không đánh ra tới đây để lấy lại đâu. Một nỗi buồn dâng lên trong lòng, Huy không khóc ra tiếng nhưng nước mắt doanh tròng. Bao nhiêu gian truân, bao nhiêu xương máu, bao nhiêu xác người, bao nhiêu mồ hôi nước mắt của bạn bè, của anh em đồng đội đã đổ xuống cho vùng địa đầu nghiệt ngã này. Đồ tiếp liệu trong thành Mang Cá dư sức cung cấp cho Lữ đoàn Huy ít nhất là ba tháng, tại sao không cho lính Thủy quân Lục Chiến vào Thành Nội để tử thủ ở đấy? Ờ mà tử thủ làm gì? Tội chó gì lại nghĩ đến chuyện ở lại đánh nhau để chết oan mạng! anh nghĩ lan man trên đường triệt thoái ra khỏi Huế. Qua hết cầu, Huy gặp đại úy Chiêu, tay cầm chai rượu chát khổng lồ, túi đút chai rượu mạnh. Bao nhiêu tủi hờn, căm hận, buồn bực biến mất nhanh như viên đạn ra khỏi nòng súng. Huy và những người lính ngồi quây tròn giữa ngã tư đầu cầu Trường Tiền nhậu không mồi, không nước đá.. Huy đập vỡ cổ chai bia rót từ đầu xuống.. Thích thú vì từ bé đến lớn chưa bao giờ được tắm bằng bia. Đại đội trưởng của Huy không biết từ đâu tới cho biết điểm hẹn đã thay đổi vì những kho đạn, kho xăng ở bến phà Thuận An đã bị cháy, không biết vì pháo kích hay vì đặc công. Điểm tập trung mới là bến phà Tân Mỹ. Đến bến phà Tân Mỹ khoảng 6 giờ sáng. Người đã tập trung ở đây rất đông nhưng phương tiện qua sông lại không có một cái. Bao nhiêu ghe, thuyền nằm hết ở bờ bên kia phá Tam giang. Khoảng 11 giờ đại đội Huy vượt xong phá Tam Giang. Hơn 12 giờ trưa đơn vị được lệnh di chuyển ra bờ biển. Vừa lên hết đụn cát cạnh làng Huy đã thấy ngay một chiếc tàu thật lớn mang số HQ-801 thừa sức chứa cả lữ đoàn đã đợi sẵn ở gần bờ không biết từ bao giờ.

Nhưng Huy và những người lính thuộc đơn vị thủy quân lục chiến, nhiều người lính của những binh chủng, đơn vị khác không bao giờ lên được chiếc tàu hy vọng kia mà phải leo lên một chiếc xà lan khác để hứng chịu hoàn cảnh.. Những cái xích sắt nghiến nát những đầu người. Tiếng máy nổ và tiếng nước vỗ đã át đi những tiếng thét tiếng la và có thể, cả tiếng vỡ của những cái đầu, nhưng không có gì có thể che lấp được những mảnh quần áo và mầu đỏ của máu cuộn theo chiều quay của xích sắt. Màu đỏ của máu và những mảnh vải cuộn theo suốt lộ trình khoảng một trăm thước. Màu đỏ của máu và những mảnh quần áo chắc chắn còn dính cả thịt còn trồi lên, trồi lên xen lẫn với bọt nước.. Cuối cùng Huy phải bỏ đường lên tàu thủy để trở lại đường bộ.. Nhưng đường bộ phải chạy qua những cái chốt của lính cộng sản, chưa bao giờ bọn người này được bắn sướng tay đến như vậy. Mỗi tràng đạn ít ra cũng phải trúng vài ba người. Nhưng ai ngã mặc ai những người chạy vẫn cứ chạy.. Lại có rất nhiều người tự tử. Bây giờ họ không tự tử từng người, từng cá nhân mà họ tự tử tập thể. Không rủ, không hẹn và hầu như họ đều không quen biết nhau trước hoặc có quen biết đi nữa, bạn bè đi nữa họ cũng không thể nhận ra nhau trước khi cùng chết với nhau một lúc. Dòng người của đơn vị Huy đang chạy, một người tách ra ngồi lại trên cát, một người khác cũng tách dòng người ra ngồi chung, người thứ ba, người thứ tư, người thứ năm nhập bọn, họ ngồi tụm với nhau thành một vòng tròn nhỏ, một quả lựu đạn nổ bung ở giữa..

Phần trên đây tôi viết theo trích dẫn trong Tháng Ba Gãy Súng của Huy. Tôi có thể trích dẫn thêm nhiều chi tiết khác.. Nhưng quả tình tôi thấm mệt, kiệt sức. Trong bãi máu bờ biển Thuận

An Tháng Ba năm 1975 có nhiều người tôi quen thân.. Không phải chỉ ở đơn vị Thủy Quân Lục Chiến ... mà rất đông, rất đông người khác nữa. Có người tôi không gặp lại từ hơn ba mươi-lăm năm nay. Nay lại là một tháng Ba để đủ ba–mươi sáu năm mà vẫn không thể nào quên. Không thể quên được kể cả sau cái chết. Đau hơn cái chết.
Tôi viết những dòng cuối cùng nầy tại nơi mà đã có một thời làm việc chung với Huy, trên màn ảnh máy computer tôi sử dụng vẫn còn Email Address và Icon riêng của Huy.

Tháng Ba – 2011
(Đã in trên Hợp Lưu 113, số tháng 3&4-2011)

Gặp lại Phan Nhật Nam trên Quốc Lộ 1

Trần Vũ *: thực hiện qua điện thư - 2008*

Những ngày 11, 12 tuổi, vào những năm 73-74, tôi say mê Phan Nhật Nam. Anh trở thành thần tượng của tuổi thơ, với những ngày dài trên quê hương, những ngày bi thảm, những ngày thê lương, những ngày gẫy vụn, trong nỗi sợ khốn cùng. Nỗi sợ trái lựu đạn đã bật kíp. Nỗi đau vô hình của đồng ruộng ẩn chứa triệu trái mìn. Nỗi đau thắt ruột của người cha xếp xác con, trên đoạn đường từ Quảng Trị về Huế. Trong bất mãn của người lính trước một hậu phương vô ơn. Của người lính miền Nam phải tự vệ giữa một thế giới làm ngơ những thảm sát tập thể ở bãi Dâu, ở trường tiểu học Cai Lậy. Khác những nhà văn quân đội khác, tính chất bi tráng của một xã hội dân sự thời chiến phủ trùm lấy bút ký của Phan Nhật Nam, vượt lên trên các trận đánh. Không phải Mùa hè đỏ lửa, mà Tù binh và Hòa bình, Dọc đường số 1, Dấu binh lửa mới thực sự ghi lại suy nghĩ của một quân nhân trong chiến tranh. Bên cạnh, nhật ký của Đặng Thùy Trâm, Nguyễn Văn Thạc chỉ là những tiểu xảo của những sản phẩm được biên tập. Khác những nhà văn quân đội khác, tính chất bi tráng của một xã hội dân sự thời chiến phủ trùm lấy bút ký của Phan Nhật Nam, vượt lên trên các trận đánh. Tôi gặp Phan Nhật Nam trên trang giấy này, tôi quyết định hỏi tất cả những gì đã chất chứa trong đầu mình cho đến bây giờ gần 34 năm sau bại trận, những câu hỏi vẫn bám lấy, không rời, từ buổi sáng 30 tháng 4 chứng kiến những người lính tháo vội vã nón sắt, áo giáp, vất tung thẻ bài, chạy vào hẻm chật. Buổi sáng của tuyệt vọng. Lần gặp này, tôi muốn anh trả lời - Trần Vũ.

***

Trần Vũ: Tôi không còn nhớ rõ ngày tháng, thời gian, nhưng vẫn nhớ buổi sáng theo cha đến khách sạn Continental dự buổi ra mắt sách của Phan Nhật Nam. Buổi sáng đó tôi đã trông thấy anh lần đầu tiên. Kể từ hôm đó, những ngày sau, tôi sống với anh cho đến bây giờ. Đúng hơn, tôi sống với những người lính Cộng Hòa trong tác phẩm của anh đến tận bây giờ. Tại sao anh ra mắt sách, anh đã muốn ru ngủ chúng tôi, những người dân ở thị thành, hãy tiếp tục tin vào sức mạnh của quân lực đang bảo vệ an nguy của thủ đô? Các tập bút ký ghi lại nhiều chiến thắng của Quân lực VNCH, mà ngay cả khi thất bại, như trong *trận Đồng Xoài* hay khi bị tràn ngập trên *đồi Charlie*, đều được mô tả dưới góc độ bi hùng. Nhưng anh không nhắc đến trận *Ấp Bắc* và không nói đến *Hạ Lào.*

Phan Nhật Nam: Trận Ấp Bắc cuối 1962, đầu 1963 tôi chưa ra trường; trận Hạ Lào (2/1971), tôi chuyển đi làm sĩ quan văn phòng ở tiểu khu Bà Rịa (Phước Tuy). Chiến dịch nầy quá lớn nếu có trình bày cũng không thể viết dưới dạng bút ký – phải viết theo cách nghiên cứu, liệt kê tài liệu quân sự. Bernard Fall không thể viết Un coin d'enfer theo kỹ thuật lịch sử tiểu thuyết như La Quán Trung kể trận Xích Bích với Chu Du, Khổng Minh… nhưng sau nầy, cũng đã có Phan Hội Yên (tiểu đoàn 3 Dù) kể trận đánh Đồi 30, Phạm Văn Tiền (tiểu đoàn 2 TQLC) nói về lần

triệt thoái tàn khốc khỏi căn cứ Delta của Lữ đoàn 258 Thủy Quân Lục Chiến VNCH trong trận chiến Hạ Lào. Hai người bạn nầy không phải là cây viết chuyên nghiệp, nhưng diễn tiến chiến trường họ viết ra chính xác và hay hơn bất cứ chuyện kể (về chiến trận) nào của người miền Bắc như *Bảo Ninh, Nỗi buồn chiến tranh*… Văn phong và cách đặt tiêu đề thôi cũng thấy hơi hám của "Thép đã tôi thế đấy" của Liên-Xô. Tiểu thuyết Nga vĩ đại do đã dựng nên những nhân vật tiểu thuyết đặc trưng bởi Dostoievsky, Tolstoy chứ đâu từ anh trẻ tuổi Pavel làm cách mạng xã hội với chân trần đứng xúc tuyết.

Tìm đâu ra trong chiến tranh miền Nam một du kích ở Quảng Ngãi chỉ với vũ khí tự chế bắn hạ máy bay trực thăng, đánh tan một đại đội bộ binh Mỹ như trong *Nhật ký Đặng Thùy Trâm?* Và tìm đâu trong thực tế mà tiểu thuyết được quảng bá rùm beng của Bảo Ninh đã mô tả về "thằng giặc Mỹ xâm lược bạo tàn" sau hiệp định Paris 1973; "thằng ngụy dù" với chiếc nón đỏ mắc ở cầu vai khi đi hành quân! Người thường trực sống, chết nơi chiến trường đọc những nội dung tuyên truyền tầm phào nầy không khỏi đỏ mặt vì ngượng, thấy mình bị coi thường, đánh lừa bởi những kẻ ngây ngô, thô thiển. Lính biệt kích miền Nam hoạt động nhảy toán phải áp dụng một tiêu lệnh tối thượng: Tuyệt đối tránh đụng độ / Xóa sạch dấu tích, sinh hoạt / hiện diện... Thế thì làm sao lại đi hiếp dâm, cắt đầu vú, vạch nát cửa mình nữ bộ đội trên đường giây giao liên như trong Tiểu thuyết Vô đề Dương Thu Hương đã mô tả? Thế nên, vì không muốn phải mang lỗi viết dối nên tôi không viết về Ấp Bắc, Hạ Lào như đã sống – Chỉ có thể viết về những chiến trận nầy như đã đọc mà thôi nên đã viết tiểu luận quân sự Hạ Lào...

Trần Vũ: Giống hầu hết các thiếu niên thành thị, tôi không biết miền Nam đang chiến tranh. Thủ đô Sàigòn với đường Nguyễn Du êm dịu, đường Duy Tân thơ mộng, đại lộ Nguyễn Huệ thênh thang, đại lộ Lê Lợi sầm uất, đánh lừa tôi là đất nước rất yên bình. Dạo đó tôi đã bắt đầu say mê chiến tranh, những trận đánh của Rommel, Hoth, Kesselring, Guderian, von Kleist, von Manstein của tủ sách Adolf Hitler của nhà xuất bản Sông Kiên, các hồi ký Thái Bình Dương của Saburo Sakai, Tameichi Hara... Phải đến Phan Nhật Nam, phải sau khi đọc Dọc đường số 1, Dấu binh lửa, Mùa hè đỏ lửa, tôi mới bất chợt khám phá chiến tranh ở Long Thành, ở Trảng Bom, ở Dầu Tiếng, ở đồn điền Xa Cam cách nơi mình sinh sống không đầy trăm cây số. Hơn một khám phá chiến tranh, tôi khám phá chân dung của người lính Cộng Hòa mà tôi thực sự tin vào những điều anh viết. Chân dung của người lính miền Nam, cao cả, bình lặng, bi tráng trên một đất nước điêu linh, trầm thống. Và người lính đó với 50 ký lô xương thịt, với tất cả bất công của cuộc chiến, cong oằn xuống dưới sức nặng của 35 ký đạn dược, chăn mùng mền, thực phẩm đã tồn tại như một phép lạ nhiệm mầu. Tôi chỉ lập lại những điều anh viết. Hôm nay, đã bại trận, anh còn tin vào những điều mình đã viết? Có thật nhiệm mầu, khi nhiệm mầu không xảy ra, đã chấm dứt. Anh có cường điệu, đã tô vẽ thái quá hình ảnh của người lính Cộng Hòa hay không? Và phẩm chất tác chiến của người lính Cộng Hòa có thật sự như anh viết trong bút ký? Tôi muốn một câu trả lời thật.
Phan Nhật Nam: Không điều gì phải cường điệu, hoặc nói quá nếu sự thật không phải là như thế. Tôi viết về hạ sĩ Toản mang máy truyền tin đại đội phải đào ngũ vì gia đình ngoài Trung lâm cùng cảnh tan tác; binh nhất Huệ tự tử khi đứng gác do buồn phiền chuyện người vợ… Nhưng chính những người lính gầy gò, khắc khổ, phải tình cảnh tội nghiệp kia của sáu tiểu đoàn nhảy dù đã đánh trận Đồi 1062, tại Thường Đức, Quảng Nam với cách thức cá nhân tác chiến, cắn từng bụi cỏ, bám đá núi để xông lên cận chiến chiếm mục tiêu đối phương cố thủ từ tháng 8/1974. Những mục tiêu được phòng thủ cực độ vững chắc với thân cây rừng đặt sâu trong lòng núi mà bom và pháo binh không thể phá hủy được. Đánh từ tháng 8 đến tháng 11, mất đi, chiếm lại từng thước đất, đã có lúc bị trung đoàn 24 của Sư đoàn 304 CSBV dùng hỏa công thiêu đốt như trận đánh ngày 29/10/74. Chiếm lĩnh, kiểm soát được toàn bộ các cao độ 1235, 1062 quanh quận Thường Đức để rồi tháng 3-1975 được lệnh rời bỏ những vị trí đã đánh đổi bởi mạng sống của bao đồng đội, máu của bản thân... Hãy nhớ, lính và sĩ quan những đơn vị

tổng trừ bị (Dù, TQLC, Biệt Động); kể cả những sư đoàn diện địa như Sư đoàn 1 Bộ Binh (Trị-Thiên); các đại đội thám sát tỉnh...
Trước 1975, những người lính kể trên không một lời tán thán. Không một lần đòi được đền bù, báo ân. Và những giờ phút đầu tiên của ngày 30/4/1975, họ là những người bị bắn ngay trên giường bệnh viện Đỗ Vinh, bệnh viện 3 Dã Chiến Sàigòn nếu có lời chống cự, không di chuyển được do thương trận từ những ngày chiến trận tàn cuộc...

Trần Vũ: Trưa 30 tháng 4, tôi hãy còn nhớ, sau khi đầu hàng, trong lòng tôi giận dỗi các anh vô cùng. Gia đình chúng tôi đã tin vào quân đội đến cùng, thầy tôi nhất quyết không di tản vì muốn sát cánh cùng quân đội. Tôi muốn biết vì sao người lính Cộng Hòa đầu hàng dễ dàng như vậy, trong một buổi trưa, trong vài giờ đồng hồ. Còn Phan Nhật Nam? Nếu bây giờ đi lại trên quốc lộ 1, cùng với Tiểu đoàn 7 Nhảy Dù cũ của anh, đi đầu đại đội 72 mà anh từng làm đại đội trưởng, nhận lệnh buông súng, anh phản ứng ra sao?
Phan Nhật Nam: Bản thân tôi không cố ý làm ra điều văn vẻ, trầm tư để viết nên văn chương chữ nghĩa khi trả lời câu hỏi nầy... Nhưng chẳng cần đợi đến sáng 30 tháng Tư, 1975 mà tôi đã viết đủ trong "Ngày Thật chết với quê hương" – Cái Chết thật ra đã hiện diện với những báo trước rất cụ thể từ trận Đồng Xoài *(6/1965);* từ Mậu Thân (1968)... Hằng đêm từ đồi Căn Cứ Nguyễn Huệ (hậu cứ Lữ đoàn 2 Dù) nhìn ra Nghĩa trang Quân đội Biên Hòa... Và gần nhất là đêm tối 15/3/1975 tại Pleiku khi Quân đoàn II bắt đầu lần rút bỏ cao nguyên; chiều 25/3 trên đèo Hải Vân (địa giới Thừa Thiên-Quảng Nam) khi Lữ đoàn 1 Dù bàn giao vị trí cho Tiểu đoàn 8 TQLC; trong ngày *30/3,* khi toàn thành phố Nha Trang câm lắng xuống để nghe tiếng sóng đập vào bờ qua dãy xác chết lắt lay trên bãi cát…
Cũng cần nói thêm một chuyện có thật: Khi ngồi trong toa chở súc vật trên chuyến tàu lên Yên Bái đêm 22/6/1976: Coi như đất nước thanh bình (được) đi chuyến tàu lên Miền Bắc! Có người đàn ông dáng thanh lịch dẫu áo quần rách vá, vẻ hư hao, tiều tụy (cung cách của người Hà Nội trước 1954 rất dễ nhận) đi với cô con gái mặt đẹp như ngọc, đầu trần chân đất, quần rách lai tơi tả, sữa non con so thấm ướt ngực áo mỏng theo đoàn tù mót lúa rớt trong buổi sáng đầu xuân sương mù giá rét miền núi đất Bắc... Người đàn ông trầm giọng nói trong tiếng khóc bị nén: Các ông tội nặng lắm... Con tôi từ năm 1954 đến giờ không có được chén cơm trắng, cháu ngoại tôi từ ngày sinh chỉ uống nước cháo loãng pha muối cầm hơi... Mấy mươi năm chờ đợi các ông từ trong Nam ra với hy vọng được sống cho ra dạng người thế mà cớ sự lại như thế nầy đây! Bạn ta ơi Miền Nam không thể thắng được vì họa chung của cả dân tộc đã nên hình. Tôi không quá mê tín, nhưng ngày 28/3/75 khi đi trên đoạn đường Nha Trang-Cam Ranh dẫm lên cây số đường dài sâu bọ bung lên tự lòng đất nên đã hiểu ra điều: Cơn hấp hối, tận diệt quê hương đã thành sự thật! Bản thân người lính làm gì? Họ lại là người chết trước tiên.

Trần Vũ: 15 năm sau vượt biên tôi đi lại quốc lộ 1. Gần như để đối chất cảnh vật với những gì anh viết. Những địa danh, những thước đất hiện ra, lớp đất vàng khè chen giữa những bãi cát xám bên này dẫy Trường Sơn. Dọc quốc lộ từ Hải Lăng lên đến cầu Hiền Lương là những nghĩa trang liệt sĩ san sát. Vết tích chiến tranh chưa mất. Nhà thờ La Vang tan nát. Phố chính Quảng Trị lỗ chỗ đạn. Khu tập thể tiêu điều ở Thạch Hãn, Cồn Thiên, Cam Lộ… Tất cả ngập dưới cái nóng điên người. Tôi cảm được điều anh đã viết: Nỗi quặn đau dai dẳng không chấm dứt. Rồi tôi tự hỏi: Phan Nhật Nam làm gì trong suốt bao năm ấy, từ lúc ra tù, anh có đi lại quốc lộ 1 lần nào chưa? Tôi muốn biết anh nghĩ gì, sinh sống ra sao, trong một miền Nam đổi khác, sau khi đi tù về. Anh có phản cảm với tuổi trẻ không biết đến quá khứ. Trước khi sang Mỹ, anh giao tiếp với xã hội như thế nào. Tôi muốn nghe anh kể về những ngày hậu chiến này.

Phan Nhật Nam: Sau 30 tháng 4, 1975 tôi đi dọc đường số 1 một lần. Lần độc nhất với đôi mắt khép lại để khỏi nhìn. Để đừng thấy. Tôi không nói quá – Lần trở về Nam ngày 29 tháng 5, 1988 sau mười-hai năm lưu đày đất Bắc. Tàu vào địa giới Miền Nam, qua Đông Hà, Ái Tử, Quảng Trị, La Vang... lúc trời mờ sáng. Tôi biết rõ tàu đang chạy qua những chốn nào. Vốn

người gốc Quảng Trị, năm 1966-1967 hành quân từ Thừa Thiên ra Quảng Trị, tôi dẫn quân đi dọc Phá Tam Giang không cần xem bản đồ. Một thoáng ngắn, tôi nhìn ra cửa sổ toa tàu, hướng núi Ngự Bình, nơi có phần mộ mẹ tôi và những người trong gia tộc. Lòng trống rốc. Mắt ráo hoảnh. Lúc tàu rời ga Nam Định tối hôm trước, tôi muốn được bật nên tiếng khóc nhưng khóc không nổi. Qua đèo Hải Vân, trong đầu loáng thoáng những câu thơ "Tôi về Hải Vân thân áo tù. Mười mấy năm dài nhục thấm dư. Nghe lạ đất trời lạnh vụng biển. Quê nhà còn không cơn mộng du…

Đến Đà Nẵng vào buổi trưa, tàu đổi toán phục vụ (toán người Nam)… Cán bộ áp tải tù ra lệnh đóng cửa sổ toa tầu vì"sợ dân phẫn nộ ném đá"... Tầu ngừng khá lâu để xoay đầu máy ra hướng Huế. Dưới sân ga có những tiếng hoan hô… "Hoan hô tướng Lê Minh Đảo... Hoan hô lính Việt Nam Cộng Hòa… Hoan hô… hoan hô..." Một người trong toán phục vụ có lẽ do thấy tôi tương đối trẻ so với những người trong đám tù, thấp giọng thân mật: "Chú cấp bậc gì mà giờ nầy mới về? Đại úy! Trời đất, đại úy người ta về từ mười năm trước. Chú muốn ăn, uống chi... Con đem tới..." Tôi uống hết một két mười hai chai bia cho đến chiều tàu tới ga Hàm Tân. Được tháo cùm tay, bước xuống xiêu ngã trên sân ga, nhìn chung quanh chập chờn… Cây cao su của tiểu đoàn 7 Dù , lối lên Hố Nai, ngã ba Tân Hiệp, Biên Hòa... Rừng cao su đặc thù của miền Nam mà tôi ngắm nhìn mê mải ngây ngất từ toa xe lửa.
Với tâm cảnh như thế, ra tù 1989... Chỉ định cư trú về ở ấp Bình Nhâm, Lái Thiêu, Bình Dương, tôi dựng căn nhà tranh 4x4 thước giữa vườn cây măng cụt, nhà, đất do gia đình, bạn bè ở ngoài gởi về.... Tôi thường đi quanh quẩn trong vườn măng cho dù nửa đêm về sáng, nằm võng ngủ trước hiên nhà. Cứ thế, tôi sống từng ngày qua đi không mấy khó khăn so với hơn 8 năm trong bóng tối hầm giam chờ đem đi bắn. Với tâm trạng nầy tôi đi Mỹ… Tôi đi Mỹ cứ như hắt cặn nước. Tôi đi Mỹ nhẹ tênh vất điếu thuốc. Cứ như thế tôi ở Mỹ đến năm thứ mười-lăm, đi gần hết các tiểu bang, lên thấu Alaska. Bạn còn muốn hỏi gì nữa hay chăng?

Trần Vũ: Tôi còn muốn hỏi thêm nhiều nữa, nhưng trước khi chấm dứt, tôi muốn nhắc lại ảnh hưởng mà các tập bút ký chiến trường của anh đã để lại trong tôi. Chúng ám ảnh tôi đến mức tôi nóng ruột khoác lên người sự "nhiệm mầu" của người lính Cộng Hòa mà anh mô tả. Thế giới của người lính ngồi trên sườn đồi uống bia không đá nhìn xuống con sông bốc mờ sương lam… Tôi thuộc từng tên nhân vật, từng cấp bậc, từng thâm niên của từng người... Tôi cảm giác những trang bút ký của anh thời ấy giúp tôi sống với mọi người, cảm giác chúng truyền vào người mình nỗi đau của cả một miền đất nước, từ những tàn phá đến giận dữ. Có cái gì đó thật con người, cực kỳ cô độc lặng lẽ giữa sắt thép hỗn độn ầm vang trong thế giới của anh mà bây giờ phải đọc lại mới hiểu thấu hết tất cả những oan khiên của cuộc chiến vừa rồi.
Anh mang trách nhiệm này, anh đã dẫn tôi đi qua những thước đất của quê hương ngập tràn tai ương. Đáng lẽ tôi không nên đọc anh để dễ dàng thỏa hiệp với thực tại bây giờ, phải không? Muộn mất rồi. Tôi đã theo anh đi dọc đường số 1.
Phan Nhật Nam: Bạn ơi, tôi trả lời sao đây? Tôi đi đâu nữa? Viết cái gì mới nữa? Cám ơn bạn đã đọc kỹ, đã hỏi thật. Thế là đủ vì ít ra chữ nghĩa không đến nỗi vô ích. Một người không cũng đủ. Rất cảm ơn.

Bài viết về Tonle Tchombe

(Tống Lê Chân)

Kính tặng anh linh cố Trung Tá Lê Văn Ngôn
và chiến hữu Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân Biên Phòng

Khi người dân trên toàn thế giới rung chuông, mở rượu, tung giấy ngũ sắc để chào mừng Hòa bình Việt Nam, trên ngọn đồi cao năm mươi thước giữa ranh giới hai tỉnh Tây Ninh, Bình Long,

một cứ điểm quân sự trông xuống hai con suối bắt đầu nổ súng như tia chớp giữa ngày quang. Trận đánh Tống Lê Chân bắt đầu nặng độ. Lợi dụng ngưng bắn, Cộng sản ra mặt tấn công ngay. Không ai trên thế giới biết đến, tất cả muốn xóa đi bỏ qua tai nạn cục bộ của Việt Nam rắm rối. Hòa bình, thứ rượu nhạt mà thế giới hằn lâu không được uống. Tống Lê Chân, trận chiến cuối mùa và cô đơn nhất của dòng thời gian binh lửa. Tính đến nay, căn cứ bị bao vây đúng 17 tháng, hay 510 ngày. Không ai trong chúng ta nghĩ đến con số nhỏ bé ghê gớm đau đớn này, chúng ta cũng là những kẻ có tội.

Stalingrad bị người Đức bao vây 76 ngày, người Mỹ giữ cứ điểm Balaam 66 ngày, quân lực Anh và Khối Thịnh Vượng Chung tử thủ Tobruk trong 241 ngày và ở Việt Nam "thiên đường" của chiến tranh, nơi binh đao tung hoành không giới hạn, chúng ta cũng đã có những cứ điểm với tên tuổi để đời như Điện Biên Phủ bị bao vây với số lượng 57 ngày. Gần gũi và còn được nhớ hơn hết là những trận đại chiến khởi đầu trong mùa hè '72, những trận đánh vượt quá hẳn chiến sự thế giới tại các địa danh Kontum, An Lộc, Quảng Trị, những Delta, Charlie ở Kontum cũng chỉ kéo dài trong 1 ngày, An Lộc 110 ngày và Quảng Trị thực sự đến ngày 25 tháng 7/1972 đã được giải tỏa phần lớn...

Thế nên, Tống Lê Chân với 510 ngày bị vây hãm phải được xem là trận đánh dai dẳng nhất lịch sử chiến tranh của nhân loại. Căn cứ nhỏ bé đó từ ngày 10 tháng 5/1972 đã bị mờ khuất sau làn khói lớn của An Lộc, Quảng Trị, Kontom và đến nay, sáu tháng sau ngày hòa bình độc hại, chiếc tiền đồn lại càng có khuynh hướng bị xóa mờ để che dấu và vô hiệu hóa tội ác của những người Cộng Sản. Chúng ta phải nhỏ giọt nước mắt thật nóng để cầu nguyện cho số người trong 510 ngày đã phấn đấu để chứng tỏ cùng thế giới: tội ác đã đồng nghĩa với con người cộng sản. Tống Lê Chân, giọt nước mắt tinh tuyền của sức đối kháng vô bờ của người Việt miền Nam.

Căn cứ được thiết lập trên ngọn đồi cao 50 thước, trông xuống hai con suối Takon và Neron, những con suối đầu tiên của sông Saigon dày đặt khắp miền Tây Ninh, Bình Long, nằm trên đường ranh của hai tỉnh này, cách An Lộc 15 cây số về phía đông bắc và ở miền nam biên giới Việt-Miên khoảng 13 cây số, điểm nhọn của chiếc Mỏ Vẹt, đại bản doanh của Cục R chĩa thẳng vào căn cứ. Tống Lê Chân trước kia là một trong những trại Dân Sự Chiến Đấu thuộc Lực Lượng Đặc Biệt mà người Mỹ đã thành lập từ năm 1967. Trong lãnh thổ Quân Khu 3 dọc theo biên giới Việt-Miên từ Tây Ninh qua Phước Long có những trại Bến Sỏi, Thiện Ngôn, Katum, Tống Lê Chân, Lộc Ninh, Quan Lợi, Bù Gia Mập, chỉ riêng trại Bến Sỏi nằm trong nội địa Tây Ninh, các trại còn lại làm thành một hàng rào hệ thống tiền đồn ngăn chận, báo động sự xâm nhập và điều động của Cộng Sản từ bên kia biên giới nơi có những địa danh đã một lần vang động như Lưỡi Câu, Mỏ Vẹt, hệ thống trại còn lại là nơi xuất phát những cuộc hành quân tuần tiễu phát hiện và tiêu diệt các đơn vị địch trong vùng.

Vùng hoạt động của trại cũng là chiến khu của giặc, Chiến Khu C và cũng như hệ thống đường liên tỉnh mà chính quyền ông Diệm đã thành lập từ những năm 1960, 1961, những trại Lực Lượng Đặc Biệt, sản phẩm đắc ý của Tổng Thống Kennedy, người được yêu chuộng nhất của 37 đời tổng thống Mỹ. Nhưng đến bât giờ, năm 1973 tại Việt Nam, lúc người Mỹ đã quay mũi phi cơ về Clark Field, Guam, bỏ lại xứ sở Đông Dương mịt mù tiếng đạn trong âm vọng hòa bình, các trại kia chỉ còn lại là những chiến trường địa phương bị cô lập với thế giới bên ngoài đành đoạn.

Không phải là chiến tranh nữa, đây chỉ còn là những cơn sốt vỡ da cho "hòa bình" nguy hiểm. Tống Lê Chân, cơn sốt cuối cùng và dai dẳng. Dưới chân đồi căn cứ về phía Bắc còn có đường 246 nối Tây Ninh và Bình Long xuyên qua lớp rừng xanh lá, đây là con lộ huyết mạch để mặt trận nối liền hai vùng sinh tử, khu C và khu D. Tống Lê Chân cũng là yết hầu chận ngang

đường dây Bắc Nam, nơi bản doanh Cục R và vùng Dầu Tiếng, để từ đây xâm nhập xuống Bình Dương, Gia Định. Với vị trí chiến thuật quan trọng như thế, Tống Lê Chân không còn là mục tiêu quân sự thông thường. Căn cứ nhỏ bé này có một tầm quan trọng khẩn thiết kiểm soát được bốn hướng tây đông, bắc nam của hệ thống giao liên quan trọng trong lòng căn cứ địa đối phương.

Từ ngày thành lập, Tống Lê Chân chưa bao giờ có một ngày thanh bình, tên địa phương là Tonle Tchombe, vị chỉ huy trưởng đầu tiên, Thiếu Tá Đặng Hưng Long gọi trại thành Tống Lê Chân. Những người ngoài binh chủng Lực Lượng Đặt Biệt phần đông gọi theo danh từ hàm xúc này, Tống Lê Chân tên tiền định cho số kiếp nghiệt ngã.

Năm 1970, trong chương trình cải tuyển binh chủng, binh sĩ trại Tống Lê Chân phần đông là những dân sự chiến đấu thuộc sắc dân Stieng tình nguyện ở lại cùng căn cứ để biến cải thành Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân Biên Phòng. Tháng 4 năm 1972, song song với các cuộc cường tập vào Lộc Ninh, An Lộc, Cộng quân đã có ý định "ủi láng" hết dãy căn cứ biên phòng trên để rộng đường điều quân cùng chuyển vận quân nhu, quân cụ. Tình hình khẩn trương của thời gian ấy đã khiến Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân ở Quân Khu 3 quyết định rút hết lực lượng của bốn căn cứ Thiện Ngôn, Katum, Tống Lê Chân và Bù Gia Mập. Nhưng người chỉ huy của Tống Lê Chân đã có câu trả lời sau khi nhận được lệnh:

- Xin ở lại chiến đấu bảo vệ căn cứ. Di tản tiếc quá. Biệt Động Quân mà di tản yếu quá.

- Tình hình có giữ nổi không?

- Tất cả binh sĩ đều xin ở lại bằng mọi giá để bảo vệ uy tín binh chủng.

Định mệnh đã điểm giờ phút đó, lực lượng nhỏ bé của Tiểu đoàn 92 Biệt Động Quân Biên Phòng trở nên những anh hùng lặng lẽ của trận đánh cuối cùng làm sáng tỏ lòng chiến đấu bền bỉ của người Việt cho hòa bình. Hòa bình Việt Nam, giấc mơ tội nghiệp của cả một dân tộc được tưới thêm bởi máu nóng của những người lính vô danh của Tiểu đoàn 92 trong một hốc của núi rừng miền đông Nam Bộ. Thế giới giữ được cân bằng trên hòa bình vật vã này, toàn thể nhân loại có biết thế không?

Giữ một vị thế trọng yếu trong hệ thống giao liên giữa căn cứ địa của địch, bảo vệ được cánh sườn phía tây cho An Lộc, Tống Lê Chân trên bản đồ hành quân của Ban Tham Mưu R (Việt Cộng) đã được xác định là một mục tiêu cần phải "dứt điểm". Ngày 10 tháng 5/1972, Cộng quân dồn lực lượng đánh trận biển người vào căn cứ có chiến xa yểm trợ sau khi đặc công xâm nhập được vào vòng đai phòng thủ. Nhưng căn cứ vẫn đứng vững như lời nguyền người chỉ huy của trại tên Lê Văn Ngôn với số tuổi khiêm nhường, 25 tuổi đã giữ được lời thề

Ngôn thuộc Khóa 21 Đà Lạt, ra trường năm 1966, bây giờ tháng 9 năm 1972, Ngôn mang cấp bậc trung tá, một thời gian kỷ lục, nhưng không ai tỵ hiềm. Không thể tỵ hiềm được vì tình hình quân sử thế giới không có một đơn vị nào bị vây trong thời gian 510 ngày vẫn còn đơn độc chiến đấu. Ngôn và Tiểu Đoàn 92 của anh là một biệt lệ, một hiện thực ý niệm cao cả về trách nhiệm và giá trị mà người lính muôn đời luôn nghĩ đến. Những người lính khắp nơi của thế giới đã nhiều lần chứng tỏ tầm vóc vĩ đại của mình trên đảo Saipan, trong buồng lái của những chiếc máy bay Rero, trong những phi vụ trên vùng trời Âu châu được đan kín bởi một lưới lửa đạn phòng không trong đệ nhị thế chiến…Ở Việt Nam, trận Mậu Thân 1968, Hạ Lào 1971 và suốt 510 ngày, cùng một lúc sức chiến đấu lại tăng trưởng theo chiều cao, theo cường độ tấn công và pháo kích của quân giặc.

Tống Lê Chân bắt chúng ta suy nghĩ khi biết được Gilles, viên tướng Nhảy Dù lừng danh của Quân đoàn Viễn chinh Pháp đã nói cùng Cogny và Navarre: "Hãy móc tôi ra khỏi Điện Biên Phủ, tôi vừa sống 6 tháng ở ổ chuột Na San rồi. Tôi quá sợ những cứ điểm bưng bít như thế này!" Sáu tháng ở cứ điểm Na San trong vị thế một người chỉ huy cùng với phương tiện vật chất thừa thãi cũng đủ làm cho ông tướng gốc người Corse phải kinh khiếp, thế nhưng trên ngọn đồi 50 thước, dưới hầm sâu lạnh tanh, viên trung tá trẻ nhất của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, Lê Văn Ngôn đã sống đến ngày thứ 510 cùng với Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân với số quân thiếu hụt và thực phẩm phải dè sẻn từng túi cơm sấy. Đau đớn hơn cả, Ngôn chiến đấu trong hòa bình giả tạo và gian dối mà đối phương cùng thế giới đang nhân danh mỗi giờ, mỗi phút.

Những phút Tiểu Đoàn 92 ẩn mình dưới giao thông hào đợi cơn pháo qua, giờ phút của 510 ngày thiếu ánh sáng mặt trời. Vậy vấn đề được đặt ra cùng sự kiện như đã trình bày. Chúng ta phải làm gì cho số người nhỏ bé cao cả trên cao điểm năm mươi này? Ngăn chận, phát hiện địch, giữ căn cứ để làm bàn đạp, tung quân tuần tiểu, tấn công và truy kích địch, những mục tiêu đầu tiên mà ý niệm hành quân đã đặt để cho căn cứ không còn nữa. Chúng ta chỉ còn lại một biểu tượng bi tráng, chỉ có một chiến trường phi lý để những người anh hùng âm thầm ngã xuống trong lặng lẽ, làm sáng tỏ sự tàn ác, khiếp nhược của nền hòa bình độc hại. Chúng ta sẽ làm gì nếu bỏ qua hay thụ động buông thả để duy trì tình trạng phi lý độc địa này.

Phiên họp đặt biệt cấp trưởng đoàn ngày 17 tháng 3/1973 do Việt Nam yêu cầu và Hoa Kỳ chủ vị, chính thức đặt Tống Lê Chân lên bàn hội nghị. Trưởng đoàn Việt Nam Cộng Hòa, tướng Dư Quốc Đống đề nghị ba biện pháp cấp bách:

1. Cử ngay một toán Liên Hiệp Quân Sự Bốn-Bên trung ương đi Tống Lê Chân để điều tra vi phạm ngay lập tức sau khi có thỏa thuận hội nghị.

2. Nếu phe Cộng Sản không thỏa thuận đề nghị, Hoa Kỳ trên tư cách chủ vị gởi văn thư yêu cầu Ủy Ban Quốc Tế cử người đi điều tra.

3. Yêu cầu phía Mặt Trận Giải Phóng ra lệnh ngay cho các đơn vị của mình chung quanh Tống Lê Chân phải ở nguyên vị trí, không được bắn lên phi cơ Ủy Ban Quốc Tế khi đến điều tra. Nhưng lọc lừa là tính chất cơ bản, phía Mặt Trận Giải Phóng biết chắc phiên họp đặc biệt này sẽ thảo luận một vấn đề nghiêm trọng mà họ chưa có chỉ thị để giải quyết: dù Trần Văn Trà mang quân hàm trung tướng đi chăng nữa, Trà cũng không bao giờ quyết định được một vấn đề gì, dù vấn đề đó thuộc về nguyên tắc, thủ tục nếu chưa có chỉ thị trước, nên Trà đã vắng mặt để cho viên đại tá Đặng Văn Thu đại diện họp thay.

Trước ba đề nghị xác đáng của một vấn đề cụ thể, Thu không ngập ngừng bối rối né qua tố cáo: Việt Nam Cộng Hòa đã vi phạm ngưng bắn tại Đức Phổ, Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Đức Cơ (Pleiku) và kết luận ung dung: chính Việt Nam Cộng Hòa vi phạm tại các địa điểm trên! Không một lời nói, không một từ ngữ nhắc đến sự kiện, địa danh Tống Lê Chân. Trưởng phái đoàn Bắc Việt gật gù chiếc đầu tán đồng lập lại lời phát biểu của Mặt Trận Giải Phóng với thứ tự chữ nghĩa nói khác đi một chút. Bài học đã được học từ nhà, các cậu học trò cộng sản lập lại không sai một chữ, bất chấp nội dung rõ rệt của ba đề nghị…Ý kiến - một sự kiện không có bao giờ có trong đầu của cá nhân người cộng sản khi chưa "hội ý!"

Thấy hai phái đoàn Cộng Sản không đá động gì đến ba đề nghị vừa trình bày, phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa lập lại đêø nghị lần thứ hai: Nếu Ban Liên Hợp Quân Sự Bốn-Bên chưa thống nhất ý kiến thì yêu cầu Hoa Kỳ gởi văn thư cho Ủy Ban Quốc Tế để Ủy Ban này đi điều tra. Mặt Trận Giải Phóng cùng Bắc Việt lại hát lên một nội dung: "Không đồng ý việc gởi văn thư cho Ủy

Ban Quốc Tế đến để điều tra." Phiên họp ngưng ở kết luận này. "Tính nhất trí" của Hiệp định, tính chất không bao giờ có ở bàn hội nghị!

Cho chắc ăn hơn nữa, phía Cộng Sản mớm lời cho hai phái đoàn Ba Lan, Hung Gia Lợi khi tiếp nhận văn thư của Hoa Kỳ đi điều tra Tống Lê Chân: "UBQT không đồng ý đi điều tra ở một nơi khi nơi đó chưa được an ninh." Muốn chắc ăn hơn, hai phái đoàn quốc tế cộng sản này lại đưa thêm điều kiện: Sẽ chịu đi nếu phái đoàn Mặt Trận Giải Phóng cử sĩ quan liên lạc tháp tùng cùng trực thăng. Lẽ dĩ nhiên điều kiện không bao giờ được thực hiện vì Mặt Trận Giải Phóng chắc chắn không đồng ý cử sĩ quan liên lạc tháp tùng.

Một tuần lễ trôi qua, kể từ phiên họp ngày 17 tháng 3/1973 tất cả nỗ lực về Tống Lê Chân đều bị chấn lối bởi hai ngón đòn: "Tình hình Tống Lê Chân chưa rõ rệt, phái đoàn Mặt Trận chờ chỉ thị của thượng cấp và đơn vị Mặt Trận Giải Phóng không cử sĩ quan liên lạc đi cùng nên Ủy Hội Quốc Tế không thể đến điều tra." Mặt Trận Giải Phóng, Bắc Việt, Ba Lan, Hung Gia Lợi nương vào nhau nhồi quả bóng vô liêm sỉ, né tránh hẳn vấn đề.

Ngày 23 tháng 3/1973, chỉ còn 4 ngày nữa là hết thời hạn 60 ngày làm việc của Ban Liên Hiệp Quân Sự Bốn-Bên, Hoa Kỳ thúc dục phái đoàn Gia Nã Đại (chủ tịch Ủy Ban Quốc Tế) trực tiếp thu xếp với Mặt Trận Giải Phóng để sớm điều tra sự kiện Tống Lê Chân. Mặt Trận Giải Phóng trốn không nỗi, đưa Đại Tá Võ Đông Giang, phó trưởng đoàn ra gặp Đại Tá Lomis (Gia Nã Đại) thỏa thuận cử sĩ quan liên lạc của Mặt Trận theo Ủy Ban Quốc Tế đến Tống Lê Chân vào ngày 24 tháng 3/1973…Nhưng rốt cuộc cũng là trò đánh tráo. Theo thỏa thuận của Giang, sĩ quan Mặt Trận sẽ từ Tân Sơn Nhất đi Tống Lê Chân tiếp xúc trước với lực lượng Cộng Sản ở đây xong trở về Biên Hòa (Biên Hòa là khu V Liên Hợp Quân Sự - tức là cùng của Việt Nam Cộng Hòa) để đón Ủy Ban Quốc Tế vào Tống Lê Chân. Tên sĩ quan liên lạc của Mặt Trận nhận chỉ thị trước, nên từ Tống Lê Chân y trở về Tân Sơn Nhất, làm cho Ủy Ban Quốc Tế đợi ở Biên Hòa suốt ngày 24 tháng 3/1973. Cuộc điều tra Tống Lê Chân của Ủy Ban Quốc Tế không bao giờ có thể thực hiện được. Không bao giờ.

Về phía Liên Hợp Quân Sự, sau một tuần lễ cố gắng liên tục kể từ phiên họp 17 tháng 3/1973, Việt Nam Cộng Hòa buộc Mặt Trận Giải Phóng phải cùng sĩ quan liên lạc đến Tống Lê Chân để thực hiện tản thương. Nhưng ngày 23 tháng 3/1973, thay vì xuống Tống Lê Chân như đã dự liệu, tên sĩ quan liên lạc Mặt Trận xuống "Sóc Con Trăn" cách Tống Lê Chân 10 cây số về phía tây, viên sĩ quan này lấy cớ phải liên lạc với "địa phương" y trước, sau một hồi tìm kiếm trong vùng, y trở lại trực thăng lấy cớ vì bom Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa đã đánh đứt đường giây y không tìm ra ai. Chiếc trực thăng trở về Saigon, không một thương binh được di chuyển.

Phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa vẫn duy trì yêu cầu Mặt Trận Giải Phóng thảo luận để Việt Nam Cộng Hòa tản thương ở Tống Lê Chân. Mặt Trận Giải Phóng hết cớ từ chối, ngày 24 tháng 3/1973, hai mươi thương binh đầu tiên và cuối cùng được di tản. Mặt Trận Giải Phóng "hòa hợp, hòa giải dân tộc" với giá máu này một lần độc nhất, Tống Lê Chân đóng cửa vĩnh viễn với nỗi bi hùng của nó. Cấp trưởng phái đoàn, cấp trưởng tiểu ban liên tiếp họp để dọn sạch vấn đề Tống Lê Chân. Nhưng sự thật là một việc, và cách nhìn của người Cộng Sản lại là một việc khác, nên sự kiện quân đội cộng sản bao vây, cường tập tấn công vào vị trí của ta biến thành một cuộc hành quân của "quân đội Saigon" lên chiếm khu vực Tống Lê Chân, một nơi nằm sâu trong vùng giải phóng của chính phủ Cách Mạng Lâm Thời!

Kèm theo luận cứ, lực lượng Mặt Trận Giải Phóng pháo vào trại là rất tự kềm chế vì phải cảnh cáo đơn vị trong đồn muốn "nống nấn" ra ngoài khu vực Mặt Trận Giải Phóng (một đơn vị chỉ hơn hai trăm người có thể nào tấn công vào vòng vây của một sư đoàn). Về việc gọi loa đầu hàng, Mặt Trận Giải Phóng giải thích: Đó là giảng "đạo lý, hiệp định" cho binh sĩ trong đồn biết

"đạo lý về hòa hợp, hòa giải dân tộc". Ý nghĩa đích thực của ngôn từ đã biến mất trên lưỡi của người Cộng Sản. Những điều vô lý thô bỉ đã được dựng đứng, đài phát thanh Việt cộng ào ào tố cáo. Trần Văn Trà, Lê Quang Hòa gởi kháng thư tố giác, các thành viên Hung Gia Lơii, Ba Lan nghiêm chỉnh nghiên cứu kháng thư. Và biết đâu trên thế giới có một số đông người tin vào kháng thư gian dối đó. Không hiểu Đức Giáo Hoàng khi đọc bản tin của tòa báo Tòa Thánh đề cập đến bản kháng thư đó ngài có biết đến những con mắt nổ lửa dưới hầm sâu Tống Lê Chân đang mong ngày mau đến.

Đau đớn hơn, khi tại Saigon, nơi chỉ cách Tống Lê Chân trăm cây số đường chim bay, có những người đã không biết hoặc không muốn biết những người lính Việt Nam đang ở chiếc đồn bị bao vây vào ngày thứ 510. Và nhiều kẻ lại nhìn vấn đề ngược lại, như đám Ngọc Lan, Chân Tín, như thứ chính khách đối lập Hồng Sơn Đông, Hồ Ngọc Nhuận, Hồ Hữu Tường, Trương Gia Kỳ Sanh (những nghị sĩ, dân biểu được Mặt Trận Giải Phóng nhắc nhở nhiều lần ở bàn hội nghị khi muốn tố cáo chính quyền Việt Nam Cộng Hòa). Những người này là gì trong khi đồng lõa với tội ác đẫm máu này? Tính đến ngày của phiên họp đầu tiên đề cập đến Tống Lê Chân, hai mươi ngày sau khi hòa bình 28 tháng 1/1973, căn cứ có thêm bốn chết và hai mươi hai bị thương, những người chết này chết cho ai? Phải chăng để bảo vệ miền Nam, trong đó có những người vừa kể đang nhân danh hòa bình.

Quả tình chúng ta đang ở trong một "trạng thái hòa bình" sau hai mươi sáu năm nghe tiếng súng nổ và lửa cháy. Chúng ta đã nghe quen tiếng nổ đại bác hỏa tiễn, chúng ta cũng quen với độ cao của ngọn lửa Mậu Thân, hơi nóng của An Lộc, Quảng Trị nên hình như khi hưởng được sự yên ổn đau đớn của ngày hôm nay, chúng ta đã vội vã xóa tan vết tích chiến tranh, muốn quên đi những hình ảnh tàn khốc của tháng kia, năm trước và trong hạnh phúc tội nghiệp này, giữa lòng cơn lốc túng đói, chúng ta cũng đã không đủ khả năng để nhớ đến hình ảnh một căn cứ lẻ loi cố gắng khỏi bị hủy diệt để thể hiện ý muốn sống trong tự do và hòa bình, nỗi mơ ước của toàn dân tộc…Mơ ước đó có ta dự phần. Vậy, chúng ta phải làm gì được cho Tống Lê Chân.

Tôi viết lên tiếng kêu bi hùng về Tống Lê Chân vào tháng 6 năm 1973, thời gian quân đội Cộng Sản đang chuẩn bị dứt điểm vào Tống Lê Chân trong dịp mùa mưa sắp tới của năm 1973. Suốt năm 1973, chiếc đồn nhỏ bé này đã đứng vững được trước hàng chục cuộc tấn công và bị pháo kích hàng chục ngàn quả đạn, viên chỉ huy căn cứ, Trung Tá Lê Văn Ngôn, hình như định mệnh đã gắng chặt tên anh cùng chiếc đồn nhỏ bé đó, lời nói quyết chí của ngày tử thủ đầu tiên đã được giữ trọn như tên anh đã định trước. NGÔN --một lòng son sắt giữ mãi một lời nói. Trong nguy nan của mỗi giờ sát cùng cái chết, người anh hùng lặng lẽ với số tuổi quá nhỏ so với chiến trường kia quả là một hiên thực hình ảnh linh diệu kết tinh bởi sức chịu đựng vô bờ của dân tộc. Ngòi bút viết ra cũng hỗ thẹn trước nỗi can trường này.

Những phiên họp của tháng 3, tháng 4/1974 tại Ban Liên Hợp Quân Sự Hai-Bên trung ương, phía Việt Nam Cộng Hòa lại lớn tiếng báo động: Công Trường 9 (Cộng Sản) nhất định rút ưu khuyết điểm của năm qua, tập dượt trên sa bàn cùng Trung Đoàn 27 quyết ủi láng trại. Trung Đoàn 27 sẽ được yểm trợ trực tiếp bởi một trung đoàn pháo, một trung đoàn phòng không và lữ đoàn chiến xa, không kể thành phần trừ bị và tăng viện. Một năm trời thử lửa, một hai tháng thực tập trên sa bàn và trên địa thế tương tự…quân cộng sản dùng địa đạo chiến, công kiên chiến khởi từ 5 tháng 4/1974 đến 1:00 giờ ngày 11 tháng 4/1974 đoạt được đồn. NGÔN làm gì với quân số 259 người với 50 người bị thương từ trước, hai chục người bị thương ở đợt tấn công sau cùng?

Tiểu Đoàn 92 đã chiến đấu hơn tất cả mọi đơn vị bộ chiến của lịch sử chiến tranh, con người NGÔN hơn hẳn những người anh hùng chiến trận của nhân loại: Alamo, Saipan, Wake, hàng

trăm ngàn chiến binh của thế giới đã dựng lên tấm bia can trường về bổn phận cao cả của lính. NGÔN và Tiểu Đoàn 92 Biệt Động dựng lên tấm bia lớn nhất, rực rỡ nhất. Cao quý hơn tất cả, NGÔN và 259 Biệt Động Quân của Tống Lê Chân là những người chiến sĩ chiến đấu cho hòa bình. Hòa bình của quê hương Việt Nam. Chúng ta trong thành phố bình yên có nghĩ gì khi hay tin Tống Lê Chân bị đoạt mất. Tiểu đoàn 92 mở đường máu rời căn cứ. Chỉ còn giọt nước mắt, phải, chỉ còn một giọt nước mắt ngập bi hùng.

Người ở lại Charlie

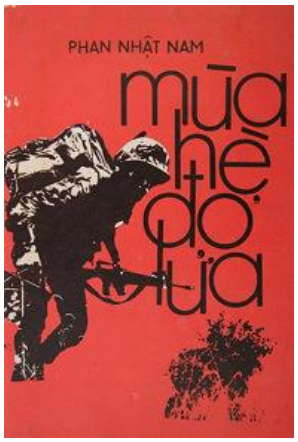

Đường mòn Hồ Chí Minh (HCM) trên đất Lào khi chạy đến vùng Tam-Biên phía đông cao nguyên Boloven chia ra hai nhánh. Nhánh thứ nhất từ Chavane đâm thẳng biên giới Lào-Việt xuyên qua dãy Chu Mon Ray để nhắm vào Darkto. Nhánh thứ hai từ Bản Tasseng qua trại Lệ Khánh, và Kontum là mục tiêu cuối cùng của quan niệm chiến thuật Bắc quân: Phải chiếm giữ thị trấn cực bắc này để làm bàn đạp lần tấn công Pleiku, rồi từ đây tiến về phía đông, xuống bình nguyên tỉnh Bình Định.
Gọi nhánh thứ nhất là nhánh Bắc và nhánh thứ nhì là nhánh Nam. Trong chiến dịch Xuân-Hè 72 của Mặt Trận B3 (chiến trường Tây Nguyên), đường rẽ phía Bắc được sử dụng, từ đỉnh 1773 của núi Chu Mon Ray, con đường không thể gọi là một nhánh nhỏ của "đường mòn Hồ Chí Minh" nữa, nhưng phải gọi đó là một "bypass" của một cải lộ tuyến phẳng phiu trơn láng, chạy ngoằn ngoèo qua các cao độ, đổ xuống những thung lũng hun hút của dãy Big Mama Mountain rồi bò theo hướng đông đến đỉnh Kngok Kon Kring. Đỉnh núi này cao quá, con đường phải quẹo qua trái, đi lên cao độ 960 và tạm dừng lại. Dừng lại, vì phía đông, hướng trước mặt chỉ cách mười cây số, con sông Pô-Kơ dậy sóng. Con sông ầm đổ qua ghè đá, ào ào đi giữa rừng xanh núi đỏ. Bên kia sông, Quốc Lộ 14 chỉ khoảng trên dưới sáu cây số và đầu con đường là Tân Cảnh, mục tiêu của bao chiến dịch.Từ ngày chiến tranh "giải phóng" bùng nổ. Đây rồi, "...nồi cơm điện National" đây! Tân Cảnh hấp dẫn ngon lành như cô gái yếu đuối hớ hênh thụ động nằm dưới thung lũng bát ngát ở đằng kia. Bộ đội ta tiến lên. Nhưng không được nữa, con đường đã bị dừng lại, và bộ đội ta dù được "tùng thiết," dù được đại pháo "dọn đường" cũng phải dừng lại, vì đỉnh 960 chính là bãi đáp C, là cứ điểm Charlie và Tiểu Đoàn 11 Nhảy Dù đã xuống LZ (landing zone, tức bãi đáp trực thăng, hoặc khoảng đất trống dùng để đổ quân từ trực thăng) này từ ngày 2 tháng 4/1972. Con cháu Bác và Đảng phải ngừng lại bố trí trận địa. Nỗ lực kinh khiếp kéo dài trên năm mươi cây số đường núi, từ ngã rẽ đất Lào phải dừng lại vì chạm phải "sức người." Ở đây, người đã gặp nhau.
Vực thấp, đỉnh cao, bạt núi, xẻ đèo, những con người cuồng tín và tội nghiệp của miền Bắc đã làm được tất cả. Con đường núi của Tướng Stiwelle từ Miến Điện đến Trùng Khánh, Trung

Quốc năm 1945 đã là một sự khủng khiếp. Đường xuyên sơn vạn dậm, dài thật dài, quanh co khúc khuỷu lớp lớp giữa núi rừng nhiệt đới, con đường nổi tiếng đúng như tầm vóc và giá trị của nó. Cả nước Tàu sống bám vào cái ống cứu nguy thậm thượt hun hút này.

Vào thời điểm đầu thế chiến, nước Tàu, đồng minh "tuyệt vời cần thiết" của người Mỹ dễ thương cần phải sống để chống đỡ trục Bá Linh-Đông Kinh. Con đường quả đáng tiền và đáng sợ. Nhưng đường này làm bằng máy, dưới sự yểm trợ và che chở của các "Ong Biển" hảo hạng, những người lính công binh chiến đấu hãnh diện của Mỹ quốc giàu sang hùng mạnh. Năm mươi cây số đường xuyên sơn của "bộ đội ta" thì khác hẳn. Bộ đội đào bằng tay trong đêm tối. Bộ đội lấp hố dưới tấm lưới lửa thép của B-52, trên những giải thảm tử thần dầy lệnh bom-bi CBU (cluster bomb unit). Sức người và lòng cuồng tín ghê gớm đã vượt qua giới hạn. Đấy không còn là người với thịt da biết mệt mỏi đau đớn, cũng không là người với trí óc biết nguy biến và sợ hãi. Bắc quân, khối người vô tri tội nghiệp chìm đắm trong ảo tưởng và gian nguy triền miên. Con đường sạn đạo vào đất Ba Thục tân thời được hoàn thành từng phân từng thước. Bắc quân theo đó đi về Đông.
Nhưng đến đây, ở cao độ 960, người lính Bắc Việt không tiến được nữa vì đã gặp "người." Người rất bình thường và giản dị. Người biết lo âu, sợ nguy biến. Người có ước mơ và ham muốn vụn vặt. Những người không thần thánh hóa lãnh tụ và tin tưởng Thiên Chúa cũng chỉ là bạn tâm tình. Nhưng đó cũng là những người lính đánh giặc "tới" nhất của Quân Lực Miền Nam, chỉ huy bởi những sĩ quan miệt mài trên dưới mười năm trận địa. Những sĩ quan biết đánh hơi rất chính xác khả năng và ý định của đối phương. Bắc quân dừng lại giữa đường, ảo tưởng bị công phá và tan vỡ. Họ gặp lính Nhảy Dù Việt Nam.

TRẬN ĐÁNH TRÊN CAO ĐIỂM

Anh Năm (tức Trung Tá Nguyễn Đình Bảo, sĩ quan chỉ huy trưởng của Tiểu Đoàn 11 Nhảy Dù) bố trí quân "hết xẩy." Cứ điểm C hay Charlie chính thống, cao độ 960 giao cho "thằng 1," Đại Đội 1, do Thinh, trung uý Khoá 25 Thủ Đức chỉ huy. Thinh trẻ tuổi đời lẫn tuổi lính. Thinh có vẻ yếu trước mắt mọi người vì Thinh... đẹp trai. Đã đẹp trai, tốt mã thì đánh giặc hơi yếu. Chẳng hiểu sao phần đông là như thế. Những anh có vẻ tài tử, ăn nói ngon lành, rỗn rãng thường hay lạnh cẳng.
Nhưng nghĩ cho kỹ thì cũng công bằng thôi, con người mà, được cái này thì mất cái kia. Nhưng anh Năm dưới cái nhìn sắc sảo của con ó, kèm theo "suy tư " của phó Mễ đã chọn Thinh để giữ Charlie vì cả hai người chỉ huy đều chắc một điều: Đây là một tay "dur," loại liều, thứ "kép trẻ đang lên" của trận địa. Thinh được lãnh hãnh diện "nhất kiếm trấn ãi" và những ngày sau Thinh đã chứng tỏ, người chỉ huy mình đã không nhầm lẫn.
Phía bắc của C giao cho Đại Đội 3, do Hùng "mập" làm đại đội trưởng. Hùng chỉ là đại úy thôi, nhưng "người" có đủ tác phong và khả năng để "tiến" xa hơn. Vì "người" cũng là tay văn nghệ, "lãnh tụ" sinh viên, có kích thước cơ thể và tính chất của tướng Thắng, ông "tướng sạch nhất " của quân đội và cũng là ông tướng học giỏi nhất! Nhưng giờ này Hùng chỉ là "simple captain" nên cam phận dẫn quân lên trấn giữa phía bắc Charlie, căng mìn bẫy, đào hầm chờ con cháu Bác, những chiến sĩ Điện Biên. Điện Biên cái con bà nhà nó, lúc xưa bố nó đánh Điện Biên chứ đâu phải nó hôm nay, trong họ tôi có ông chú làm tiểu đoàn trưởng đánh cái Điện Biên khỉ gió kia. Bây giờ tụi nó là cái chó gì. Chẳng nhẽ tôi là lính Tây cà-lồ sao? Phần còn lại tiểu đoàn lên cao điểm 1020, hay C2.
Anh Năm bảo Mễ:
- Mình giữ hột lạc (cao độ trên bản đồ, thường nhìn giống như hình hột lạc) này vì phía nam tao chắc toàn tụi nó. Lệnh hành quân bắt buộc mình phải giữ cửa thằng Charlie. Kẹt lắm, trước sau gì tụi nó cũng phải chiếm thằng Charlie này, và mình thì chỉ việc "thủ." Bố khỉ, thôi đã xuống đây thì phải giữ chứ biết làm sao, hôm đi họp hành quân được nhận tin tình báo từ quân đoàn, Sư Đoàn 320 (tức Sư Đoàn Điện Biên của Bắc quân) đã rút về tây, vào đất Lào!

- Anh Năm yên chí, mình "hơn tiền " tụi nó! Mễ chắc giọng.
Nhưng thật ra tất cả chỉ là những câu nói bề mặt, phần trong, đằng sau lý luận và phân tích, do những kinh nghiệm và nhạy cảm riêng về chiến trường, mọi người đều có chung ý nghĩ: Xong rồi, mình đã lọt bẫy! Bởi, chiến tranh miền núi là chiến trường giữa những cao điểm. Đành rằng C và C2 cũng là những cao độ, nhưng 960 và 1020 làm sao chế ngự được những đỉnh 1773, 1274, 1512 của rặng Big Mama Mountain và tiếp theo một dãy đường đỉnh nam rặng Chu To Sang. Và pháo binh của tụi nó. Pháo và kèm theo một "rừng cối," gồm một hệ thống súng cối có đường kính từ 80 ly trở lên hoặc sơn pháo bắn thẳng.
Sự thông minh và tinh tế về chiến trường của toàn bộ sĩ quan tiểu đoàn ngừng lại ở đây. Họ không dám nghĩ thêm. Phần lệnh hành quân đã giao cho họ một đỉnh núi trơ trọi để sửa soạn vinh quang cùng cái chết. Họ chỉ có một đỉnh Charlie đang hừng hực bốc hơi dưới nắng hè hạ chí trời Tây Nguyên. Định mệnh, sức mạnh khắc nghiệt khốn kiếp đã bắt phải như thế. Tiểu Đoàn 11 Nhảy Dù không còn khả năng chọn lựa. Như cuối cùng cái chết thế nào rồi cũng phải tới cho dù người lính hằng chiến đấu quyết liệt bao nhiêu. Sự thông minh và tinh tế về chiến trường của toàn bộ sĩ quan tiểu đoàn ngừng lại ở đây. Họ không dám nghĩ thêm. Phần lệnh hành quân đã giao cho họ một đỉnh núi trơ trọi để sửa soạn vinh quang cùng cái chết.

Ngày 6, cứ điểm Delta ở phía Nam bị đánh. Đúng chiến thuật, lính ông Giáp tưới xuống một trận mưa pháo, cối và hoả tiễn. Đêm thật dài, người ở Charlie chờ đợi và theo dõi. Tiên sư, tụi thằng Mạnh (Tiểu Đoàn Nhảy 2 Dù giữ căn cứ Delta) bị rồi. Xem thử tụi nó đánh đấm ra sao? Bộ chỉ huy Tiểu Đoàn 11 Nhảy Dù chong mắt vào loa khuếch đại máy truyền tin để nghe kết quả. Trời sáng dần, Delta lấy lại được, quân ta thắng. Anh Năm nhìn Mễ:
- Mày thấy đấy, chúng sẽ chơi với mình cũng với cách này, chúng sẽ lấy kinh nghiệm ở Delta để "dứt điểm" mình.
Toàn thể bộ chỉ huy im lặng. Mọi người đều có ý nghĩ chung. Bao giờ đến lượt mình? Bao giờ? Nhưng anh Năm không thụ động, con hổ dù bị nhốt trong chuồng vẫn còn nguyên phong độ, uy lực riêng. Không cần phải luận lý lâu lắc. Đây, quyết định của anh:
- Mễ, mày đem hai thằng 2 và 4 (Đại Đội 2 và 4) lên chiếm cho tao cái này. Anh chỉ vào một cao điểm ở nam C2. Nếu chiếm được mình sẽ cho một thằng lên giữ nó, mình đã bị phân tán mỏng thì cho mỏng luôn, càng mỏng càng tốt, tránh được pháo, đỡ bị tụi nó vây... Mày nghe chưa?
Mễ gật đầu, anh Năm thấy, nó cũng chung ý nghĩ. Đã vào bẫy thì tìm cách thoát ra, một đỉnh núi không thể là vị trí cố thủ. Tôi nghe anh rõ. Mễ trả lời. Trời vừa sáng, Mễ quay bảo Hải, Sĩ Quan Trưởng Ban 3 (Ban Hành Quân):
- Ông cho hai thằng 2 và 4 chuẩn bị, mình đi làm ăn. Không thể ngồi đợi tụi nó tới đây rúc rỉa, cấu xé được.
Ba đợt xung phong không thành, Bắc quân quả không dại dột bỏ vị trí rất nhiều ưu điểm. Cũng bởi sườn quá dốc, quân ta dù can trường, dùng tay lẫn chân cũng không thể nào "chạy" qua được hàng lưới lửa của đại liên 12.7 ly hoặc sơn pháo 75 ly bắn thẳng!
Cho thằng Mễ lui! Anh Năm bảo Hải. Trán cau lại, anh nhìn xuống đất, gỡ kính, chớp mắt, nói nhỏ sau tiếng chặc lưỡi: Mình bị một con dao đâm lút cán vào lưng!
Những ngày sau tương đối bình yên, hằng ngày các đại đội tung các đứa con ra xa lục soát, chỉ trừ đường về phía nam, nơi tụi "khốn nạn" đang chui trong núi. Làm sao "móc" chúng ra được? Bom thả xuống hằng ngày, nhưng chỉ là bom miễng. Mẹ, hầm tụi nó đào theo chữ U hoặc con c... gì gì thì làm sao bom "lách" vào được? Anh Năm đi lại trên đỉnh đồi nhìn bốn hướng trùng trùng và xa xa trong ánh nắng về phía Tây, cuối con đường trong vùng núi Lớn có lớp bụi mù.
- Xe chúng nó! Xe chúng nó! Tăng hay GMC của tụi nó... Bom! Bom! Gọi lữ đoàn, Hải!
- Để em gọi, nhưng Molotova chứ đâu phải GMC, anh Năm.
- Thì đấy là GMC của Nga, mày biết mẹ gì!
Đàn em thì bao giờ cũng "chẳng biết mẹ" gì. Anh Năm vốn hay phủ đầu như vậy. Nhưng đấy chỉ là một cách nói, bởi anh rõ ưu điểm của từng người như một máy ghi âm cực tốt. Máy bay ta ào tới, con đĩ "Lan 19" lượn một vòng trên vùng chỉ định, cho "ra" một trái khói. Khu trục nhào

xuống tiếp theo, bom nổ dâng cột khói lên cao.
- Tiên sư, bom ném thì hay nhưng sợ tụi nó trốn rồi, nó lại không trốn luôn mà quay trở lui về phía mình thì bỏ mẹ.
Sau cơn bom, khói bay lên không trung, qua bóng nắng đằng xa thung lũng lại có lớp bụi mới bồi từng chập.
- Tăng! Tăng! Tăng nữa! Đông quá, tụi nó chưa bị! Tiên sư, nó trốn ở đâu nhỉ? Trên đồi cao, anh Năm đứng im như con báo nhìn lũ sài lang tiến tới hằng hằng lớp lớp. Làm gì được bây giờ. Không lẽ xin thêm phi tuần khu trục?
Ngày 11, trận địa pháo bắt đầu. Pháo thật sự của 122 và 130 ly ào ào trútxuống C1, C2, C3. Không phải từng trái, nhưng từng chùm, từng loạt. Một, hai, ba... Hải cố gắng đếm.
- Mày làm gì thế, điên sao em? Anh Năm vừa hỏi vừa cười.
- Mình gắng đếm để báo cáo cho chính xác!
- Thế thì Mày phải đếm hàng chục một, một chục, hai chục... Tụi nó đâu "đi tiền" lẽ!
- Tụi nó "chơi" tôi! Thinh ở Charlie báo cáo qua máy.
- Mày giữ nỗi không? Anh Năm cướp ống liên hợp máy truyền tin trên tay Hải.
-Trình " đích thân," suya là tôi giữ được, xin cho pháo mình nổ gần tôi thêm chút nữa.
Pháo căn cứ hoả lực Võ Định (nơi đặt bộ chỉ huy lữ đoàn) bắn tới trước, rơi xuống sườn phía đông Charlie. Đạn 105 và 155 ly nổ từng trái một, khói bụi tung lên trông rõ.
- Mẹ, bắn gì "quý phái" vậy, nó tấn công chính diện ở phía tây. Mày xin pháo Căn Cứ 5 bắn xuống dễ ăn hơn!
Hải bốc ba, bốn cái máy truyền tin một lúc, năm ngón tay chuyên "xoa", "nặn" di chuyển trên giàn ống liên hợp lẹ như chớp... Thằng này gọi là "Hải khều" cũng phải, nó khều cái gì đúng cái đó! Anh Năm phịa câu khôi hài đúng lúc. Hải nheo mắt cười thích chí.
Pháo Căn Cứ 5, và hai căn cứ Sơn Tây và Mạnh Mẽ cùng ào xuống, vây quanh Charlie vòng đai lửa.
- Đấy! Đấy! Phải như thế mới được. Anh Năm gật gù tán dương, đồng lúc tiếng Thinh vang vang qua loa khuyếch đại.

- Trình đích thân cứ cho gà nó "đá" như thế, em đánh tụi nó de ra như đuổi con nít. Tốt! Tốt! cho gần hơn năm mươi thước nữa thì tốt hơn, ngay trên tuyến em cũng được!
Bốn mươi lăm phút sau, pháo im bặt, cả ta lẫn của địch. Anh Năm lên hầm chong ống nhòm xem Đại Đội 1 bên đồi C lục soát chiến trường. Súng và xác bộ đội Cộng Sản nằm lềnh kênh chật kín đồi đất đỏ.
- Nó đánh thằng 1 là để dợt chơi, cú dứt sẽ với mình.
- Trung tá, trên họ không tin nó pháo mình bằng 130 ly! Hải báo cáo, giọng mỉa mai.
- Gì? Anh Năm chỉ gắt được một tiếng. Như thế là người đang nổi cáu. Trường hợp này vốn rất ít, vì anh vốn trầm tỉnh, sự giận chỉ đến sau chót, khi đã cuối cùng chịu đựng.
- "Họ" bảo mày sao? Chữ "họ" được gằn xuống khinh thị!
- "Họ" bảo mình kiếm mảnh 130 để gởi về! Chữ "họ" thứ hai qua cách nói của Hải cũng đắng cay không kém.
- Đến đây mà kiếm, muốn thấy súng của chúng thì cũng đến đây, tao như thế này không lẻ la hoảng, báo cáo láo sao? Anh đá một hòn đất bay tung... Mẹ, nó xài toàn đạn delay (tức đạn đầu nổ chậm, xuyên phá qua đất hoặc công sự chiến đấu mới phát nổ) mới thế này đây! Câu nói ngắn đau đớn của niềm phẫn nộ tuyệt vọng.
- Cho sửa sang hầm hố, ngày mai gì tụi nó cũng "chơi " lại. Trước khi bước đi, anh quay sang Hải, dặn thêm: Mày trình với lữ đoàn, để nói với quân đoàn, đây là đạn 130 ly thật. Là 130 ly xuyên phá. Mày bảo tao nói thế.
Đêm xuống thật mau, đêm của núi rừng thẩm màu và đầy bóng tối đe doạ. Sao trên cao lấp lánh, sương mù đùn lớp. Đêm như có hình khối chuyển dịch. Đêm chất chứa che dấu hàng ngàn sinh vật đang bò dần vào cứ điểm. Đêm cũng vô cùng im lặng, nhưng nỗi im lặng kinh dị như khoảng cách từ khi viên đạn ra khỏi nòng súng và sắp sửa "chui" xuống mái hầm, hố

phòng thủ. Trong bóng tối, mấy trăm con người trên ba cứ điểm dựng đứng đôi mắt xuyên thủng qua bóng tối. Và chờ. Ngủ chỉ là khoảng cách ngắn để đối mắt khép lại, đầu gục xuống, xong giật mình tỉnh giấc với nỗi "lo lắng" như vừa qua cơn mê thiếp dài, và trong khoảng khắc "dài thăm thẳm chóng vánh" này, hình như quân địch đã tiến sát gần hơn. Tiểu Đoàn 11 Nhảy Dù qua đêm trong chập chờn sắc buốt với cảm giác viên đạn vô hình đang bay thẳng vào mặt. Có ráng hồng bên kia núi. Ngày đã tới. Ánh sáng đẹp âm vang hân hoan, như ân huệ nồng nàn vừa được sống sót qua thêm một đêm.

NGÀY CUỐI CỦA MỘT NGƯỜI

Ngày 12 bắt đầu. Lính cong lưng xuống trên đất để đào thêm độ sâu. Càng sâu càng tốt. Tỷ lệ được sống sót là độ sâu của lớp đất đá vô tri này. Đất được đổ lên mái. Con người chui lọt vào giữa đất đá, tội nghiệp và thụ động như con sâu ẩn mình trong tổ. Pháo sẽ đến lúc nào? Nổ ở đâu? Câu hỏi âm thầm vang vang trong đầu hàng trăm con người. Trên ba cứ điểm im lặng chỉ loáng thoáng bay những sợi khói mỏng manh. Khói của cơn pháo cuối cùng chưa dứt độ nóng trong đất. Chỉ tiếng cuốc đục đều đều vào đất đá như hơi thở bị ngắt khoảng.
Trong hầm chỉ huy, anh Năm chỉ những điểm ước tính Bắc quân đặt súng:
- Chắc chắn chúng chôn súng ở đây. Anh chỉ ngón tay trên các đỉnh Kngok Toim, Kngok Im Derong. Toàn là cao độ trên 1,500 thước, ở đấy, tụi nó thấy mình rõ như ở đây mình thấy thằng 1 dưới Charlie. Ngày hôm qua nó bắn mình không trật một phát ra ngoài. Mày xin mấy phi tuần để sẵn, có gì mình dội xuống liền. Dội ngay trên tuyến mình cũng được. Xong, ông Mễ và bác sĩ Liệu về hầm đi, đừng tụ vào một chỗ.
Mễ và Liệu đứng dậy.
- Chào trung tá. Anh Năm gật đầu. Hình như anh gượng cười. Có điều gì khó khăn sắp xẩy ra? Không ai biết, nhưng âm tiếng mọi người có điều gì khang khác, buồn buồn. Tai ương nguy biến chực sẵn đâu đây đã làm người hóa nên tê liệt, rã rời. Cũng thật do chờ đợi quá căng thẳng giữa vũng tối, dầy bóng đêm.
- Thôi, tôi về, có gì tôi chạy qua với anh. Hải không để ý tiếng "anh" bất bình thường nói trong hơi thở hụt. Người chỉ huy đứng dậy, Hải tiễn anh ra cửa hầm. Anh bước lên nặng nề, chậm chậm, lưng cong xuống. Anh đi trên đất đá đào xới với dáng dấp của con hổ bị thương khi trở lại rừng xưa nay đã hoang tàn.
Mười một giờ 5 phút, pháo lại bắt đầu. C2 bị nặng hơn C và C1. Theo thói quen, Hải nhẩm tính tính từng chục trái một; hắn hét lớn báo cáo với lữ đoàn.
- Tôi và hai đứa con cùng bị một lượt, toạ độ đặt súng ở yếu tố cũ. Không ước lượng được, hai trăm trái rồi. Tụi nó đang tấn công C.
Bắc quân từ Tây và Tây-Nam đồng nhào lên C, những người ở C2 nhìn xuống sườn đồi lúc nhúc những bóng áo vàng đục di chuyển chậm chạp, lui tới.
- Nó đánh giặc gì kỳ vậy? Người hạ sĩ quan hành quân hỏi Hải.
- Tụi nó "điên," chẳng phải "điện biên" mẹ gì cả, đéo thấy ai ngu bằng tụi nó.
Lính đại đội Thinh nhỏm dậy khỏi giao thông hào, súng bắn không cần nhắm, lựu đạn ném không cần lấy đà. Ta và địch cách nhau không đầy một tầm lựu đạn. C2 vẫn im lìm dưới trận mưa đạn và lửa. Tám trăm trái rồi. Chưa đầy một tiếng, nó đã nổ hơn tám bớp! Hải ngồi bẹp trên đất, nón sắc chụp xuống, lẫm bẩm những câu vô nghĩa với chính mình. Qua máy truyền tin nội bộ (giữa các đại đội và ban hành quân tiểu đoàn), tiếng chuyển lệnh của Thinh nghe chững chạc, tự tin, "...Đợi tụi nó đến gần rồi hẳn bắn, nó chỉ là lính con nít, bây là Nhảy Dù mà để thua là yếu lắm đó..." Hải cố mỉm cười nhưng nụ cười không thành dạng. Pháo vẫn nổ như cơn địa chấn như xoay chiếc hầm nghiêng ngã. Tụi nó đòi dứt đứa con của mình. Ờ mà sao chẳng nghe anh Năm gọi qua gì hết. Có chuyện gì không nhỉ. Trí não Hải đã cứng trơ. Hắn không nghĩ được điều gì hơn.
Mễ không buồn nghĩ đến số vũ khí của hai Đại Đội 1 và 3 tịch thu được. Anh Năm chết, là tiểu đoàn phó, Mễ tự động lên thay thế. Trách nhiệm quá nặng với tình thế kẹt cứng. Và anh Năm,

người đàn anh thân mến từ bao nhiêu năm, gian nguy, khổ nhọc bao ngày dài cùng chia sớt. Vĩnh biệt anh, hầm bị ba trái cực mạnh, chịu làm sao thấu. Sao cuộc đời chỉ dành cho anh toàn hoạn nạn. Hoạn nạn của ba mươi năm ở đời chưa đủ sao?
Mễ, Hải, Liệu nhìn nhau. Trời chiều cao nguyên sẫm bóng nắng. Đêm sắp đến. Đêm với chiếc bẫy sập xuống từ từ, lũ người tuyệt vọng nhìn thấy những tia gân máu đỏ đục loáng ánh sáng phẫn nộ hấp hối trong mắt nhau. Liệu cho lệnh những người lính y tá đào đất lên, mang anh ra ánh sáng. Ngoài vết thương ở tim, người anh tím bầm từng chỗ, chiếc kính vỡ, mắt nhắm, miệng hơi mở để lộ ra những răng cửa. Hải ngồi xuống, rờ vào xác anh còn ấm, đập mấy cái lên áo. Lớp bụi mờ đục bay bay.
- Để tôi rửa cho ông ấy.
Liệu ngồi xuống với bông và cồn. Thi thể anh trầm trầm dưới nắng Tây Nguyên đẫm màu vàng rực. Hết. Mười hai năm chiến trận chấm dứt phút này đây trên cao độ 1020. Trông về bốn hướng chập chùng đồi cao tiếp núi thẳm. Trường Sơn ác độc nhận thêm một hình hài.

ĐỐT CHARLIE

Bây giờ là buổi chiều. Buổi chiều với nắng vàng và gió lộng. Không còn tiếng nổ trong không gian, ba mỏm núi bốc những sợi khói nhỏ, mờ mờ hơi nóng. Nóng không phải hơi nắng mặt trời nhưng do âm ỉ của thuốc súng chưa kịp tan, còn lẫn khuất nơi cây cỏ, đất cát.
- Thiếu tá. Hải gọi nhỏ Mễ. Lúc riêng rẽ, ít khi hai người gọi nhau bằng cấp bậc, nhưng bây giờ, tình hình đã khác, trách nhiệm và bổn phận quá đổi nặng nề, thêm xúc động trong lòng qua cái chết của người chỉ huy. Hải nhắc nhở Mễ.
- Thiếu tá, tổng kết là mình chết 20, 40 bị thương cần di tản.
Mễ gật đầu, đưa mắt nhìn hỏi Liệu.
- Đúng vậy! Liệu đáp nhỏ. Anh toubib hết đồ nghề, nhìn xuống xác anh Năm, như một cách lẫn tránh.
- Dạ, có ông Hùng muốn nói chuyện với thiếu tá. Người lính truyền tin đưa ống liên hợp cho Mễ.
Tiếng Hùng ở C1, vọng trong máy: Trình Mê Linh (danh hiệu truyền tin của Mễ), ở tôi thì không có gì, nhưng từ sáng tới giờ sao chẳng nghe 008 (tiểu đoàn trưởng) nói gì với tôi hết. Giọng Hùng mang vẻ trách móc xa vắng, ắt hẳn hắn đã linh cảm được tai nạn xảy ra. Mễ nhìn xuống xác anh Năm, đôi mắt đỏ mệt mỏi chớp chớp, hình như có giọt nước mắt lưng tròng.
- 008 đã bắt tay với ông Phan (tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 1 Dù, đã tử trận Hạ Lào năm 1971). Biết thế thôi, đừng nói cho ai hay.
- Dạ, tôi nghe rõ Mê Linh. Hùng không còn hơi sức để hỏi gì thêm.
Súng lại nổ dưới Charlie. "Cất" anh Năm lại, đừng cho lính biết. Tất cả ra giao thông hào. Mễ ra lệnh ngắn. Lời nói đanh cứng, dứt khoát. Trong ráng chiều, những người lính ở C1 và C 2 chăm chú theo dõi trận đánh nơi cao độ C. Bắt đầu, cối và sơn pháo từ những cao độ phía Tây bắn từng nhịp bốn trái một vào căn cứ, xong bộ binh Sư Đoàn Điện Biên từ hai hướng Tây, Tây-Nam xếp hàng như đi điễn hành tiến vào.
- Đúng là tụi nó điên rồi, không điều động, ẩn núp gì cả. Điện Biên cái con c...! Lính ở C1 và C2 đồng đứng dậy khỏi giao thông hào chơi trò chơi mới.
- Mày bắn vào cái hố có bốn thằng núp dưới kia, nếu trật thì để tao. Hai người lính Đại Đội 112 thách nhau dùng súng phóng lựu M-79 và hoả tiễn cầm tay M-72 từ đồi cao bắn xuống. Trái đạn bay đi khoảng ngắn, đất bụi bay lên. Bốn thân xác phơi trần trụi, vật vã, lăn lóc. Người lính nhỏ Miền Bắc đi giải phóng ai đây; trong phút chốc họ đã trở nên thành những bia thịt sống thậm vô ích và chết với gía quá rẻ.
Cuộc tấn công vào cứ điểm C kéo dài năm đợt. Lính Thinh đánh tỉnh táo, chắc chắn. Nhưng bỗng nhiên, Mễ có quyết định: Rút nó về, nhỡ tối nay, nó hết đạn thì sao.
Hải gọi liền máy, bảo Thinh,
- 401 (Thinh) đây 06 (Hải), anh xếp va-ly lại, nhớ mang theo mấy thằng rách áo, về ở với bố

mẹ.
- Vâng, vâng, tôi nghe rõ, tôi cũng có ý định đó vì kẹo gần hết, nhưng sợ 008 và 007 (tiểu đoàn trưởng và phó) hiểu lầm. Tội nghiệp chưa, đến giờ này, Thinh vẫn không biết người anh cả của tiểu đoàn đã đi khuất. Trong âm nói của Thinh vang động mối hân hoan vui sướng "về với bố mẹ". Thinh đâu tiên đoán được đến lượt mình ở ngày mai.
Đại Đội 111 rút được về C2, năm giờ chiều, trời chỉ còn chút ráng đỏ, gió lạnh. Đỉnh Charlie trống trải cháy ngọn lửa điêu tàn. Và trong hoang vu hấp hối của cỏ cây, hằng trăm người lính Bắc Việt, "những chiến sĩ Điện Biên của Sư Đoàn Thép, đơn vị vang danh bốn chiều lục địa, những người lính Quân Đội Nhân Dân của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà", tất cả đồng nhào lên Charlie một lượt. Những "bàn chân gang thép mang linh hồn vũ bảo vào Nam giải phóng, đánh đuổi đế quốc Mỹ xâm lược" đồng chạy mau hơn, nhanh hơn. Để cùng lăn lộn, giành giựt trên vùng đất vỡ nát, lầy lụa xác người và hơi thuốc đạn.
Như một cơn đồng nhập quẩn trí, tất cả đồng vất bỏ vũ khí, dùng tay trần cào, xới, bới, móc. Đám lính đói Sư Đoàn Thép kiếm thức ăn. Họ tìm gạo sấy, thịt hộp và C Ration. Cuối đường giải phóng, những "chiến sĩ Điện Biên anh hùng" tìm ra "vinh quang đích thực" nơi những hộp thức ăn chế tạo tại Mỹ, giữa đám xác người Miền Nam họ vừa tàn sát.
- Bom! Bom! Đốt cháy tụi nó hết! Mễ nói như thét.
- Có ngay! Hải "khều" ngay ba phi tuần Napalm. Toán lính Bắc định tháo chạy, nhưng không kịp nữa. Theo một hướng Tây-Đông chính xác, ba chiếc Skyraider cùng chúi xuống một lúc. Lửa lồng lộng, lửa vàng đỏ trộn khói đen cuộn lên lớp lớp. Trong cỏ cây cháy khét có mùi thịt. Thịt của người và thịt của thức ăn. Lính Cộng Sản Sư Đoàn Điện Biên Phủ vinh quang chết trên mục tiêu vừa chiếm lĩnh: những hộp thịt thức ăn chế tạo tại Mỹ quốc.
Ngày 13 tháng 4, Mễ cho Đại Đội 112 xuống chiếm lại C. Lính của Hùng "móm" vừa từ trên "hột lạc" đổ xuống bị bật lại ngay bởi một hàng rào của cối 60, 82 và sơn pháo 75 ly bắn thẳng từ ngọn đồi phía Tây. Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn không một chút do dự: Cho thằng 2 về, tụi nó hận mình về vụ hôm qua. Lên phía Bắc không được, Mễ thử bung quân ra hướng Đông để tìm bãi đáp. Phải có một bãi đáp bất cứ gia nào, thương binh, người chết, xác anh Năm. Tât cả cần phải di tản. Sự hiện diện của những đau đớn này làm lòng nặng xuống, cũng có thể gây nên tâm lý phục hận phẫn nộ, nhưng cũng là lần suy sụp lo sợ. Phải di tản gấp số thương binh. Mễ nói với Thinh:
- Ông gắng ra chỗ này, (một trãng trống cách C2 khoảng ba trăm thước về hướng Đông), kiếm được LZ (bãi đáp trực thăng), di tản hết thương binh và người chết, tụi còn lại mới yên lòng được. Đừng để cho lính có cảm giác bị bỏ rơi, tinh thần họ giản dị, dễ xúc động. Hơn nữa, mình hết đạn và nước uống. Nhé, ông gắng ra cho được.
- Dạ, thiếu tá để tôi.
Thinh can trường như Triệu Tử Long, dẫn đại đội chỉ trên khoảng bốn mươi người rời căn cứ. Cái trãng trống kia rồi, 50, 40, 30. Gắng chút nữa, mình có nước uống! Thinh thúc dục người lính. Nhưng không thể được. Bắc quân bắt đầu khai hoả, bốn phía cùng nổ từ các cao điểm chung quanh. Nguy hiểm hơn, địch cắt đứt đường về, quân ở C2 cố ra đón bị chận lại, không thể dùng một thứ vũ khí nào khác ngoài lựu đạn. Tiến không được, thối lui không xong, trên đầu bị vây chụp bởi đạn sơn pháo từ dãy cao điểm phía Nam dội xuống. Thinh ngã xuống. Chỉ còn con đường này cho người lính trẻ. Thinh chết giữa trời, trên đồi cháy. Viên đạn cuối cùng vừa bắn ra. Bóng Bắc quân vây kín. Trái lựu đạn còn lại cũng vừa ném. Người sĩ quan tuổi quá hai mươi ngã xuống bởi chục nòng súng xả đạn vào. Chuẩn Úy Ba nhào đến ôm xác Thinh, hứng nốt những viên đạn còn lại.
Mễ nổi điên trong giao thông hào, gọi máy liên lạc với Đại Đội 111.
- Ở đấy còn có ai?
- Có tôi. Khánh, sĩ quan liên lạc tiền sát pháo binh đáp mau.
- Anh coi đại đội, cố dẫn về lại tôi. Có thằng 4 ra đón.
- Tôi nghe đích thân rõ.
Người sĩ quan pháo binh gom quân làm một mũi dài. Đánh! Để tao đi đầu, lựu đạn mở hết kíp

ra. Trung Sĩ Lung, người hạ sĩ quan thâm niên nhất dẫn đầu toán quân, xung trận như mũi tên lửa. Đường về có được rồi, bắn bắn che nhau, Lung về chót. Nhưng còn hai ông thầy! Lung cố chạy ngược trở lại nơi xác của Thinh và Ba. Một loạt đạn vô tình nào đó. Chầm chậm Lung ngã xuống. Ba xác chết chồng lên nhau bất động.
Hai giờ chiều, Bắc quân mở cuộc tấn công mới, cuộc tấn công công khai, nhắm thẳng vào C2, căn cứ chính.
- Tụi nó dứt mình. Được, Mày "Điện biên" tao "Nhảy Dù," xem ai hơn ai. Tất cả ai ngồi được, kể cả bị thương, ra hết giao thông hào, thằng nào kêu la khóc lóc, tao bắn chết. Chính tao bắn tụi mày để thua, tao bombing vào đây. Chết, chết tất cả! Mễ gào lên, xong ngất xỉu.
Liệu nói nhỏ, thì thầm sát tai Mễ: Tim ông nó mệt rồi, đừng "gonfler" quá, ông chết luôn, hết người chỉ huy.
Lính sư đoàn Điện Biên thổi kèn xung phong dưới yểm trợ của cối và sơn pháo. Quân ta sau mỗi đợt pháo, đứng khỏi giao thông hào. Vào nữa, vào nữa đi con. Có đứa nào già không mày? Tao chỉ thấy toàn con nít, đánh tay không tao cũng có thể bóp cổ tụi nó được! Trước mắt lính nhảy dù, một lớp, hai lớp, những "đứa trẻ" cứ tuần tự đi tới. Những lớp trẻ con chơi trò đánh nhau. Chơi trò chơi ác độc do ép buộc, tuyệt vọng và vô nghĩa lý.
- Không nương tay với nó. Napalm, Hải!
- Có ngay!
Hai chiếc skyraider xuống thấp như chưa bao giờ thấp hơn, dưới đất thấy được chiếc mũ trắng của anh pilot. Hình như anh muốn nhìn quân bạn, anh muốn chào thăm hỏi như sau mỗi lần thả "líp" dù chót, phi cơ thường hạ thấp cách mặt đất khoảng vài mươi thước để "chào bãi." Ở đây cũng thế, hai chiếc máy bay rà sát xuống coi như gần đụng ngọn cây. Thả bom với cao độ như thế này chắc chắn không chệch một thước, bom nổ cháy xém đến tuyến phòng thủ của quân bạn, đám lính Bắc lăn lộn trong bãi lửa, chạy dạt ra xa. Nhưng ô kìa, hai chiếc skyraider không lên được nữa. Lòng can đảm và tình đồng đội đã giết các anh. Các anh đã xuống quá thấp để ném bom thật chính xác, để bung địch ra cho bạn. Các anh đã quên thân mình. Hai cánh đại bàng chúi xuống. Chúi xuống nữa và bốc cháy. Vĩnh biệt các anh! Đám cháy kết thúc trận đánh. Thây người cháy đen nằm chật sườn đồi.
Chúng nó đánh, chết như thế để làm gì nhỉ? Một ngày của hai mươi bốn giờ trên thép đỏ và máu nóng đi qua. Trời tối dần. Đêm xuống. Người lính dựa lưng vào giao thông hào liếm môi. Môi anh nóng như miếng vỏ cây bi nung khô. Từ sáng đến giờ chưa được uống nước. Anh không còn sức để nghĩ thêm sau chữ "nước."
Ngày 14 tháng 4 tiếp theo. Tính đến hai giờ chiều, C2 nhận hơn 2,000 đạn "delay" và nổ chụp. Toàn bộ Tiểu Đoàn 11 co mình trong giao thông hào dưới cơn mưa pháo không dứt đoạn.
- Nó nổ xa mình. Hải thều thào.
- Ừ phía Tây, ngoài tuyến mình. Liệu tiếp lời, gật đầu đồng ý với Hải. Nhưng thật ra cả hai đều tự dối, pháo không rơi một điểm, một tuyến, pháo chụp toàn thể C2. Pháo tan nát. Pháo mênh mông. Tất cả những lời nói chỉ là cách tự đánh lừa, trấn tỉnh đồng đội và cũng chính mình.
- Hôm nay 14? Liệu hỏi bâng quơ, gợi chuyện trong tiếng nổ ầm ỉ sắc buốt. Mễ Hải không trả lời, đưa mắt dò hỏi. Còn lời nào trong cơn mưa lũ của sắt thép vang động này?!
- Hôm nay mười bốn, mai mười lăm, ngày đầy tháng con tôi.
Bốn con mắt lại mở ra. Mễ và Hải không hiểu ý Liệu. Không hề hiểu nổi. Vì Liệu đang nghĩ: Không lẽ ngày đầy tháng con bố lại chết? "Chết", chữ nhỏ ngắn này làm tê liệt hết phản ứng. Chết đến từ tiếng "bục" âm âm nơi xa, sâu trong rặng Big Mama, xong nổ "oành" đâu đây. Hình như ngay trên đỉnh đầu, trong lòng nón sắc đang vang động u-u. Giữa khoảng cách kinh khiếp này chữ "chết" hiện ra sáng rực như một giải quang báo, tiếp nổ bùng với toàn hể sức công phá. Tiếp tục... tiếp tục... Bốn cây 130 ly nơi xa nã đạn xuống Charlie nhịp nhàng từng ngắt khoảng ngắn.
Năm giờ chiều, trận mưa đại pháo chấm dứt để cối và sơn pháo 75 ly điểm giọt, bắn thẳng vào căn cứ.
- Xong rồi, tụi nó "chơi' mình lại. Mễ đứng khỏi giao thông hào. Đêm nay là quyết định, mình và

nó last fighting. Mễ báo cáo với Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn.
- Bây giờ tụi nó hết "in coming," (pháo kích) và bắt đầu "ground attack" (địa chiến). Không phải Mễ sính dùng tiếng Mỹ, bởi thông thường, những danh từ kia phải được nguỵ hoá, nhưng bây giờ tìm đâu ra thì giờ để dò tìm từng từ trong bảng "ám danh đàm thoại."
- Nó đánh anh chưa? Viên lữ đoàn trưởng ở căn cứ Võ Định vào máy liên lạc trực tiếp với Mễ.
- Bắc đầu ở hướng cũ, tây và tây-nam, heavy attack (tấn công mạnh).
Tất cả đứng khỏi hầm, đạn súng Colt lên nòng, bác sĩ Liệu lúi húi tìm mấy trái lựu đạn. Tôi hết đồ nghề bác sĩ rồi, chơi "đồ chơi" mới vậy, lần sau đi hành quân, tôi mang một khẩu đại liên 60! Không ai còn sức hưởng ứng câu đùa của Liệu. Mễ nhăn mặt đau đớn, ngày hôm qua bị một quả pétard (thủ pháo, một loại lựu đạn biến chế) nổ quá gần, sức nổ ép cứng xương sườn vào vách hầm, để lại những vết máu bầm lấm chấm.
Trời tối dần, hơi núi đùn lên cao, đậm đặc thêm vì khói súng. Bắc quân đã chiếm được một phần giao thông hào, tuyến phòng thủ của Đại Đội 114. Trình Mê Linh, nó lấy của của tôi một "khúc ruột." Cho, Đại Đội Trưởng 114 báo cáo với Mễ.
- Hải, nói với lữ đoàn nó vào tuyến mình rồi.
- Tao... tao mệt... nói không nổi, Liệu giúp hộ...
Bác sĩ Liệu, to người, béo mập, đang khom lưng lẫy súng colt lạch cạch như trong phim cao-bồi, chớp ống liên hợp máy truyền tin.
- Dễ thôi, để tôi. Tụi nó cắm được một phần vỏ lạc của tôi. Liệu ề à với giọng tỉnh táo đùa cợt.
- Ông phải la lên mới được, đùa thế, ngoài ấy tưởng mình giỡn.
- Giỡn làm sao, không đùa như thế, chẳng nhẻ lại khóc lóc mếu máo sao? Ê... chạy đi đâu! Liệu quay nòng súng Colt về phía một anh lính đang nháo nhát chạy vào khu giao thông hào trung tâm.
- Đi ra, ông bác sĩ không bắn Mày thì tao bắn cho. Mày biết chết như thế nào? Mễ hét lớn với người lính... "Biết chết như thế nào!" Mễ cũng buồn cười vì lời nói của mình. Chết rồi, thì biết chó thế nào nữa? Ầm! Một trái bộc-pha nổ thật gần, bắn Mễ ngã ngữa người xuống. Mễ lồm cồm bò dậy, sờ lưng.
- Bác sĩ, chắc tao bị thương nặng! Mễ thều thào.
Liệu xoa tay lên lưng Mễ, thân áo rách lỗ chỗ. Đếch có gì cả, mảnh nhỏ như bụi, vì ông yếu sức nên ngất thế thôi, đây là hậu quả những cú đấm của thằng Hennessy, Couvoisier trước kia!!
- C... giờ này mà mày còn trêu được!
- Stupid! Why you fire forty-five? Anh vố vấn trưởng, Thiếu Tá Duffy hét vào tai Liệu.
- I have only this. Mẹ mày, giờ này còn why với what. What cái cần câu ông ấy.
Một đợt, hai đợt, năm đợt, Bắc quân tràn vào, bị đẩy ra, lại tiếp tục tràn vào, chiếm được một đoạn giao thông hào, xong lấn dần từng đoạn.
- Không xong rồi, nó nhiều "tiền" quá! Hải lẩm bẩm.
Mễ nhìn Liệu, Hải, cố vấn trưởng Duffy. Tôi muốn ở lại! Mễ chắc giọng.
- Nó vào chỗ thằng 4, đang qua chỗ thằng 2, mình hết đạn. Dọt, tôi đề nghị. Hải khôn ngoan, dứt khoát.
- Phải, mình "ra" đi, ở đây chịu không nổi, tụi nó đông gấp mấy mình. Liệu tiếp theo. Chữ "ra" ráo hoảnh trống không.
Mễ im lặng, gở nón sắc ra khỏi đầu.
- No hesitation, the best way, sir? Duffy, Thiếu Tá Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ, người quấn băng loang lổ máu khô, anh đã bị thương ba nơi trên thân, nhưng quyết ở lại với tiểu đoàn. Viên cố vấn, hiểu được phút giây nghiêm trọng đối với Mễ; lần đầu tiên anh gọi người cùng cấp bậc, một thiếu tá người Việt với danh xưng kính trọng, "sir".
- Đồng ý, cho thằng 2 dẫn đầu, xong đến đại đội chỉ huy và thằng 4 bao chót. Hải, gọi máy qua thằng 3, bảo nó "nhổ neo" ra điểm hẹn này. Mễ chỉ một vùng tập trung ở hướng đông-bắc trên bản đồ. Bảo nó đi ngay, mang theo thương binh.
Lần đầu tiên trong đời tác chiến Mễ phải "chạy", Mậu Thân, 1968, ở Huế, với đại đội chỉ còn ba mươi người, dẫu trùng trùng nguy khốn, Mễ vẫn điều quân phản công chiếm lại cổng thành

Thượng Tứ. Nhưng, lần này, viễn ảnh toàn bộ tiểu đoàn bị tràn ngập, Mễ không còn cách nào khác hơn.
- Hướng đông-bắc, 800 ly giác, thằng 3 sẽ ra đó với mình. Hải chuyển lệnh cho Hùng "móm," thành phần xung kích còn lại cuối cùng của đơn vị.
- OK, em nghe, em làm được cái một. Hùng "móm" vẫn ranh mảnh như không có chuyện quan trọng đang xẩy ra.
Đi xuống hoài, vực sâu hun hút, trời tối thẫm và cây rừng đan lưới. Chỉ tiếng lá khẽ động dưới bước chân cùng những thanh âm rên rỉ gầm ghìm trong cổ họng. Đoàn quân lẫn vào bóng đêm như muốn tan thành vật vô hình. Sau lưng họ trên đồi cao, C2 bốc lửa ngọn. Bom đã thả xuống khi người lính cuối cùng Đại Đội 1 ra khỏi vòng vây. Thương binh nặng và xác "anh Năm," chuỗi cảnh tượng chập chờn chồng lên trí óc Mễ. Mệt, cảm giác rõ rệt nhất, ba ngày và đêm không ăn, ngủ, chỉ nhấp chút nước lã cầm hơi và cuối cùng, cuộc rút quân trong đêm. Đi nữa đi Hùng, đúng hướng rồi, cứ tiếp tục, phía mặt trời đó, bao giờ đến chỗ trống thì báo tôi. Nhớ liên lạc với thằng 3 ở phía trái, thấy mặt trời thì bảo. Mễ thì thào chuyển lệnh cho Hùng, Đại Đội Trưởng Đại Đội 1.
Mặt trời chưa thấy, đêm còn dầy. Dầy từng khối lớn mông mênh và đặc cứng. Hình như đã đến đáy một "tan-véc"(khe nhỏ chạy giữa hai chân núi), chân bước lên lớp đất ẩm. Nước! Người lính đặt tay xuống "mặt nước." Không có, chỉ một lớp lá ẩm mục và đất bùn, khe suối mùa, chưa có nước. Nhưng bàn tay có chút ẩm, người lính lè lưỡi liếm miếng nước vô hình đó. Qua khỏi "tan-véc," lên đỉnh đồi, thấy lại sau lưng ngọn lửa ở C2 bập bùng. Bạn bè ta còn đó, sống làm sao được hở trời? Mễ kiệt lực hỏi.
- Hải, khi chót mình để "anh Năm" ở đâu ?
- Ở giao thông hào, nơi hầm đại liên. Mễ và Hải chỉ nói với nhau được câu ngắn trong đêm. Nguy biến và rình rập vẫn còn rất nhiều. Sao trời chưa sáng nhỉ? Hùng, gắng đi mau hơn nữa, càng xa tụi nó càng tốt, giữ được súng và thương binh nhẹ như thế này cũng tạm coi như là "đẹp." Đẹp, hình như Mễ cười chế riễu mình trong bóng tối. Thôi, đừng nghĩ gì nữa, cởi nón sắt cầm tay, bốn ngày đội hoài khối sắt trên đầu, khi cởi ra còn nguyên ảo giác của âm vang tiếng nổ lộng trong lòng chiếc nón kim khí. Mệt quá! Sống rồi! Hùng "móm" kêu một tiếng sảng khoái, bốc máy báo cáo cho Mễ, nhanh như chớp:
- Tôi thấy "nó" rồi phía tay trái tôi.
Mễ nhìn lên tàng cây, trời tím nhạt chưa có ráng nắng, nhưng ngày đã bắt đầu, trãng trống vùng tập trung đã gần đến. Thoát rồi chăng? Mễ tự tin nhưng cũng rất đầy kinh nghiệm: Nó phục mình ở đây nữa thì tan hàng!! Ý nghĩ kinh khiếp như một mũi dao cực bén cắm ngay đỉnh đầu.Mễ không dám nghĩ tiếp.
- Kêu thằng "Đỗ Phủ" đến tao Hải,
- Duffy come here. Viên thiếu tá cố vấn đang đi sau Hải và Liệu nghe kêu, mỉm cười bước lại. Ba lần bị thương, bốn ngày chiến đấu không ăn, ngủ, Duffy vẫn "cứng" như một khối thép, đầu đội mũ đi rừng, khẩu M-18 đặt ngang hông, tự tin và bình thản như một ý chí không lay chuyển. Tiên sư thằng cha này "dư" cả hồn lẫn xác, number one! Liệu nói với Hải khi Duffy qua mặt để lên gặp Mễ. Anh chàng hiểu ý, mỉm cười: Hello Doc! Trong phút chốc sự việc khủng khiếp của bốn ngày căng cứng như vụt tan đi. Nắng cũng vừa đến, nắng đầu tiên của ngày, lòng người lính duỗi ra theo độ ấm của vệt ánh sáng. Sống được rồi mừng biết bao nhiêu!
Đây nhé Duffy, vùng tập trung của mình, 113 bên trái, phe ta bên phải cùng "move" lên. Mình làm một cái LZ, xong "mày" gọi "Tây" đem máy bay tới móc mình ra, OK
- OK Do! "Đỗ Phủ" gật đầu lia lịa... Good. Very good, you're the best commander! "Đỗ Phủ" đưa ngón cái lên ca tụng Mễ.
- Tao hay hơn nhiều, cú này bị "kẹt," mày khen làm tao ngượng. Duffy không biết Mễ nói gì, cười rộng mồm, Mễ cười theo.
Rất cẩn thận, Mễ cho Hùng "móm" và Hùng "mập" cùng lên trãng trước. Hai cậu Hùng "bắt tay" nhau, làm thành vòng phòng thủ, phần còn lại của tiểu đoàn với đám thương binh "bò" lên tiếp. Xong rồi, khá an toàn, giữ được cái trãng là tốt, có đường thoát rồi.Duffy,có tàu bay chưa?

- OK! Ten minutes, sir!
Nhưng không còn "ten minutes" nào cho Tiểu Đoàn 11 nữa! Một trận mưa rào, mưa đầu mùa. Mưa bởi một rừng cối và sơn pháo từ những cao độ phía đông "tưới" xuống. Bắc quân tấn công bộ từ đông-nam lên. Không hầm hố, không đạn, mệt mỏi, đói khát của bốn ngày đã đến đỉnh cao nhất chịu đựng. Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù lăn lộn, cựa quậy hấp hối trên trãng cỏ tranh trơ trụi dưới lưới chụp đan dầy bởi lửa, khói và mảnh đạn thép. Hàng sống, chống chết! Hàng sống, chống chết! Bắc quân ào ào như nước lũ tràn đi qua con đê bị vỡ. Tiểu Đoàn 11 tựa tình cảnh con báo kiệt lực bị vây khốn bởi một rừng ong cực độc!
Bây giờ là 8 giờ sáng của ngày 15 tháng 4/1972, Tiểu Đoàn Nhảy Dù mới tinh của Anh Năm, tiểu đoàn đã khoan thủng bức tường thép của cộng quân ở Damber; tiểu đoàn "nướng sống" hai tiểu đoàn của sư đoàn Điện Biên trên cứ điểm C. Thua. Thua đau đớn và thua vô lý! Đâu còn có thế để dựa vào. Đâu còn lực để đương cự?
Muốn đánh nhau phải có "thế" và "lực." Thế đã mất ngay từ ngày đầu tiên khi bước xuống cao điểm với một nhiệm vụ "phòng thủ" quá mỏng manh thụ động, và lực nào còn nổi sau bốn ngày hay 156 giờ tác chiến căng thẳng trên các cao điểm nguy biến và thiếu thốn toàn diện. Hình như mọi người đều không ăn, uống kể từ ngày 12. Uống, nếu có chỉ là chữ gọi động tác "nhúng" chiếc lưỡi vào nắp bi đông ẩm ướt. Tan hàng! Những người sống sót còn lại tan biến vào rừng cỏ tranh.
...Charlie mất, Delta ở phía nam do Tiểu Đoàn 7 Dù phải rút đi vì không chịu nổi cuộc cường tập kéo dài qua ngày thứ tư. Vòng đai Nhảy Dù tan vỡ dần như chuỗi dây xích nút đầu bị phá. Chỉ còn lại hai cứ điểm chót là Bravo và Metro ở trái, phải Võ Định. Nhưng Võ Định không thể là một điểm chiến thuật vững chắc khi cạnh sườn đã bị nhổ.
Ngày 24 tháng 4, phi trường Phượng Hoàng (tây Tân Cảnh), Tân Cảnh và hai căn cứ Diên Bình, Zuzu ở phía nam lần lượt tan rã. Võ Định không còn là một cứ điểm có khả năng kháng cự và Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn 2 đưa Tiểu Đoàn 7 dần dần mở đường xuôi nam hướng Kontum. Kontum dưới ảnh hưởng của việc mất Tân Cảnh biến thành cảnh địa ngục với những trận đánh sát nách thành phố, như ở Đại Chủng Viện, khu phi trường. Những đơn vị đặc công Bắc quân với ám hiệu riêng: Tay áo cuốn lên quá cùi chỏ, quần xắn quá đùi, mảnh vải trắng buộc quanh vai, đã đột nhập vào những nơi trọng yếu của thị xã.
Công Trường 2 Cộng Sản sau khi dưỡng quân, vượt sông Pô-Kơ đánh vào sườn của Lữ Đoàn 2 và các Chiến Đoàn Biệt Động Quân. Hết, Lữ Đoàn 2 Dù chỉ còn mỗi đường, các tiểu đoàn tự nương bảo vệ lẫn nhau rút về Pleiku. Lữ đoàn lại hết nhiệm vụ Vùng 2 để ra Vùng 1. Đường về Pleiku phải qua đèo Chu Pao đỉnh núi 953 trông xuống sông Dak Yeul với những cao độ thẳng đứng. Chỉ còn mỗi đường này là sinh lộ, nhưng sinh lộ phải qua điểm chết: Đèo Chu Pao.
Hai đại đội của Tiểu Đoàn 7 Dù do Nguyễn Lô (tiểu đoàn phó) chỉ huy mở một đường đi qua điểm chết với chấp nhận tỷ lệ thiệt hại 50% quân số. Và cũng như bao lần của mười năm chiến trận, Lô mở được cửa ngõ về Pleiku, dân và quân theo đó rút đi. Rút đi khỏi địa ngục, vì Kontum không còn là thành phố sống, người dân thất thần dáo dác giành dựt nhau kiếm một chỗ trực thăng ở sân vận động. Giữa bụi mù và tiếng nổ đại pháo, cảnh người sống cuồng loạn đổ xô vào lòng trực thăng bất chấp tiếng súng thị oai của quân cảnh. Họ chen nhau như nước tràn qua đê vỡ để đến gần, đến gần hơn chút nữa ngưỡng cửa trực thăng, và lúc tay vừa chạm được khối sắt xám phủ bụi đỏ, chân cong lên sắp bước vào lòng của "hy vọng sự sống" thì một cơn sóng khác, đạp họ ngã xuống, kéo hút ra xa.

Kontum cháy ngọn lửa hồng lên cao hẳn khỏi rừng xanh. Chỉ còn mỗi hình ảnh bình yên nơi thành phố đang bùng lửa này là hàng phượng đỏ hoa gần câu lạc bộ ngã cành xuống mặt nước sông Dakpla mờ sương khói. Nhưng phượng cũng có màu đỏ. Màu của máu.

Phụ đính:

BÀI VIẾT CỦA NGUYỄN BẢO TUẤN CON ÚT CỐ ĐẠI TÁ NGUYỄN ĐÌNH BẢO: TẠI SAO KHÔNG GIỮ LỜI HỨA VỚI MẸ TÔI

Nguyễn Bảo Tuấn

Cố Đại Tá NGUYỄN ĐÌNH BẢO

Trên FB tôi thấy đại đa số thường chọn hình mình hoặc hình con mình để làm avatar, ít hơn một chút thì lấy hình của người yêu, vợ hoặc chồng, hoặc một hình gì đó mà mình yêu thích. Riêng tôi thì tôi lại chọn một đối tượng khác mà hình như tôi thấy chưa một ai chọn giống như tôi: một người mà đã không giữ lời hứa với mẹ tôi. Tôi sinh ra và lớn lên trong một hoàn cảnh đầy phong ba bão táp. Cả nhà 6 người mà chỉ có một chiếc xe đạp thay phiên nhau đi, gạo thì chạy ăn từng bữa, anh trai tôi ngày ngày cứ 5h sáng phải chạy lên Gò vấp để lấy bánh đậu xanh về đi bỏ cho các tiệm bánh rồi mới về đi học trong suốt 7 năm trời, từ năm học lớp 11 đến hết năm thứ 6 Y khoa.

Khó khăn là vậy nhưng tôi vẫn trưởng thành một cách đầy kiêu hãnh. Đôi khi nhìn lại tôi tự hỏi là điều gì đã giúp tôi mạnh mẽ mỗi khi đương đầu với những khó khăn? Và câu trả lời là do trong huyết quản tôi vẫn đang mang một dòng máu nóng trong mình và tôi đã đã chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ người đã cho tôi dòng máu ấy: một người mà đã không giữ lời hứa với mẹ tôi. Tôi cũng không biết tại sao tôi và người đó chỉ gặp gỡ và tiếp xúc trong có vài chục ngày, chính xác là từ ngày 06/01/1972 đến ngày 25/03/1972, mà tôi lại luôn luôn thương mến, cảm phục, tự hào và luôn lấy người làm tấm gương soi để tôi có đủ nghị lực vượt qua mọi khó khăn. Có lẽ là do cuộc sống của người quá vĩ đại và tôi đã được thừa hưởng một phần của nó. Mặc dù khi ra đi người đã không thực hiện được một lời hứa với mẹ tôi mà cho tới bây giờ tôi vẫn hỏi: “Tại sao?”

Charlie, tên nghe quá lạ!

“Toàn thể những địa danh nơi hốc núi, đầu rừng, cuối khe suối, tận con đường, tất cả đều bốc cháy, cháy hừng hực, cháy cực độ...Mùa Hè 1972, trên thôn xóm và thị trấn của ba miền đồng bốc cháy một thứ lửa nhân tạo, nóng hơn, mạnh hơn, tàn khốc gấp ngàn lần, vạn lần khối lửa mặt trời sát mặt…

Kinh khiếp hơn Ất Dậu, tàn khốc hơn Mậu Thân, cao hơn bão tố, phá nát hơn hồng thủy. Mùa Hè năm 1972- Mùa Hè máu. Mùa Hè của sự chết và tan vỡ toàn diện.

Nếu không có trận chiến mùa Hè năm 1972, thì cũng chẳng ai biết đến Charlie, vì đây chỉ là tên quân sự dùng để gọi một cao độ nằm trong chuỗi cao độ chập chùng vùng Tân Cảnh, Kontum.

Charlie, "Cải Cách," hay "C," đỉnh núi cao không quá 900 thước trông xuống thung lũng sông Pô-Kơ và Đường 14, đông-bắc là Tân Cảnh với mười hai cây số đường chim bay, đông-nam là Kontum, thị trấn cực bắc vùng Tây Nguyên."
(Trích trong "Mùa hè đỏ lửa" của Phan Nhật Nam)
Charlie bỗng trở thành một địa danh được nhắc nhớ từ sau 4000 quả đạn pháo tới trong một ngày, từ sau người mũ đỏ Nguyễn Đình Bảo nằm lại với Charlie.
(Trích lời giới thiệu trong CD Chiến tranh và hòa bình của Nhật Trường Trần Thiện Thanh)

Cho đến bây giờ cũng ít người biết rằng tôi chính là "đứa bé thơ" với "tấm khăn sô bơ vơ " trong bài hát "Người ở lại Charlie" của nhạc sĩ Trần Thiện Thanh. Và tôi lớn lên cùng với ký ức về một người Cha hào hùng như vậy.
Tôi không thần tượng Cha tôi từ một bài hát viết về người, cũng không thần tượng từ một hai trận đánh trong cuộc đời binh nghiệp của người, mà tôi thần tượng Cha mình từ chính cuộc đời của Người. Trải qua biết bao thăng trầm đời binh nghiệp và cuối cùng người đã được giao làm tiểu đoàn trưởng của tiểu đoàn "Song kiếm trấn ải" (biệt danh của tiểu đoàn 11 nhảy dù), một trong những tiểu đoàn được xem là thiện chiến nhất của quân lực Việt Nam Cộng Hòa thời bấy giờ. Nhưng điều đó không đồng nghĩa với việc Cha tôi là một người khát máu hung tàn, mà ngược lại hoàn toàn, mọi người đều nhớ về hình ảnh Cha tôi như là một võ sĩ đạo đúng nghĩa : giỏi võ, dũng cảm và cao thượng. Thời bấy giờ có mấy ai dám đánh một sĩ quan của Mỹ, vậy mà Cha tôi đã làm điều đó khi người sĩ quan đó dám làm nhục một người lính Việt Nam (chuyện này tôi được nghe bác ruột tôi kể lại). Có tiểu đoàn nào trong quân đội mà luôn gọi Tiểu đoàn trưởng bằng tên thân mật "Anh Năm"?, nhất là trong binh chủng Nhảy dù, việc phân chia cấp bậc luôn được tôn trọng và đặt lên hàng đầu. Vậy mà trong tiểu đoàn 11 Nhảy dù, tất cả mọi người từ lính đến sĩ quan chẳng ai gọi Cha tôi là Trung tá cả, mà luôn gọi là Anh Năm, và "Anh Năm" thường hay nói với mọi người trong tiểu đoàn rằng : "Tụi mày thì chẳng biết mẹ gì, nhưng tất cả tụi mày tao đều coi là em tao hết"
"Anh Năm,
Ngoài đời Anh sống hào sảng, phóng khoáng và thật "giang hồ" với bằng hữu anh em, còn trong quân ngũ, Anh như một cây tùng ngạo nghễ giữa bão táp phong ba, Anh không nịnh cấp trên đè cấp dưới, Anh chia xẻ vinh quang buồn thảm với sĩ quan và binh sĩ thuộc cấp. Anh sống hùng và đẹp như thế mà sao lúc ra đi lại quá phũ phàng!?
Tôi về lại vườn Tao Đàn, vẫn những hoa nắng tròn tròn xuyên qua khe lá, lấp loáng trên bộ đồ hoa ngụy trang theo mỗi bước chân. Cây vẫn xanh, chim vẫn hót, ông lão làm vườn vẫn lom khom cầm kéo tỉa những chùm hoa loa kèn, những cụm hoa móng rồng và những bụi hồng đầy mầu sắc. Bên gốc cây cạnh căn lều chỉ huy của Anh hồi tháng trước khi còn đóng quân ở đây, tôi thấy có bó hồng nhung đỏ điểm vài cánh hoa loa kèn trắng.
Chống đôi nạng gỗ xuống xe, tiếng gõ khô cứng của đôi nạng trên mặt đường khiến ông lão ngẩng đầu và nhận ra tôi. Xiết chặt tay ông cụ, trong ánh mắt già nua chùng xuống nỗi tiếc thương, chòm râu bạc lưa thưa phất phơ trước gió. Ông cụ đọc báo, nghe đài phát thanh nên biết Anh đã ra đi, nên sáng nào cũng để một bó hoa tưởng nhớ và tiễn đưa Anh. Cụ mời tôi điếu thuốc Quân Tiếp Vụ, rồi ngồi xuống cạnh gốc cây, tay vuốt nhẹ trên những cánh hồng, sợi khói mỏng manh của điếu thuốc nhà binh quện trong tiếng nói:
"- Thuốc lá Ông Quan Năm cho, tôi vẫn còn đủ dùng cho đến cuối năm. Mấy chục năm nay tôi mới gặp một ông quan nói chuyện thân mật và tốt bụng với những người dân như tôi. Người tốt mà sao Ông Trời bắt đi sớm như vậy!? "
(Trích trong "Máu lửa Charlie" của Đoàn Phương Hải)
Cha tôi đã sống như thế nào mà những người ít ỏi còn sống sót trở về sau trận chiến tại đồi Charlie đều nói là họ thật hối tiếc khi không được nằm xuống cùng Cha tôi ở đó.
"Tô Phạm Liệu cảm thấy lẻ loi ở cái đại hội y sĩ có nhiều những người "mặc quần mới áo đẹp" và "ăn to nói lớn", thích "nhảy đầm" và "xếp hàng để lên hát"... Trong cơn say, anh nói là phải

chi trước kia, mười mấy năm trước kia, anh được “ở lại Charlie” với Trung Tá Nguyễn Đình Bảo, với các bạn nhảy dù thì “sướng hơn nhiều.”
(Trích trong "Tô Phạm Liệu : người trở lại Charlie" của Phạm Anh Dũng)

Viên sĩ quan cố vấn Mỹ Duffy cho tới tận bây giờ vẫn còn luôn mang trong người những hoài niệm về Cha tôi và trận chiến tại Charlie. Mỗi lần tham gia các cuộc gặp gỡ của hội cựu chiến binh Việt Nam (trong đó có một số hiện đang là tướng lãnh cao cấp trong quân đội Mỹ) ông ta đều hỏi mọi người “Tụi mày có từng tham gia trận Charlie không, tụi mày có ai từng chiến đấu cạnh Colonel Bao (Trung tá Bảo) chưa? Thế thì tụi mày còn xoàng lắm. Và hàng năm cứ mỗi lần sinh nhật của mình, ông ta đều đặt một ổ bánh kem làm hình một ngọn đồi và ghi chữ Charlie lên đó. (Chuyện này do Chú Đoàn Phương Hải khi về Việt Nam năm 2011 thuật lại cho tôi nghe) Cha tôi đã sống như thế nào để một người Mỹ phải luôn khắc trong tâm khảm những hoài niệm như vậy?
Tôi chỉ có thể kết luận một câu : “Cuộc đời của Cha thật vĩ đại”
Ngày hôm nay khi viết về Cha, tôi không biết viết gì hơn, chỉ xin dâng về hương hồn Cha một vài câu thơ nói về khí phách của Người và nơi mà Cha đã gửi lại thân xác của Người vĩnh viễn cho núi rừng Charlie. Ở đây tôi xin dùng từ "Cởi áo trần gian" vì tôi tin rằng Cha vẫn đang khoác một chiếc áo khác và vẫn đang nhìn tôi từ một nơi rất xa…
Lặng lẽ ngàn năm chẳng danh xưng
Bỗng chốc một hôm hóa lẫy lừng
Charlie gầm thét trong lửa đạn
Gọi mãi tên người nước mắt rưng
Trai thời nỗi chết tựa trên lưng
Khí phách hiên ngang bước chẳng dừng
Charlie vẫy gọi người ở lại
Cởi áo trần gian tặng núi rừng
(Kính dâng tặng hương hồn Cha)
Sinh nhật mẹ tôi ngày 11/04. Trước khi hành quân vào Charlie ngày 25/03 Cha tôi đã đặt một chiếc bánh sinh nhật cho mẹ với lời hứa là sẽ về dự sinh nhật của mẹ. Đến ngày sinh nhật mẹ đã không tổ chức mà vẫn chờ Cha về, và cho đến tận bây giờ mẹ vẫn chờ… Tuy nhiên Cha đã thất hứa với mẹ vì ngày 12/04 Cha đã cởi áo trần gian và nằm lại vĩnh viễn với Charlie. Còn tôi, tôi chỉ biết hỏi là tại sao Cha lại không giữ lời hứa với mẹ tôi? Tại sao và tại sao…?...

Phan Nhật Nam Dựa lưng nỗi chết
Đào Vũ Anh Hùng

LTS : Tổ Quốc đăng tải bài "Phan Nhật Nam - Dựa Lưng Nỗi Chết" của Đào Vũ Anh Hùng, tuy không còn tính cách thời sự nhưng chúng tôi nhận thấy mẫu chân dung nhà văn không chịu khuất phục trước mọi thủ đoạn trả thù tàn độc của Cộng sản, mang lòng cảm phục người chiến sĩ cầm bút tiêu biểu của Miền Nam. Xin mời bạn đọc đón nhận để biết đến thân phận những người cầm bút thất thế của Miền Nam và đánh giá chế độ CSVN "nhân đạo" như thế nào ?

***
Lần cuối cùng, tôi gặp Phan Nhật Nam, vào một sáng Chủ nhật, đâu khoảng hơn tháng trước ngày miền Nam rơi vào tay cộng sản. Nam đang đứng nói chuyện với nhà văn Vũ Bằng và nhà văn Mặc Thu trên lề đường trước nhà ông Chu Tử và vợ chồng Đằng Giao, 104 đường Công Lý. Thấy Nam trẻ trung tươi sáng trong bộ quân phục Nhảy dù vải kaki vàng thẳng cứng nếp hồ với đầy đủ lon lá, huy chương và sợi giây Bảo quốc rực rỡ, tôi thoáng ngạc nhiên vì lần gặp gỡ trước Nam đã nói với tôi rằng vừa giải ngũ. Tôi hỏi đùa:

— Bạn tôi quân cách rềnh ràng đi lãnh thưởng ?
Tôi có ý trêu Nam về số tiền một triệu ông Chu Tử đề nghị báo Sóng Thần tặng Nam về tác phẩm " Tù Binh Và Hoà Bình " để bỉ thử giải Văn học Nghệ thuật bần tiện của Thiệu. Nam cười lớn:
— Cái giải thưởng của bố già cậu sài mẹ nó hết rồi, có cụ Vũ Bằng biết đấy !
Rồi Nam tự giải thích khi thấy tôi hóm hỉnh nhìn Nam với bộ quân phục:
— Cậu Nam giải ngũ nhưng cậu Nam vẫn là lính Nhảy dù hợp lệ ! Nhưng mà giải ngũ rồi chán quá mi ơi. Buồn cóc biết làm gì và thèm mặc lại quân phục?
Xong Nam dịu giọng nói như than thở:
— Có lẽ tao lại phải làm đơn xin tái ngũ. Giải ngũ mà tao có cảm tưởng xấu hổ như một thằng đào ngũ !
Tôi có chuyện cần, vội gặp ông Chu Tử nên không nán lại góp chuyện với ba người và tìm hiểu chuyện Nam giải ngũ là đùa hay thật. Tôi chào và leo lên gác. Lúc trở xuống thì Nam đã không còn đấy nữa, và đó là lần cuối cùng tôi gặp Phan Nhật Nam, cho đến ngày di tản và cho đến bây giờ là sáu năm chia biệt.

Gặp Nguyên Vũ ở Fort Chaffee, gặp Lê Văn Mễ và một số bạn trong và ngoài binh chủng Nhẩy dù thân biết Phan Nhật Nam, tôi đều hỏi thăm và rõ chắc Nam cùng vợ con kẹt lại. Tôi rất buồn và lo lắng cho Nam cùng các bạn văn không di tản được. Nhưng tôi nghĩ nhớ và lo lắng cho số phận Phan Nhật Nam nhiều nhất. Là bởi, lần ra Hà Nội quan sát vụ trao trả tù binh, Nam đã ngông nghênh ôm theo cả một lô sách " Mùa Hè Đỏ Lửa " ký tặng các văn nghệ sĩ miền Bắc. Đó là tác phẩm để đời của nhà văn chiến trường số Một của miền Nam viết về cuộc chiến khốc liệt mùa hè 72, đầy rẫy lời thống mạ chủ nghĩa và tập đoàn lãnh đạo miền Bắc, phơi bầy thực chất phi lý bi thảm của cuộc nội chiến và toàn vẹn bộ mặt bất lương đốn mạt của " anh Hồ cộng sản " - thứ " nhân tài chết tiệt của dân tộc " - mà Nam đem đến tận nơi, dí vào mắt chúng. Tôi thật phục Nam. Tôi vẫn muốn có dịp hỏi thăm Nam về chuyến theo phái đoàn Ủy ban Liên hiệp Quân sự ra Hà nội và khi trở về, Nam đã viết cuốn " Tù Binh và Hoà Bình mà tôi chưa được đọc ".
Đối với tôi, Nam đã chiếm giữ một cảm tình đặc biệt. Tôi yêu cái văn chương bốc lửa của Nam, thích cái con người tàng tàng ngạo nghễ của Nam. Kỷ niệm tôi có với Phan Nhật Nam không nhiều nhưng đủ để tôi và Nam coi nhau như bạn thiết. Tôi đọc tác phẩm đầu tay của Nam, cuốn " Dấu Binh Lửa " nhân một kỳ nghỉ dưỡng sức trên Đà Lạt và đã say mê cuốn hút, cảm phục văn tài, vô cùng thú vị với những dòng thể hiện sống động mạnh mẽ, hiên ngang, đậm sũng tình người, chứa chan lòng yêu quê hương đất nước ... Phan Nhật Nam, ngôi sao mới hiện nhưng đã chói lọi trong giới quân nhân cầm bút. Nam hiện thực đời mình, phổ diễn tâm tình, cảm nghĩ của một người vững chắc lập trường quốc gia nhân bản, hiện thực tấn thảm kịch đầy bi phẫn đau thương của cả một thế hệ trong đó có Nam vừa thủ diễn vừa là chứng giả. Nam đã nói lên được tiếng lòng thầm kín cùng khát vọng chung của những người cầm súng. Nam là gạch nối giữa những người lính chiến và dân thành thị. Nhờ có tác phẩm của Phan Nhật Nam, dân thành phố ngụp lặn trong bình yên hưởng thụ mới giật mình biết đến và biết rõ mức độ thảm khốc của chiến tranh cùng sự hy sinh quá lớn của người lính. Điều rõ rệt nhất là Nam đã nói lên được cho nhân loại hiểu về cái chính nghĩa của cuộc đấu tranh để tự tồn. Rằng những người lính Việt Nam Cộng Hoà cầm súng và chiến đấu không phải vì bản năng hiếu sát hay yêu thích chiến tranh, mà là chiến đấu để tồn tại. Cho chủ nghĩa Quốc gia tồn tại và nền Tự do Dân chủ của miền Nam tồn tại.
Trong các thiên bút ký chiến trường, Phan Nhật Nam đã cực tả được độ cao cùng tột của chiến tranh tàn khốc, hiện thực được cả một trời đất mênh mang thống hận trong lòng người dân Việt trước cảnh tương tàn đẫm máu, đã vẽ ra một thiện thân sừng sững của người lính Nhảy dù chiến đấu hào hùng và chết rất hào hùng. Những đời trai trẻ quên bỏ hạnh phúc, tình yêu, tương lai, sự nghiệp cùng những vui riêng để bước vào chốn cùng hung cực hiểm, đầy rẫy gian lao khổ nhọc và bị vô ơn bạc đãi nhưng vẫn lầm lì chịu đựng và dũng cảm xông pha trận mạc,

trực diện kẻ thù, đổ mồ hôi, xương máu lao thẳng vào đạn lửa, phóng mình vào nỗi chết cho giải đất miền Nam được tồn tại và người dân miền Nam được sống còn.
Phan Nhật Nam là một nhà văn có chân tài. Ngôn ngữ xử dụng trong văn chương Phan Nhật Nam là thứ ngôn ngữ hừng hực như lửa, mạnh mẽ như gió bão, vững chắc như thành đồng, tha thiết, nồng nàn, chứa chan nhân tính ...
Tôi gặp Nam lần đầu do Thế Phong đưa lại chơi nhà Nam ở đường Trần Nhật Duật, Tân Định. Nhưng biết nhiều về Nam thì qua bạn cùng khoá với Nam là Võ Ý. Tôi nhớ lần đó Nam nói khoái tôi vì bài bút ký " Dakseang Gối Mỏi Lưng Đồi " tôi viết trên tuần báo Đời và ký tặng tôi cuốn " Mùa Hè Đỏ Lửa " với vỏn vẹn mấy chữ Tặng ông, bạn tôi làm Thế Phong cười ngất :
— Nó là nhà văn đang lên, sách bán có tiền nên hà tiện chữ nghĩa cho bạn bè !
Sau này tôi mới nói cho Nam biết cái thằng bay chiếc C&C cho tướng Hậu nửa đêm vào Tân Khai trong trận bão Mannie, giữa mưa đạn phòng không Việt cộng mà Nam nằm dưới đất nhìn thấy khi theo chiến đoàn trung tá Cần vào giải vây An Lộc rồi viết trong " Mùa Hè Đỏ Lửa " chính là tôi, Nam có vẻ thống khoái vì sự ngẫu nhiên ấy, cười khà khà và phán một câu:
— Thấy chiếc máy bay, tao thương quá. Những thằng Không quân chân hổng giữa trời, chết mà không biết thằng khốn nạn nào " chơi " mình thì " lỗ " quá! Thực tình tao " rét " mày ạ, chết dưới đất vững hơn ... Ai ngờ lại là mày bay cho ông Hậu ! Hà hà ! ... Mày rơi đêm đó là tao lại có tí đề tài " viết cho một người nằm xuống " !
Trong những ngày bôn ba chiến trận, thỉnh thoảng tôi có gặp Nam vác máy hình theo quân Dù đi làm phóng sự. Nhưng thường là những lúc tôi về Saigon cùng Nam và một vài bạn văn nghệ ghé La Pagode bù khú. Đó là những lần tôi có dịp thán phục khoa đấu láo của Nam. Cái giọng oang oang nửa Huế, nửa Quảng Nam, pha tí Bắc kỳ, một khi mở máy là nói liên miên đủ thứ đề tài ... Có thể nói khoa tán phét của Nam vô địch ! Nam có khả năng nói thao thao hàng giờ không ngưng nghỉ và thật lôi cuốn, có duyên, ba hoa châm biếm bất cần thiên hạ.
Tôi nhớ nhất một lần đang đấu vung vít với chúng tôi, Nam bất chợt để ý thấy một cô gái ngồi uống nước một mình ở bàn bên cạnh. Cô gái mặc đồ đầm, có nét đẹp kiêu kỳ sang cả của một thứ kiều nữ con nhà giàu học trường đầm, châm hút điếu Salem. Thế là Nam kêu lên:
Tại hạ xin có ý kiến: Người đẹp mà hút Salem là không đúng sách vở !
Thế là Nam bỏ mặc câu chuyện dở dang với chúng tôi, kéo ghế qua bàn cô gái. Tôi không nhớ Nam hút thuốc gì nhưng cũng là một thứ thuốc lá đầu lọc và Nam bô bô quảng cáo cho hiệu thuốc của mình với những lời dẫn chứng theo sách vở, theo kinh nghiệm, theo thống kê, theo lời " Khổng Tử xổm tọa chi viết " , theo lời khuyên của bác sĩ này, nhà sản xuất nọ và Nam đem luôn chính trị, kinh tế, quân sự và cả truyện chưởng Kim Dung vào bài hát nói! Nam nói một cách trơn tru hữu lý. Trong cái hoạt kê quấy nhộn ấy, tôi thấy khẩu tài của Nam vượt xa miệng lưỡi dẻo kẹo của những anh giang hồ bán thuốc Sơn Đông. Những tay mãi võ láu cá vặt đó, hay những lời tuyên truyền của mấy cậu mợ cộng sản nhà quê không thể duyên dáng bay bướm trí thức như Nam được. Cô gái cuối cùng phải bỏ nét mặt lạnh lùng kênh kiệu, bật cười phì và nhận điếu thuốc Nam mời. Bài tán láo của Nam dài gần nửa tiếng đồng hồ và hai tay ăn tục nói phét có hạng trong mấy chúng tôi hôm đó là Thế Phong và Dương Hùng Cường cũng phải chào thua Nam.
Đó là một vài trong những kỷ niệm tôi có với Phan Nhật Nam. Tôi yêu và phục Nam không chỉ có văn tài và và khoa đấu hót. Nam thông minh, hiếu động, tính tình thẳng trực, ngang tàng khí phách, đôi khi hành động như một thứ " cao bồi văn nghệ " nhưng không nhố nhăng lố bịch. Cái ngông nghênh tự phụ của Nam, đối với tôi không có gì quá đáng. Tâm hồn Nam sâu sắc, nhiều tình cảm và rất tốt với bạn bè. Nam bị kẹt lại vì ngày 30-4 dắt vợ con vào nhà tướng Kỳ nhưng không thấy ông tướng râu kẽm, bèn chạy qua DAO. Trước cảnh chen lấn cùng ám ảnh một đảo Guam không hơn gì các trại đón dân tị nạn miền Trung, Nam chán nản đưa vợ con trở về. Cộng sản tiếp thu Saigon, Nam như con chuột mắc nạn trong bẫy xập, cuống cuồng sợ hãi vì tin cộng sản sẽ lùng giết. Phan Nhật Nam, đại úy Nhảy Dù, nhà văn chống cộng lẫy lừng tên tuổi, thành viên đối nghịch to mồm nhất trong Ủy ban Liên hợp Quân sự? phải là thành phần Ngụy số một " có nợ máu với nhân dân ! " Nam hơn ai hết, hiểu rõ bản chất đê tiện của cộng

sản, biết rõ những gì đang chờ đợi mình và Nam tìm chỗ ẩn thân. Nam bỏ Saigon về Long Khánh làm rẫy trước khi cộng sản có chương trình lùa dân đi kinh tế mới. Nhưng Nam biết trước sau gì cũng không thể lẫn trốn được cái mạng lưới công an tinh vi cộng sản một khi chúng cố tình lùng kiếm và vì Phan Nhật Nam quá nổi. Ngày 22-6-75, Nam ra trình diện học tập và bị giam tại trại Long Giao. Chính tại đây, Nam đã viết trong bản tự khai, " Trong đời tôi, tôi chỉ có một điều ân hận là có ông bố hành nghề cộng sản ! "

Bố Nam theo kháng chiến từ năm Nam 7 tuổi, hiện là một nhân vật cao cấp trong Chính trị bộ Hà nội, tên Phan Văn Trình. Mẹ Nam là bà Ngô Thị Phương Dung, chết năm Nam 18, học trường Phan Chu Trinh, Đà nẵng. Nam sinh ngày 10-9-43 tại Huế nhưng lớn lên tại Quảng nam. Sinh viên Sĩ quan Võ bị Quốc gia Đà Lạt khoá 18, ra trường năm 1963, tình nguyện đi binh chủng Nhảy dù. Năm 1968 ra khỏi binh chủng và thời gian sau Hiệp định Paris, Phan Nhật Nam là thành viên VNCH trong Ủy ban Liên Hợp Quân Sự Bốn Bên cho đến ngày miền Nam rơi vào tay cộng sản.

Những năm tại ngũ, Phan Nhật Nam từng tham dự hầu hết các chiến trường sôi bỏng ở quốc nội (1963-1973). Từ những địa danh nổi tiếng như Khe Sanh, Cồn Tiên, đến những làng nhỏ ở Cửa Việt, Diễm Hà Trung, Diễm Hà Nam, cho đến nững hóc hiểm hoang vu ở cuối thung lũng sông Kim Sơn; từ tây vực quận Hoài Ân, Bình Định, tới làng Mã Tây, vv? nơi nào Nam cũng tới và đã tham chiến, chỉ trừ chiến dịch Hạ Lào. Quãng đời binh nghiệp bôn ba đã cho Phan Nhật Nam quá nhiều chất liệu phong phú để dựng thành tác phẩm. Khởi nghiệp viết văn từ 1969 và đã nổi tiếng với tác phẩm đầu tay " Dấu Binh Lửa " .Sau này văn tài Phan Nhật Nam chói sáng hơn với tập bút ký chiến trường " Mùa Hè Đỏ Lửa " nói đến cuộc chiến khốc liệt cùng tinh thần chiến đấu hào hùng tuyệt vời của người lính Việt Nam Cộng Hoà trong những trận đánh rúng động thế giới ở Quảng Trị, An Lộc ... vào mùa hè binh biến 1972.

Ngoài những bài phóng sự, những truyện ngắn đăng rải rác trên các nhật báo, tuần báo, đặc san Saigon, Phan Nhật Nam chỉ trong 5 năm từ ngày khởi nghiệp, đã có một số lượng tác phẩm đáng kể xuất bản và tạo được tên tuổi, chỗ đứng riêng biệt trong làng văn : Dấu Binh Lửa (Đại Ngã, 1969, Hiện Đại tái bản 1974) - Dọc Đường Số Một (Đại Ngã, 1970) - Mùa Hè Đỏ Lửa (Sáng Tạo, 1972, tái bản 2 lần, 1973, 1974) - Ải Trần Gian (Đại Ngã, 1970) - Dựa Lưng Nỗi Chết (Hiện Đại, 1973) - Tù Binh và Hoà Bình (Hiện Đại, 1974).

Những tác phẩm Phan Nhật Nam dự định xuất bản nhưng không thực hiện được vì biến cố 30-4-75 gồm: " Những Ngày Hè Cuối Cùng - Đá Nát Vàng Phai - và Mặt Trận Quảng Trị " (còn có tên Trên Giòng Đá Đổ Mồ Hôi).

Chưa hết, Phan Nhật Nam hiện đang ở trong trại tù cộng sản nhưng vẫn còn cầm bút. Hơn cả Phùng Quán với " Giấy bút tôi ai cướp giật đi, tôi vẫn dùng dao viết văn lên đá ... " Phùng Quán khi viết những câu thơ phẫn hận ấy, trên vai vẫn còn mang quân hàm của chế độ, không ở trong tù, vẫn còn phương tiện để mà viết và còn có được cơ hội phổ biến là tờ Nhân Văn Giai Phẩm.

Phan Nhật Nam bị đưa ra Bắc từ 22-6-76, qua những trại tù kinh khiếp nằm sâu trong rừng núi thượng du Bắc Việt nước độc giết người: Sơn La, Lai Châu, Tuyên Quang, Hoàng Liên Sơn và cuối cùng hiện ở trại tù số 5 Thanh Hoá thuộc hệ thống Trại Đầm Đùn, hay trại tù Lý Bá Sơ khủng khiếp bậc nhất trong hệ thống tù cộng sản. Nhưng Phan Nhật Nam vẫn viết. Viết trong những điều kiện trăm phần khốn cực hơn Phùng Quán. Viết lén lút phập phồng dưới nắng lửa, mưa dầm, trong tối tăm đói lạnh, vây quanh bởi những cặp mắt nham hiểm rình mò cú vọ của một bầy lang sói. Suốt năm năm tù tội đọa đầy, Nam đã dựng khung hai tác phẩm trường thiên " Đá Nát Vàng Phai " và " Luyện Ngục Rực Lửa " cùng những trang nhật ký gửi vợ con yêu dấu. Hai tập dàn bài Nam dấu cất đã bị khám phá và tịch thu. Nam bị chúng đánh đập, cùm xiềng, giam vào hầm đá biệt lập tối tăm lạnh buốt, chịu đựng đói khát cực khổ suốt ba mươi nhăm ngày đêm thảm nhục và cuối cùng Nam đã sống còn như một nhiệm mầu. Nam còn hơi thở nghĩa là còn nghị lực, còn vững vàng ý chí để phấn đấu, để tin yêu và hy vọng, không quên mình là một Hướng đạo sinh " Vui Vẻ Trong Mọi Khó Khăn ", không quên mình là lính Nhảy Dù " Cố Gắng " , không quên mình là một chiến sĩ có thêm nặng trên vai thiên chức Nhà Văn! Nam

thể hiện nỗi thảm thương khổ nạn của kiếp tù đầy nhục nhã của chính mình và chung của hàng trăm ngàn bạn bè chiến hữu đồng cảnh ngộ vào những trang nhật ký đầm đìa máu lệ gửi cho vợ con, như một tiếng kêu thương bi thiết gửi cho người thế giới bên ngoài.
Những trang nhật ký này, coi như tác phẩm mới nhất của nhà văn Phan Nhật Nam viết trong lao tù cộng sản và tôi đang có trong tay.
Do một người bạn cùng khoá với tôi và là bạn chung của tôi và Nam gửi cho, khoảng trung tuần tháng 10-80, với lời nhắn " Nam nhờ tôi trao cho bạn, để làm cách nào vận động cứu Nam, nếu không nó chết." Bạn tôi là Đại úy hoa tiêu Không lực, rất thân với Phan Nhật Nam, ra trình diện cùng ngày, chung chuyến tầu ra Bắc và đôi ba lần cách khoảng bị giam chung với Nam cùng một trại tù. May mắn cho Nam là Chử Quân Anh trước ngày được cộng sản phóng thích nhờ bao công lao tốn phí vận động của người vợ có quốc tịch Pháp, đã vì bạn, mưu mô lén dấu giúp Nam đem ra được tập nhật ký và mang qua Pháp an toàn. Quân Anh cho tôi biết Nam bị liệt vào thành phần tù chính trị ngoan cố và chúng đã dành sẵn cho Nam bản án tử hình. Nếu không, nhẹ nhất cũng khổ sai chung thân vì Phan Nhật Nam cương ngạnh vô phương cải tạo. Quân Anh còn cho tôi biết thêm rằng tình trạng sức khoẻ của Nam hiện tại rất là thê thảm. Cái thân hình vốn gầy gò mảnh khảnh của Nam " bây giờ tiều tụy suy nhược, ông không thể nhận ra đâu ..." Lao động quá sức và ăn đói, bệnh tật không thuốc men đã khiến Nam chân run không đứng vững. Đầu váng, mắt hoa, lúc nào cũng nghe tiếng ve u u trong óc. Phổi hư, răng mục nguyên hàm, tóc rụng từng mảng vì nhiều thứ bệnh tù: bệnh thiếu dinh dưỡng, bệnh ghẻ ngứa, bệnh tê thấp, bệnh đau dạ dày, bệnh trĩ nội xuất huyết hậu môn ngày hàng lít máu ... Thế mà vẫn phải khổ dịch lao tác mỗi ngày. Phá rừng, xẻ núi, còng lưng đập đá, oằn người bấu những ngón chân bật máu đẩy từng xe đá hay kéo vần khối gỗ nặng trên cả sức người khoẻ mạnh vượt hai cây số đường đèo trơn trượt ... Thế mà vẫn phải chỉ một buổi sáng cúi xuống, nhấc lên, khuân 670 tảng bùn nước nặng trung bình 10 kilô hay 6 tấn 7 cho một thân tù ốm yếu? Thế mà trời đông hàn vẫn phải trần truồng ngâm mình dưới dòng sông giá buốt đẩy từng bè củi, lội ngược con nước về trại cách xa 4 giờ đường bộ trong trong cái lạnh cắt da của 7 độ centigrade !
Tôi mềm nhũn cả lòng. Những dòng chữ nhỏ kín đầy hai mặt những trang giấy xé ra từ quyển vở học trò tồi tàn phẩm chất sản xuất từ cái gọi là xã hội chủ nghĩa miền Bắc đúng là nét chữ cứng cỏi thân quen của Phan Nhật Nam. Cái văn chương ngôn ngữ kết đọng thành khối đau thương thống hận vô cùng đó đúng là thứ văn chương ngôn ngữ chỉ một Phan Nhật Nam có được.
Định mệnh nào đã đưa Nam vào con đường khổ nạn đắng cay nhường ấy ? Định mệnh nào cay nghiệt đã khiến cha con Nam đối đầu chủ nghĩa, để rồi ngày trùng phùng trong nghịch cảnh, Nam chỉ biết u oán nhìn cha thinh lặng qua chấn song tù, nước mắt khổ đau tủi hận chan chứa tuôn rơi ?... Ba mươi năm đi làm cách mạng để đổi lấy một ngày " chiến thắng " trở về thấy cảnh gia đình ly tán. Để thấy đứa con trai tù tội. Để chứng kiến cái chết u uất của đứa con gái. Em gái Nam có chồng học tập, tuyệt vọng hủy đời xuân sắc trước cặp mắt ngỡ ngàng đau đớn của người cha cộng sản .
Còn Nam, Phan Nhật Nam đã như một anh hùng ngã ngựa, hiên ngang bước vào lò luyện ngục với nụ cười khinh mạn. Hiên ngang nhận chịu những ngón đòn thù đê tiện và cực cùng độc ác. Để chứng tỏ đởm lược của một chiến sĩ Nhảy dù, chứng tỏ hào khí của người lính quốc gia, chứng tỏ phong thái bất khuất của một nhà văn hữu hạng miền Nam, Nam đã chối bỏ những lời dụ hoặc để làm tờ khai tự thú theo ý muốn cộng sản, chối bỏ đặc ân từ ảnh hưởng chức vụ người cha và bởi thế, vợ Nam mới bị ngăn cấm liên lạc với chồng. Những lá thư gửi vào trại tù, vợ Nam phải dùng tên khác, gửi cho người khác nhờ chuyển đến Nam lén lút. Và bởi thế, bố Nam không thể làm gì cưỡng chống mệnh lệnh đảng can thiệp cho Nam. Trong suốt 5 năm tù tội, Nam chỉ được vợ con thăm nuôi một lần duy nhất, nhưng không phải là một cuộc thăm tù chính thức. Vợ Nam phải chạy vàng hối lộ cho bọn công an bộ đội để có giấy tờ mạo danh, dắt hai con thơ lặn lội đường trường ra Bắc thăm chồng.

Đó là lần gặp gỡ ngắn ngủi, cực cùng chua xót và cảm động vào tháng 5-79 mà Nam đã viết trong trang đầu nhật ký. Những dòng máu lệ đầm đìa thương tủi ấy, tôi đọc mà rúng động. Tôi nhìn thấy cảnh tủi mừng đau đớn của cuộc trùng phùng thực hư ảo mộng giữa cha con chồng vợ trên bờ đê lộng gió. Tôi thấy những giọt nước mắt thảm sầu thánh thót rơi trên những gương mặt khổ đau thống hận. Và nghe, và cảm nhận được tất cả nỗi u oán uất nghẹn không thốt thành lời trên những đôi môi khô héo, trong những tia nhìn chĩu nặng tủi hờn. Thật tội thương Nam. Thật hết sức đáng yêu và vô vàn cảm phục. Quân Anh nói với tôi nhiều chuyện về Nam và khẳng định một điều rằng trong tù Nam sống không hèn. Tôi biết Phan Nhật Nam vững vàng bản ngã, đầy ắp tình người, tình yêu thương đồng loại. Cao cả biết bao nhiêu khi nghe Nam nói đến cái chết của đứa bé gái con " em Lợi " . Nói đến những người tù nữ, đến những đứa trẻ tuổi măng thơ sinh ra và lớn lên trong đói khổ trại tù, lây lất, bơ vơ ... " Những đứa bé da nhăn như người già vì thiếu dinh dưỡng " !
Đọc những dòng diễn tả trong nhật ký, tôi nhận ra Nam vẫn nguyên tròn bản chất. Một Phan Nhật Nam vui tếu tàng tàng. Một Phan Nhật Nam người hùng Mũ đỏ. Một Phan Nhật Nam trọng danh dự và nhất ngôn. Cái tinh thần Hướng đạo Nam hằng ôm giữ, cái châm ngôn " Vui Vẻ " chỉ nam cho đời sống, Nam đã tận tụy thi hành ngay cả trong những giây phút Nam đang " Dựa Lưng Nỗi Chết " ! Tôi đã mỉm cười trong nước mắt ngậm ngùi ... Thân xác Nam rũ liệt nhưng tinh thần Nam còn vững thẳng với bao gắng gượng, dưỡng nuôi nghị lực để sống còn cho hy vọng mãnh liệt có một ngày về mà Nam gọi đó là sự " Phục Sinh Mầu Nhiệm ", bằng vào niềm tin nơi Thiên chúa, bằng vào tình yêu vợ thương con quá mạnh. Tôi bồi hồi cảm động khi thấy Nam viết say sưa về cái mộng ra tù cầm bút viết văn trở lại, kiêu hãnh, nồng nàn khoe với vợ con về tập bản thảo của hai cuốn trường thiên viết trong tù ngục? Lại còn cái ước ao có được chiếc khẩu cầm để thổi te te trước giờ lên võng mỗi đêm. Lại còn đỏm đáng chuốt trau nhân dáng, dù cho tàn tạ cũng là nét tàn tạ rất " hùng " của một Sĩ quan Cộng Hoà xuất thân Võ Bị, hỏi xin cái nón rộng vành che nắng lửa trời hè lao động nhưng nhất định không phải là thứ nón tai bèo của mấy chú Vi-Xi ! ... Thật tội thương Nam, dù trong khổ nạn vẫn cố đem vui sống cho đời, dù trong đầy đọa cũng không đánh rơi nhân phẩm và chịu đồng hoá với bầy ác thú.
Tháng 3-80, vợ con Nam đã vượt biên bằng đường bộ tới Thái Lan và đến nay khi tôi viết những dòng chữ này (tháng 2-81), ba mẹ con vẫn long đong cơ cực sống trong trại tị nạn Sikew. Phải hiểu một khi quyết định rời bỏ miền đất quê hương chẳng biết dung người ấy, chị Nam đau đớn thế nào và Nam ngẩn ngơ rúng động thế nào khi biết vợ con mình từ nay đã xa cách nghìn trùng, để lại bên trời khổ nhục mình Nam với nỗi cô đơn trầm thống. Phải mất một thời gian dò tìm liên lạc, tôi mới có địa chỉ viết thư xin ý kiến chị Phan Nhật Nam về việc phổ biến tập nhật ký. Bởi vì dầu sao những trang nhật ký này Nam viết riêng cho vợ con và là báu vật thiêng liêng chỉ riêng vợ con Nam có quyền tư hữu. Hơn thế nữa, việc công bố nhật ký làm sao tôi dám tự chuyên vì ảnh hưởng rất lớn tới nỗi an nguy của Nam. Tôi nghĩ tới trường hợp nhà văn Doãn Quốc Sĩ cùng những lời hy vọng của Nam đã viết và ủy thác Chử Quân Anh trao tập nhật ký cho tôi, việc trước tiên tôi có thể làm được là liên lạc với anh Trần Tam Tiệp, tổng thư ký Văn Bút Việt nam Hải ngoại nhờ vận động với Văn Bút Quốc Tế cùng các cơ quan quyền lực quốc tế can thiệp cho Nam được tự do.
Anh Trần Tam Tiệp đã sốt sắng lo liệu. Phan Nhật Nam có tên trong danh sách tù nhân văn nghệ sĩ được hội Văn Bút Quốc tế trực tiếp can thiệp. Hơn thế nữa, Phan Nhật Nam còn được ghi tên dự một giải văn chương quốc tế với tác phẩm là tập nhật ký này. Ủy ban Ân Xá Quốc Tế cũng lấy tên và địa chỉ trại tù để gửi quà tặng cho Nam. Tôi báo tin và chị Nam viết trả lời, " Nếu anh thấy việc công bố nhật ký của Nam nhất thiết phải làm thì anh cứ tùy tiện. Cũng như anh, tôi hơi lo không biết việc ấy có lợi hay hại cho Nam song đành vậy. Tôi rất mừng khi biết Pen Club gửi quà tặng cho Nam. Những món quà của Pen Club có một giá trị tinh thần đáng kể. Nam sẽ phấn khởi và hy vọng hơn khi biết có sự chú ý của bên ngoài đối với mình. Nghị lực cũng giống như vốn liếng, để không ăn dần cũng suy mòn hao hụt đi, rất cần sự tiếp sức ... "

Tôi chỉ chụp một trang nhật ký của Nam gửi cho chị đọc. Chị đau đớn viết cho tôi, " Những ngày trong trại tị nạn này cũng là những ngày tôi cảm thấy gần gũi Nam nhất trong suốt mấy năm nay. Có cái hạn chế của thực phẩm để cảm thông một phần nào cái đói. Có se da vì chăn Hồng Thập Tự phát quá ngắn không chùm kín đầu để cảm được cái lạnh của người đốn cây xẻ đá giữa buốt giá của mùa đông miền Bắc ... Tôi biết Nam là người yêu đời sống rất mãnh liệt, thế mà Nam đã ai oán kêu lên Thà rằng ta chết cho xong! thì đủ biết Nam bi phẫn tuyệt vọng đến nhường nào. Lòng tôi tan nát ..."
Tôi không thể chờ đợi lâu hơn để hoàn tất việc chuyển dịch tập nhật ký sang Anh ngữ phổ biến đồng loạt cùng bản văn Việt ngữ. Công việc này quả thực quá khả năng tôi vì văn chương ngôn ngữ Phan Nhật Nam vô cùng khó dịch, dù tôi có bỏ ra hàng ngàn giờ và dốc toàn vốn liếng cũng không thể chuyển ra ngoại ngữ trung thực và trọn vẹn mức độ bi thương thảm thiết chứa trong từng lời, từng chữ mà Nam đã viết bằng máu lệ đời mình. Tôi không thể để lâu hơn. Vì Nam đang quằn quại mỏi mòn ngóng đợi từng ngày, từng giờ. Vì những điều Quân Anh kể về tình trạng sức khoẻ của Nam và lời nhắn " làm thế nào vận động cứu Nam, không nó chết " ám ảnh tôi lo lắng bồn chồn.
Tôi xin gửi đến các báo chí Việt ngữ trên toàn thế giới, kính nhờ quý vị phổ biến rộng rãi trong mọi giới đồng bào tị nạn. Xin gửi đến các hội đoàn quốc gia tranh đấu chống cộng sản và tranh đấu cho nhân quyền. Gửi chung những bằng hữu thân biết Phan Nhật Nam, các nhà văn, nhà báo, các chiến hữu của Nam? với lời khẩn thiết kính xin quý vị tiếp tay phổ biến tài liệu này và vận dụng mọi phương tiện tranh đấu buộc cộng sản trả tự do cho nhà văn Phan Nhật Nam. Tiếng kêu thương của Phan Nhật Nam cũng là tiếng kêu thương đứt ruột của hàng trăm ngàn người Việt Nam của chế độ Tự do đang bị cộng sản giết dần mòn trong các trại tù cải tạo.
Tập nhật ký này nếu được các vị dịch giả thừa khả năng ngoại ngữ dịch ra Anh văn và Pháp văn, phổ biến cho nhân loại toàn cầu biết đến cái thảm trạng kinh hoàng của hệ thống lao tù cộng sản, phải là một công trình văn hoá lớn lao, không riêng gì Phan Nhật Nam cùng vợ con mang ơn quý vị, mà tất cả những người chống cộng trên thế giới đều biết ơn.

***

Phụ đính I:

Em tôi

Năm em lên ba, bố tôi bỏ lại người vợ trẻ và hai đứa con thơ lên đường tập kết.
Tôi hơn em sáu tuổi . Chín tuổi con nhà nghèo khôn lắm, tôi đủ khôn để thấy khuôn mặt mẹ buồn hiu hắt, những tiếng thở dài và những giọt nước mắt âm thầm của mẹ trong đêm. Chín tuổi, tôi đã biết mình là người nam độc nhất trong gia đình, đã biết ẩm bồng đút cơm cho em và vỗ về em mỗi khi em khóc. Chín tuổi, tôi đã biết tắm rửa, thay áo thay quần cho em, cỏng em đi chơi và dỗ cho em ngủ. Mỗi ngày, trời sập tối mẹ mới gánh hàng về, ba mẹ con ngồi ăn cơm bên ngọn đèn dầu , tôi và em hỏi han, an ủi mẹ . Mẹ kể cho chúng tôi nghe chuyện chợ búa như đang nói chuyện với người lớn, tôi ngồi nghe, nhìn đôi vai gầy của mẹ, nhìn mái tóc và đôi bàn tay khô của mẹ, mà thấy thương mẹ vô cùng.

Tôi phải bỏ học ở nhà hai năm để trông chừng em. Mẹ có một sạp bán rau cải ở chợ Cồn. Gọi là sạp chứ thực ra chỉ là một ô đất nhỏ, sáng mẹ ra đi thật sớm , lúc trời còn mờ sương, buổi trưa mẹ về nhà lo cho chúng tôi ăn, nằm nghỉ ít phút rồi trở dậy sửa soạn cho chuyến chợ chiều . Một tuần bảy ngày , mẹ đi đi về về trong nỗi cô đơn.

Năm em vừa tròn năm tuổi thì mẹ cho em vào mẫu giáo, tôi cũng trở lại trường, đám bạn củ của tôi nay đã hơn tôi hai lớp, ngồi xung quanh tôi bây giờ là những khuôn mặt lạ, kém tôi hai, ba tuổi . Tôi là học trò lớn nhất và học khá nên được làm trưởng lớp. Gần cuối năm học lớp nhì, tôi nói với mẹ lên xin thầy Hiệu trưởng cho tôi được thi nhảy tiểu học. Thầy bằng lòng. Tôi cắm

cúi học luyện thi và kết qủa là tôi đã đổ được bằng tiểu học năm đó.

Vào lớp đệ thất trường Trần quốc Tuấn , tôi tiếp tục học ngày, học đêm, năm đệ ngủ tôi thi nhảy một lần nửa lấy bằng Trung học. Đến niên học đệ tam thì tôi đã bắt kịp đám bạn củ , tôi hân hoan nhập bầy chung với đám bạn ngày xưa . Đây là giai đoạn mà tôi cần tiền để mua sách học và may thêm quần áo, thời tiểu học và trung học đệ nhất cấp thì mặc sao cũng được, nhưng bây giờ đã lên đệ nhị cấp rồi, đã bắt đầu biết đỏ mặt khi nhìn những đứa con gái trường nử, thỉnh thoảng đã biết theo bạn tập uống cafe, phì phà điếu thuốc. Tiền mẹ cho không đủ, tôi bắt đâù công việc kèm trẻ tư gia để kiếm thêm tiền . Học trò của tôi là mấy cô cậu đệ thất đệ lục, nghiã là cũng chỉ bé thua tôi vài tuổi .

Ba mẹ con tôi vẫn ngày ngày đi về căn nhà nhỏ, căn nhà vẫn không thay đổi một chút nào từ ngày bố bỏ mấy mẹ con để ra đi .

Hết năm đệ tam , tôi nộp đơn thi Tú Tài phần nhất. Tôi đậu bình thứ . Một lần nửa, mọi người ngạc nhiên, nhưng tôi biết sức học của mình, tôi biết mẹ buôn bán tảo tần, tôi thấy những năm tháng gần đây mẹ trở bệnh hoài, mỗi sáng mẹ lục đục dậy thật sớm nấu cơm để dành cho anh em tôi, rồi lặng lẽ mang đôi quang gánh lên vai, những tối ngồi trâm ngâm bên ánh đèn dầu nhìn anh em tôi học bài và những đêm khuya mẹ trở mình húng hắng ho . Tôi thương mẹ và em đến ứa nước mắt , và càng thương mẹ thương em, tôi càng học như điên, như cuồng. Tôi ước gì Bộ Giáo dục cho tôi thi hai bằng tú tài cùng một lúc. Nhìn mái tóc mẹ đã lớm chớm sợi bạc , nhìn lưng mẹ mỗi ngày mỗi như còng xuống, nhìn hai vai gầy của mẹ mà lòng quặn đau , và cứ thế, tôi vùi đầu vào sách vở...

Em đã bắt đầu tuổi lớn, đã bắt đầu tuổi mộng mơ con gái , đã bắt đầu bước vào "tuổi ngọc" , nhưng tội nghiệp , biết nhà mình nghèo, biết mẹ mình buôn thúng bán bưng, biết anh mình vẫn chiều chiều đi kèm trẻ kiếm thêm tiền và cặm cụi học đốt giai đoạn cho chóng thành tài . Biết thế nên em ít khi nào xin mẹ, xin anh tiền may áo mới , hai chiếc áo dài trắng đủ cho em thay đổi . Em lớn lên thiếu tình của bố, nên tôi " quyền huynh thế phụ" . Nhiều lúc nhìn mẹ , nhìn em, tôi vẫn không hiểu tại sao bố lại đành đoạn dứt áo ra đi .

Tôi thi đổ Tú Taì toàn phần năm 18 tuổi, và ra Huế học Đại học Văn khoa . Mẹ ở một mình với em ở Đà nẳng. Mỗi cuối tuần , tôi theo xe đò về thăm mẹ và em, đến sáng thứ hai trở lại trường . Ở Huế, tôi tiếp tục công việc kèm trẻ tư gia . Với số tiền nhỏ nhoi kiếm được, tôi phụ mẹ một ít nuôi em. Qua sinh nhật thứ 13 của em mấy tháng, một chiều mẹ bỏ buổi chợ, về nhà than nhức đầu, tưởng là cảm nhẹ, mẹ sai em cạo gió và nấu cho mẹ bát cháo hành. Khuya đó mẹ lên cơn sốt, lảm nhảm nói mê , sáng hôm sau em nghỉ học chở mẹ vào nhà thương và nhờ người nhắn tin ra cho tôi ở Huế.

Lật đật trở vào Đà nẳng bằng chuyến xe đò chót. Trời tối đã lâu , không kịp ăn uống , từ bến xe tôi đi thẳng đến bệnh viện . Trong căn phòng nhỏ , dưới ánh đèn vàng mờ đục, mẹ nằm thiêm thiếp trên giường bệnh, còn em đang ngồi ngủ gà ngủ gật cạnh giường. Đứng yên lặng nhìn mẹ xanh xao bất động , và khuôn mặt thơ dại của em, trong giấc ngủ hai khoé mắt vẫn còn long lanh giọt lệ, tôi nghe lòng mình quặn thắt .

Đánh thức em dậy, em ngơ ngác duị mắt vài giây . Nhận ra tôi, em nhào tới ôm chầm và oà lên khóc, em cho hay là từ lúc đưa mẹ vào đây, mẹ chỉ tỉnh lại một vài phút vào khoảng giữa trưa, sau đó mẹ hôn mê trở lại . Tôi an ủi em, rồi cùng em ra văn phòng bệnh viện. Cô y tá trực cho hay mẹ bị đứt một tỉnh mach ở đầu . Tôi bàng hoàng như bị ai nện một nhát búa vào ngực. Cô y tá buì nguì nhìn em , đôi mắt xót xa ...

Tối đó, anh em tôi cùng ở lại với mẹ , em mệt mỏi , nên chỉ một thóang là đã ngủ say . Trong giấc ngủ mệt nhọc , thỉnh thoảng em ú ớ mẹ ơi, mẹ ơi rồi nức lên mấy tiếng. Tôi nghe như dao cắt trong lòng. Suốt đêm không ngủ, tôi cứ ngồi nhìn mẹ nằm im lìm và bên chân mẹ em ngủ chập chờn . Tôi tự nhủ thầm với mình đừng khóc, đừng khóc .... nhưng sao nước mắt vẫn cứ trào ra, một tay ve vuốt bàn tay xanh xao của mẹ, một tay nắm lấy bàn tay nhỏ bé của em, tôi để mặc cho hai giòng nước mắt chảy nhạt nhoà trên má.

Mẹ thở hơi cuối cùng lúc năm giờ sáng, mẹ không tỉnh lại để trăn trối với hai con một lời gì . Mẹ đi trong yên lặng. Tôi nắm bàn tay mẹ và thấy tay mẹ lạnh dần. Tôi đánh thức em dậy . Hai anh em hôn lên trán mẹ gỉa từ. Em vuốt mắt mẹ . Mắt mẹ nhắm hờ. Em ôm chặt hai tay mẹ, ủ vào lòng mình miệng kêu lên nho nhỏ: mẹ ơi, mẹ ơi... Em khóc lặng lẽ, áp mình vào ngực mẹ nước mắt em tuôn ràn rụa làm ướt đẫm cả vạt áo me bạc màụ . Những tiếng kêu nghẹn ngào của em như những viên đạn bắn thẳng vào tim, tôi ngồi bất động nhìn mẹ, nhìn em , lòng đau như muối xát. Tội nghiệp mẹ tôi, tội nghiệp em tôi . Em mới mười ba tuổi ...

***

Chôn mẹ xong, tôi bỏ học. Còn lòng dạ nào mà học nửa . Nhưng em thì phải trở lại trường.

Bán đi căn nhà nhỏ xiêu vẹo và gom tóm tất cả vốn liếng của mẹ để lại, tôi đưa hết số tiền cho mẹ của Minh, một người bạn thân tôi . Minh có Hân, cô em gái cùng tuổi , cùng lớp với em. Tôi gửi em đến đó ở và đi học với Hân, cũng may , bố mẹ Minh coi anh em tôi như con. Tôi dặn dò em đủ điều . Số tiền tôi gởi cho mẹ Minh đủ để trả tiền ăn ở của em trong hai ba năm. Tôi còn đưa thêm cho em một ít để em mua sách vở, may áo quần , tiêu vặt. Tôi ôm em và hứa với lòng , hứa với vong hồn mẹ là sẽ lo lắng, sẽ bảo bọc em cho đến trọn đời .

Tôi vào trường Võ bị Đà Lạt năm 20 tuổi, lương sinh viên sĩ quan ít ỏi, tôi tiết kiệm không dám xài nhiều, để dành gởi về cho em mỗi tháng. Tôi dặn em viết thư mỗi tuần kể cho tôi nghe chuyện học hành. Tôi bắt em hứa là không bao gi dấu tôi một điều gì dù nhỏ bé. Em ngoan ngoãn vâng lời Mỗi năm tôi được về phép một lần, hai anh em quấn quýt không rời . Tôi đưa em đi thăm mẹ. Chúng tôi lặng yên cầm tay nhau quỳ bên mộ mẹ , nước mắt lưng tròng.

Em lớn lên và ngày càng giống mẹ . Cũng khuôn mặt và cái nhìn nhẫn nhục, cũng đôi mắt xa xăm buồn hiu hắt . Bình thường em rất ít nói, có lẽ không cha, mồ côi mẹ qúa sớm và anh lại ở xa đã làm em rụt rè. Cũng may, bên cạnh em vẫn còn có Hân. Lễ mãn khoá của tôi, em và Hân cùng lên tham dự, lúc này, em đã thi đỗ vào trường Sư phạm Qui Nhơn, hai năm nửa em sẽ trở thành cô giáo, tôi hãnh diện giới thiệu em và Hân với các bạn mình. Nhìn dáng em thẹn thùng e ấp , tôi thấy lòng mình rạt rào thương em. Tôi thầm gọi mẹ, mẹ ơi, hai con của mẹ đã trưởng thành và đã nên người .

Ra trường, tôi chọn binh chủng nhảy dù, có lẽ cũng chỉ vì tôi thích màu mủ đỏ . Em vào học và ở nội trú trong trường sư phạm. Tôi thấy mình yên tâm hơn. Mỗi tháng, tôi vẫn gửi về cho em một nửa tiền lương lính của mình để trả tiền phòng, tiền ăn. Tôi biết con gái cần nhiều thứ hơn con trai, như áo quần, son phấn... Em vẫn viết thư cho tôi mỗi tuần như em đã làm trong mấy năm qua . Em kể chuyện học hành , chuyện bạn bè, em lo sợ là tôi đi tác chiến nhở có ngày bố con gặp nhau ở chiến trường, làm sao nhận ra nhau, em không nói thêm , nhưng tôi cũng hiểu, tên đạn vô tình , nếu nhở....

Hai năm em học Sư Phạm trôi qua thật nhanh. Em bây giờ đã là một cô giáo trẻ. Em được đổi về dạy tại một trường tiểu học gần thị xã Phan Rang. Em thuê nhà chung với hai cô giáo khác. Mỗi ngày ba cô giáo ngồi xe lam đi đến lớp, chiều về cả ba cùng quây quần nấu nướng . Em viết thư cho tôi và khoe có quen với Tuấn, một Sĩ quan Hải quân đồn trú ở Phan rang. Em khen

Tuấn hiền lành, ít nói . Em kể thêm là Tuấn chỉ còn có mỗi một mẹ già.

Chiến tranh ngày thêm khốc liệt, đơn vị tôi hành quân liên miên, có khi cả năm chúng tôi mới được về hậu cứ một lần. Tôi bị thương hai lần trong cùng một năm. Tôi dấu em, không cho em biết sợ em lo lắng. Trong những tuần lễ nằm bệnh viện và ở hậu cứ dưỡng thương, tôi bắt đầu viết bài đăng trên các báo và tạp chí. Tôi kể lại những trận đụng độ kinh hoàng giữa đơn vị tôi và giặc Cộng, tôi kể lại những "kỳ tích " của bạn tôi, của Mễ, của Lô ....

Sau một lần bị thương nhẹ ở tay, tôi lấy mấy ngày phép ra Phan Rang thăm em. Em mừng rỡ ôm lấy anh, nhưng khi thấy cánh tay băng bột em xót xa bật khóc. Tôi an ủi em là biết đâu sau chuyến bị thương này tôi sẽ được về làm việc hậu cứ. Ngày hôm sau, nghe tin, Tuấn đến thăm . Thoạt nhìn, tôi đã có cảm tình với Tuấn, đúng như em nói, Tuấn trông rất hiền lành. Trong suốt tuần lễở Phan rang, em vẫn phải đi dạy , nhưng may là có Tuấn, mỗi ngày Tuấn tới chở tôi đi ăn sáng , trưa Tuấn và tôi lang thang ra chợ bạ gì ăn đó đợi giờ ba cô giáo đi dạy học về. Buổi tối, em đi ngủ sớm, Tuấn ngồi lại nói chuyện với tôi cho tới khuya . Bên ly cafe, tôi kể cho Tuấn nghe chuyện của mình. Những hình ảnh yêu dấu, xót xa như một cuộn phim củ quay chầm chậm. Tôi rưng rưng kể lại ngày mẹ mất. Tuấn lấy tay chùi mắt, trong đêm tối , tôi thấy mắt Tuấn long lanh ...

Bảy ngày phép cũng trôi nhanh . Tôi trở về Saigòn, lòng cảm thấy vui và nhẹ nhàng vì đã có dịp gặp Tuấn. Tôi tin Tuấn sẽ không làm khổ em . Ba tuần sau, tôi nhận được thư Tuấn , trong thư Tuấn kể về gia đình (mặc dù tôi đã nghe em kể trong các lá thư). Tuấn muốn tiến tới với em. Tuấn xin phép được đưa mẹ Tuấn đến gặp tôi . Tuấn hứa là sẽ săn sóc và thương yêu em . Đọc thư Tuấn tôi ứa nước mắt vì mừng. Mừng cho em may mắn không gặp những trắc trở trên đường tình ái, mừng cho em gặp được một người chồng hiền hậu . Tôi viết thư cho em và Tuấn, bảo hai em lo thế nào cho tiện, chỉ cố làm sao cho giản đơn vì cả hai đứa cùng nghèo .

Bốn tháng sau, Tuấn và em làm đám cưới, nhà gái ngoài tôi còn có thêm mấy thằng bạn trong đơn vị, ông hiệu trưởng , thầy cô giáo và rất đông học trò. Nhà trai ngoài mẹ Tuấn, mấy gia đình anh chị họ còn thêm một số bạn bè Hải quân cùng đơn vị . Nhìn em súng sính trong bộ đồ cưới , tươi cười đứng bên cạnh Tuấn, tôi gọi thầm mẹ ơi , mẹ ơi , về đây dự đám cưới của em.

Tôi theo đơn vị lội thêm hai năm nửa ở vùng giới tuyến , thì "tai nạn" xảy ra . Trong một lúc nóng giận vì thấy ông xếp của mình sao ngu và bẩn quá, tôi không giữ được lời và đã xúc phạm đến ông, kết qủa là tôi bị đưa ra hội đồng kỹ luật và tống ra khỏi binh chủng nhảy dù.

Sau một thời gian ba chìm bảy nổi, tôi đổi về cục Tâm lý Chiến , thời gian này tôi đã khá nổi tiếng , những bút ký chiến trường về Tết Mậu Thân, Bình Long. An Lộc ... đã làm vinh danh binh chũng củ của tôi . Tôi được giải thưởng văn học với bút ký "Mùa hè đỏ lửa". Tiền thưởng và tiền bán sách tôi gửi hết cho em. Tuấn và em dùng tiền này mua được một căn nhà nhỏ ở ngoại ô Phan rang, gần trường em dạy .

Mới ngày nào đó còn thẹn thùng nấp bên vai Tuấn mà bây giờ em đã mấy con. Mỗi dịp rãnh rỗi, tôi lại ra Phan rang ở chơi với em, với cháu . Tôi ôm cháu, hôn vào hai má phúng phính, hít vào phổi mùi thơm của trẻ thơ mà thấy lòng mình dịu lại, những cay đắng, cực nhọc của đời theo tiếng cười lanh lãnh dòn tan của cháu mà bay xa, bay xa . Tôi nhìn hai vợ chồng em, nhìn bầy cháu nhỏ lẩm chẩm quây quần bên chân mẹ mà lòng vừa vui mừng vừa hãnh diện. Tôi ao ước mẹ tôi nhìn thấy được cảnh này .

***

Biến cố tháng 4 /75 tới như một định mệnh oan nghiệt, cả Tuấn và tôi đều phải ra trình diện cải

tạo . Em ở lại một mình với một bầy con nhỏ , đứa lớn nhất chưa đầy sáu tuổi và đứa nhỏ nhất còn nằm trong bụng mẹ . Trong trại , tôi cứ đứt ruột nghĩ về em vàbầy cháu nhỏ . Mẹ của Tuấn đã qúa già, làm sao lo phụ với em đây Rồi em còn phải lo lắng về số phận chồng, số phận anh. Tôi quay quắt như như ngồi trên đống lửa, tôi nghĩ đến lời hứa với vong hồn mẹ hôm nào mà lòng đau như xé, con đã thất hứa với mẹ , mẹ ơi, con đang ở đây tù tội thì làm sao lo dược cho em ... Năm 76 tôi bị đưa ra Bắc. Tôi mất liên lạc với em và Tuấn từ tháng 5/75. Làm sao em biết tôi ở đâu mà thư từ thăm gửi . Không biết em có biết Tuấn ở đâu không, trại tù mọc lên như nấm từ Nam ra Bắc. Hồi còn ở trong Nam , từ Trảng lớn, qua Suối máu , đâu đâu tôi cũng cố dò hỏi tin Tuấn nhưng vô hiệu . Tù nhân đông qúa ...

Trại cải tạo Sơn La, sau đợt cho viết thư về gia đình đầu tiên, ba tháng sau tôi nhận được thư em .Thư em đến tay tôi vào giữa năm 77. Hơn 2 năm 1 tháng tôi mới nhìn lại nét chữ của em. Run run bóc thư, mắt tôi cay nồng, nhạt nhoà . Em cho hay là Tuấn đang cải tạo ở Long Thành, Tuấn có thư về và cho biết vẫn bình an, mẹ Tuấn dạo này yếu lắm vì cụ đã qúa già, em vẫn đi dạy, hai cháu nhỏ ở nhà với bà nội, hai cháu lớn theo mẹ vào trường, em cho hay đứa con gái út em đặt tên Tâm, Trần thị Minh Tâm, cháu sinh ngày 12 tháng 9 năm 75, gần 4 tháng sau ngày bố cháu và bác cháu vào tù.

Gần cuối thư, em báo tin là bố còn sống và hồi đầu năm 76 có tìm đến gặp em, làm sao bố tìm ra địa chỉ thì em không biết, nhưng hôm ấy bố đến, bố tự giới thiệu tên mình. Em ngỡ ngàng, ngày bố ra đi em mới tròn ba tuổi, hơn hai mươi năm sau gặp lại làm sao em nhận được , bố xoa đầu đám cháu ngoại đang trố mắt nhìn người đàn ông lạ, bố hỏi về anh, về Tuấn, khi em hỏi lại bố là làm sao để biết anh và Tuấn đang bị giam giữ ở trại cải tạo nào , bố lắc đầu không nói gì. Bố cho hay là bố đang có gia đình ở Bắc, ngoài ấy bố có thêm hai trai và hai gái . Đứa trai lớn nhất thua em bốn tuổi .

Bố mang vào cho em hai mươi ký gạo và một chục cam . Bố ở chơi một ngày rồi bố trở về Hà nội . Lúc bố về em có tặng bố cái radio-cassette của anh cho ngày nào . Bố thích lắm, bố hứa sẽ đến thăm anh trong trại tù . Từ hồi trở ra Bắc dến giờ bố chưa liên lạc lại với em, và em cũng không có địa chỉ của bố ở ngoài ấy .

Tôi đọc thư lòng thấy phân vân, tôi cũng như em , không hình dung ra nổi bố tôi hình dáng mặt mủi ra sao, hai mươi mấy năm, tôi tưởng bố tôi đã chết.

Tháng 12 năm 77, tại trại cải tạo Sơn La, bố đến thăm tôi .

Đứng trong văn phòng viên sĩ quan trưởng trại một người đàn ông trung niên, tóc muối tiêu và gương mặt xương. Bộ áo quần dân sự khá thẳng thớm , và sự lễ phép của tên đại úy trưởng trại tiết lộ về địa vị không nhỏ của người này . Thấy tôi vào, viên trưởng trại quay qua nói nhỏ một câu gì đó rồi bước ra ngoài . Tôi im lặng đứng nhìn người đàn ông xa lạ .

Bố đến bắt tay tôi, tự xưng tên mình , bố gọi tôi bằng anh, bố kể là đã gặp em ở Phan Rang, bố hỏi tôi học tập thế nào, bố không hề nhắc đến mẹ , có lẽ ông đã biết về cái chết của mẹ. Bố nói là có đọc văn tôi . Tôi ngồi yên nghe bố nói, sau cùng , bố đứng dậy, móc trong xách ra một gói nhỏ bảo đó là đường và thuốc lá , trao cho tôi , khuyên tôi cố gắng học tập tốt để sớm được khoan hồng. Tôi nhìn vào mắt bố, lòng thấy dững dưng. Tôi bắt tay bố rồi về lại lán mình.

Đó, cuộc hội ngộ của bố con tôi sau hơn hai mươi năm là thế đấy . Chắc cuộc tái ngộ giữa bố với em cũng tẻ nhạt như thế. Có cái gì đó ngăn cách , có cái gì đó phân chia, có cái gì đó tôi không hiểu và không diễn tả được . Bây gi tôi hiểu vì sao cái tin quan trọng đến thế mà em lại chỉ đề cập một cách ngắn ngủi ở cuối thư .

Lần đó là lần đầu và cũng là lần duy nhất tôi gặp bố trong suốt 13 năm lang thang trong các trại tù biệt giam miền Bắc.

Tháng 12/78, chuyển trại lên Yên Bái, tôi nhận thêm được hai lá thư của em , trong bức thư gần nhất, em viết vào tháng 8/78. Em cho hay tình trạng rất khó khăn, phụ cấp đi dạy không đủ nuôi một mẹ già và bốn con thơ, em đã bán lần mòn hết những đồ trang sức và luôn cả những đồ vật trong nhà. Em vẫn chưa đi thăm nuôi Tuấn được một lần nào . Không thể để bốn cháu nhỏ ở nhà cho bà nội vì cụ bây giờđã quá yếu , mỗi buổi ăn, Uyên, cháu lớn phải đút cho bà. Ngoài ra , mỗi tối, từ lúc chạng vạng em và Hoàng, hai mẹ con phải ra đầu ngõ, ngồi bán bắp nướng đến khuya để kiếm thêm tiền đong gạo . Em than là dạo này mất ngủ, sức khoẻ yếu lắm , em sợ nhở có mệnh hệ nào ...

Tôi thẩn thờ cả buổi vì bức thư em, ngày xưa tôi chỉ lo cho có mỗi mình em, còn bây giờ em phải lo cho bốn đứa con thơ và một mẹ già, kể luôn người chồng và ông anh đang tù tội là bảy, bảy cây thập gía đời đang đè nặng lên đôi vai gầy guộc, nhỏ bé của em. Tôi viết thư về an ủi , khuyên em cố gắng, tôi vỗ về em là có thể Tuấn sẽ được tha về sớm với em, với cháu , vì Tuấn đi hải quân và lon còn thấp , không có tội với cách mạng nhiều . Rồi tôi viết thêm cho em hai ba lá thư nửa mà vẫn không thấy hồi âm. Lòng tôi cồn cào, nóng như lửa đốt, những ngày dài tù tội, tôi không nghĩ đến cái đói, cái khổ của mình mà chỉ nghĩ đến em và mấy cháu , không biết giờ này, em và bốn cháu thơ dại đang có gì ăn ?

Tháng 6/79, một sáng trên đường lên rừng đốn nứa, tôi nghe loáng thoáng câu chuyện giữa các bạn tù. Họ nghe từ các bà vợ đi thăm nuôi kể lại, rằng ở Phan Rang có một chị có chồng đang đi cải tạo, chị chết đi, để lại bốn con thơ, đứa bé nhất mới lên ba, còn đứa lớn nhất chưa đầy chín tuổi . Tội nghiệp, họ hàng nội ngoại không có một ai . Tôi bỗng dưng thấy lạnh toát cả sống lưng, lại gần hỏi thêm thì người bạn tù cho hay là nghe nói chị ấy làm nghề cô giáo, có chồng sĩ quan hải quân đang đi tù cải tạo ở đâu đó trong Nam. Người chồng, trung úy hải quân trước cũng đóng ở Phan Rang . Trần Nguyên Tuấn, hải quân trung uý Trần nguyên Tuấn .

Tôi thấy đất trời đảo lộn , tôi thấy mặt trời nổ tung trong óc, tôi hụt hơi, miệng há hốc đứng như trời trồng giữa núi rừng Yên Bái, bên cạnh tôi tiếng người nói lao xao Tôi không nghe gì hết , tai tôi lùng bùng , mắt tôi mờ đi, tôi đang nhìn thấy xác em nằm co quắp trên manh chiếu , bốn đứa cháu của tôi, cháu Minh Tâm chưa đầy ba tuổi đang lấy tay lay lay xác mẹ, cháu lớn Thu Uyên chưa đủ chín tuổi đang ôm chân mẹ khóc lóc ủ ê, hai đứa kia, Hoàng và Châu ngơ ngác đứng nhìn. Trời tháng 6 muà hè Yên bái mà sao tôi thấy thân mình lạnh buốt. Tôi tê dại, tôi hoá đá, tôi không còn cảm xúc , tôi muốn hét lên cho tan vỡ cả vũ trụ này . Trong lung linh màu nắng vàng buổi trưa Yên Bái, tôi thấy bóng em nhập nhoà, chập chờn. Em của tôi, đứa em côi cút của tôi .... Mũi súng AK thúc vào cạnh sườn, người vệ binh chắc cũng ngạc nhiên không hiểu sao bỗng dưng tôi đứng như trời trồng giữa lộ . Anh quắc mắt nhìn tôi dò hỏi, tôi không nói gì, im lặng nhập vào dòng tù. Nước mắt chảy dài trên hai má hóp, tôi bước đi như kẻ mộng du ...

Phan Nhật Nam giữa chúng ta

Lưu Na

Giữa một buổi ra mắt sách, tôi thấy một bóng hình. Một cái đầu bóng lưỡng, một ánh mắt đã tà, đã mỏi với thời gian. Tôi tiến đến gần xin chụp một bức hình, và trước khi lời yes or no được buông ra, tôi bấm đại vài bức rồi mới trả lời: Dấu Binh Lửa !!! Dấu Binh Lửa huơ tay, “đó

là một người khác." Lời nói như tự cáo, một xác nhận ngậm ngùi. Nào phải tôi không biết không hay, vì chính tôi cũng thấy mình trong cái bể dâu đó.

Phan Nhật Nam, tôi chắc lứa 20 của tôi khi đến đất này ít nhiều biết tên, nghe nhắc. Tôi không phải là người lạc quan để tin rằng ai cũng biết PNN, nhưng có lẽ cũng khó để không biết đến một người đã gắn liền với những tang thương của đất nước _ bằng tuổi trẻ trong chiến tranh, lao tù khi kết thúc, và bằng chữ viết _ nói với mọi người chung quanh những tâm tình những nghĩ suy, và nhất là, những "lẽ thật" khi đã đi qua đoạn đường khổ ải với người cộng sản. Trong bước tha hương, chữ viết là điều duy nhất nối tôi với quê hương bỏ lại. Nhưng những hàng chữ của Phan Nhật Nam mở ra một quê hương nhức nhối, mở ra những mảnh đời vốn hiển nhiên chung quanh mà lại là một bí mật mới được khám phá _ người lính, người dân vùng lửa đạn, những nạn nhân trong cuộc phong ba… Đau khổ của quê hương, của con người, qua Phan Nhật Nam, thật khôn kham. Tôi cứ lẽo đẽo theo ngòi viết ấy, nửa ngán ngẩm nửa mụ mị, sau cùng phải nhắm mắt quên đi và cấm mình không đọc nhiều thứ sau khi đọc những lời đã viết ấy.

Có lần vào trang nhà Hợp Lưu thấy bài "Gặp Lại Phan Nhật Nam Trên Quốc Lộ 1" của Trần Vũ phỏng vấn Phan Nhật Nam, tôi ngần ngừ không dám đọc sợ mở lại vết thương ngày cũ, nhưng rồi vẫn phải đọc.

Đã. Trần Vũ hỏi những câu thật đã. Ngoài kia chắc có nhiều bạn đồng trang lứa như tôi, muốn mà không biết hỏi sao hỏi gì và Trần Vũ đã hỏi hộ.

Cảm kích. Vì như Trần Vũ nhắc, tôi sinh ra là người quốc gia, và đọc ông Nam rồi thì thành người quốc gia, phải vậy, không thể nào khác.

Trần Vũ đã đẩy cánh cửa thời gian, mở ra, và nhìn vào cánh cửa đó tôi tìm lại được những bóng người xưa mà mình đã bắt gặp thuở 20 trên đất khách: "H*ơn một khám phá chiến tranh, tôi khám phá chân dung của người lính Cộng Hòa mà tôi thực sự tin vào những điều anh viết. Chân dung của người lính miền Nam, cao cả, bình lặng, bi tráng trên một đất nước điêu linh, trầm thống*" Cảm nghĩ tâm tư, cái điều rất riêng của Trần Vũ bỗng dưng thấy như của mình… Nhưng, ông Nam là một hình ảnh hơi khác biệt, một hình ảnh với "*cái gì đó thật con người, cực kỳ cô độc lặng lẽ giữa sắt thép hỗn độn ầm vang."* Ngoài cái gánh 36 kg trên vai 50 ký, ông Nam còn tự quàng thêm vào mình cái ách tiếng lời cho sự thật.

Khói lửa chiến tranh nhìn tận mắt và số liệu tư bề để trưng dẫn, ông Nam có điều kiện để gióng lên lời, có lời để gióng. Ông kêu gào ông thiết tha. Những sự kiện sống tươi không chỉ có máu cuả anh em, khổ đau cuả người dân, mà có cả mảnh hồn của người lính trẻ. Mà gánh nặng nói lên sự thật là của muôn dân cuả tất cả chúng ta, sao thấy như ông Nam mãi đơn độc. Những ảnh hình những đớn đau. Không thể nào đọc ông Nam mà không xúc động tâm can.

Qua chiến tranh, sống là cái tội, "*nếu không chết được thì người ta sẽ sống thản nhiên với tất cả mọi hoàn cảnh."* Mấy mươi năm sau, bầm dập đòn đày đoạ của cả 2 phía, ông vẫn miệt mài gióng tiếng kêu. Bền bỉ dù mòn mỏi hụt hơi. Nhưng nói sao cho đủ. Thanh bình lặng lẽ, trại cải tạo và xã hội tha hoá, phận người tàn mạt như kim giữa đống rơm gai như chứng liệu bị xóa nhoà, "em ơi biết đâu tìm." Làm sao nói lên được hết cái ác và tráo trở tinh vi trong hơi thở trong máu tim cuả người cộng sản, cái thờ ơ ngây thơ của người Việt ở xứ ngoài. Người lính viết văn đâm loay hoay, chữ nghĩa nó phụ bạc người. "Đêm tận thất thanh." Ông Nam bị chữ nghĩa nó đè. Nhiều khi đọc những lời đầy rối reng sau này mà ngậm ngùi_ổng đang lên đồng, hằng bị lên đồng và bị bà nhập !!!

Cách đây 5,7 năm, Hoàng Khởi Phong có hỏi Phan Nhật Nam trong chương trình truyền thanh, đại khái là sao bây giờ đọc ông (PNN) khó quá. Hỏi ông chuyện chữ nghĩa là đã quên câu trả lời sẵn của ông từ thời Pháp đô hộ: tôi chỉ là người lính viết văn (chữ lính đúng ra phải in đậm viết hoa, và biết rồi, khổ …) Bây giờ Trần Vũ hỏi, mà hỏi những điều ông đã viết chứ không hỏi chữ nghĩa cuả ông là đã rà trúng đài, đã đánh thẳng vào nội thành, đã pháo kích trúng mục tiêu. Địch có muốn lên đồng (đã muốn) cũng không thể nào trật quỹ đạo.
Trúng đài, đại ca nói thật đã. Chữ nghĩa nó tự tìm mình và thỏa hiệp với ý mình. Phan quân của Võ Phiến, với chút trân trọng quý mến và chút khỏang cách cho một nền nã kỷ cương, vẫn còn đây. Nhưng có lẽ Phan nhật Nam của dấu binh lửa vẫn chỉ là cánh chim nặng nặng buồn buồn trên phá Tam giang. Anh vẫn còn đây. Những người lính, những người muôn năm cũ ấy vẫn còn đây. Tháng Ba Gẫy Súng: " tôi là lính chuyên nghiệp" và "tôi" nói chuyện đồng đội tôi. Dấu Binh Lửa: "tôi là quân nhân chuyên nghiệp, biết tuân lệnh và biết ra lệnh," và tôi cũng nói toàn chuyện cuả những anh em tôi, thêm phần cho những nạn nhân không tiếng không lời. Nhịp nhàng, hoà điệu, dù chưa hề và không hề ăn ý với nhau, không có chính ủy nào chỉ đạo.

Holocaust, địa ngục giữa trần gian, đã được ghi lại vào lịch sử, nhưng thấm xót lòng người là những dòng trẻ thơ cuả Anne Frank. Lao cải cuả Trung quốc vĩ đại dĩ nhiên khó quên, nhưng càng khó quên với những lời của Trương hiền Lượng. Với Phan quân, ngoài những sự kiện như 3 lữ đoàn trưởng và 10 tiểu đoàn trưởng trong 12 tiểu đoàn dù đã có mặt ở trại tập trung, chữ viết và hình ảnh như lên đồng thường trực của Phan nhật Nam là lời chứng mạnh mẽ nhất phơi bày sự ác và những gì đã _ đang bị bôi xoá.

Đọc những câu hỏi và trả lời tôi ước mình được góp mặt. Trong nỗi ước ao tôi tưởng tượng hình ảnh Trần Vũ với sơ mi trắng quần soọc xanh, và tôi trong bộ áo cộc trắng_2 đứa trẻ đứng trước bức tượng sống Tiếc thương-Phan Nhật Nam. Vẫn biết là người thật nhưng vẫn phải chọc 2 ngón tay nhỏ nhoi qua lớp áo thấm bao máu xương nước mắt mồ hôi khổ đau để biết sau lớp áo đó là xương hóa đồng, là thịt dù đã ngả màu đồng. Nụ cười son trẻ sau bìa sách chỉ còn là một hình ảnh xa mờ. Người lính Tiếc thương ấy vẫn bước dù mệt mỏi, đi cho hết quãng đường trần còn lại, đêm ngày. Và nhìn mình như chút cặn nước sau cuộc bể dâu.
Tôi đi Mỹ cứ như hắt cặn nước. Tôi đi Mỹ nhẹ tênh vất điếu thuốc. Quê hương gầm gừ khinh miệt. Đất xa trọn chốn lưu đầy...

Những lời choáng váng. Sự thật, cảm giác thật, xông thẳng vào tim mình bằng những lời giản dị. Khi quên mất bổn phận tiếng lời, ông Nam có những chữ đau đớn và muôn vàn thấm thía. Lời chứng gói trọn phận người. Hình như thời nào cũng có những người bị *quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh.* Làm sao tôi không mãi thấy nợ nần những người lính ấy, và một món nợ chữ nghĩa với Phan Nhật Nam.
Từ ý nghĩ viết xuống cho riêng mình đến nay, Cao Xuân Huy đã đi xa, Lê Thiệp vừa từ giã. Còn lại giữa chúng ta,
Khói mù nghi ngút ngàn khơi
Cánh chim bạt gió lạc loài kêu sương

Phan Nhật Nam, Phan Nhật Nam…

07/17/2013

Người chết dưới chân chúa

Sông Tiền Giang mênh mông như bể, chiếc phà lớn chuyên chất ba GMC, vài chiếc xe du lịch bềnh bồng mang chúng tôi qua sông lẫn với đám hành khách đầy mầu sắc. Họ dồn về một

phía, nhìn lũ người gươm đao thật xa cách. Tôi ngồi trên mui tầu thả từng mẩu giấy vụn xuống giòng nước, trí não lãng đãng như bọt sóng.

Đoàn xe rời quốc lộ 4 rẽ về phía phải theo con đường đỏ hướng phi trường Trúc-giang qua ngôi trường tiểu học quận, một dẫy quan tài sắp lớp, mùi thây chết bốc lên ngây ngất Biệt động quân, Tiểu đoàn 41… Nghe nói hình như Tiểu đoàn trưởng hay Tiểu đoàn phó bị chết. Lính ở trên xe xì xầm bàn tán với một vẻ thản nhiên. Họ không biết chiến trận đã đến hồi khốc liệt, nên chiến đoàn dù gồm có tiểu đoàn chúng tôi và một tiểu đoàn bạn đã có mặt tại vùng hành quân từ ngày trước. Đến phi trường, nơi đặt bộ chỉ huy của khu chiến thuật Tiền giang, trung tâm của cuộc hành quân, chúng tôi được lệnh ngủ tại đây để chờ ngày mai trực thăng vận vào vùng hành quân. Tôi chưa được dự trận lớn, nên không có ý niệm về những gay go sắp đến trong ngày mai, bình thản ngủ một giấc yên lặng với kết luận: trực thăng vận đối với nhảy dù chỉ là trò đùa, không có gì mới lạ.

Ngày 22, 8 giờ hai pháo đội đặt ở phi trường hướng súng về bãi đáp nhả đạn liên hồi để dọn bãi. Lấy cái chết của phe địch để làm an toàn cho phe mình, nguyên lý của chiến tranh quả thật tàn khốc. Tiếng súng dọn bãi vừa dứt, ba mươi chiếc trực thăng đồng bốc lên một lượt mang hai đại hội 71 và 72 vào trận địa.
Báo cáo xuống bãi tốt, bình yên. Phần còn lại của tiểu đoàn được trực thăng vận tiếp theo. Toàn bộ tiểu đoàn đã xuống đủ, hai đại đội 71 và 73 dẫn đầu cho đơn vị, di chuyển được mười lăm phút. Súng nổ. Đụng rồi, đụng rồi… Lính dáo dác, máy truyền tin chuyển lệnh nghe loạn xa. Phía trước của tiểu đoàn súng nổ lẫn lộn, tiếng khô và cứng của ta, sắc nhọn của địch…Đại đội 72 rút lên bố trí về phía phải của ĐĐ 73. Lệnh cho đại đội chúng tôi lên thật nhanh. Ngang qua chỗ của thiếu tá tiểu đoàn trưởng, một tiếng nổ thật lớn nháng lửa ngay trước mặt, quả đạn 57 ly vừa nổ khi ra ngay khỏi nòng, người phụ xạ thủ bắn tung ra đằng sau, một bàn tay bị đứt. Ông tiểu đoàn trưởng hét lớn qua màu khói… Trung đội anh chạy ra cái nhà tranh…
Như vậy là đụng lớn, người bị thương nằm la liệt ở dưới các rãnh dừa nước, Toàn đang đứng trong một giao thông hao chỉ trỏ quát tháo. Phía tay trái nơi xa có tiếng lựu đạn nổ và tiếng hô xung phong. Trung đội tôi ép phải, hướng tiến bây giờ thẳng góc với các con kinh nhỏ, nên chúng tôi chỉ có thể nhảy từng bước thật dài trên bờ kinh, một cái nhảy hụt tôi rơi vào đường mương vùng với hai người khinh binh. Bám cỏ bò lên, xác hai tên Việt Cộng nằm tênh hênh, một xác bị banh nát ngực, xác kia nằm xấp, không rõ… Người chết, lần đầu tiên tôi chạm phải một thây chết của đối phương.
- Lên đi tụi mày, thằng nào trốn đàng sau, tao bắn gãy giò… Tôi quát tháo cũng ra gì, mấy tên lính đi chậm dớn dác tìm lối qua rạch họ không nhảy qua được vì mang đồ quá nặng. Đ…m… có nhảy qua được không? Thường ngày sao liến xáo quá cỡ, hôm nay lại chậm như rùa.
Tôi chửi mắng om sòm. Trung đội đến bờ làng dừng lại bố trí trông ra cánh đồng trống. Ngồi dựa vào một gốc dừa, tôi thấy mệt vì phải quát tháo quá nhiều, nhớ lại lời chửi tục. Tôi đã thành một người lạ nào đấy. Địch từ phía trái chạy vọt qua, bóng áo đen ẩn hiện đàng sau rặng dừa xanh bên kia cánh đồng. Bắn. Bắn. Trung đội tôi khai hỏa ròn rã. Một vài bóng áo đen ngã xuống. Hơi thuốc súng, hơi bùn lầy, máu người chết xông lên ngây ngấy.
Sáu giờ chiều, tiếng súng phía bên trái, hướng đại đội 71 hoàn toàn chấm dứt, trực thăng tải thương bắt đầu đến, khói mầu xanh làm dấu bãi đáp bốc lên mờ mịt làm đặc không gian đang ngã vào đêm, rừng dừa xanh thẩm lại. Tiếng súng vu vơ của địch bắn lên máy bay khi tháo lui. Tôi ngồi dựa gốc dừa, mệt mỏi đến tột độ, một tên lính mò lại bên cạnh.
- Thiếu uý ăn cháo gà.
- Cháo gà?
- Dạ, gà em bắt được, nó còn ấp trứng…
- Thôi mầy cho tao quả trứng, tao ăn cháo không nổi.
Khi lính trong Trung đội xịt xoạt ăn cháo, tôi đi lui về phía xác hai tên Việt Cộng. Tên nằm sấp bây giờ lật ngược lại, có lẽ đấy là cử động cuối cùng của nó trước khi chết. Tôi đặt tay lên một

xác chết, da người chết lạnh tanh. Đêm xuống, chúng tôi trải Poncho nằm trên bờ rạch, không cởi giày, địch có ý tấn công lại nên phải đề phòng.

Tiểu đoàn tiếp tục truy kích, hôm nay đại đội tôi đi đầu, trung đội tôi dẫn đầu đại đội, chúng tôi đi dọc một con kinh lớn, rừng dừa xanh ngút tầm mắt, thôn xóm trù phú nhưng không một bóng người. Chúng tôi dè dặt từng bước đi.
- Hầm có dấu chân người. Tản rộng ra chung quanh, một người đến xem mà thôi. Tôi ra lệnh.
- Ai ở dưới, đi lên! Im lặng…
- Lên không tao ném lựu đạn xuống! Thiếu uý, cho em ném lựu đạn xuống. Tên lính hỏi ý kiến.
- Không, mầy bắn xuống mà thôi.
Tên lính lanh lẹ bắn một tràng Thompson, có tiếng rên khe khẽ.
- Lên không bắn nữa. Đưa tay lên trước.

Tôi nín thở, một chiếc đầu bạc phơ từ từ nhô lên khỏi miệng hầm, ông lão bế một bà lão lên theo. Vừa ra khỏi hầm ông lão chấp tay xá bốn hướng xụt xùi khóc lóc, bà lão nằm vật xuống, ở đầu có một vết thương…
Đến buổi trưa, tôi hoàn toàn kiệt lực như một mũi tên rơi xuống khỏi cuối đường bay. Hình ảnh hai mái tóc bạc nhô lên từ miệng hầm, nét mặt hốt hoảng của hai tên địch chưa quá mười sáu tuổi lôi lên từ một đám bèo, một tên còn đang ngậm một búng cơm… Những hình ảnh đó bây giờ cộng thêm cảnh chết của hai vợ chồng và ba đứa con trước mắt tôi. Họ chết từ ngày hôm kia, khi địch đặt Bộ chỉ huy ở khu nhà thờ, người chống là ông Từ giữ nhà thờ đã đem cả gia đình vào trốn dưới cái bệ thờ Chúa.
Tượng Đức Chúa ngả nghiêng, tượng hai Thiên thần rơi tung tóe, hai bàn tay trắng bằng đất nung lăn lóc trên sàn nhà. Khi tôi cúi xuống nhặt hai bàn tay nầy thì khám phá ra năm xác chết trên. Họ chết ngồi, hai vợ chồng ngồi sát nhau ôm ba người con trước ngực. Họ chết vì bị xức ép nên thân thể vẫn còn nguyên vẹn, nét mặt in vẻ hốt hoảng. Tôi ra lệnh kép xác họ ra sân. Giáo đường bây giờ im vắng, tượng Chúa linh động trong vị thế nghiêng ngả, nắng ở ngoài không rọi vào, không khí nặng nề lạnh ngắt… Tôi ngồi xuống trên chiếc ghế, hỏi thầm…
Thượng đế, ngài có thật đấy chăng?
Khi tôi bước ra đàng sau nhà thờ, qua khu nhà của những người chết, một chiếc áo tím chắc hẳn của cô con gái còn phơi phới bay trong gió… Nhìn ra xa, xác cô gái nằm thẳng trên sàn gạch, nắng thật sáng, rọi lên rực rỡ. Người tôi ai cắm một lưỡi dao oan nghiệt vào tim, thật buồn. Tôi loay hoay đốt một điếu thuốc. Cái chết quả là một bi thảm, nhưng hình ảnh của cô gái nằm chết trong khi chiếc áo còn bay trong gió vang vang trong trí náo tôi như một tiếng kêu thê thảm không biên giới. Hai ông bà cụ già, tên Việt cộng trẻ, người cha và người mẹ, họ đã sống, đã chết dù sao cũng có chủ đích, có chọn lựa, cũng đã qua gần hết cảnh sống. Cô gái chết bất ngờ không báo trước, yêu đời như màu tươi của chiếc áo. Tôi choáng váng ngộp thở, người lao đao trong một niềm giận dỗi và sầu muộn mênh mông.

Đụng lớn. Tiểu đoàn lấy được một lô súng đạn, thừa thắng xông lên truy kích địch để lùa chúng về Quốc lộ Bốn. Bên trái là sông Tiền Giang. Tiểu đoàn ba nhẩy dù bên phải làm thành phần chận bít. Tiểu đoàn tôi lùa địch từ đông sang tây. Việt cộng phân tán thành từng toán nhỏ để chạy trốn. Ba đại đội tác chiến được xử dụng để lục soát không chừa một hốc nhỏ… Việt Cộng được moi lên từ các ao bèo, bờ lúa, đun rơm, cuộc truy kích vừa khôi hài vừa hào hứng như trò chơi. Tôi lầm lì đi giữa hàng quân, trận đánh ngày hôm qua, một đêm mất ngủ, cái chết hàng loạt của Việt Cộng, những thây ma tênh hênh lăn lóc, tất cả đổ ào xuống một lượt trên linh hồn còn hồn nhiên. Tôi ngất ngư như lần đầu tiên uống rượu như đây là cơn say đen. Xua quân đi vào một vườn dừa rộng, tiểu đội bên trái, tiểu đội bên phải, lục soát dọc theo hai con rạch nhỏ bao quanh khu vườn. Tôi đi vào ngôi nhà đang âm ỉ cháy, những chiếc cột lớn lỏng chỏng hỗn độn bốc khói xanh ngắt… Một người đàn bà áo trắng quần đen tay ôm chiếc lẳng mây trước ngực ngồi im trên nền gạch đôi mắt nhìn thẳng ngơ ngác. Thấy chúng tôi đi vào chị ta đứng

dậy, đứng thẳng người như pho tượng, như thân cây chết với đôi mắt không phản ứng. Thằng bé theo tôi cùng Hiệu thính viên lẻn ngay vào bếp kiếm thức ăn. Tôi đi đến trước chị đàn bà…
- Làm gì chị ngồi đây, không biết đang đánh nhau sao? Im lặng, đôi mắt ngơ ngác lóe lên tia nhìn sợ hãi. Bỗng nhiên chị ta đưa thẳng chiếc lẳng mây vào mặt tôi, động tác nhanh và gọn như một người tập thể dục. Sau thoáng ngạc nhiên tôi đưa tay đón lấy… Hai bộ áo quần, chiếc khăn trùm đầu, gói giấy nhỏ buộc chặt bằng dây cao su. Mở gói, hai sợi dây chuyền vàng một đôi bông tai.
- Của chị đây hả? Vẫn im lặng, nỗi im lặng ngột ngạt lạnh lùng.
- Con mẹ này điên rồi Thiếu úy, chắc sợ quá hóa điên.

Tên Hiệu thính viên thì thầm sau lưng tôi, mắt nó sáng lên khi nhìn vào những miếng vàng chói trên giấy… Vàng, chắc cũng hơn một lượng, lấy đi Thiếu úy… Ê! Đi đi. Tên lính xua tay đuổi người đàn bà đi chỗ khác. Lạnh lùng, chị ta xoay người bước đi như xác chết nhập tràng. Chị kia quay lại đây tôi trả cái này… Tôi nói vọng theo. Người đàn bà xoay lại, cũng với những bước chân im lặng, trở về đứng trước mặt tôi nhưng đôi mắt bây giờ chứa đầy sợ hãi, một vẻ hốt hoảng thảm hại làm răn rúm khuôn mặt và run đôi môi. Chị ta còn trẻ lắm, khoảng trên dưới 27, 28 tuổi, da trắng mát tự nhiên, một ít tóc xõa xuống trán làm nét mặt thêm thanh tú. Tôi đưa trả chiếc lẳng mây, chị đàn bà đưa tay đón lấy, cánh tay run rẩy như tiếng khóc bị dồn xuống… Chiếc lẳng rơi xuống đất, hai cánh tay thả xuống mệt nhọc song song với thân thể… Dòng nước mắt chảy dài trên má. Tôi hươi mũi súng trước mặt chị ta. Ngồi đây. Tôi chỉ nòng súng vào bực tam cấp. Khi nào tụi tui đi thì chị đi theo… Tại sao khóc, nhặt vàng lên chứ… Im lặng, chỉ có nỗi im lặng kỳ quái, thân thể người đàn bà cứ run lên bần bật, nước mắt ràn rụa… Từ từ chị đưa bàn tay lên hàng nút áo trước ngực. Không! Không thể như thế được, tôi muốn nắm bàn tay kia để ngăn những ngón tay run rẩy đang mở dần những hàng nút bóp để phơi dưới nắng một phần ngực trắng hồng. Không phải như thế chị ơi… Người đàn bà đã hiểu lầm vì tôi…không lấy vàng và bắt đứng lại, chị ta không hiểu được lời nói của tôi, một người Việt Nam ở cùng trên một mảnh đất. Chị ta tưởng tôi thèm muốn thân xác và đòi hiếp dâm. Tội nghiệp cho tôi biết bao nhiêu, một tên Sĩ quan 21 tuổi làm sao có thể biết đời sống đầy máu lửa và đớn đau tủi hờn đến ngần này. Tôi đi lính đánh giặc chỉ vì một ý nghĩ: Đi cho cùng quê hương và chấm dứt chiến trang bằng cách góp mặt. Thê thảm biết bao nhiêu với ngộ nhận tủi hổ này… Thê thảm cho tôi, cho những người lính chung quanh vì lính chúng tôi có thể tàn bạo trong khoảnh khắc, tham lam trong lén lút nhưng chúng tôi đâu phải là một thứ lính tẩy trên quê hương – Người ngoại cuộc của những tàn phá kinh tởm do chiến tranh này gây nên. Chúng tôi có lòng nào hưởng cảm giác trên xác thân của một người đàn bà Việt Nam trong cơn vỡ nát kinh hoàng đau đớn… Khổ lắm, người đàn bà của tỉnh Kiến Hoà đâu có biết rằng chúng tôi không bao giờ muốn huênh hoang, hung bạo trong vườn xanh bóng mát này, chúng tôi đâu có muốn tạo những ngọn lửa oan uổng thiêu đốt căn nhà bình yên như giấc mơ của chị… Và những mảnh vàng đó, thân thể chị đây ai có can đảm để giang tay cướp phá và xâm phạm! Tôi muốn đưa tay lên gài những nút áo bật tung, muốn lau nước mắt trên mặt chị nhưng chân tay cứng ngắc hổ thẹn. Và chị nữa, người đàn bà quê thật tội nghiệp, đời sống nào đã đưa chị và cơn sợ hãi mê muội để dẫn dắt cho những ngón tay cởi tung hàng nút cáo, sẵn sàng hiến thân cho một tên lính trẻ, tuổi chỉ bằng em út, trong khi nước mắt chan hoà trên khuôn mặt đôn hậu đầy kinh hãi.
Quân rút ra khỏi làng, chị đàn bà đi theo chúng tôi, vẫn với những bước đi ngượp ngập cứng nhắc, vẫn đôi mắt nhìn vào khoảng trống không cảm giác. Người đàn bà Việt Nam bước đi trong ngỡ ngàng với hạnh phúc khốn nạn: hạnh phúc đến chót sau những đau khổ rời rã, hạnh phúc lạ lùng như chiêm bao thấy thân thể chưa bao giờ bị xúc phạm.

Quân rút ra gần đến Quốc lộ, con sông đầy thuyền, hỗn loạn bóng người chen chúc, dân của vùng hành quân trốn ra từ ngày trước. Tiếng người kêu la vang dội một khoảng sông. Họ hỏi thăm tình trạng nhà cửa, người thân thích người kẹt trong vùng hành quân. Có tiếng khóc vang

lên: “Trời ơi nhà ông Năm bị chết hết cả nhà rồi bà con cô bác ơi!” Tiếng kêu thê thảm như một kẻ đắm đò. “Lai! Mày đó Lai ơi!” Bà già dưới sông mồm kêu tay ngoắc chị đàn bà theo chúng tôi. Chị ta dừng lại như để nhớ một dĩ vãng, như nhớ một đời sống đã đi qua. “Lai! Lai ơi, má đây con…” chị đàn bà đứng lại xoay người về phía dòng sông… “Má! Má!” Tôi thấy đôi môi run rẩy thì thầm: “nhà cháy rồi, nhà cháy rồi.” Chị ta đi lần ra phía bờ sông, cũng với những bước chân của người mất hồn, bóng áo trắng nổi hẳn trên đám dừa xanh…
Tôi cúi đầu đi thẳng, mắng mấy thằng lính đứng tần ngần nhìn theo người đàn bà. “Tiên sư, đi lẹ còn qua phà sớm.” Lòng ngập một niềm ăn năn kỳ lạ…

Chiếc phà đưa tiểu đoàn chúng tôi về Mỹ Tho, dân chúng ta ra đứng nhìn cảm phục. Tôi đóng quân ở sân vận động, tôi đi lên chiếc cầu hướng về phía Gò Công dòng nước đen thấp thoáng ánh đèn chảy siết dưới chân cầu đục ngầu như linh hồn tôi. Đêm tỉnh lẻ đỏm dáng tội nghiệp, tôi đi lang thang, thật lạ ngay với chính mình, gặp Bang ở Biệt Động Quân, anh chàng nhỏ người nhưng ồn ào nhất trong số mười lăm anh Khóa Mười Lăm Thủ Đức về Biệt Động Quân. Bang đãi tôi cơm, tôi chỉ uống đượi chai bia, xong chúng tôi đi coi ciné, phim The Sun Also Rises, phục Hemingway thì có khi đọc sách, nhưng phim dửng dưng và nhạt nhẽo… Tôi đi về trong đêm khuya, thành phố ngủ sớm, chiếc lá khô bay trước mặt như tà áo của cô con gái. Tội nghiệp thay cho một tuổi trẻ, tôi cũng đáng tội nghiệp nữa. Ngày mai chúng tôi về Sài Gòn, ao ước được cởi áo nhà binh trong vài ngày, nhưng đó chỉ là ao ước vì chúng tôi biết rằng Sài Gòn đang có biến động, Phật Giáo và Công Giáo xua tín đồ ra đường phố… Lần đầu tiên trong đời, tôi biết thế nào là thù hận khi về đến Sài Gòn, đóng cửa Tổng Nha Cảnh Sát, lãnh một cái mặt nạ để sẵn sàng dẹp biểu tình.

Tháng 8-1964 – Kiên Hoà

Trong lửa đỏ, giữa sự chết, trên quê hương dọc Tỉnh lộ 7 B!

Một- Cách đây 50 năm, tại Nghĩa Trang Quân Đội Gò Vấp, Gia Định những buổi chiều mưa dầm Tháng 6 miền Nam, anh xoay xở quay quắt giữa những thây chết của những người lính thuộc đơn vị đầu đời, Tiểu Đoàn 7 Nhẩy Dù, Tiểu Đoàn 52 Biệt Động, Tiểu Đoàn 2/7 Sư Đoàn 5 Bộ Binh.. Những người chết của chiến trận Đồng Xoài, Bình Dương nổ ra từ những ngày đầu Tháng 6. Đối với một gã lính vừa qua tuổi 20 năm ấy, sự mất mát của hàng trăm chiến hữu chỉ được đưa về sau nhiều ngày kể từ khi tử trận quả là một sự đau thương quá lớn.. Thân thể người chết căng cứng, xanh đen, tím thẩm, dòi bọ lúc nhúc bò theo những vết thương sũng máu. Khoảng đất nghĩa trang đặc sánh bởi máu, thịt, con người chảy vữa, sênh sếch.. Trong đó có máu, thịt của bạn anh, Thiếu Úy Trần Trí Dũng, gã học sinh đã cho bạn cùng lớp và toàn Trường Phan Châu Trinh Đà Nẵng niềm hãnh diện.. Vô địch bóng bàn học sinh, thủ quân đội bóng rỗ, cũng là trung phong hàng đầu của hội tuyển bóng tròn trường trung học đá hay nhất

miền Trung. Nhưng giờ đây, tất cả dạng hình tươi trẻ sống động của Dũng với lúm đồng tiền trên má không còn nữa.. Kéo fermeture bao đựng xác – Bạn anh, người bạn ấu thơ của Đà Nẵng hơn mươi năm trước bấy giờ chỉ là một thây xác sùi sụp nước nhờn tím thẩm hôi hám. Có chăng được phần an ùi. xác Dũng còn nguyên dạng hình chưa bị vữa nát. Buổi đá banh năm xưa ở Sân Vận Động Chi Lăng làm sao tưởng ra tình cảnh nầy Dũng ơi?!
Xóm nhà dân trước nghĩa trang phải di tản vì mùi hôi thối bốc kín đặc khoảng không. Tiếng kêu khóc của thân nhân tử sĩ âm âm oán thán, xót xa, xé cắt.. Có bà cụ vật vã thều thào bên chiếc poncho gói xác người vừa lật mặt.. *Nam ơi! Nam ơi! Sao cháu bỏ bà..* Anh ngồi xuống bên cạnh bà cụ.. *Bà ơi, con cũng tên Nam, cha mẹ con không còn, con gọi bà bằng bà thay anh Nam.* Trở về hậu cứ đơn vị nơi phi trường Biên Hòa, sân cờ tiểu đoàn trắng màu khăn tang, con trẻ chạy thất thanh quanh những người mẹ đang nằm lăn trước bậc thang các văn phòng đại đội.. Thiếu úy ơi! Thiếu úy ơi! Hóa ra anh là sĩ quan còn sót lại của một tiểu đoàn nhảy dù mà từ tiểu đoàn trưởng, tiểu đoàn phó, 4 đại đội trưởng đồng tử nạn.. Không biết Đại Úy Phát, đại đội trưởng Đại Đội 74 và đám quân binh thất lạc nay đang ở đâu. Thế nên, những tưởng Tháng 6 năm 1965 đã quá sức chịu đựng của con người - Cho dẫu là người lính có khẩu hiệu Nhẩy Dù Cố Gắng!

Hai- Từ trên trực thăng ở Quảng Trị đổ về Huế trong ngày Mồng Bốn Tết Âm Lịch anh đã thấy ra một Thành Phố Huế chết lặng. Người Huế chết khi ẩn núp sau những gốc cây bị pháo, hỏa tiễn cộng sản bắn lật ngược, cạnh hàng hàng rào chè cháy xém; trên lề đường với mỗi viên gạch đồng bị vỡ vụn, nơi sân nhà trước chiếc bàn thờ xiêu đổ.. Người chết đang qùy lạy ông bà, với áo mới thấm máu, xé rách, con trẻ còn cầm trong tay bao đỏ tiền lì xì đầu năm.. Tuy nhiên cảnh chết của Huế không chỉ xẩy ra trong khu Thành Nội, trên đường Mai Thúc Loan, Đinh Bộ Lĩnh, khu sân bay Tây Lộc, ở những cửa thành Thượng Tứ, Đông Ba.. Chết ở Huế trùm khắp, mọi chốn, tại mỗi phân đất tại vùng Bãi Dâu, bên cạnh Sông Hương, nơi sân Trường Gia Hội, Chùa Áo Vàng.. Và sau ngày quân cộng hòa chiếm lại Kỳ Đài, đám cán binh cộng sản gồm du kích, nội thành, và bộ đội miền Bắc bị đánh bật ra khỏi khu cố thủ Gia Hội, trên đường rút lui mang theo những tù nhân vốn chỉ là con trẻ vị thành niên, người già, phụ nữ.. Nhưng đối tượng làm con tin cho lần tháo chạy. thế nên cuối cùng, thì cảnh chết, sự chết đã hiện thực, vượt khỏi sự tưởng tượng của bất cứ ai còn có Nhân Tính – Bởi người Huế đã tiếp bị thảm sát do những kẻ cùng chung khu phố, chung xóm nhà cư ngụ. Không sót một người. Không trật một người. Người Huế bị giết do một Sự Ác được ngụy danh là “giải phóng”, để thỏa mãn mặc cảm vô dụng, hèn kém của những kẻ gọi là “trí thức cách mạng”, điển hình đặc chất Huế như Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Pham, Nguyễn Đắc Xuân, Nguyễn thị Đoan Trinh, Tôn Thất Dương Kỵ.. Người Huế chết chật hết những bụi lùm ở Khe Đá Mài vùng núi Ngũ Tây; sùm sụp bước chân của đoàn người tìm kiếm trong những ngày hè cùng năm năm 1968. Hơi thây chết bốc lên theo nắng đầu hè miền Trung ong óng như hờn oan. Nhưng hỡi ôi! Chết ở Huế cũng chưa đủ cho cuộc đau thương của người Việt. Người Việt miền Trung chiếm đầu bảng đầu oán hận. Không phải đợi dài lâu.

Ba- Anh đang ở trên cây số 9 từ Quảng Trị kể đến, vùng thôn Mai Đẳng, xã Hải Lăng..Không thể dùng một chữ, một tĩnh từ, không thể nói, khóc, la, trước cảnh tượng trước mặt, chỉ có thể im lặng, chỉ có thể nghiến răng, bặm môi, dù răng vỡ, môi chảy máu tươi, tay luống cuống, mắt mờ nhạt, mũi phập phồng.Không có thể biết gì về thân thể đang mở ra trước sự tàn khốc trước mặt.Trời ơi ! Hình như có tiếng kêu mơ hồ dội ngược ở trong lồng ngực, trong cổ họng, nơi óc não, hay chỉ là ảo giác của con người mất hết khả năng kiểm soát.Kiểm soát làm sao được nhịp đập của quả tim, không ai ngăn cản cơn chớp liên hồi của đôi mắt, tay nổi da gà, những sợi gân ở thái dương phồng lên đập xuống – Máu chảy ngúc ngắc trăn trở lăn lóc khô khan khó nhọc trong những gân căng đến độ chót ... Cũng không phải như thế - Anh không biết, hoàn toàn không biết được gì của xác thân. Anh không còn là người đang sống, vì sống là sống cùng với người sống, chia xẻ vui buồn, đau đớn lo âu với người sống. Chung quanh anh trước mặt

chỉ còn một hiện tượng, một không khí - Chết. Phải, chỉ có Sự Chết bao trùm vây cứng. Chỉ có nỗi chết đang tầng tầng phủ chặt kín không gian. Cho dù rằng, Tháng 4, 5, 1972 ở An Lộc với những ngôi mộ vô danh, mộ tập thể, những cái chết câm lặng đến độ chót của đau đớn kinh hoàng, người cha trầm tĩnh đi tìm từng cái chân, cánh tay của năm đứa con vừa bị tan thây vì quả đạn đại pháo, nhưng lại còn được một nấc chót - Bên cạnh người chết vẫn còn người đang sống - Ở An Lộc, anh thấy được loại người cuối đáy đau thương đó. An Lộc lại quá nhỏ, chỉ hơn một cây số vuông, cái chết cô đặc lại, ngập cứng vào người nhanh và gọn như nhát dao ngọt.Cái đau đến chớp mắt, người chưa kịp chuẩn bị thì đã ngập hẳn vào trong!

Nhưng ở đây, thôn Giáp Hậu, Mai Đẳng, Hải Lâm của Quảng Trị thì khác hơn An Lộc một bậc, hơn trên một tầng, tầng cao ngất chót vót, dài hơn An Lộc một chặng, dài hun hút mênh mông.sự chết trên 9 cây số đường này là 9 cây số trời chết, đất chết, chết trên mỗi hạt cát, chết trên đầu ngọn lá, chết vương vãi từng mảnh thịt, chết từng cụm xương sống, đốt xương sườn, chết lăn lóc đầu lâu, chết rã rời từng bàn tay cong cong đen đúa ... Anh đi theo chiếc xe công binh ủi một đường dài, những xác chết, không, phải nói những bó xương bị dồn cùng áo quần, vật dụng, chạm vào nhau nghe lóc cóc, xào xạc, “đống rác” người ùn ùn chuyển dịch, một chất nhờn đen đen ươn ướt lấp lánh trên mặt nhựa - nhựa thịt người !!Trời nắng, đồng trắng, con đường im lìm, động cơ chiếc xe ủi đất - phải gọi xe ủi người mới đúng - vang đều đều, hơi nắng bốc lên từng đường trên mặt nhựa, hơi nặng mùi ... Vạn vật chết trong lòng ánh sáng. Ánh sáng có mùi của Sự Chết. Nếu cảnh chết tập thể của người Do Thái ở các trại tập trung gây nên niềm bàng hoàng xúc động, vì thế giới chứng kiến, thấy ra được những “xác người,” chồng chồng lớp lớp. Chín cây số đường chết của Quảng Trị không còn được quyền dùng danh từ “xác chết” nữa, vì đây chết tan nát, chết tung tóe, chết vỡ bùng ... Chết trên tất cả mọi cái chết.Không còn được “người chết” trên đoạn đường kinh khiếp đến tột độ của chốn quê hương thê thảm đọa đày.

Anh ra khỏi 9 cây số đường kinh hoàng đến La Vang Thượng, xuống đi bộ vào La Vang chính tòa, nơi Tiểu Đoàn 11 Dù đang chiếm giữ. Hai cây số đường đất giữa ruộng lúa xanh cỏ, anh đi như người sống sót độc nhất sau trận bão lửa đã thiêu hủy hết loài người.Đường vắng, trời ủ giông, đất dưới chân mềm mềm theo mỗi bước đi, gió mát và không khí thênh thang. Anh ngồi xuống vệ đường bỏ tay xuống ao nước kỳ cọ từng ngón một. Anh muốn tẩy một phần sự chết bao quanh ? Có cảm giác lạ : Anh vừa phạm tội. Tội được sống.

Bốn – Nhưng cuối cùng..Hóa ra, Khổ Đau/Sự Chết nơi chiến trận Đồng Xoài 1965 chỉ là khúc dạo đầu phần bi thảm với những người lính tử trận. Cuộc tàn sát Mậu Thân, 1968 cũng trong giới hạn của ngàn người dân Thành Phố Huế bị đập đầu, chôn sống. Và cho dẫu ngọn lửa Mùa Hè 1972 gớm ghê khốc liệt bao nhiêu cũng chỉ bùng cháy, tiêu hủy các thị xã An Lộc, Kontum, Quảng Trị.. Hóa ra Địa Ngục Miền Nam không chỉ chứng ấy. Hóa ra khổ đau Miền Nam không chỉ với vài ngàn, vài chục ngàn người chết, những thị xã bị tiêu hủy.. Tai ương Việt Nam/Thảm Họa Miền Nam thăm thẳm vô bờ với mùa xuân uất hận không thể nào quên. dẫu hôm nay 40 năm sau 1975. Chúng ta hãy nhìn lại đoạn đường máu thẩm của một Dân tộc đọa đày trên quê nhà điêu linh.. Đầu xuân năm 1975, vào buổi Tháng Ba, thêm một lần người Miền Nam tự hỏi: Cộng sản sắp đánh ở đâu? Khi nào sẽ đổ ra thêm một trận máu xương với lực lượng cộng sản miền Bắc nhất quyết thực hiện bước cuối cùng cái gọi là sự nghiệp “giải phóng miền Nam thống nhất đất nước”. Sự nghiệp cách mạng mà 40 năm sau 1975 bày ra tình cảnh nguy nan vô hạn với hiểm họa mất nước về người Hoa, và xã hội Việt Nam chìm ngập xuống vực thẳm băng hoại, suy vong.

Vào Tháng Ba năm 1975, lãnh thổ miền Nam đã bị mất một phần thuộc phía bắc sông Thạch Hãn, Quảng Trị của quân Khu I; ở Quân Khu II mất phần đất nằm về mặt bắc và tây của vùng Trường Sơn; Và quanh Sài Gòn một vùng rộng lớn của miền Đông Nam Bộ từ thượng lưu sông

Đồng Nai qua Phước Long, Bình Long, Tây Ninh về Long An, Hậu Nghĩa, xuống Kiến Tường, Định Tường thuộc châu thổ sông Cửu Long. Trong tình hình chung như vừa kể, Thiếu Tướng Phạm Văn Phú Tư lệnh Quân Đoàn II đóng ở Pleiku lúc ấy không thể quyết đoán cụ thể về kế hoạch quân cộng sản sẽ đánh ở đâu trong vùng Quân Khu II. Trong khi ấy, cộng sản Hà Nội lập kế hoạch, bắt đầu với chiến dịch Tây Nguyên từ 4 tháng 3 đến 3 tháng 4 năm 1975 mang mật danh là Chiến Dịch 275. Cuộc tiến công xử dụng các đơn vị cấp sư đoàn bộ binh Bắc Việt có chiến xa, đại bác nặng yểm trợ khởi cuộc nổ súng từ ngày ngày 10 Tháng 3 năm 1975 với mục tiêu là Ban Mê Thuộc, thành phố cực Nam của vùng cao nguyên. Bộ chính trị, quân ủy trung ương tại Hà Nội đã điều động thực hiện cuộc tấn công miền Nam với hai lợi điểm mà thật sự là hai ưu thế quyết định. Đấy là sự bất ngờ về tình báo thêm được bảo đảm bằng cái ô chính trị tuyệt đối an toàn tức là biết chắc Mỹ sẽ không bao giờ can thiệp lại vào Việt Nam. Cụ thể Hạm Đội Mỹ quay mặt trước lần hải quân Trung cộng đánh chiếm Hoàng Sa của VNCH, tháng 1, năm 1974.

Trong cuộc họp mật của Bộ Chính Trị Trung Ương Đảng vào tháng 1 năm 1975 trước khi phát lệnh tấn công miền Nam theo kế hoạch Chiến Dịch 275, Ông Phạm Văn Đồng, thủ tướng chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa một bên ký kết Hiệp Định Tái Lập Hòa Bình tại Việt Nam đã hân hoan tuyên bố: "*Cho kẹo Mỹ cũng không dám trở lại Việt Nam!"*

Ngày 10 Tháng 3 năm 1975, quân đoàn Tây Nguyên dưới quyền tổng chỉ huy của Tổng tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng đến từ Hà Nội đồng loạt tấn công vào thị xã Ban Mê Thuộc với những sư đoàn 324, 324B, 320, 308, 316 và cả sư 341 tổng trừ bị của quân đội miền Bắc. Nhưng khi quân dân Ban Mê Thuộc đang trên bờ vực sống-chết thì báo chí thế giới, báo cộng sản ở Hà Nội, báo phản chiến ở Sàigòn đều đồng thanh phát biểu: "Cách mạng giải phóng miền Nam là do mâu thuẫn giữa giai cấp cách mạng và giai cấp phản cách mạng; giữa nhân dân tiến bộ và thành phần ngụy quân, ngụy quyền phản động; giữa lực lượng vũ trang cách mạng và tập đoàn quân phiệt, phát xít công cụ của chủ nghĩa thực dân mới kiểu Mỹ..."

Với sư đoàn F10 làm mũi nhọn được hai sư đoàn 320, 316 tăng cường, và sư 341 làm tổng trừ bị, lực lượng cộng sản có khoảng 25,000 người được pháo binh, chiến xa nặng yểm trợ phối hợp. Đối lại tại thị xã Ban Mê Thuộc phía VNCH chỉ có khoản 1,200 lính chiến đấu trong tổng số lính hậu cứ của Sư Đoàn 23 Bộ Binh, lực lượng Địa phương quân Tiểu khu Đắc-lắc, và Liên đoàn 22 Biệt động quân. Thế nên từ hai giờ sáng ngày 10 tháng Ba, giờ mở lệnh tấn công mà tướng Dũng ước tính chiến trận Ban Mê Thuộc sẽ chấm dứt sau một tuần nhưng chỉ đến 5 giờ 30 chiều cùng ngày, thị xã Ban Mê Thuộc hầu như thuộc về phần kiểm soát của quân Bắc Việt cho dù Biệt Động Quân và bộ binh vẫn tiếp tục chiến đấu. Dũng cứ tưởng như là giấc mơ. Và Dũng đã đi từ giấc mơ sang một vùng ảo giác vào những ngày sau khi được báo cáo: Quân đoàn II tháo chạy!

Cuộc di tản dọc Tỉnh Lộ 7 theo lộ trình Pleiku-Phú Bổn xuống Tuy Hòa quá lớn với mối đau thương dài đặt trên hai trăm cây số đường núi với hai trăm ngàn dân thường đi từ hai thành phố Kontum, Pleiku. Phải, chỉ là dân thường những người nghèo không đủ tiền mua vé máy bay vào những tuần, tháng trước. Trời cao nguyên buổi tàn xuân gây gây rét vào sáng, càng về trưa nắng cao và nóng khô khan, đường bụi mù tung đỏ bám vào thành xe, nòng pháo, khí cụ, tóc và da mặt ngươi, vạn tròng mắt đỏ rực. Những tròng mắt mệt mỏi lo âu, tuyệt vọng. Phía sau lưng, thị xã Pleiku bốc lửa ngọn, khói đen đặc ngật ngật bay lên cao hơn đỉnh núi Hàm Rồng. Lửa lóng lánh ánh sáng kinh dị trong đôi ngươi những người lính Liên Đoàn 7 Biệt động quân, thành phần hậu vệ đoàn di tản. Trời cao nguyên với thị trấn Pleiku thường chĩu lặng sương mù nay oằn thân vật vã trong màu lửa địa ngục. Lửa từ khối đống kim loại vũ khí, từ những kho quân nhu, quân cụ soi loang loáng chập chờn những đường dốc hun hút lẫn khuất dưới tàng thông. Tất cả đồng nhóm lên màu đỏ chói. Màu đỏ của máu lửa soi chập chờn đoàn người di

tản thê thiết. Đoàn di tản qua được một ngày bình an. Bình an sống sót qua đói, khát, nhục nhằn và lo âu. Lính gục trên mũi súng, đàn bà, con trẻ nằm rũ lên hành lý, thành xe, đất cát. Được sống, được ngủ là hạnh phúc quá lớn hở trời? Còn biết kêu vào đâu? Với ai? Nhưng nỗi bình an này không kéo dài được, bởi người cộng sản chỉ trong ngày 16 tháng Ba đã tìm ra đáp số cho câu hỏi: Quân đoàn II đang tính gì sau chấn thương ngày 10 tháng Ba tại điểm bất ngờ Ban Mê Thuộc? Qua máy dò tìm làn sóng điện, Bộ Tư Lệnh Mặt trận B3 cộng sản khám phá những phi cơ C47, C130 xuất phát từ phi trường Cù Hanh (Pleiku) đi Nha Trang không có lượt bay về. Sự kiện nầy đã trút mối âu lo của Tướng Dũng về việc lực lượng VNCH có thể điều quân tái chiếm Ban Mê Thuộc. Thế nên Dũng ra lệnh cho Sư Đoàn 320 băng rừng truy kích đoàn di tản và Sư Đoàn 968 từ Lào về trên đường bôn tập về hướng Pleiku cũng được lệnh đâm ngang từ ngã ba Thanh An chuyển hướng hành quân dài theo Tỉnh Lộ 7 xuống đồng bằng vùng duyên hải miền Trung.

Ngày 16 tháng Ba, Một Chúa Nhật điêu linh tan nát dọc con đường đỏ sẫm đất núi và máu rây. Đoàn di tản bị chận ở phía đông Củng Sơn, bị cắt rời ở quận Phú Túc, bị đuổi dập từ tây quận lỵ Phú Bổn. Xe tăng cán ngang lên GMC, xe GMC hất xe đò chở thường dân xuống vực thẳm, cũng hất luôn những xe jeep nhỏ, cán qua những chiếc xe Dodge 4 của địa phương quân chở những người già và trẻ em tan tác. Chiếc vespa của một gia đình chạy lông lốc, xiêu vẹo trên sườn đồi, đứa con, người vợ rơi tơi tả, người chồng, người cha rơi cuối cùng với chiếc xe vỡ toang trên mỏm đá. Và súng nổ... 105, 155 pháo binh, hỏa tiễn TOW, XM72 của phía cộng hòa; 130 ly, 122 ly, B40, B41 của phía cộng sản tất cả cùng hòa vào nhau thành một luồng hỗn âm tan tác làm rung rinh sắc núi mờ nhòa ánh nắng. Mặt trời bị chìm khuất trong khói xám. Có xác bà già ngồi dựa bờ đất bên lề đường, người khô quắt không vết thương. Dấu hiệu sự chết chỉ được nhận biết nơi ổ mắt, mũi, miệng... Đám kiến rừng bò lúc nhúc quay quắt đánh hơi. Ba đứa trẻ mắt lạc thần ngồi nhìn đoạn đường hỗn loạn không cảm giác. Bé trai nhỏ nhất gục đầu trên gối chị ngủ lay lắt.

Bao trùm tiếng la khóc khản đặc của người có âm thanh của đạn súng sơn pháo nổ thật gần. Sư đoàn 320 Điện Biên bắn thẳng xuống đoàn di tản. Lính còn rõ phản ứng trú ẩn, chống cự, người dân chỉ biết đưa mắt nhìn lên nơi đặt súng, nơi có những tiếng nổ khô, ngắn trước khi bị bùng vỡ phá toang. Xác người tung lên theo đất bay bay.Cái chết không đơn giản, mau chóng bởi súng đạn. Chết còn bị nhận chìm từ từ trong lòng chiến xa khi chiếc xe tăng chúc đầu xuống đầu cầu nổi bắc qua sông Ba. Chiếc cầu bắc vội mỏng manh không th nào chứa nỗi sức nặng vạn con người, vạn chiếc xe.. Chiếc tăng M48 như khối đá ấn mạnh xuống lòng chén nứt vỡ. Trong lòng xe có tiếng người hét nghẹn, trên pháo tháp có đám người ngoi ngóp, người đạp lên đầu, lưng, vai người để được thở được sống thêm vài giây ngắn. Chiếc xe chìm xuống im lặng, kéo theo, mang theo, đè xuống rất nhiều thây xác. Xích sắt điên cuồng đào xoáy giòng sông máu sẫm làm quẫy lên, tung tóe những tay chân người kẹp dính đâu dưới lưn xe.

Cuối cùng đoàn di tản cũng về đến Tuy Hòa vào ngày 25 tháng Ba do Tiểu Đoàn 58 Biệt Động dẫn đầu. Hai-trăm ngàn dân theo lính chạy loạn từ Kontum, Pleiku nay còn khoảng sáu chục ngàn người. 200,000 trừ đi 60,000 vậy đã chết bao nhiêu? Không ai có thể tính chính xác được số dân thiệt mạng. Người chỉ biết và đau với trường hợp của từng người thân, của mỗi gia đình, của chính thịt da mình. Trên chiếc trực thăng từ phi trường Đông Tác (Tuy Hòa) về Nha Trang, viên thiếu tá ngồi ôm đứa con nhỏ, gục đầu nín thinh khi đứa bé chợt nhớ và hỏi nhỏ... Bà nội đâu hở ba? Trong đêm khuya nơi trại tạm cư ở đèo Rù Rì, nghe những lời than vãn rời rạc lẫn tiếng khóc nấc nghẹn ghìm ghìm. Trên bãi biển Nha Trang từng khối người ngồi chập choạng dưới trăng khuya. Trăng vàng chạch, đỏ nhừ nhừ như máu bầm. Trong lòng người di tản từ cao nguyên đồng bằng trong tháng Ba năm 1975 hầu như ai cũng đọng khối máu uất nghẹn đau thương. Khối máu oan hờn của một dân tộc điêu linh chỉ khác người dân miền Trung chịu sớm nhất. Đau nhất.

Mùa Chúa chịu nạn giải cứu thế gian diễn ra cùng lần bức tử miền Trung. Khởi đầu buổi Đồng Tế tàn cuộc miền Nam. Bắt đầu từ Ngày 10 Tháng Ba ở Ban Mê Thuộc, dọc TỈnh Lộ 7 B, con lộ máu dẫn về miền duyên hải. Hóa ra không cần đủ hết tháng Ba, để tiếp theo tháng Tư thấm máu toàn miền Nam sụp vỡ. Thế nên, người hôm nay phải viết lại, phải nói lên – Vì nếu không sẽ có tội – Tội với những người đã chết mà lượng người chết trên Tỉnh Lộ 7 B là oan khiên đồng hiến tế khởi đầu lần tận diệt Quê Hương. Của Quốc Gia Việt Nam Cộng Hòa.

Bốn Mươi Năm Trận Ban Mê Thuộc
Lần Khởi Cuộc Mất Quê Hương
(10 Tháng 3, 1975-2015)

***

Phụ đính II:

Bắt đầu…từ đêm trăng

ới Quê xa, Đà Nẵng
với Trường xưa, Phan Châu Trinh

Bạn tôi, nếu mới gặp lần đầu, ta có thể nghĩ đấy là gã tay chơi, kẻ sống theo lề lối, sinh hoạt sôi nổi bề mặt. Cũng có thể đúng như thế, một phần do bạn vốn môn đồ Thiếu Lâm, vô địch điền kinh học sinh, khuôn mặt sắc nét tươi vui, đều đặn. Bạn cũng có thể trở nên một tay hào hoa ăn chơi không âu lo với cung cách quen thuộc của dân học trường Tây, gia đình tài sản lớn. Nhưng, đời bạn đã không theo con đường dễ dàng thuận lợi đó. Bạn chọn ngã chông chênh, nguy biến hơn, cũng là lối đi rực rỡ huyền hoặc của tất cả nhân sinh - Đường của người-yêu-người với phương tiện đặc thù để diễn đạt tình yêu ấy - Nghệ Thuật. Và bạn đã chọn hướng nghệ thuật hàng đầu - Âm Nhạc - Với thanh sắc kỳ ảo của riêng.

Bạn tôi, là một cô gái tội nghiệp trong số những thiếu nữ hẩm hiu bất hạnh. Bạn không có nét quyến rũ, lộng lẫy dù đang lúc thanh xuân khởi sắc. Bạn chỉ là một vóc dáng nhỏ bé linh hoạt, tóc nâu nhạt và đôi mắt luôn sáng ánh ngạc nhiên, loáng lạ lẫm của tâm hồn đơn giản trung hậu trước những điều dữ dội, đe dọa từ cuộc sống. Bạn mất cha từ tấm bé nên gia đình đã là một điều phiền muộn u uẩn, và lớp học, nơi bạn hằng ngày nôn nao đi về, đôi khi cũng gây nên đớn đau...Tân không có quần áo mới! Tân mặc quần... cháo lòng!". Gã bạn nhỏ cùng lớp chỉ do nghịch ngợm vô tình nói lên câu ác độc... Bạn bật khóc, lòng ghi sâu mối rúng động gớm ghê. Nỗi xót xa khi trái tim bị xúc phạm. Trong đơn độc tủi hổ của tuổi lớn lên, Bạn như con chim nhỏ giữa đám lá sũng nước. Bạn cảm thấy bị đe dọa, và cần được che chở.

... Hai bạn tôi yêu nhau từ một đêm trăng.
Gã thanh niên quả tình chỉ để ý đến người thiếu nữ như một phản ứng bù trừ. Anh học trường Pháp từ bậc tiểu học nên quen giao tiếp phóng khoáng, văn minh. Từ căn gác của gia đình, ngôi nhà lầu mặt tiền con đường lớn nhất thành phố, hằng ngày anh nhìn thấy cô bé từ xóm nhà nghèo đi ra. Xóm nhỏ phần lớn là nhà tranh quây quần quanh khu đường cát lỡ. Những lối đi cát xám, nhỏ vừa đủ hai xe đạp tránh nhau, chạy vướng vít dưới tàng cây sầu đông, vào mùa Hè thoáng hương thơm ngan ngát theo gió từ vịnh biển tản lan. Cô bé (Khi khởi đầu câu chuyện, chỉ là cô bé gái vừa qua tuổi dậy thì) đã đi từ hẻm cát ra đến gốc cây đa, tiếp tục theo một con lộ khác lớn hơn, cũng là đường đất cát mà bộ hành chỉ xử dụng hai lối nhỏ hai bên, khoảng giữa tâm đường, cát gồ lên gò, đống. Đi hết đoạn đường cát, cô mới rẽ vào phố chính trải nhựa.

Một ngày, không nhớ rõ là bao giờ, người thanh niên thấy ra cô bé... Sao "nó" có nét mặt chịu đựng tội nghiệp đến thế?! Vẻ lặng lẽ cam phận này rất dễ nhận vì cô vốn có nét sắc sáng loáng tinh anh với sống mũi cao thẳng, da trắng và ánh mắt loáng xanh linh động. Anh theo dõi bước chân của cô bé như thế từ lúc nào không rõ. Chỉ biết, Hè vừa qua, cô gái đã là một thiếu nữ toàn hảo, nói lời tiếp xúc đầu tiên: "Thưa anh, em đã đậu trung học, đậu kỳ vừa rồi. Đậu bình thứ". Giọng nói trong trẻo, tự tin, chững chạc.

Hai bạn tôi tiếp xúc quen nhau sau ba năm nhìn thấy vào ngày Hè 1958. Mùa sống động nồng nhiệt của tuổi trẻ và đất trời. Họ thường hẹn gặp nhau nơi vịnh biển trong rừng dương liễu. Họ chọn khu rừng gần hồ nước, hướng về làng Thanh Bồ, nơi lau lách, đồng cỏ ngút ngàn, tiếp giáp rừng dương, bờ biển để thiên nhiên còn nguyên độ hoang sơ thuần nhã thích đáng, hòa hợp với tình yêu trong sáng, thắm thiết của họ. Ở đấy không bóng người, chỉ tiếng gió vi vu xao động qua tàng cây và hàng lau nghiêng ngã. Chuyến tàu hỏa chở hàng từ ga chợ Hàn trở về gióng âm thanh xa vắng, thả lên trời vệt khói đen mỏng manh chỉ làm tăng thêm độ u tịch của cảnh sắc. Đoàn xe đôi khi bị mất hút đâu đó sau ngàn lau... Ở đây yên tĩnh quá anh há.. Người con trai cười nhẹ. Anh chỉ có nụ cười trẻ trung chân thật này, biết nói thế nào bằng tiếng Việt?! Quả thật âm thanh, ngôn ngữ có một khoảng trống không vận dụng được. Chưa vận dụng được. Anh bất lực để nói lên lời cụ thể. Anh cần một cách thức, điều kiện diễn đạt khác, đầy đủ, chính xác, và thắm thiết hơn.

Một mùa Hè, một năm đi qua, nay lại đến mùa Hè thứ hai từ lúc thương mến. Ngày Hè năm 1959, cô gái đột nhiên vắng mặt. Gọi là "đột nhiên" vì do phản ứng của mối liên hệ đang bình thường, đang thắm thiết, bỗng nhiên bị cắt đứt. Người thiếu nữ phải theo đoàn học sinh cùng trường đi cắm trại vào dịp cuối năm. Cô vắng mặt từ sáng sớm, đến chiều người thanh niên động tâm. Chiều, khoảng thời gian sau khi tan buổi học, từ lúc nắng sáng chuyển bóng đêm... Không hẳn thế, thật sự chỉ là ngày hôm qua, chiều trước của buổi chiều ghê gớm này. Anh đạp xe ra vịnh biển, đến nơi vùng lau lách quen thuộc, để chân trần di động trên bãi cỏ, gò cát... Anh đi đến chỗ mép hồ, ngồi xuống, nhặt quả thông, khối cỏ tròn, tua tủa những cọng sắc như lông nhím, thảû khối cỏ quay lông lốc theo triền dốc cát... Đầu ngọn cỏ nhọn sắc đâm vào tay, hơi mát đầm đầm dưới chân, tiếng rì rào của gió khua lá, mặt nước hồ hắt khối nắng vàng khô úa. Hình như tất cả cảnh sắc đang sụp xuống tàn tạ, hấp hối.. Khối đất trời đang đổi thay. Đang chết. Chịu không nổi, anh trở lại thành phố. Phải đi tìm... Phải đi tìm...
- Ông biết học trò trường Phan Châu Trinh đi cắm trại ở đâu không ?
Người bạn anh, vốn huynh trưởng một đoàn Hướng Đạo tuy biết rõ tất cả địa điểm cắm trại của vùng núi đồi, thôn dã quanh thị xã, không trả lời liền. Anh ta nhìn vào nét mặt thê lương ủ dột của bạn... Ông làm sao thế Không có gì, tôâi muốn biết họ đi cắm trại ở đâu. Cần lắm. Cuối cùng, cả hai đến chân đồi Mỹ Thị lúc ngày hết và trăng đã lên.
Giải đồi dương liễu loang loáng, hiện ra mới mẻ theo từng khoảng khắc dưới trăng với sợi thân

lá óng màu sáng bạc xôn xao chuyển động, xô đẩy đùa trăng đi như liếp sóng.. Ta có cảm giác như những lượn sóng bạc đẩu đâu từ ngoài trùng dương xa xôi sau khi chạm đến bờ đã tràn qua giải cát, theo trăng lên đồi, tiếp ngọn cây, xô liếp sóng lá cồn lên không gian xanh sáng... Nhưng sóng lá thông còn phải đi hết lộ trình bất tận, chuyển xuống chân đồi, phía làng nhỏ và giòng sông, khua mặt nước làm trôi những giải đường trăng thiêm thiếp tan vào bờ lau, in hình khối núi Non Nước chìm chìm im lặng... Trên sóng nước, giữa giòng trăng, từ con đò len lỏi trong lau sậy bạn tôi đưa ống sáo lên môi. Anh dùng nguồn thanh âm của tre trúc thay tiếng lời, những nội dung mà ngôn ngữ bình thường hạn hẹp không nói được. Từ trên đồi cao, mấy trăm học sinh ngồi dậy. Họ đồng im lặng nghe giữa hơi gió cuốn lá, sóng trăng miên man thanh âm chuyển động kỳ ảo - Giọng tiêu trúc ca ngợi, tỏ tình. Người thiếu nữ bật khóc. Bóng lá thông khi gió thổi lệnh làm lộ rõ ngấn nước mắt trên má long lanh.

Và, Nguyễn Đình Nghĩa cùng Trịnh Diệu Tân đã nuôi dưỡng, vượt sống, hiện thực tình yêu hằng suốt hơn ba mươi năm, từ đêm Hè không hề mất độ sáng, và âm thanh tiếng sáo vĩnh cửu màu trăng.

Cần gì phải cậy đến điển tích, sự việc người xưa, chuyện thần thoại... Những Trương Lương, Trương Chi, Orphée để diễn đạt, biểu hiện sức mạnh kỳ diệu của tình yêu, âm nhạc. Đêm trăng mùa Hè 1959 nơi đồi Mỹ Thị đã không chỉ của riêng Nguyễn Đình Nghĩa và Trịnh Diệu Tân, mà đã là cảnh sắc, thanh âm, giòng rung động, sức sống của tất cả lớp tuổi trẻ ngày ấy. Tuổi trẻ chỉ có một lần trong đời, mà ba mươi, bốn mươi năm sau ở chốn cuối trời, nơi xứ lạ hoặc còn trong vùng đất nước tang thương... Những người thầy tóc bạc Nguyễn Đăng Ngọc, Bùi Tấn, Trần Tấn, những người anh, người chị, Trần Đại Tăng, Trần Đình Hoàn, Đặng Thị Liệu, Trần Thị Kim Đính... Những học trò, Vũ Ngự Chiêu, Nguyễn Bá Trạc, Hà Nguyên Thạch, Bùi Ngọc Tô, Lê Chí Thảo, Tôn Thất Tuấn & Hải, Võ Thị Thương, Lê Thạch Trúc, Lê Như Hảo, Nguyễn Liên Hương, Huỳnh Thị Phú, Võ Hồng Diệp.. Và rất nhiều người. Tất cả đồng một lần xanh ngắt sống lại, một lần linh động phơi phới, khi nhắc lại trường xưa, bạn cũ... Vô vàn tiếng sáo đêm Hè Mỹ Thị sáng giòng trăng.

Và quả thật, một mình tôi sẽ không đủ sức đi hết đoạn đường khó nhọc từ mấy mươi năm qua nếu không được sức nâng thường trực bền bỉ, cụ thể từ bằng hữu. Tôi không thể nào sống qua những ngày trẻ tuổi trầm luân thiếu đói nơi căn gác gỗ đường Tô Hiến Thành, Huế nếu không có Trạc, có Nghĩa, có Dinh...Tôi cũng không thể nào qua khỏi mười bốn năm lính điêu linh nếu không có những Mễ, Lạc, Lô, Tâm... Đám bạn lính chia với tôi từng ngày, từng giờ bão lửa. Và cuối cùng, từng phút giây đương cự nơi ngục tối. Tôi biết sống cùng Ai, nếu không với những Người Bạn. Mỗi người bạn hiện hữu rõ từng chi tiết, nét mặt, tiếng lời. Sự thiết thân mầu nhiệm này có thật. Nên từ bóng tối, cảnh chết, tôi đã phục sinh...

Trăng giãi vàng rơi liếp sóng loang
Lau lách im lặng dưới đêm ngàn
Ngũ Hành năm cụm nằm thiêm thiếp
Thuyền chở tiêu sầu qua quá canh
.....
Con đâu? Bạn đâu? Trời xưa đâu?
Đêm đã qua lâu, bóng tối sâu ...
Còn chút hơi tàn hong nhịp thở
Nhớ Người ghìm tiếng thét chìm đau...

Nguyễn Đình Nghĩa không chỉ vận động giòng âm hưởng từ ống trúc để bày tỏ tình yêu. Anh hiện thực, hữu hiệu hóa khối năng lực thanh âm kia thành phẩm lượng vật chất để nuôi dưỡng, duy trì, khai triển tình yêu kia trong đời sống. Anh cùng Người Yêu kết hợp từ tiếng sáo đêm trăng, bỏ Đà Nẵng vào Sài Gòn những ngày đầu thập niên 60. Cả hai vào Sài Gòn với tay

trắng. Tay trắng nghĩa đen lẫn nghĩa bóng- Chỉ với cây sáo trúc và tình yêu. Nhưng chuyện thần tiên và chuyện cổ tích của Nghĩa -Tân được hiện thực hóa ở Sài Gòn với đại nạn chiến tranh, trong căn nhà bốn thước bề ngang, hai mươi thước dọc nơi hẻm nhỏ đường Phan Văn Trị, Nancy. Nguyễn Đình Nghĩa dựng nên thế giới thanh âm tre, trúc ầm vang giòng xe luôn náo động của hai con đường lớn nhất Sài Gòn-Chợ Lớn, Trần Hưng Đạo và Cộng Hòa, hòa nhịp với tiếng gõ xe mì, xe hủ tiếu âm động của dãy thùng hứng nước từ đầu hẻm và lẽ tất nhiên, chuỗi rầm rì liên tục mệt nhọc của nhà máy đèn Chợ Quán. Trong hẻm lao động tồi tàn náo loạn đó, Nguyễn Đình Nghĩa đã hoàn thành "tác phẩm" lớn của đời mình - Nuôi dưỡng vợ, và ba con từng ngày bằng tiếng sáo. Diệu Tân thành người khoa bảng và các con khôn lớn trưởng thành. Chuyện thần thoại có kết thúc rất cổ điển và trung hậu: Nguyễn Đình Nghĩa là cây sáo số một của Việt Nam, của miền Nam ..."Có một thằng cha bên Tàu, và một cha nữa bên Tây, hai cha này thổi hay hơn moi !!" Nghĩa đã nói với tôi như thế hơn hai mươi năm trước. Tôi nhìn quanh căn nhà lổng chổng đồ đạc tồi tàn, chiếc xe đạp treo trên tường, tấm bảng đen đầy bụi phấn, đống áo quần dơ, sô nước, và Diệu Tân lấm lem khói bếp..."Ông nên "nhường" cho hai cha ấy đi, sống thế này mà "thổi" được như ông là Thánh". Ít khi nào lời nói đùa mang độ thật đến như thế. Nguyễn Đình Nghĩa lúc ấy, "cây sáo số một" của Việt Nam, gã Orphée tân thời chỉ một chiếc quần xà lỏn trên mình. Nóng từ mái tôn hắt xuống như đang trong lò bánh mì... Hỏi ai có thể "thổi" hay hơn bạn được?! Chỉ cho tên một người khác đi, trước đây hoặc bây giờ.
30 tháng 4, 1975 sập xuống, cùng một lần với Miền Nam, Nghĩa và gia đình bị đuổi ra khỏi căn nhà hẻm Phan Văn Trị... "Sáo với tiêu, rõ nỡm, cái đống tre này chỉ đun được nồi cơm là phèo!" Gã cán bộ chỉ vào đống ống trúc đang chờ đục lỗ nói với giọng khinh miệt rẻ rúng. Nghĩa và Diệu Tân trở lại miền Trung sau hai mươi lăm năm. Khác với lần di chuyển vào Nam ngày trước, chuyến đi với can đảm tuổi trẻ, và lãng mạn tình yêu. Hôm nay, hai người có khối nặng của ba con, và nỗi thấm nhục bị miệt thị. Hành vi cao thượng của người Nghệ Sĩ bị đánh giá thành hoạt động hèn mọn phục vụ chính trị suy đồi: "Chỉ có bọn Ngụy mới trả tiền để anh thổi sáo cho chúng. Cách mạng chúng tôi không cần. Nhân dân ta chỉ cần đánh Mỹ, thắng Mỹ, và thi đua lao động." Nghĩa và gia đình không về lại Đà Nẵng, anh đưa vợ và ba con đi xa hơn... Nơi hẻo lánh, vùng núi miền Trung.

Và chuyện thần thoại được thực hiện lần thứ hai. Cái khó không bó được cái khôn, với điều kiện chúng ta phải khôn. Sự cùng khổ đôi khi không là tai họa nếu chúng ta có sức vượt qua cùng khổ. Ở miền núi, tiếp xúc với những người sắc tộc Bahnar, H'mong, Rhadé... Nghĩa dần khám phá ra khối lượng nhạc khí độc đáo, kỳ ảo của họ, với cây đàn T'rưng, nhạc khí gõ sơ khởi vỏn vẹn năm ống tre, đầu mắc vào cột, một người ngồi giữ giây, một người gõ. Người Bahnar (vùng núi Quảng Nam, Quảng Ngãi chạy qua Kontum, Pleiku, Ban Mê Thuộc xuống Bình Long, Nam bộ) chỉ vận dụng được một cung năm ngũ âm đơn giản để dùng trong việc liên lạc, mời gọi họp bạn hoặc các buổi tế lễ như hạ trâu, cưới xin, mở cửa mả. Năm 1978, có mặt trong buổi liên hoan âm nhạc đồng bào sắc tộc Việt Nam tại Nha Trang, Nghĩa nẩy ra ý nghĩ khi nghe đàn T'rưng cải tiến (từ một nhạc công người Nam đem ra Bắc năm 1954). Đàn T'rưng cải tiến thành cung Mi trưởng, có đầy đủ một hợp âm bát độ giúp Nghĩa có so sánh: "Nếu chỉ với một ống sáo nhỏ bé anh đã tạo nên hằng hà âm giai, âm sắc biến hóa kỳ ảo, thì huống gì đây những năm ống tre, cũng từ tre, trúc mà ra thôi". Anh gọt không phải hằng chục, hằng trăm, hàng ngàn, mà hằng chục ngàn ống tre... Chọn lọc, nấu luộc, phơi nắng, cất giữ để có những ống tre tối ưu - Để buồng hơi (chambre à air) tạo nên âm thanh tuyệt đối thuần túy - Một cung cộng hưởng tối đa. Căn nhà của anh trở nên một rừng tre nhân tạo tua tủa những ống tre. Từng ngày với từng ống tre được gọt theo từng 1/5, 1/10 milimetre một... Năm 1981, Nghĩa hoàn tất chiếc đàn T'rưng đồ sộ gồm 27 ống có khả năng tiết tấu bốn bát độ. Ngoài ra, anh phải cậy đến một sáng kiến khác của người Nhật Watanabé, nhạc sĩ này đã tìm ra một "gam vô tình" cũng có thể gọi là "gam mềm" sau khi gắn vào thêm hai ống. Chiếc đàn 29 ống hoàn chỉnh. Bộ trưởng Văn Hóa (Cộng Sản) Lưu Hữu Phước không thể nào vùi lấp sáng kiến và tài năng của Nghĩa, cũng một phần, đây là điều đáng hãnh diện của người Miền Nam sau khi Hà Nội sáng

chế nên cây gõ hai đầu; cây gõ nguyên thủy chỉ một đầu.
Nguyễn Đình Nghĩa được chính phủ Cộng Sản - Nhà Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam chấp nhận - Phải chấp nhận - Người nghệ sĩ Miền Nam này là một tài năng đích thực. Tài sản lớn của tất cả Việt Nam. Thái độ này là một biểu hiện điển hình của thú nhận: Sau mấy mươi năm chỉ huy miền Bắc, những người lãnh đạo cộng sản đã thành hình được một khối lượng lớn (rất lớn) văn hóa phẩm gồm những bài hát chỉ được hát một lần ở đài phát thanh; những ấn bản toàn tập chỉ được mua bởi cơ quan chính phủ; những tranh, tượng dùng để trang trí ở các phòng họp, hội trường nhà nước. Họ cũng dần hiểu rõ, "mặc cảm" cần được tiêu trừ (Như một cấp lãnh đạo miền Bắc đã nói cùng cố học giả Nguyễn Hiến Lê: "Miền Nam nên từ bỏ "mặc cảm tự ti" vì lạc hậu, phản động (do thua trận), và miền Bắc cần từ bỏ "mặc cảm tự tôn (do đã thắng trận")- thật sự là "mặc cảm" của đám tổng, lý sau khi ăn bạc, và cơn say bữa rượu thịt chó của chính họ. Quả tình tôi rất thấm hiểu "cơn trả thù của người nghệ sĩ" khi nhìn thấy hàng hàng cán bộ lãnh đạo, viên chức nhà nước, những văn nghệ sĩ "cấp cao" cộng sản nối đuôi nhau vào xem và tranh mua những họa phẩm của "bọn họa sĩ Ngụy": Nguyễn Trung, Đỗ Quang Em, Đằng Giao, Phạm Cung, Nguyễn Hải Chí (Chóe). Tranh của cụ Nguyễn Gia Trí đã là một "Tài sản Quốc gia". Tranh và những họa sĩ đã bị khinh miệt vất bỏ từ buổi sáng ngày 30 tháng 4, 1975.
Nguyễn Đình Nghĩa đã là một ""trả thù" xứng đáng nhất. Nhân tiện đây, tôi có ý nghĩ, đồng bào hải ngoại chớ nên gay gắt cùng với những văn, nghệ sĩ hiện còn ở Việt Nam nếu như họ có phần "cộng tác" cùng chế độ, chính quyền cộng sản ở đấy. Tại sao ta không chia phần "hãnh diện" vì người Việt Nam (Người ở miền Bắc, Hà Nội lại là đa số) chỉ tìm đọc Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Duy Cần, Hoàng Hải Thủy, Nguyễn Thụy Long, Lệ Hằng, Nguyễn Thị Hoàng... và đến cả Bà Tùng Long, cụ Hồ Biểu Chánh. Họ hát "Huyền Sử Ca Một Người Mang Tên Quốc" của Phạm Duy, bài "Hát Cho Một Người Vừa Nằm Xuống" của Trịnh Công Sơn, và "Người Ở Lại Charlie" của Nhật Trường từ phòng giam Trại 5 Lam Sơn, Trại Thanh Cẩm, Thanh Hóa, Trại Hà Nam Ninh. Người miền Nam có hề "thua" đâu. Thấy như thế. Nghĩ như thế.

Nhưng chuyện thần kỳ của Nguyễn Đình Nghĩa không dừng lại ở đấy, ở Việt Nam. Anh đến Canada năm 1984; tháng Giêng 1987 nhân dịp Tết Việt Nam, anh xuất hiện ở phòng hòa tấu Đại học Toronto và liên tục trình diễn qua các cơ sở văn hóa, giáo dục vùng Đông-Bắc nước Mỹ. Anh không đứng trên sân khấu một mình. Sau lưng, và hai bên anh bây giờ đã có toàn thể khối lực hỗ trợ... Những Đoan Trang, Nam Phương, Nguyễn Đình Nghị, và tiếp theo, Nguyễn Đình Hòa và Chiến. Đây không còn là những đứa bé trèo lên vai, bám lên cổ anh ở hai mươi năm trước, mà đã là người thiếu nữ Việt Nam làm sống động âm thanh khắc khoải gờn gợn của Độc Huyền (Nam Phương); người dựng lại khối âm thanh rực rỡ của Thập Lục (Đoan Trang), và những cây guitar điện kỳ ảo, sống động, giàn trống hào hùng với Nghị, Hòa, Chiến... Tất cả đã hòa nhịp cùng chiếc đàn T'rưng đồ sộ 29 ống của Nghĩa hiện thực nên điều - Âm nhạc với nhạc khí cổ truyền Dân Tộc Việt Nam là một thế giới kỳ diệu do từ nội dung sâu lắng, phong cách, kỹ thuật trình diễn điêu luyện tế vi.
Buổi trình diễn ngày 2/6/1994, tại Thính Đường Carnegie Hall, Đại học Kỹ Thuật New York là một xác chứng về câu chuyện có vẻ không thực của một gia đình tên gọi Nguyễn Đình Nghĩa. Vì sau gần trăm năm thành lập, phòng hòa âm ấy chỉ dành riêng để các bậc thầy trình diễn về các bậc thầy, những Beethoven, Mozart, Wagner... Nhưng nguồn sống động làm phấn khởi, thúc dục tôi viết nên bài này không phải là giải thưởng của Thống Đốc Tiểu bang Maryland về "Nghệ Sĩ Độc Tấu Xuất Sắc" năm 1994 mà Nghĩa vừa nhận được hôm 12tháng Sáu tại Baltimore. Có một điều gì cao quý và sâu xa hơn. Đấy là dự định mà tôi tin chắc Nghĩa sẽ thực hiện được - Làm sống lại Beethoven, Tchaikovsky, Debussy... Bằng lửa. Với lửa. Nghĩa là Nghĩa sẽ tái cấu trúc, hoàn chỉnh lại cây "Đàn Lửa" của người Vân Kiều (vùng núi Bạch Mã, Cầu Hai, Thừa Thiên), một loại đàn đã bị thất truyền và không người có khả năng khôi phục. Lửa sẽ được đốt lên (tất nhiên từ một hệ thống lò ga thay vì lửa trại, lửa rừng), chuyền hơi nóng qua những ống tre lớn, do Nghĩa đã nắm được cấu trúc từng tế bào tre, trúc. Và những

hợp tấu khúc lớn của các bậc thầy sẽ được dựng nên, bừng dậy như ánh lửa chập chùng hằng cháy sáng từ ngày khai sinh sự sống trần gian.

Nhưng cuối cùng, cũng không hẳn như thế. Chẳng phải vì tài hoa đặc dị của bạn mà tôi viết nên lời. Tôi cảm động vì một điều đơn giản. Về một điều rất đơn giản, tầm thường, nhưng thấm thía, cảm động, xót xa.

...Ngày xưa, buổi rất lâu của hơn bốn mươi năm trước, những ngày của thời gian trước 1954. Tôi lúc ấy là đứa trẻ nhà nghèo thường hay nhặt những hạt, hột không tên, vô vị nào đó để lót lòng vào buổi, giờ xa bữa ăn vốn quá thiếu thốn. Hạt cây quăn vị ngọt nhầy nhầy mủ trắng, hạt trái mâm xôi xám trắng trong trong. Và trong những lúc lẫn quẩn nơi bụi hoang, bãi cỏ để tìm kiếm loại "lương thực" tội nghiệp kia, giữa tiếng lá kiền kiền khô cuốn trong cỏ tranh, trên mặt đường đất đá lồi lõm vùng ngoại ô Đà Nẵng... Giữa tịch mịch của thanh âm nắng, gió, lá, cỏ kia tôi nghe vọng tiếng chim... Tít ... tít ..tít ... tịt ...t..tịt ..tịt... Chim kêu tắt tắt, chậm chậm và lịm dần. Tôi không biết tên chim nhưng cò ý nghĩ... Chim chắc cũng đang chịu phần tội nghiệp hẩm hiu. Cũng chưa thấy dáng chim lần nào. Năm 1993, nơi vườn Lái Thiêu, giữa khoảng xanh dầy của tàng măng cụt, tôi trải chiếc chiếu ngủ dật dờ trên đám lá, nắng cuối năm vàng khô lạnh lạnh. Chẳng khá hơn tình cảnh của đứa bé bốn mươi năm trước, và nghe lại tiếng chim...Tít ...tít ..tịt ..tịt ..tịt... Chim gì kêu buồn quá ông ơi!! Chịu không nổi. Tôi phải nói lên cùng Út Năng, ông bạn già chủ vườn tôi ở,
- Thì chim "mồ côi" mà cha...
- Mồ côi? Ai mồ côi ?!!
- Ông không nghe ra à... père...mère...frère... tout est perdue ... Mất hết trơn như vậy làm sao mà không kêu..
- Ờ... há, vậy là con chim giống tôi. Hèn gì hồi nhỏ tôi đã nằm lặng ra mà nghe.
Và tôi đã nghĩ có mấy ai trong đời phải mất hết trơn đến tội như thế. Và có ai trong đời hằng phải nhớ đến một tiếng chim. Nhưng không, trong những bài nhạc do Nghĩa soạn cho sáo, đàn có nhiều bài về chim, bài Phụng Vũ, bài Chim Loan, và bài Chim Boong Klé...
- Boong Klé là chim gì? Tôi hỏi bạn.
... Chim "mồ côi" đó mà... Ở Đà Nẵng, thuở nhỏ toa có nghe lần nào không?

Vâng, Nghĩa và Tân ạ, tôi đã nghe tiếng chim ấy, và tôi cũng đã đôi lần kêu với nó. Thật ra rất nhiều lần. Vẫn đang kêu cùng chim.
Quê hương tôi có loài chim mồ côi
Mẹ chết, mất cha, anh em phiêu tán
Lắng âm tiếng hiểu dần nên nguồn cội
Chim và Người cùng thấm khổ ĐAU thôi.

Tháng lúa chín, mùa "Chim Mồ Côi".
Cũng tháng đầy tuổi, 9-9-55.
Xóm Tân Tuyền, Thành Hựu Tống, Bang Tiến Xa

Huế

Thật đau lòng. Một người Huế không biết Huế vừa ngẫu nhiên "tìm được" Huế, vừa bắt đầu biết yêu "quê hương", thì gần ngay lập tức, người ấy phải tham gia vào một cuộc hủy diệt: "Huế của tôi (...) đang sụp đổ, đang cháy đỏ tươi (...) (đang) rên từng tiếng não nùng"!

Dĩ nhiên Tết Mậu Thân không phải lần đầu Huế cất tiếng rên. Tính từ lúc người Việt người Chàm còn tranh giành cho đến năm 1968, Huế đã "sụp đổ" và "cháy đỏ tươi" nhiều lần.

Cháy đi cháy lại, cháy hoài cháy mãi, đến lúc nào đó, sau khi lửa tàn, bỗng "tiếng hò (...) cất lên... (...) xua nhau như tiếng sóng nhỏ vướng phải bụi bờ chìm xuống nghe quá thê thảm, quá buồn rầu. "À... ơ... Ai về Đại Lược". Chữ "Lược" xuống thật thấp như cố nuốt tủi hờn, chặn dòng nước mắt (...) à... ơ... (...) chữ "ơ" được đưa lên cao cao từ từ rồi mất vào với gió với trăng, làm rợn những gai ốc trên da thịt (...) Một phút, hai phút trôi qua, thuyền đã đi được một khoảng sông, câu hò mới có được bốn chữ à ơ ngân dài trên nước, oan uổng thê lương dật dờ như thây ma. Tôi nghe bằng tai nhưng hồn tôi ai đem treo trên đầu ngọn gió, ai đem ướp dưới đáy sông... Tôi muốn khóc? Tôi muốn rưng rưng nước mắt? Sao có (...) tiếng hò thê lương, buồn đến độ này...". Binh binh lửa lửa bao đời đã đúc nên giọng hò độc đáo của người Huế, không biết có phải thế không?
Dù sao, "xa lạ" với Huế mà vừa nghe hò lần đầu đã thấm được cái hồn của "à... ơ...", thiết tưởng người nghe phải là một người có tâm hồn đặc biệt nhậy cảm. (Thu Tứ)

***

(Trích từ chương "Quê hương và người Huế" trong tập bút ký
Dấu binh lửa*. "Huế" là tên do người trích tạm đặt.)*

Tôi là người Huế, sinh ở Huế. Nhưng không lớn lên từ đó, không có kỷ niệm, không một nhung nhớ, không một mối tình. Giữa tôi và Huế là xa lạ, dửng dưng, không mong ước trở lại. Nhưng, tôi đã sinh ra ở đấy, đất đai đó là nơi trú ngụ đầu tiên. Và cũng chính trên mảnh đất này bạn bè tôi đã nằm xuống, đã đánh những trận đầu tiên trong thành phố, những người bạn từ Sài Gòn, từ một tỉnh miền Nam, từ miền Bắc di cư vào, và họ đã chết lạnh lùng, bất ngờ giữa đám gạch xanh rêu không sinh khí. Vậy nên tôi phải viết về Huế. Viết cho một tuổi thơ đã qua, một trở lại bi thảm, viết cho một mất mát, nhưng tôi cũng viết cho những tìm thấy thật cảm động, cảm động rưng rưng nước mắt, cảm động của một lần tái ngộ oái oăm.

Khi tôi lớn lên sau này, nếu ai có hỏi: Người xứ nào? Tôi thường tần ngần một lúc. Sự ngập ngừng phát sinh từ những mù mờ của tôi về Huế. Tôi là người sinh ra ở đó, nhưng tôi biết được gì trên thành phố ấy, tên đường không thuộc, chùa Thiên Mụ ra sao? Thế nào là con gái trường Đồng Khánh? Nhớ, nhớ lại một kỷ niệm xa nhất, những hình ảnh ghi được, những điều còn sót lại trong một vùng trí nhớ mông mênh, làm nhớ đến những chỗ đầu tiên của trí não tuổi thơ đã ghi nhận năm 1947, tôi bốn hay năm tuổi gì đó... Theo gia đình về Huế trong đêm khuya. Thuyền đi theo dòng sông, dòng sông đen, chiếc thuyền len lỏi qua hàng cây um tùm trên nước. Sông nào, tôi không biết. Cây gì? Cây chà là. Sao lại cây chà là, chắc hẳn đó là sự bất chợt của tuổi thơ nghe đâu một lần nên tôi đặt tên cho những đám cây đêm đó là cây chà là. Thuyền ghé bến tôi lên bờ trên tay của cha, ôm chiếc chiếu trong lòng. Tôi về Huế lần đầu tiên, tôi đến trong đêm khuya, trên dòng sông, trí nhớ nào đủ để ghi một hình ảnh mông lung như mặt nước trên tâm hồn trẻ nhỏ... Và đi ra khỏi Huế sau hai năm. Tôi còn lại hình ảnh nào nữa? Những buổi chiều cuối năm, gió rét thổi qua những con đường phố im vắng, hình ảnh một bà già lưng đã còng, còng xuống thật thấp, bán giò chả, tiếng rao lê dài qua khu phố theo tiếng gió đi xa, nghe thật tê tái, tê tái hơn cả mùa đông. Thôi là hết kỷ niệm của Huế, còn gì không? Chẳng còn gì hơn hình ảnh cô gái nhỏ cùng tôi chơi chiếc xe hai bánh, có một bàn đạp một tay lái, chân để trên bàn đạp, chân chống xuống đất và chúng tôi thay phiên đẩy vào lưng nhau để tăng tốc độ. Tốc độ của đôi chân nhưng quá nhanh trên mọi mặt đường lồi lõm đá, con đường không người, hai hàng phố cửa đóng, vẻ hoang tàn hậu chiến, nét linh động chỉ là hai chúng tôi... Thế là hết và tôi đi xa, xa về miền nam. Huế đó tôi trả lại cho người, tôi về miền có biển có núi... Huế không có biển. Ở biển chúng ta nghe được thằng cuội chặt củi ở trên cung trăng. Một thằng bạn nào đó trong khu xóm nhỏ đường Gia Hội đã nói như vậy. Tôi về những vùng có biển và lớn lên từ những nơi này. Huế không có biển và tôi yêu biển biết bao nên xứ Huế được lãng quên từ đó.

Đà Nẵng và Nha Trang, thành phố bốn bề là biển, biển trước mặt, biển sau lưng, rẽ qua trái ra biển, rẽ qua phải đến sông, sông cũng dẫn ra biển, ngồi trong nhà gió biển lọt vào, rịn mùi muối trên da tay, đêm mùa đông nghe tiếng sóng cuồng nộ từ xa xa tưởng chừng như sóng ùn ùn lại để kéo trôi phăng thành phố... Thịt bò kho ở Nha Trang, con "ghẹ" thật tươi được luộc ở Đà Nẵng đối với tôi là những món ăn ngon nhất, quyến rủ nhất và đáng nhớ biết chừng nào. Chạy nhảy trên những hòn đá ở Tiên Sa, hà cắt đứt bàn chân, vết thương tươi đỏ đầy máu không tạo thành đau đớn, chỉ nhức nhối nhẹ nhàng, ngâm xuống nước mặn thành cay, nồng nàn như tuổi mới lớn, như tình yêu ước vọng của năm mười sáu, mười bảy... Máu chảy hòa nước biển, nước biển theo vết thương ngấm vào thân thể, người như hạt muối được hong khô dưới ánh mặt trời. Tôi ham mê đùa giỡn với sóng, trong khung trời xa tít không biên giới với luồng gió có mùi của trời đất trên ngọn hải đăng ở Đà Nẵng, ngọn hải đăng xây bằng đá, xanh mướt, trơn bóng vì rêu phủ, vì gió bào, vì muối xát, ngọn hải đăng chỉ có ở những giấc mơ, gió từ bốn phía ào ào, lau ngả nghiêng theo tám hướng. Tôi sống, tôi lớn lên, tôi yêu đời, yêu quê hương từ đó, từ những nơi có gió, ở một chỗ nào xa xăm tận cùng trời đất.

Đà Lạt nét đẹp não nùng, đẹp tưởng chừng như một nốt nhạc ngân hoài không dứt. Đà Lạt đẹp, thành phố, hồ Xuân Hương hồ Than Thở đã đẹp nhưng phải đến Ankoret, trèo lên ngọn núi đằng sau nhà máy nước nhìn xuống thác Vàng, thấy như cả trời đất hòa với nhau. Hồ Ankoret trong vắt như thủy tinh, xanh tươi hơn tận cùng ý niệm, nằm trong lòng núi tưởng chừng như một chiếc gương nằm yên khẽ gợn vì gió, vì sương đọng, vì núi nghiêng hay vũ trụ đang xoay, hay đang rơi vào ảo giác? Trời ở trên, trời ở dưới đáy hồ! Có tiếng động? Không, chẳng có gì, lá thông rải, cỏ đang mọc, hay nước hồ đang thở... Nào ai biết, không ai biết gì của thiên nhiên im lặng đó chỉ nhìn và nhìn thật bằng hết con người. Trong vòng tay của núi và biển, tôi đi xa vô cùng với Huế, Huế của đêm tối hồi cư, dòng sông đen đe dọa của kỷ niệm tuổi thơ làm sao tôi kéo được linh hồn tôi trở lại.

Bây giờ là năm 1967. Chiến tranh đầy trên quê hương như đàn ruồi trên đống rác. Tôi đang ở Sài Gòn. Ôi Sài Gòn, làm sao thấy được mặt trời mọc, lúc nào lặn ở đâu? Thế nào là bốn hướng đông, tây, nam, bắc... Thế nào là màu xanh, thế nào là súc vật nuôi trong nhà màn xanh tím và hơi mát của đường Cường Để, nhà thương Grall trông thật tội nghiệp, trông vá víu, thương tâm giả dối và còm cõi biết bao! Sài Gòn với một khoảng thiên nhiên mơ mộng của xa lộ, vài cây dừa xơ xác, một dãy đất hoang cỏ mọc úa vàng bị đóng khung bằng Cát Lái, Thủ Đức, Bình Lợi...

Việt Nam 1967 (...) Đà Nẵng thì hết rồi biển thanh bình, hàng cây dương mới lớn của mười năm trước đã cằn cỗi, đầy dây kẽm gai để che chở trại lính. Bờ biển thuở xưa có cái lô-cốt bị chìm bây giờ đầy nhà cửa. Thôi còn gì nữa đâu, hết cả khoảng trời xanh, hết cả tiếng sóng vỗ cuồng bạo vào bờ đêm mùa đông, biển tối âm u, hàng dương liễu ngập nước như một khu rừng nổi... Không còn gì nữa, núi Tiên Sa Mỹ đặt đài *radar*, con đường lên núi đỏ thẳm giữa màu xanh của lá như một vết thương chưa khép. Vị tiên nào đã sa xuống vùng núi hoang vu tuổi trẻ của tôi ngày xưa chắc bây giờ đã lăn lóc chiếc cánh bên cạnh đống vỏ bia. Tôi còn được một vùng thơ mộng nào trong quê hương?

*

Trong thời gian này tôi trở về Huế. "Trở về", sao lại dùng chữ đó? Tôi có đi thì mới có về. Hay tôi đang trở về quê hương? Chiếc C-130 xuống phi trường Phú Bài vào một buổi chiều mưa mờ mặt. Ô mưa, mưa đúng nghĩa của mưa, mưa đầy mặt, mưa cách nhau khoảng năm mươi thước không trông thấy, mưa không thấy hạt, chỉ một màu nước thật dầy bao phủ lên tất cả. Tất cả đều xám xảm ốm yếu thê lương. Không cả chân trời, không có hàng cây, không có nhà

cửa. Tất cả là khối đen lù mù im lặng, không có một hoạt động nào tồn tại được, tất cả đều im lặng dưới sức nặng dị thường của hạt mưa! Mưa từ bao giờ? Hỏi người bạn đơn vị đã ra trước. Lâu lắm rồi cả tuần nay. Không tạnh? Tạnh sao nổi. Mưa khắp nơi như từ một khoảng hư vô và vạn vật đang tan thành nước. Tôi bước xuống trong vũ trụ lạnh tanh đó. Người biến vào mênh mông.

Mưa Huế ào ào phủ xuống đầu chúng tôi, khi từ máy bay chạy nhanh vào trạm hàng không. Ai ghét mưa Huế vì phải chịu đựng nó quá nhiều, tôi cũng sẽ ghét và thù hận vô cùng khi đi dưới cơn mưa nước ruộng ngập đến háng và bùn gần đến đầu gối, đi từ Quảng Điền lên Phong Điền. Nhưng bây giờ mưa Huế đang chung quanh tôi, mưa của quá khứ, của tuổi thơ, tuổi lớn đang hòa vào nhau đều đều, quay cuồng trong một không gian im lặng...

Huế đón tôi trong mưa, tôi lên xe trở vào thành phố, ra lại ngoại ô, đóng quân ở một làng có cái tên độc đáo, đặc biệt nhất của Việt Nam. Sịa là gì? Là Sình đọc trại? Không phải, cái tên đặc biệt, âm vang như một nốt nhạc kỳ quái. Sịa, tôi sẽ hoài hoài nhớ, hoài hoài thắc mắc sao quê hương ta có những địa danh vừa kỳ cục vừa lạ lùng, quê mùa mà không thô, mộc mạc, bình dị và độc đáo! Ở đâu có Sịa? Chắc chỉ có Huế và đúng chỉ là có Huế...

Hành quân, mục tiêu 1, 2, 3... Đại đội 91, 92 chiếm 1 và 2 xong đợi ở đấy, làm *blocking force* về hướng đông để đại đội 94 chiếm mục tiêu 3... Mục tiêu 3, tôi nhìn vào bản đồ: Đồng Xuyên, làng Đồng Xuyên khu xóm nhỏ phía tây giáp ruộng, phía đông đồn cát. Sau cồn cát là gì? Phá, phá Tam Giang. Phá thì lạ lắm, nhưng phá Tam Giang quen biết đến chừng nào, lớp ba hay lớp nhì, ai chẳng một lần đã ê a trong "Tập đọc vui" hai mươi năm về trước. "Đường vô xứ Huế quanh co. Non xanh nước biếc... Sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam Giang". Phá Tam Giang là tuổi thơ thứ mười của tôi. Tuổi nhìn đời đầy dẫy câu hỏi: Tại sao yêu em rồi nhưng không muốn vô? Đấy, phá Tam Giang tôi đã quen thuộc với nó lâu hai mươi năm rồi còn gì nữa? Phá Tam Giang nỗi mơ mộng đầu tiên của tôi, vùng thần thánh của những lần rung cảm ngây ngất khi đọc đến: "Yêu em anh cũng muốn vô..." - Dọc theo bờ của phá, bên trái Dãy Phố Buồn Thiu, nơi B. Fall vừa chết tuần trước, người thông thuộc biến cố của Việt Nam nhiều nhất trong vòng hai mươi năm qua, nay vì trái nổ oan khiên bỏ lại đời đàng sau.

Dọc theo phá, đi hoài đi mãi, trời đất bao la cái bao la dày đặc u uất, không có cái rộng rãi của biển, xanh thẫm của núi, đây là hoang vu tiền sử, cỏ xanh úa, hay xanh nâu mệt nhọc trải dài đến chân trời. Bồ nông, hạc, hải âu bay từng đàn nặng nặng, buồn buồn, chim bay như cố gắng, như thở dài, như hấp hối, bay một đoàn đầy cả trời, rồi cả đàn cùng dừng lại, tiếp tục bay đi, không phương hướng, không ào ạt, không khỏe không hùng, đàn chim loang lổ, đen trắng thấp thoáng trên cỏ khô, lúa mục buồn đến rợn người! Đây là hoang vu mà sao lặng gió, con phá rộng mênh mông không bờ bãi, không vết sóng. Có một cánh buồm không no gió, hay đấy là buồm hoang, thuyền ma? Trời xám, cỏ xám, con sông nhỏ, cánh buồm phiền, đàn chim mệt mỏi... Phải chăng đây là cảnh gần tàn đời sắp đóng, trời đất âm u để sửa soạn cho một lần đổ nát. Bây giờ mới thấy Nha Trang quá trẻ trung, Đà Lạt quá sang trọng, Sài Gòn còm cõi không sinh khí. Đây mới là khuôn mặt của quê hương - Tôi nghĩ vậy. Câm nín, u uất, nặng trĩu buồn rầu... Quê hương ta, khuôn mặt thật chắc là đây. Lên đến Phong Điền nhìn lại bản đồ, 17 cây số đường chim bay. Người nát ra từng mảnh vụn, trời rét nhưng người quá dơ, bùn từ tóc, từ mặt, bám đầy trong mũi trong tai, bùn rơi từ cái dụi mắt chớp mày. Xuống bến sông, bên kia là Quảng Trị, bên này là Thừa Thiên, sông chảy ra phá Tam Giang, sông chảy từ Quảng Trị vào, từ núi ra, một nhánh nhỏ của sông Ô Lâu, nhưng đến đây chảy qua Mỹ Chánh sông mang tên khác. Hỏi cô giáo thẹn như cô gái mới lớn, cô giáo mặc áo đen quần trắng, áo len đen, da trắng mát tự nhiên, môi đỏ hồng, mắt thật xanh. Cô giáo bao nhiêu tuổi? Dạ hăm lăm. Sông gì? Dạ thưa, sông Thu Rơi! Sông Thu Rơi. Tôi cười. Cô nói đùa hay thật? - Dạ thưa sông Thu Rơi. "Dạ thưa sông Thu Rơi". Tôi rưng rưng cảm động. Ai đối thoại với lính lễ độ, kính nể đến như vậy.

Sông mang tên Thu Rơi, tên thật thường nhưng chất ngất lãng mạn và đôn hậu, dân làng đã nghĩ sao khi chấp nhận tên này. Phải chăng là thi sĩ. Phải chăng tên đã thành hình như câu hò câu hát.

Ngược đường về, từ mục tiêu 15 trở về lại mục tiêu 1, ấp Đồng Xuyên, ấp Mỹ Xá đã đọc đi đọc lại nhiều lần từ bao nhiêu ngày trên bản đồ, đã đi qua bốn ngày trước rồi nay trở lại sao lòng lại nôn nao cảm động. Đồng Xuyên, Mỹ Xá... Đúng rồi! Nơi chốn này thuở xưa cha mẹ tôi đã một lần đi đến, sau lệnh tổng phản công của Việt Minh năm 46. "Vỡ mặt trận rồi chạy về Đồng Xuyên, Mỹ Xá, sau đó gia đình về ở tại Giạ Lê." Mẹ tôi thường hay nói vắn tắt như vậy, để trả lời cho tôi sau này mỗi khi tôi hỏi về những biến cố của năm 45, 46. "Vỡ mặt trận..." Tôi nhớ mãi nhớ hoài mẹ tôi ở trong câu nói đó. Bà hay nói những chữ Huế mà những người ở Đà Nẵng, chúng tôi, hàng xóm phải ngẩn ngơ không biết. Mẹ tôi là người Huế, nơi này bà đã gánh tôi một đầu gánh, đầu kia áo quần, soong chảo, trên cánh đồng nầy hai mươi hai năm trước, chân trần tay lấm, cong chiếc lưng học trò mảnh mai để gánh tôi băng qua những đồi cát mênh mông bắt đầu từ Mậu Tài ra đến Đồng Xuyên, Mỹ Xá ... Nơi này cha mẹ tôi đã thương yêu nhau trong cảnh chết, tiếng nổ trên đầu, viên đạn rạch không khí bay vào tình người dưới đất. Nơi này cha mẹ tôi đã lấy sức mạnh của xác thân và tinh thần mang tôi qua gió bão...

Hôm nay, mùa đông 1967, tôi đi qua, trên đất như có hồn, cỏ có dấu vết, biết đâu cha mẹ tôi đã ngừng ở đây, lấy nón quạt cho tôi, cha tôi đã cúi mình trên bờ mẫu để gạn lấy phần nước trong mát nhất cho con trai. Dòng nước hôm nay còn chảy qua, mẹ cha làm sao biết được hơn hai mươi năm sau đứa con lại một lần nhìn xuống để thấy gương mặt thật của mình trên dòng nước quê hương.

(...) Tôi không là nhà văn, nhưng nếu được chọn lựa tôi sẽ viết về Huế cho tác phẩm của mình. Lạ lùng lắm, bí ẩn lắm ngôi mộ nằm yên, cây tùng, cây thông đứng lẻ loi, ánh sáng trăng soi xuống, gạch đá như thở, như nói, như thì thầm, rầu rĩ. Con sông Hương đứng từ ngọn đồi lăng Khải Định nhìn xuống, không phải là con sông của nước chảy, nhưng là núi xô nhau đi về thành phố, sức xô đẩy lả lơi với cỏ tranh, sim dại. Núi không cao, không phải là núi, gọi là đồi mới đúng, không cây cỏ chỉ có toàn một thứ sỏi màu nâu lớn bằng ngón chân. Đồi trùng trùng điệp điệp nối dài, nắm tay nhau, dựa vào vai nhau, chuyển động nô đùa trên mặt nước. Vua Gia Long chọn Huế là phải, sông có, núi có, rừng thưa, rừng mới lớn chạy bước nhỏ dưới chân đồi như bầu bạn. Và đằng xa kia, xa ở chân trời là biển... Đủ hết, cả bốn mùa thời gian, cả vóc dáng thế giới hợp vào đây, không lớn, không vĩ đại, không ồn ào, nhỏ và xinh như non bộ, giả sơn, như cảnh mơ của em bé.

Dừng xe trên đồi, tắt máy, tắt đèn, đốt điếu thuốc nhìn xuống con sông Hương, thả khói bay vào núi, bay xuống lòng sông, sương lạnh, mưa sa hạt nhỏ... Có ai hỏi gì về tôi bây giờ, chỉ xin im lặng như một thở than trầm mặc... Vì tiếng hò đã cất lên... Tiếng hò xua nhau như tiếng sóng nhỏ vướng phải bụi bờ chìm xuống nghe quá thê thảm, quá buồn rầu. "À... ơ... Ai về Đại Lược". Chữ "lược" xuống thật thấp như cố nuốt tủi hờn, chặn dòng nước mắt, che giấu cô đơn. À... ơ... không thêm một chữ nào có ý nghĩa, chữ "ơ" được đưa lên cao cao từ từ rồi mất vào với gió với trăng, làm rợn những gai ốc trên da thịt. Hò như thế mới gọi là hò, nam ai như thế mới có thể diễn tả hết cái buồn rầu chất chứa của cả một đời người đã phổ vào những tiếng à tiếng ơ vô nghĩa. Một phút, hai phút trôi qua, thuyền đã đi được một khoảng sông, câu hò mới có được bốn chữ à ơ ngân dài trên nước, oan uổng thê lương dật dờ như thây ma. Tôi nghe bằng tai nhưng hồn tôi ai đem treo trên đầu ngọn gió, ai đem ướp dưới đáy sông... Tôi muốn khóc? Tôi muốn rưng rưng nước mắt? Sao có cảnh trầm mặc, sao tiếng hò thê lương, buồn đến độ này... - Cái cảm hứng dân tộc đã mất mát những gì? còn lại những gì? hay đổ vỡ hoài hoài, tận cùng không bao giờ sống lại...

*

Tôi ở Huế một tuần, bún nước, bún khô, bánh khoái, nem chua, tôi ăn thật nhiều, thật ngon. Tôi vốn không thích ăn ngon, không coi trọng chuyện ăn uống. Lính tráng kham khổ quen cơm hẩm, dăm miếng mỡ, vài cọng rau, một bi-đông nước lã là xong một bữa ăn. Về Sài Gòn gặp gì ăn đó cho lạ miệng, cho vui, chớ không ham. Nhưng ở Huế ăn phải thích, ăn nữa không thấy chán, ăn bao nhiêu bún cũng không vừa. Phải tới quán cho kịp giờ, trễ là hết, quá năm giờ là tiệm bún ở đường ngang với đường Gia Hội nhất định hết. Người Huế lạ lùng như vậy không thay đổi, không bị lôi cuốn. Mười năm trước vẫn một nồi bún, bây giờ cũng vậy, khách đông, khách chờ, khách đòi hỏi. Mặc! Hết là hết không nấu thêm, ngày ế khách, ngày mưa ngày gió, không bớt. Vì khách là khách quen xóm bên kia đường, đằng cuối phố, nhà nào, mấy người, ý thích của mỗi ai người bán đều biết rõ. Bán như thể trò chơi, đồ ăn như một tác phẩm, nhiều quá sẽ thành thừa mứa, tầm thường. Giữa khách và chủ là bạn thân, họ hàng. Người Huế sống với nhau thật khít khao. Nhà anh ấy bác ấy có con thi đỗ cúng mừng kỵ đám, cả xóm xúm vào giúp nhau. Nhưng chính ở đây cũng là nơi xuất phát cực đoan lộ liễu. Thầy ở trên chùa nhất định là đại từ đại bi, dù vào đến Sài Gòn, nghe ai nói xấu đến thầy là lồng lộn, tức tối, nhất định thầy không xấu như người ta nói!!! (...)

*

(...) Lần đầu tiên trong cuộc đời lính chiến, tôi đánh nhau trong thành phố và hủy diệt thành phố. Huế, Huế của tôi vừa tìm được, Huế của mảnh linh hồn Việt nam đang cố duy trì để trường cửu, đang sụp đổ, đang cháy đỏ tươi. Trước mắt tôi, tường vôi, mái ngói bị ném lên tung tóe. Lửa cháy thành những ngọn lửa yêu ma kinh dị. Lửa củi, lửa than nghe ấm, nghe vỗ về. Lửa nhà cháy có tiếng kêu như than, như khóc, như tức tưởi, như hú lên vì sợ. Lửa nhà cháy ở thành phố là lửa tai ương, lửa bất hạnh, lửa có mùi... Mùi người chết, mùi của xương, của da, của thịt bị nung nóng thành than, thành một vật chất quái dị, khô đặc, nứt nẻ, nhưng đụng vào thấy ươn ướt nhầy nhầy... Huế trước mặt tôi sụp đổ từng miếng một, nghe đau xót như tình nhân bị cưỡng hiếp. Tôi đã từng chứng kiến nhiều đám cháy ở Kiến Hòa. Tiêu điều! Đúng như vậy, thật là tai hại tan nát, nhưng không thấy buồn như chảy máu buồn như muốn khóc. Ở Kiến Hòa thì thấy tiếc, phải, chỉ là tiếc. Nhưng ở Huế cháy, gạch Bát Tràng, ngói âm dương, tượng Di Lặc, tượng Thích Ca, Kim Cang, Thiện Ác, lớp rêu trên viên đá, trường thành cây kiểng trồng từ đời Gia Long, Khải Định... Tất cả chúng nó đều có linh hồn, không phải là đất là đá, là cây thuần túy, chúng có kỷ niệm, trong lòng chúng là vết tích hoài hoài mà chúng ta nhớ. Đó là Phú Văn lâu nơi xướng danh những người thi đỗ, này cung của vua, lầu hoàng hậu, con đường đi có mái để đưa hậu về cung son. Con người đã đi qua, nhưng dấu vết của lịch sử còn đó. Tôi người mới lớn trên quê hương, thấy lạc loài, bây giờ vừa tìm được để tay bắt mặt mừng, thì Huế đã cháy đã đổ. Tôi thấy tiếc, tiếc ngẩn ngơ, như thuở bé có đồ chơi, rồi phải tự tay đập phá. Chiếc cổng thành xây bằng đá tảng đi qua mát lạnh đến mênh mông, bây giờ đổ xuống thiếu não như một thi thể già nua. Phi cơ xuống ầm ầm, tiếng nổ, đám khói mịt mù... Huế rên từng tiếng não nùng, tiếng rên la gào thét của những mái cung điện, của những hàng cửa sổ trên ngọn lầu Ngọ môn. Vong linh tiền nhân còn có nơi đây? Không còn ai! Chỉ còn bức tượng đá đăm chiêu nhìn ra một sân chầu bị trốc ngược...

Trong lửa cháy người Huế dẫn nhau chạy trốn, cha cõng con, chồng cõng vợ, con cõng cha mẹ già. Tất cả những bình yên đẹp đẽ, đài các của ngày xuân tan thật nhanh trong lửa đạn... Đào thêm một nhát cuốc nữa cho đủ sâu, cô gái tóc xanh hôm qua nay đầy bụi bám, vành khăn tang quấn vội trên đầu, tay nắm chặt lấy cán cuốc, cuốc những nhát cuốc đầu tiên trong đời để làm huyệt cho người thân. Người chết ở đâu nhiều quá, xác chết của lính hay Việt cộng, chôn ở lề đường, sân chùa, sân trường, chôn ở đâu có đất. Thôi người chết hãy ngủ yên (...)

Tháng 2 – 1968 - Huế Mậu Thân

Hãy biểu dương cùng tận

Biểu dương, hãy biểu dương cùng tận
Vinh hiển lầm than một kiếp người.
(Tô Thùy Yên)

Dẫn Nhập.
7 Tháng 9, 1981 nơi Trại 5 Lam Sơn, Thanh Hóa, Việt Nam.

Cửa thứ nhất khu kỹ luật mở ra.. Anh ngó trân trân lên khối sắt sơn xanh không cảm giác, vô hồn bước vào khoảng sân vắng tanh, lau sậy khô teo, vàng úa, xao xác hỗn loạn. Viên cán bộ kỹ luật và gã tù hình sự phải vạch lối đi qua để dẫn anh tới trước tấm cửa bên ngoài dãy buồng giam. Thanh sắt chắn ngang khung cửa gỗ thứ hai được kéo ra, rút bỏ xuống.. Ầm rền rĩ siết lê gay gắt, gào chìm rờn rợn. Đi tiếp vào căn phòng tối lạnh, chiếc bàn gỗ xiêu vẹo dựa vách tường trên có chiếc chén nhựa bẩn, cơm, khoai, sắn đọng khô nâu quanh vành chén (có lẻ từ lâu không được dùng đến), anh nhìn quanh, dãy buồng kỹ luật tối im chập choạng, kín như khối nhà mồ chất chứa xương cốt của những người chết để lâu không chôn cất. Tử khí ẩm ẩm tanh tanh. Cuối cùng, anh bước vào căn buồng hẹp sau cánh cửa thứ ba (đúng nghĩa chỉ là chiếc hộp dựng đứng), đặt chân vào khoen cùm hình chữ U. Bên ngoài, tiếng động ổ khóa khóa lục cục, xong thanh sắt giữ chân cùm chuyển động, day day chạy ngang cổ chân anh. Căn phòng hoàn toàn chìm đẫm vũng tối sau loạt động âm do những tấm cửa đóng lại. Không biết bây giờ là mấy giờ?Hôm nay thứ mấy?! Anh quên ngay ý nhiệm thời gian, ngày, tháng vừa tách rời. Nơi nầy năm trước, 1979 anh đã một lần vào, và khoảng một năm sau anh được cho ra, trở về trại chung với đồng ngũ. Nhưng lúc ấy thân thể anh bền bỉ, rắn chắc; trí tuệ mạnh mẽ cương nghị.. và nhất là chung quanh, bên ngoài, ở cạnh những bức tường phòng giam nầy còn có một tập thể bạn tù Miền Nam - Những người bạn anh mà có thể phân biệt cụ thể, chính xác từng âm nói của mỗi người.. Cách phát âm của Phan Văn Giỏi (với âm sắc Quảng Nam được nhấn mạnh) đang múc nước ở khu nhà bếp (sát tường buồng kiên giam).. nhớ nghe không..Nhớ uống cà phê.. nghe Phượng (“Cà-phê phượng”- biệt danh các bạn đặt cho, do anh uống cà phê pha chế bằng những hạt phượng rang cháy). Trước kia, năm ngàn người của lần chuyển trại đến đây (tháng Tám, năm 1978) đã chiếm dụng toàn thể bốn dãy nhà giam chính của khu giam giữ; nay chỉ còn hai-mươi-hai người ở gọn đúng vào một chiếc buồng (của dãy nhà cuối cùng) luôn khóa kín sau giờ lao động. Đúng hai mươi-hai người. Anh là người cuối cùng của nhóm người khốn khổ còn lại nơi Miền Bắc nầy. Chung quanh anh nay không còn ai. Chung quanh anh nay không có người. Có ai chia sẻ với mình đây?! Anh cố gắng nghĩ đến điều xót xa nầy nhưng không nổi. Hình như ý nghĩ cũng gây đau. Anh sờ tay lên bức tường.. Động tác vô nghĩa nhưng để chứng tỏ mình đang còn sống, biết suy tính. Là con người biết xê dịch bàn tay.. Có ai chia sẻ với mình không? Ý nghĩ được kết thúc như thể hoàn thành xong lần cố gắng.
.. Ta ngồi dậy
và như một thói tật,
Gõ gõ hỏi han
Hai bên tường tả hữu.
Có ai không?
Không có ai sao?
Ta khắc khoải chờ nghe
Những tiếng động của người
Tiếng động nào bất kể
..
Ta phải cố quên quên bằng mọi cách

Nỗi điêu đứng sống còn
Trong hằng hằng tĩnh chết..
(Thức giấc trong biệt giam, Thơ Tuyển- Hoa Kỳ, Thu 1996; trg168)
Năm 1992, nơi khu vườn của Như Phong ở Nhị Bình, Hốc Môn, Gia Định, trước ngày ra khỏi nước, anh nói cùng Tô Thùy Yên: Cám ơn Bạn đã viết những giòng Thơ chính xác, với ý nghĩa Thơ là Sức Nâng Đở. Anh nói không quá lời, e rằng bày tỏ chưa đủ ý, chưa diễn tả được hết lòng tin cậy đối với Thơ. Đối với Bạn. Lời kẻ chết là lời thiêng. Lời kẻ kinh qua cơn khốn cùng là lời thật. Người Viết Thơ Tô Thùy Yên là người làm chứng thuần thành nhất – Làm chứng về Sự Khổ – Cảnh Chết.

*** * ***

Phần Một-Thơ là cớ chứng thật nhất
16 tháng Ba, năm 1996 nơi phi cảng New York, Nước Mỹ.

Anh đến đây từ Houston (Texas), trên đường đi lên một nơi thuộc vùng bắc lục địa Bắc Mỹ. Một nơi nào đó. Anh không cố ý tìm hiểu chốn ấy ở đâu, như thế nào, dẫu đã là người chuyên nghiệp xử dụng bản đồ, tìm hiểu địa hình trong nhiệm vụ quân sự ở những năm tháng cách đây không mấy xa. Người bạn dặn, cứ theo chỉ dẫn trong vé máy bay mà đi.. Sẽ đến nơi đây, tiếp tới nơi kia. Trời đang mùa xuân nhưng ẩm ướt, giá rét. Tuyết đóng dày đẩy ùn ra hai bên hệ thống những đường băng phụ thành đống khối lớn. Anh ngó mông ra phi đạo mù mù. Anh nhìn quanh quẩn khối người đông đảo di chuyển, thúc hối, nhưng rì rầm yên nặng.. À đây là New York, chỗ nầy có bức tượng Nữ Thần Tự Do. Tượng đó ở đâu? (Anh đảo mắt qua lại như thể đang cố ý tìm kiếm một điều gì đã rành rẽ, một người thân quen).. Chắc đâu đó ngoài khu bến tàu, tượng ấy đâu ở phi trường. (Anh cười thành tiếng chứng tỏ đã hiểu biết về một nơi chốn, một tình thế). Tượng nhìn ra cửa biển vào New York mà, thành phố nầy to nhất nước Mỹ đấy. To nhất thế giới nữa..” Anh tự hỏi, xong trả lời, buộc trí não phải bận rộn; cũng như để chứng tỏ không bị khuất lấp bởi hoạt động lôi cuốn ầm ầm chuyển dịch đang vây bọc. Không ai biết mình là ai cả? Và mình đi đâu đây? Cuối cùng, anh mở Tập Thơ Tuyển, viết lên phần trống những tờ giấy sau trang bìa.
Tôi đọc Thơ ông,
Tận trống trải..
Trống vơ, trống vốc.
Khi đến New York vừa rời Houston.
...
Phi trường xuống,
Không một ai.
Thật.
Không một ai.
Chỉ Tập Thơ ấm sâu trong ngực.
Và anh sống lại. Sống đầy đủ. Sống cùng tận nỗi bàng hoàng xa xót khi đọc qua những chữ nghĩa bình thản đến lạ lùng - Những chữ nghĩa nói về một cuộc sống-chết mà bản thân anh (cũ#ng của nhiều người) hằng mang nặng, nhưng không khả năng xóa mờ, vất bỏ. Mà vất bỏ nơi đâu? Xóa bỏ xong thì trí nhớ anh còn những gì?
Quán chật xanh lên rừng lính ướt
Mặt bơ phờ dính gió bao la
Khí ẩm mù bay, mùi thuốc khét
Chuyện tình cờ nhúm ấm cây mưa
....
Tiếp tế khó – đôi lần phải lục
Trên người bạn gục đạn mươi viên
Di tản khó – sâu dòi lúc nhúc

Trong vết thương người bạn nín rên.
(Qua Sông; sđd, trg25)
Vào buổi chiều mù tối nơi chốn xa lạ hôm nay, qua những giòng thơ, cảnh sống tàn nhẫn tội nghiệp một cách bình thường trong chiến tranh kia thoắt trở lại tận đầy đủ.. Và anh nghe ra tiếng cười, giọng nói của những người lính; âm âm báng súng, giây đeo đạn, nón sắt.. va chạm lục cục trên mặt đất, nơi thành bàn, dưới chiếc ghế gỗ của một chòi quán ẩm ướt nào đó ở Long Sơn, Long Định vùng quê Long An ngày mới ra đơn vị, 1963; hoặc nơi Bồng Sơn, Lại Giang, Bình Định cuối năm sáu-mươi sáu, sau kỳ sinh nhật hai mươi-ba tuổi. Có thể anh không nhớ đủ hết tên họ, nét mặt những người đã cùng sống, kẻ đã chết thuộc những đơn vị nhảy dù mà anh hằng dự phần, có mặt. Nhưng lạ thay, anh nhớ chính xác mỗi chi tiết nhỏ nhặt của tiếng động, mùi nước bùn ẩm ướt thấm qua lớp áo trận, từng khuôn mặt của những người lính (quen và lạ) dồn chật trong chiếc quán nhỏ, lần dừng quân ngày mưa năm xưa. Và anh nghe lại giọng chậm, đục của hạ sĩ Ty vác súng trung liên khi mở lời xin anh điếu thuốc giải khuây cùng sắc mắt vô hồn, buồn phiền của những người lính địa phương quân đồn Long Sơn khi họ thoáng nghe, nhìn lướt qua trao đổi thân mật, gần gũi của thầy trò anh.. Sinh hoạt ngắn ngủi, nhỏ nhặt mà họ không thể có do phải ở lại đây giữ trách nhiệm ngặt nghèo giữa vũng tối sũng nước của vùng ruộng đồng hoang vắng, nơi chiếc đồn đang im im bốc khói cháy ngầm khi đơn vị nhảy dù cứu viện rút đi.. Hỏi chủ quán còn chai bia nào không, mời luôn mấy anh nầy. Anh đưa bao thuốc cho Ty, chỉ về phía những người lính địa phương.. Dạ, cám ơn, cám ơn thiếu úy,
Thiệt tình tên bạn ta không nhớ
Nhưng mà trông mặt thấy quen quen
Hề chi, ta uống cho say đã
Nào có ra gì một cái tên.
.....
Người thuở trước tìm vàng khẩn đất
Tiêu xác thân, để lại oan hồn.
Ngày nay ta bạn đến đây nữa,
Đất thì không khẩn, vàng không tìm.
(Anh Hùng Tận; sđd, trg 28)
Tuy nhiên, hoạt cảnh lặng lẽ kể trên dẫu sao cũng là lần " bình an, hạnh phúc", khi chiến tranh chưa nặng độ (đầu thập niên 60), và lần dừng quân còn có một chái quán lợp lá dừa, chai bia, điếu thuốc của vùng thôn quê Miền Nam – vùng đất trù phú với sức sống ứ tràn trong mạch nước dầm dề phù sa. Vì tiếp liền theo sau đó, chiến tranh mở rộng, giăng dầy, chụp xuống chiếc cánh âm u tai họa.. Và Thơ không chỉ là lời miêu tả cảnh Khổ, nhưng chạm đến mối Đau khi con người bị ném vào lần tận tàn sát, thực hiện cuộc tận diệt.
Ta ngó thấy ghe thuyền quần tụ
Từng đoàn như trẻ nhỏ ghê ma
.....
Ta ngó thấy nhà cửa trốc nốc
Từng ngôi như mặt đất đang gào..
Nhưng cũng không chỉ là cảnh sắc thiên nhiên, nhà cửa tang hoang, tiêu hủy mà đã đến lúc, đôi tượng hứng chịu tai ương - Con người trong chiến tranh - Người lính của hai bên lâm chiến, kẻ thụ nạn của một cuộc tương tranh tàn tệ, phải đối diện (thực sự đối diện) câu hỏi sững sờ vì mức độ phi lý, phi nghĩa, tận vô ích, và cực độ phí phạm của nhiệm vụ họ phải nhận lãnh..
Vì sao ngươi tới đây?
Hỡi gã cộng quân sốt rét, đói
..
Vì sao ta tới đây?
Lòng xót xa thân xác mõi mòn.

Câu trả lời không có. Nếu có chăng cũng chỉ tăng thêm cường độ cay đắng của một vấn đề đã hư hoại, độc địa từ khởi đầu.

Ví dầu ngươi bắn rụng ta
Như tiếng thét
Xé hư không bặt im
Chuyện cũng thành vô ích.
Ví dầu ngươi gục
Nào có chi đáng kể.

Bi thảm hơn hẳn những nhân vật trong kịch và tiểu thuyết "phi lý" của Samuel Beckett – Trong đó, con người còn khả năng luận lý (cho dù luận về một điều "phi lý"); hoặc còn có điều chờ đợi (dẫu là một điều không tưởng).. Đấy, đời sống cứ qua đi.. Cũng vậy, chẳng có quan hệ gì nếu tôi đã sinh ra đời hay không, tôi đã chết đi hay đang lâm tử.. (Malone meurt; Minuit, Paris, Fr. 1952); hoặc trong kịch En attendant Godot; Minuit, Paris, Fr. 1953, hai nhân vật Estragon và Gladimir, sau một loạt đối thoại không mạch lạc, rối mù về những bàn tay, bàn chân, cái bàn, chiếc ghế.. xoay qua đối tượng gọi là Godot – Bất ngờ xuất hiện như một đồ vật cốt làm đầy cho câu chuyện vô nghĩa, của lần chờ đợi (không biết đợi cái gì).. Bởi: Godot khi là một nguồn động lực bắt con người phải chờ đợi, phải nói đến..Nhưng cũng chính là con người với sự chờ mong (vô vọng, vô nghĩa) của chính họ. Godot chỉ là điều tưởng tượng. Ở Việt Nam, trong chiến tranh, qua Thơ Tô Thùy Yên, diễn tiến sống-chết cụ thể với chính thịt xương con người, qua từng giờ khắc chịu đựng, bày ra như một điều hài hước. Bi kịch và hài tính đã nhập lại thành một khi cùng đối diện với sự chết. Kết thúc bởi sự chết.

Ta phá lên cười, ta phá lên cười
Khi tưởng tượng ngươi cùng ta gặp gỡ
Ở cõi âm nào người vốn không tin,
Hỏi nhau chơi thỏa chút tính bông đùa:
Ngươi cùng ta ai thật sự hy sinh
Cho Tổ Quốc Việt Nam- một tổ quốc..?
Các việc ngươi làm,
Ngươi tưởng chừng ghê gớm lắm
Các việc ta làm
Ta xét thấy chẳng ra chi
Nên người hăng điên, còn ta ảm đạm
Khi cùng làm những việc như nhau.
Và kết luận cuối cùng không thểâ khác,
..Nghĩ cho cùng, nghĩ cho cùng
Ví dầu các việc ngươi làm, các việc ta làm
Có cùng gom góp lại,
Mặt đất nầy đổi khác được bao nhiêu?
Người há chẳng thấy sao
Phá Tam giang, phá Tam Giang ngày nầy đâu đã cạn?

(Chiều trên Phá Tam Giang; sđd, trg 74)

Cuộc máu lửa, súng đạn chấm dứt với ngày 30 tháng Tư, 1975, Thi Sĩ kẻ thụ nạn khốc liệt nhất trong mọi tầng lớp xã hội Miền Nam-cùng một lúc thực hiện hai chức năng, nạn nhân lẫn chứng nhân của lần xĩ nhục, đọa đày Con Người – Sinh vật nhận biết đau trong trái tim, trên xác thân.

Thức dậy, những ai còn sống đó,
Nhìn ra nhớ lấy phút giây này.
Tàu đi như một cơn giông lửa
Cuồn cuộn sao từ ống khói bay
.....
Toa nêm lúc nhúc hồn oan khốc,
Đèn bão mờ soi chẳng thấy ai.

Ta gọi rụng rời ta thất lạc.
Ta còn chẳng đủ nửa ta đây.
.....
Dường như ta chợt khóc đau đớn.
Lệ nóng cường toan cháy ruột gan
Lệ chảy không ra ngoài khóe mắt.
Nghẹn ngào đến cả tiếng than van.
(Tàu Đêm; sđd 117)

Người phải sống và Thơ phải viết bởi lần đau không chỉ riêng đối với một cá nhân, nhiều giới người, hoặc giai cấp cầm quyền chính trị, hay một tầng lớp xã hội.. mà toàn bộ lịch sử – đời sống bị xáo tung, ngụy trá, mạo danh, miệt thị và hủy hoại. Không chỉ nơi Miền Nam, không riêng của Việt Nam, mà chung cho cả địa cầu, lần con người tận diệt.

Mà thôi hãy nuốt lệ còn nghẹn
Tỉnh thức, lòng ơi nhìn tận tường
Thời đại đang đi từng mảng lớn
Rào rào những cụm khói miên man
.....
Người bạn đường kia chắc vẫn thức
Mong tàu đi đến chỗ đêm tan
Có nghe lịch sử mài thê thiết
Cho sáng lên đời những rỉ han
Tàu ơi, hãy kéo còi liên tục
Cho tiếng rền vang dậy địa cầu
Lay động những tầng mê sảng tối
Loài người, hãy thức, thức cùng nhau.
(Tàu Đêm; sđd 117)

Thi Sĩ phải sống để đi cho hết cuộc hành trình tưởng như không hề có thật- Hành trình băng qua thống khổ máu lệ cường toan - Khóc không nỗi, nói không nên lời, chỉ biết cúi đầu im lặng trước bi thương chập chùng oan nghiệp mà phận người phải gánh nặng từ một thuở bắt đầu vòng sinh-diệt.. Cũng để tận thấm hiểu nghĩa xa xót mong manh từ hạt sương, tiếng dế, giếng nước, sợi tơ trời nơi bản quán đã thật sự nhạt nhòa, hư vỡ.

Ta về cúi mái đầu sương điểm
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời
.....
Ta về như hạt sương trên cỏ
Kết tụ sầu nhân thế chuyển đời
Bé bỏng cũng thì sinh, dị, diệt.
Tội tình chi lắm nữa, người ơi!
(Ta Về; sđd 126)

Người ơi! Người nào? Không người nào cả. Chỉ riêng ta với tiếng gọi xé lòng.. Tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ- Thanh Tâm Tuyền. Hãy gọi lên một lần. Cho gọi thêm đến nhiều lần.. Gọi đến lay động chiếc bóng của chính ta ngã dài trên dặm trường thăm thẳm cô quạnh. Hãy gọi lên. Kêu lên.. Không còn ai.

*** * ***

Phần Hai – Thi Sĩ luôn hiện sống - Sống ròng

Gần mười năm sau Thơ Tuyển (1995), Thắp Tạ (2004) đã là một lần vượt thoát toàn diện, và Thi Sĩ thật sự Sống Ròng-Với Thơ.

Nếu những năm tháng trước đây trong chiến tranh, tiếp tù ngục và cảnh khổ Việt Nam (sau

1975) đã hé mở ra những vấn nạn không thể nào trốn thoát.. Gõ lấy đầu mình như gõ cửa. Liên hồi kêu cứu giữa đêm khuya.. (Mùa Hạn; Thơ Tuyển, trg 103); hoặc phải chứng kiến những kinh hoàng không thể quên.. Trăm họ lần lượt bỏ xứ trốn. Biển thì hung hãn, thuyền mong manh. Ta nghe kể lại xác lên bãi. Nằm dài dài như lúc chiến tranh. (Nỗi Đợi; TT, trg 163). Nhưng dẫu gì tại lúc nguy nan kia con người cũng còn đôi chút hy vọng - cách hy vọng bền bỉ của người không chịu khuất phục (bởi khuất phục có nghĩa tiêu vong) - nên người lại kiên nhẫn lên đường, vẫn luôn trên đường đi, dẫu đường vô hạn lẻ loi.. Con đường vô định chưa ai tới. Hay tới nơi, thôi chẳng trở về. Hỡi gã du hành, hãy nói lại. Những điều người thoáng thấy như mê. (Và Rồi Tất Cả Sẽ Nguôi Ngoai; TT, trg 53). Nhưng hôm nay, cuối thế kỷ bão táp, sang đầu thời đại mạt pháp, Con Người tự tìm ra và phải tìm ra với sáng suốt, tận bình yên, bởi người hiểu nên rằng, sẽ không đi tới đâu cuối cuộc hành trình miên viễn khó nhọc suốt một cuộc đời. Không xa, không gần, không non cao, không biển rộng, không biên giới và cũng "không còn biên giới".

Đi như đi lạc trong rời đất,
Thủy tận sơn cùng, xí xóa ta.
Cõi chiều, đứng lại, khóc như liễu:
Có thật là ta đã đi xa?
(Đi Xa; Thắp Tạ - Hoa Kỳ, 2004, trg 10).

Điều chứng ngộ nầy không đâu xa..
Chỉ là một bước, bước trờ..
Hỏi chưa ra, đã trăm năm sững sờ
(BiệtTăm; sđd, trg 11).

Phải, chỉ một bước thôi, bước ngắn ngủi, chóng vánh, cô đọng như một công án thiền đạo –Thi Sĩ thấy ra (thấy chính xác, cụ thể) kích thước tận cùng trong phần, đoạn hữu hạn.

Tưởng thôi, nháng tưởng thôi.
Trí năng nào chạy kịp
(Sát Na; sđd, trg 11).

Công phá tuyệt luân nầy phải do mỗi cá nhân tự chứng – Đây là Sự Thường nhưng không hề tầm thường - Chỉ được xác lập bởi những trí tuệ thật sự khắc khoải mới hiểu nên điều nguyên lý: Sự thất vọng về hữu hạn là do thiếu đi tính vô hạn (Soren Kierkegaard); hoặc chỉ từ khổ đau vô lượng của kiếp người - Bất cứ người nào khi gặp những cảnh ngộ.. Buồn trông nội cỏ dàu dàu, chân mây mặt đất một màu xanh xanh; hay khi đối diện, Bốn phương mây trắng một màu, trông vời cố quốc biết đâu là nhà – Mà thiển nghĩ (chắc nghĩ không sai), đây không là tình cảnh của một cô gái tên gọi Vương Thúy Kiều, nhưng thật phải là của người đã viết nên những giòng chữ xót xa nầy - Tâm cảnh thắt thỏm của Nguyễn Du lúc ở Huế nhìn về phương Bắc với lòng quặn đau: Bắc thành thập khẩu khẩn đề cơ – Mười miệng người kêu đói ấy không ai xa lạ, chính là vợ, đúng là con. Là đứa con mà Đỗ Phủ đã phải ôm chặt vào người, bịt miệng lại do trẻ quá đói cứ nhè ông mà cắn, và để đứa bé bớt la khóc (sợ hùm, sói nghe được) trên đường chạy loạn ngã Bành Nha: Si nữ cơ giảo ngã. Đề úy hổ lang văn. Hoài trung yểm kỳ khẩu.. Kinh qua những giờ khắc thương tâm đáng sợ nầy (không phải chỉ trong một khoảng thời hạn tại một hoàn cảnh nhất định), con người phải tự cứu.. Và không còn con đường nào khác ngoài thái độ bình thản vô vàn cao thượng trong tất cả mọi tình huống, cho dẫu gặp phải kết thúc đậm dấu bi ai nơi một chốn mịt mùng không định hướng.

Mai có ai về ngang quãng sông nầy
Xin ném cho hòn đất hỏi thăm.
.....
Những nấm mộ đá chồng rỗng kiệt
Hình hài người chết đã tiêu tan.
Nhưng chắc đâu hồn mộng chẳng còn chạy giỡn bạt ngàn
Cho tàn hã cuộc mê man cùng Vô Biên độc nghiệt.
(Viễn Tây; sđd, trg 45).

Thế nên, không cần đến giải oan nơi sông Tiền Đường, cũng chẳng nên khóc than người nằm dưới nấm mộ dàu dàu ngọn cỏ bên đường, cuộc nhân sinh ai cũng thế mà thôi, mỗi người một cảnh, vô vọng , đơn lẻ như gió thổi qua cõi ngoài.

Một mai, ngoài cõi gió hao đuối
Ai hỏi ai về ai trước kia?
(Chim Kêu Bãi Quạnh; sđd, trg 32)

Ai hỏi ai? Và hỏi về ai? Không phải là cách chơi chữ nghĩa nhưng quả thật Người Viết Thơ đã nắm bắt được tiêu điểm tận cùng của biên giới tâm cảnh mà con người luôn gọi tên bằng những tính tự "tuyệt vọng, đau thương". Và tuy biết bên ngoài vùng mông mênh "ngoài cõi gió" kia không còn nữa những "đơn vị gọi là ai", nhưng Thi Sĩ không hề tuyệt vọng (như khi Tây Phương kiêu ngạo đối diện với Hư Vô; kẻ chinh phục thấy ra điều suy hoại, sụp đỗ đế quốc xây dựng bởi thành quả bạo tàn) - Vẫn vững tin và bình thản cậy trông.

Khắc khoải chim kêu mùa hóa giải
Hành nhân về bên giếng quê nhà
Ngõ trúc chiều ngát hoa gạo mới
Ngọn đèn thắp đợi đã rền hoa
.....
Chiêm bao, âu cũng chiêm bao cả
Mưa lớn chừng như rợp hải hà.
(Chim Kêu Bãi Quạnh; sđd, trg 33)

Đau thương thay và đáng được kính trọng thay, qua suốt cuộc biển dâu ba mươi năm với những cảnh huống trầm luân, khi hái rau nơi vực suối triền núi sâu đất Bắc.

Làm người, đã phải làm sao?
Thêm bề rau thấp, cỏ cao, tội người.
.....
Giá cho ta hỏi một lời
Rau nầy trăm họ mấy người đã ăn?
(Hái Rau; sđd, 37-38)

và khi thảng thốt về Nam chứng kiến cảnh xé lòng.

Làng đã cháy, im lìm bất trắc..
Người nhớ người mà cũng sợ người.
Trời ơi, những xác thây la liệt,
Con ai, chồng ai, anh em ai?
(Nhớ có lần, trên bến bắc khuya.; sđd, 70)

Nhưng Con Người đi hết chặng đường bão táp ấy vẫn sắc son bền bỉ vẫn tận sống từng khắc giây sung mãn với lòng yêu thương con người, hoa cỏ, lá cây, lát gừng cay, hạt muối mặn lấy ra từ Đất. Người còn, trời đất còn chan chứa.. Muối mặn, gừng cay trắng tóc xanh.. cho dẫu đã hơn một lần (rất nhiều lần) hiểu rõ nghĩa "được-mất; có-không"sau những lần bị tước đoạt trần trụi như tình cảnh của Job trong Cựu Ước; bị lấy đi cả tiếng sáo hót thắm thiết trong buổi ngày thơ.. Tình cảnh của miền Nam, của cả nước bị bóc vỡ đến những nguồn vui trong sáng nhỏ bé sau 1975.

Con sáo trong lòng con đã chết
Bé ơi, sao bé còn đi tìm?
Còn kêu lạc giọng sáo ơi sáo.
(Con Sáo; sđd, trg 29)

Chẳng phải đợi đến khi có lời nguyền rũa từ Tây Phương về lần bức tử Thượng Đế, những dân tộc Đông Phương (điển hình cảnh huống người Việt, các dân tộc trên Bán Đảo Đông Dương suốt bao thế kỷ lầm than do những cuộc phân tranh khởi từ đời Lê Mạt, thế kỷ 16, 17 kéo dài đến cuối thế kỷ 20) đã hằng thấm cơn đau về một, "Lão tạo hóa đành hanh qua ngán. Giết đuối người trên cạn mà chơi" (Nguyễn Gia Thiều- Cung Oán Ngâm Khúc) – Giết vì một đố kỵ khắc nghiệt, "Trời xanh quen thoái má hồng đánh ghen" (Nguyễn Du- Kiều) – Giết như một trò chơi.

Nhưng những con người thuần phác bền bĩ chịu đựng kia vẫn hằng nuôi dưỡng đức tin nhu thuận: “Trời luôn đến cùng người khốn cùng, kẻ khờ dại, và những trẻ thơ” Nên dẫu, Tạo hóa tham công hay lỗi lầm? Hoặc giả, Vũ trụ tạo hủy dở dang mãi, Con Người qua tuyên ngôn của Thi Sĩ vẫn nhận ra điều kỳ diệu:
Mới hay sống chết dễ mà khó,
Mệnh nghiệp không là chuyện dững dưng.
(Hành Giả Âu Sầu; sđd, trg 109)
Có Dân Tộc nào bản lãnh đến ngần ấy? Có Con Người nào mạnh mẽ đến nhường kia? Quả thật, chỉ riêng Thi Sĩ đã hoàn tất xử dụng chữ, nghĩa thanh khiết tạo nên lời ca ngợi vô vàn:
Thế nhưng ngươi sẽ vẫn yêu đến giọt nước mắt cuối,
.....
Cũng như ngươi sẽ vẫn yêu đến giọt nước mắt cuối.

*** * ***
Kết Từ

Kể từ khi “người vượn- homo erectu” dựng đứng được xương sống và dùng hai tay để viết nên những ký hiệu đầu tiên, đến nay trong những trước tác của tổ chức nhân loại văn minh với Bộ Bách Khoa Toàn Thư (Encyclopedia Britannica) gồm hai mươi-chín cuốn, hoặc Tự Điển Từ Nguyên, Từ Hải đồ sộ của người Trung Hoa.. Tất cả nội dung trình bày trong những ấn phẩm to lớn nầy không gì khác hơn do một NÉT VẠCH ĐƯỢC SẮP XẾP theo một hệ thống từ con người dần xác lập, và đồng thuận xử dụng. Hệ thống nầy do Hai Mươi- Bốn chữ cái La-tinh, hoặc Bảy nét cơ bản của Hán Tự cấu tạo nên thành Chữ Viết tồn tại bền vững qua hàng ngàn năm cho đến nay. Và chắc chắn dẫu tiến đến một tương lai kỹ thuật cao đến bao nhiêu – CHỮ VIẾT-CON NGƯỜI (dưới nhiều dạng tự khác nhau, Phạn Ngữ. Á-Rập Ngữ..) VẪN VĨNH HẰNG TỒN TẠI. Thế nên, chúng tôi vô cùng tin cậy rằng: Trong những ký hiệu Chữ Viết kia ẩn chứa Thần Tính – Siêu Việt Tính nhưng cũng là Nhân Tính.
Chúng ta nhắc nhở với nhau như thế, đồng thời xác lập điều tự hào cảm động: Tiếng Việt qua vận động của Thi Sĩ đã trở nên thành nguồn nội lực đủ sức cất chứa những rung cảm tế vi của tâm hồn, và biểu hiện nên Lời Thơ hùng vĩ.
Chúng ta vẫn sống như rừng cây
Chúng ta vẫn sống như mặt biển
Bởi vì đã đi nên sẽ đến
Người và bóng tối phải chia tay.
Cảm ơn Người Bạn Viết Thơ Đinh Thành Tiên
Thi Sĩ Tô Thùy Yên.

Mùa Lễ Tạ Ơn. Cali, tháng 11, 2004.

Phương Nam, không hề thiếu hào kiệt...

Như trận chiến không hề chấm dứt của ba mươi bảy năm trước, "Người Tù Kiệt Xuất Nguyễn Hữu Luyện (*)"lại thêm một lần xung trận. Nhưng lần nầy là mặt trận im lặng không tiếng súng, không va chạm vũ khí, chỉ do quyết tâm Kẻ Sĩ không khoan nhượng điều mưu toan hiểm độc, sự dối trá bày bức hại, và làm vấy nhục con người. Trận chiến của những con người muốn giữ gìn lương tri, phẩm giá bản thân, của Người Lính QLVNCH, cũng cho cả Miền Nam, và toàn thể Việt Nam khổ nạn. Cao quý và đáng kính phục biết bao, dù đã phải gánh chịu hơn 22 năm tù nơi Miền Bắc, thêm ba năm tù ở Miền Nam, nhưng Anh không hề mệt mõi trong trận chiến không cân sức giữa một Con Người và bên kia là bộ máy bạo lực bức hại toàn Dân Việt, và

hôm nay Anh lại thêm một lần bắt đầu. Thế nên, chúng tôi muốn bày tỏ - Vâng, Chiến Hữu, Chúng Tôi luôn có mặt cùng Anh. Bởi, nếu vắng mặt sẽ là một tội rất lớn - Tội bỏ ngũ khi đồng đội hiến thân.
(*) Tính danh của Ký giả Lô-răng Phan Lạc Phúc viết về Nguyễn Hữu Luyện, người sĩ quan QLVNCH bị chế độ cộng sản Miền Bắc cầm tù lâu nhất: 1965-1987, chưa kể những hai hạn tù do "tội vượt biên" sau khi đã trở về lại Miền Nam.

1- Diễn tiến: Đến Mỹ lúc tuổi 60 sau những năm tháng tù dài bằng 1/4 thế kỷ ở những trại tù "chết người" như Trại Quyết Tiến trên đỉnh núi Tây Côn Lĩnh, "Cổng Trời" ở Hà Giang, biên giới cực bắc Việt Nam, nơi tổng số ngôi mộ nhiều hơn tập thể tù nhân. Nay, Người Lính Nguyễn Hữu Luyện lại thêm một lần xung trận để giữ vững nguyên tắc về "Tính Thiện-Sự Thật" qua vụ án không cân sức giữa cá nhân anh đối chứng với trường đại học bảo thủ, bề thế, mạnh cả tiền, lẫn thế lực - Đại Học Massachuchettes-Boston. Vụ án thành hình và diễn tiến như sau:

Khoảng mùa Thu năm 1998, khi đang theo học chương trình cao học với học trình "Khảo Cứu Độc Lập về đề tài American Studies 696" tại Đại Học Massachusettes-Boston (UMass-Boston), Nguyễn Hữu Luyện được biết về chương trình dự án biên soạn đề tài:"TÁI LẬP TÍNH DANH VÀ VỊ TRÍ TRONG CỘÂNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT LƯU VONG Ở HẢI NGOẠI - (RE)CONSTRUCTION IDENTITY AND PLACE IN THE VIETNAMESE DIASPORA"). Từ phần nghiên cứu đã thực hiện trong khóa học, anh nghĩ mình sẽ được hữu dụng đối với công tác thực hiện dự án. Khi nộp bài nghiên cứu đến Giáo Sư Kiang, giáo sư bảo trợ luận án, ông nầy đã chuyển đến anh một tài liệu về "Học Bổng Nhân Văn của Cơ Sở Rockeffeller tài trợ cho Kế Hoạch Khảo Cứu của Đại Học Mass- Boston" về đề tài kể trên. Sau một thời gian, Giáo Sư Kiang yêu cầu anh giới thiệu vài người có khả năng cáng đáng công việc nghiên cứu, anh trả lời có biết một số người, và họ có thể kêu gọi thêm một số người khác một khi chương trình được phổ biến.

Nguyễn Hữu Luyện thật sự đã xúc động mạnh mẽ khi đọc những chủ đề "Năm Thứ Nhất" của kế hoạch khảo cứu, bởi bản thân anh là nhân chứng sống, đã dự phần suốt giai đoạn trên của lịch sử Việt Nam với hoàn cảnh tù từ Bắc vào Nam (vì thêm "tội vượt biên" sau "tội Lính Biệt Kích"), những khắc nghiệt đọa đày "đi vùng kinh tế mới", thảm kịch vượt biên của chính gia đình anh, cũng như toàn thể Miền Nam sau 30 tháng Tư, năm 1975. Từ những lý do nầy, anh nghĩ rằng, bản thân quả xứng đáng để viết về những chủ đề của chương trình, nên luôn liên lạc cùng với giới truyền thông thuộc Cộng Đồng Người Mỹ gốc Việt vùng Boston để ngóng chờ thông báo về việc tuyển dụng nhân viên nghiên cứu. Nhưng quả tình chỉ là vô vọng. Tất cả hệ thống truyền thông gồm nhật báo, tuần báo, đài phát thanh, đài truyền hình của Người Mỹ gốc Việt vùng Massachusettes hoàn toàn không nhận được bất cứ quảng cáo, tin tức gì về chương trình hoạt động nghiên cứu của Trường Đại Học Mass-Boston.

Ngày 11 Tháng Tư, năm 2000, Ông Lê Anh Tuấn, Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt vùng Massachsettes chuyển đến anh một phong bì, và một thông cáo báo chí, do Trung Tâm William Joiner (một Ban của UMass-Boston) đã gởi tới ông bằng đường bưu điện. Dấu bưu điện đề ngày 4 tháng Giêng, 2000. Thông cáo ấy đề ngày 22 tháng 12, 1999, và ấn định hạn chót để nộp đơn ứng tuyển là 31 tháng giêng, 2000. Nguyễn Hữu Luyện và Cộng Đồng Người Việt vùng Massachusettes quả ở phải vị thế "nước ngập đến cổ" như trong cuộc tranh đua với một tập đoàn đang yên vị nơi an toàn, thuận lợi, trong lúc lũ lụt vùn vụt dâng cao.

Ngày 12 tháng Năm, 2000, Giáo Sư Peter Kiang chuyển đến anh qua đường email Thông Cáo Báo Chí đề ngày 15 tháng Tư, 2000, để thông báo về việc "đã tuyển chọn xong người" nghiên cứu chủ đề "Năm Thứ Nhất" của chương trình. Vài ngày sau, Ông Kiang trao thêm cho anh bản sao của Thông Cáo Báo Chí (kể trên), và cũng đã chuyển đến cho Ông Nguyễn Bình, Phó Chủ

Tịch Cộng Đồng Người Mỹ gốc Việt vùng Masschusettes bản văn tương tự. Nguyễn Hữu Luyện tin rằng, và tin đúng, thông cáo nói trên chỉ được gởi riêng cho anh và Nguyễn Bình mà thôi - nghĩa là tất cả những gì gọi là "vấn đề đã được phổ biến đến báo chí và quần chúng".

Quá đỗi ngạc nhiên và bất bình về vụ tuyển chọn, từ tháng Năm cho đến cuối tháng Mười, năm 2000, Nguyễn Hữu Luyện lắng chờ kết quả vận động của Cộng Đồng Người Mỹ gốc Việt (vùng Massachsettes), cũng như toàn thể người Việt rải rác khắp thế giới nhằm phản đối quyết định của Trung Tâm William Joiner, với hy vọng rằng trung tâm sẽ điều chỉnh việc tuyển chọn sai lầm của họ. Nhưng cuộc phản đối đã bất thành, nên ngày 27 tháng Mười, 2000, Nguyễn Hữu Luyện khởi tố vụ kiện.

Nếu xét về mặt thuần lý và cầu lợi, thì thật sự đây không là một vụ án lớn có hậu quả nghiêm trọng quyết định đến sinh mạng, tài sản vật chất của bất cứ cá nhân, hay số đông tập thể nào. Trường Đại Học Mass-Boston có tuyển dụng Nguyễn Hữu Luyện hay một người nào khác viết về đề tài "Năm Thứ Nhất - Với những kinh nghiệm trực tiếp về chiến tranh thực dân (nhiều cuộc chiến tranh); về trại cải tạo, và cuộc định cư tại những vùng "Kinh Tế Mới", và quá trình vượt biên ra khỏi Việt Nam sau 1975..." Phụ Bản 2, Trang 2, đính kèm Biện Minh Trạng (BMT) của NHL đối chứng với Biện Hộ của ĐH/UMass-Boston", chắc hẳn không là vấn đề, cũng không là vấn đề lớn đối với mỗi người, hay một cộng đồng người Việt nào trong đời sống hiện tại nhiều bận rộn, lo toan trên đất Mỹ nầy. Đối với người Mỹ chính gốc thì câu chuyện lại càng vô nghĩa, hoàn toàn không tác dụng. Nhưng đối với Nguyễn Hữu Luyện (và với chúng tôi sau khi được thông báo, tham dự vào vận động, diễn tiến vụ án) thì đây là VẤN ĐỀ SINH TỬ- BỞI NỖI ĐAU NẦY LÀ NỖI ĐAU CHUNG - Nỗi đau thương của hết tất cả người Việt trong, ngoài nước, dài theo vận mệnh lịch sử dân tộc. Chúng tôi không nói quá lời, bởi đây không phải mối đau riêng rẻ, mau chóng lướt qua của một cá nhân tại một tình huống đặc biệt nào, cũng không phải lần bị bách hại của một tập thể người có chung một số quyền lợi cố kết, liên hệ, cũng không là khổ nạn dài lâu riêng đối với khối người Việt Miền Nam, những công nhân, viên chức, quân nhân thuộc chế độ Việt Nam Cộng Hòa và gia đình họ sau lần sụp đổ 30 tháng Tư năm 1975 - cho dù đây là tổng số lớn lao điển hình nhất. Không phải hoàn toàn như thế. MỐI ĐAU NẦY LÀ CƠN KHỐN NHỤC LÂU DÀI CỦA TOÀN DÂN TỘC VIỆT - KHÔNG LOẠI TRỪ MỘT AI (KỂ CẢ ĐẢNG VIÊN CỘNG SẢN)- KHI LỊCH SỬ BỊ CƯỠNG ĐOẠT, ĐÁNH TRÁO, VÀ VIẾT LẠI THẬM TỆ ĐỂ TIỆN TỪ MƯU ĐỊNH CHÍNH TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN CẦM QUYỀN - ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, BỘ PHẬN CỦA ĐỆ TAM QUỐC TẾ. Công việc đáng bị kết án và cần phải trừ bỏ nầy do đảng cộng sản Việt Nam điều động, thực hiện với những người làm văn hóa của họ. Hai người tên Nguyễn Huệ Chi, Hoàng Ngọc Hiến là hai trong số bốn thành viên được Trung Tâm William Joiner tuyển dụng để viết lại đoạn lịch sử lềnh đầy máu, nước mắt của hằng triệu người Việt lâm nạn, bởi cái chết và chiến tranh không hề phân biệt, buông tha, miễn thứ cho bất cứ thân phận người nào trên quê hương đất Việt. Hai nhân sự nầy là những hạt nhân vô cùng thiết yếu của quá trình tiếâm dụng, vấy nhục lịch sử mà đảng cộng sản Việt Nam đã hằng xử dụng, và xử dụng có hiệu quả từ ngày 3 tháng 2, năm 1930, ngày đảng thành lập, kéo dài cho hết thế kỷ qua, và hiện nay đang tiếp tục.

Nguyễn Hữu Luyện không thể im lặng như Anh đã hằng phẫn nộ, không khuất phục Sự Aùc và Tính Không Thật của chế độ cộng sản suốt trận chiến đấu không khoan nhượng dài theo cuộc đờøi Anh.

2-Người và Việc - Lý của vụ án: Nguyễn Hữu Luyện không hề có thái độ, tinh thần quá khích "chống cộng" khi dựng nên vụ án mà bản thân, gia đình anh là nạn nhân trước tiên chịu sự khốn đốn về vấn đề tài chánh trong cuộc chiến không cân sức. Chúng tôi cũng không cố tâm thực hiện việc làm "bất cận nhân tình" khi nêu lên tính danh về những nhân sự, người tổ chức nên hiện tượng bất công bằng trong phạm vi văn học, và lịch sử - chính trị nầy. Chúng ta cần

nói rõ về người, việc, và phần lý, tình của sự kiện.

Trước tiên, về Trung Tâm William Joiner, đơn vị thụ lãnh, điều động thực hiện chương trình khảo cứu "Tái Lập Tính Danh và Vị Trí Trong Cộng Đồng Người Việt Lưu Vong". Thành lập từ năm 1982 với mục tiêu "Nghiên Cứu Chiến Tranh (VN) và Những Hậu Quả Xã Hội" (gây nên từ (những) cuộc chiến tranh đó). Từ năm 1987, trung tâm đã bảo trợ nhiều cuộc trao đổi sinh hoạt văn hóa, giáo dục với Việt Nam (tất nhiên là Việt Nam cộng sản), điển hình việc mời hai nhà văn "nổi danh" Lê Lựu và Ngụy Ngữ thực hiện cuộc "thăm viếng lịch sử", đánh dấu lần trao đổi văn hóa của hai quốc gia, mà hai người kia là "đại biểu thuần thành" của quân đội hai miền Bắc, Nam Việt Nam. (Lê Lựu là thành viên của Hội Nhà Văn Hà Nội; Ngụy Ngữ vốn là một chuẩn úy đào ngũ thuộc QLVNCH, tác giả vài truyện ngắn được gọi là "văn chương phãn chiến"đăng trên một tạp chí văn học ở Sài Gòn trước 30 tháng Tư, 1975, Phụ Bản 6, Trang 7, đính kèm BMT của NHL). Sau thời gian dài trao đổi văn hóa với Việt Nam (cộng sản), Trung Tâm WJC có được kết luận chung cuộc khái quát về tình hình trong nước, và cộng đồng người Việt hải ngoại như sau: "Hiện thời, giới học giả ở Việt Nam không chú ý gì mấy về cộng đồng Người Việt hải ngoại - họ (giới học giả trong nước) đánh giá thấp tiềm lực kinh teá của tập thể nầy - vì tất cả chỉ nhắm vào ưu tiên tiêu thụ do thành phần ở hải ngoại nầyï đã xuất phát từ một quốc gia đã bị tàn phá tan nát do chiến tranh (chỉ thiếu chữ "Mỹ-Ngụy" là đủ cho cụm từ mà Hà Nội thường dùng để tố cáo nước Mỹ và VNCH - Người viết, PNN), mà nay đang cần tái kiến thiết hạ tầng cơ sở; và cũng do thái độ cố chấp chống đối chính quyền (trong nước) của một vài thành phần người tỵ nạn hiện sống trong cộng đồng lưu vong. Nhưng, điều nầy đang thay đổi". Trung tâm William Joiner tiếp tục có thêm lời đánh giá chẳng mấy tốt đẹp gì hơn: "Cộng đồng (Người Việt) lưu vong là những cá nhân, hay là những nhóm người bị trói buộc bởi lịch sử, họ sống trong "âu lo, thấp thỏm", và hiếm khi có được những niên biểu đầy đủ". Nhận định của Chaliand và Rageau, trích trong "Quan Điểm của Chương Trình Học Bổng Nhân Văn thuộc Cơ Sở Rockfeller năm 1999 - Trang 4, Đoạn thứ Nhất, Phụ Bản số 7, đính kèm BMT của NHL ". Vì Cộng Đồng Người Việt hải ngoại kém cỏi như thế nên chi Trung Tâm JWC và Đại Học Mass-Boston phải cậy đến những "học giả đáng tin cậy và có khả năng" từ trong nước.

Chúng ta bàn tiếp về Nguyễn Huệ Chi và Hoàng Ngọc Hiến, hai người được Trung Tâm JWC tuyển dụng. Đúng ra trung tâm đã tuyển dụng được bốn người, nhưng một trong số bốn người nầy là công dân Mỹ bản xứ, người thứ hai là một nữ giáo sư Mỹ gốc Việt, cô Đàm, Kiều Linh đến Mỹ từ lúc bốn tuổi. Cả hai dẫu hội đủ bằng cấp, học vị theo tuyển lựa nhưng hiển nhiên không thể nào có đủ "kinh nghiệm, hiểu biết về chiến tranh, trại tỵ nạn, trại cải tạo- những đề tài của dự án Năm Thứ Nhất"- Và tất nhiên họ đã "bị hoặc được" loại bỏ theo như "kế hoạch" dự trù của trung tâm. Thế nên, chỉ còn lại Nguyễn Huệ Chi và Hoàng Ngọc Hiến với mặt trận mở rộng thuận tiện quen thuộc. Bởi đây là lần thứ ba Trung Tâm William Joiner phục kích đánh bẩn dứt điểm cộng đồng người Việt. Lần thứ nhất tổ chức cuộc "gặp gỡ lịch sử của hai nhà văn Lê Lựu-Ngụy Ngữ " nói trên, lần thứ nhì xuất bản tuyển tập "Writing Between Lines - Viết Giữa Hai Lằn Đạn", một tuyển tập truyện ngắn được đánh giá "tập trung những cây bút tiêu biểu của hai miền Nam-Bắc, viết "trung trực" về chiến tranh Việt Nam" gồm 12 người viết văn phát xuất từ Hà Nội và mật khu Miền Nam trong tổng số 14 người. Trước khi bàn tiếp vụ việc liên quan đến Nguyễn Huệ Chi, Hoàng Ngọc Hiến, chúng tôi cần phải nói rõ một điều (tưởng là thừa nhưng thật cần thiết đối với tâm lý người đọc hải ngoại): Những điều sắp trình bày sau "hoàn toàn không do cảm tính" của người viết đối với hai nhân sự đang đề cập, đời sống cá nhân họ và chúng tôi tuyệt đối không một liên hệ tâm lý, tình cảm, vật chất nào - Họ chỉ là những "cái cớ", đối tượng của vấn đề chung nên nay phải đề cập đến. Hai người nầy là viên chức văn hóa cao cấp của chính quyền Hà Nội, một người, Nguyễn Huệ Chi, cán bộ chính trị tư tưởng Khoa Giáo Trung Ương giảng dạy tại Trường Đảng Nguyễn Aùi Quốc (trường và báo Nhân Dân là hai cơ quan được xem ngang với cấp Bộ về tổ chức và chức năng; về mặt chính trị quan trọng như một Ban); người thứ hai, Hoàng Ngọc Hiến, giám đốc Trường Dạy Viết Văn Nguyễn Du. Từ

những cán bộ văn hóa nầy, dưới điều khiển trực tiếp của Ban Tư Tưởng thống thuộc Ban Tổ Chức Trung Ương Đảng/Bộ Chính Trị hình thành nên chính sách văn hóa của đảng cộng sản, chỉ đạo chính trị toàn thể 76 triệu người Việt Nam (không loại trừ ba triệu người Việt ở hải ngoại). Họ chỉ đạo tinh thần người Việt theo nguyên tắc "bất khả nghị của lý thuyết cộng sản" (mà cộng sản Việt Nam lại là người học trò thuần thành, tuyệt đối - hơn hẳn kẻ khai sinh, và giảng dạy cho mình-những đảng cộng sản Đức, Nga, Tàu)- Nguyên tắc ấy là: TÍNH ĐẢNG LÀ TÍNH TỐI THƯỢNG. Ta có thể nhắc lại một vài câu khẳng định bất hủ: "Muốn có Phong Trào Cách Mạng- Phải có Lý Thuyết Cách Mạng. Muốn có Lý Thuyết Cách Mạng- Phải có Đảng Cách Mạng". Hoặc: "Đảng là tất cả - PhongTrào Công Nhân (quốc tế) không là gì cả". Những ngôn ngữ nầy phần lớn của Lê-nin, các lãnh tụ cộng sản thế giới biến đổi đi đôi chút, nhưng ở Việt Nam, Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Lê Duẫn... thường lập lại không sai sót; cán bộ cao, trung cấp viết, nói lại đúng từ cách ngắt câu, dấu chấm. Chúng tôi không nói điều hài hước châm biếm. Sau đây là "lập thuyết" của Hoàng Ngọc Hiến về kỹ thuật viết văn,

... Trong tham luận "Viết Như Thế Nào" vừa nêu ra, có hai câu hỏi:

Khi ta viết, thì viết cho Người Đọc nào?
Khi ta viết, thì viết cho Mục Đích gì?
Trên đây là đề cương mà Bác Hồ đã gói trọn trong toàn bộ bài giảng của Bác. Đó là hai câu hỏi bao gồm hết tất cả các vấn đề.
Và HNHiến "giáo dục" tiếp về nghệ thuật viết văn:

... Dựa trên lời dạy của Chủ Tịch Hồ Chí Minh về mục đích của những bài viết, thì mục tiêu của một nghệ sĩ cách mạng (người viết văn) là nhắm vào việc "cải tạo - giáo dục cách mạng xã hội". (Văn Học và Học Văn, Hoàng Ngọc Hiến, NXB Văn Học, Hà Nội 1999.)

Những nội dung như trên không là chữ nghĩa lý thuyết xuông, chúng biến thành nguyên tắc chỉ đạo hành động cho người cầm viết, lẫn người cầm súng (ở Miền Bắc trước 1975, và cả nước sau nầy). Thế nên lệnh đặc trong tất cả mọi văn hoá phẩm gọi là "văn hóa xã hội chủ nghĩa" ở Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ qua đã tràn đầy những chữ nghĩa tàn nhẫn dậy mùi máu.. Miền Nam từ vực thẳm thảm khốc của Mậu Thân, 1968 do "thành quả chiến thắng" của đạo quân xâm lược đi từ Miền Bắc, bôn tậïp từ mật khu về được Tố Hữu mô tả,

Đẹp như Huế đầu xuân dậy đỏ cờ
Miền Nam trong lửa đạn sáng ngời...
Và Chế Lan Viên thêm vào màu đỏ hung hãn kia men say xác chết người Nam lâm tử nạn,
Tao đánh mầy hân hoan như sinh đẻ
Và linh thiêng như xây dựng kỳ đài
Lời kêu gọi máu nầy không phải chỉ có ở thời điểm Mậu Thân 1968, nhưng đã dậy nên từ rất lâu với bài hát dục người vào chỗ chết, dựng sự nghiệp sát nhân - Điển hình với Tiến Quân Ca của Văn Cao,
Đường vinh quang xây xác quân thù
"Quân thù" đó không giới hạn chỉ là đạo quân viễn chinh quân đội Pháp của những năm 1945-54, nhưng khi cần đáp ứng cho một tình thế chính trị, ở một thời điểm khẩn cấp nào đó, người "nghệ sĩ cách mạng cộng sản Việt Nam" thấy ra "kẻ thù giai cấp" ngay chính trái tim của mình,
Ai về làng Bái Hạ
Nhắn "vợ chồng thằng thu"
Rằng,
Chúng bây là lũ quốc thù
"Vợ chồng thằng thu" kia chính là Ông, Bà Ngô Xuân Thu, bố mẹ sinh thành ra "nghệ sĩ cách mạng nhân dân", cũng là "thi sĩ tình yêu" Xuân Diệu của Hà Nội trước 1945, mà nay không

xứng đáng gọi tên với một chữ viết hoa do đã trở nên đối tượng thù nghịch của đợt Cải Cách Ruộng Đất 1953, và phải được thanh toán không nương tay,
Giết! Giết! Giết!
Bàn tay không phút nghỉ
Để ruộng đồng thêm tốt lúa thêm xanh.
Những chữ nghĩa đồng tính với sự ác như trên của người cộng sản không hề cũ, sau năm 1975, chúng được gắn lên thây xác của những đối tượng mới - những xác trẻ con, phụ nữ (bởi đàn ông hầu hết ở trại cải tạo) vượt biên tấp vào bờ biển Vũng Tàu, cầu Rạch Chiếc, xa lộ Thủ Đức - với lời buộc tội ngang ngược "Bọn phản bội tổ quốc bỏ nước ra đi!" Những xác chết nầy chỉ được nhận về chôn với điều kiện - Thân nhân không được khóc, và trả "tử phí" với giá biểu, xác người lớn 1000 đồng, xác trẻ con 600 đồng, khoảng vài ba đô-la Mỹ!
Những nhân sự, người cầm bút Miền Bắc vào, ở hẳn Sài Gòn, miền Nam như Dương Thu Hương, Vũ Thư Hiên, Bảo Ninh, Bùi Minh Quốc, Nguyễn Duy, Tiêu Dao Bảo Cự.. chẳng lẽ không biết về những "đối tượng kẻ thù"ø mới mẻ nầy, (Hãy đọc "Nhân ngày giỗ Nguyên Hồng, thấy xác chết người vượt biên trên Bãi Trước, Vũng Tàu" của Trần Mạnh Hảo)- Chuyện vừa xẩy ra trong thập niên 70, 80 kéo dài đến 90 dài theo bờ biển Việt Nam.

Tập đoàn công tác "văn hóa - lập thuyết" cho chế độ cộng sản Hà Nội, há không nghe tiếng gào phẫn uất của nông dân ở Thái Bình, Nam Định, chiếc nôi nuôi sống "cách mạng giải phóng dân tộc, và cách mạng xã hội chủ nghĩa Việt Nam" suốt chặng đường dài lâu hơn nửa thế kỷ, từ những ngày khởi nghĩa 1945. Với chữ, nghĩa của mình, những người thêm men "chủ nghĩa anh hùng cách mạng" cho chế độ độc tài, độc đảng ở Việt Nam há không biết cơn trào dâng khát khao dân chủ, tự do của người dân nơi Long Khánh, Komtum, Pleiku, Ban Mê Thuộc...

Những con người đơn giản, trung hậu có thể đã hơn một lần "nuôi dấu, che chở cách mạng giải phóng Miền Nam". Các anh không nghe tiếng kêu đau của vị Sư già Thích Quảng Độ, Thích Huyền Quang vì xót thương sinh linh bị bách hại (nghĩa là gồm cả các anh- những con người vị tước đoaït mất phẩm chất khí phách, tự do kẻ sĩ mà tự thân không hay biết). Những người cầm bút Hà Nội có bao giờ nghĩ ra chiếc cùm Cha Thadéo Nguyễn Văn Lý trong hai mươi năm nặng nề và tàn nhẫn gấp bội phần so với vài ba tháng "quản chế" của Tiêu Dao Bảo cự? Chẳng lẽ người viết văn gốc Hải Phòng mới biết "phản kháng để đảng trở nên trong sáng" do thấm đòn tranh chấp quyền lợi của tập đoàn cầm đầu ở Hà Nội, còn "đám viết văn ở Bolsa, California chỉ là bọn chống cọng điên cuồng của "lũ ngụy sàigòn- nối dài (lưu ý, không viết chữ hoa dù danh từ riêng, vì không xứng đáng)" như Như Phong Lê Văn Tiến, Doãn Quốc Sĩ, Hà Thượng Nhân và hằng trăm người khác, kẻ chết tan xác (Dương Hùng Cường, Nguyễn Mạnh Côn, Hồ Hữu Tường..), sống khắc khoải, đày ãi Nguyễn Thụy Long, Thụy Vũ.. không được quyền biết đau vì phận nghiệp viết văn hay sao? Có một ai trong đám viết văn ở Hà Nội, Miền Bắc kia nói lên một tiếng nhỏ về nỗi khốn nhục của những "văn hữu" Miền Nam phải gánh chịu sau 30 tháng Tư 1975 (do "tội" từ những chữ viết của mình), nếu không nói là thái độ hã hê thống khoái của kẻ được báo thù ty tiện. Nguyễn Khải, tổng thư ký hội nhà văn Hà Nội với "Tháng Ba Tây Nguyên" là một đặc trưng nổi bật nhất của những kẻ làm "văn chương- văn hóa nơi chốn thủ đô của phẩm giá con người kia".

Hitler sẽ chỉ là một gã lu loa vô hại nếu không có những con người "mộng tưởng" như Rudolf Hess giúp y thực hiện giấc mộng đại chủng tộc Đức; với kỹ thuật "lật ngược bộ não" con người, Goebbels đã tận dụng văn chương, triết học, điện ảnh, kỹ thuật truyền thanh để biến anh thợ sơn mồm mép kia nên người xô toàn thế giới vào cơn hung tàn Thế Chiến thứ Hai, giết 6 triệu người Do Thái, 5 triệu khác gồm người Gypsies, chủng tộc Slaves, kẻ đồng tính, đảng viên cộng sản. Cũng tương tự như thế, anh thanh niên tên gọi Nguyễn Tất Thành vốn học hành kém cỏi, phải tha phương kiếm ăn do gia đình phá sản vì lỗi từ người cha trong cơn say, bạo ngược cuồng khấu giết người; anh ta sẽ chỉ là một "kiều bào" như trăm ngàn người Việt khác sống lưu

vong ở Pháp, và khi về già lộ hẳn tính cuồng dâm bệnh hoạn (hãy xem lại những hình ảnh ông Hồ ôm hôn trẻ nhỏ, thiếu nữ, sẽ thấy rõ ra bệnh dâm"ấu nhi dục" của con người nầy; không cần phải đọc hồi ký Đêm Giữa Ban Ngày của Vũ Thư Hiên về sự kiện ông ta im lặng đồng thuận cho bộ trưởng công an Hà Nội Trần Quốc Hoàn hiếp, giết cô Xuân người đã ăn nằm thai sinh ra con ông (sau đó, giết luôn những người liên hệ của cô để diệt đầu mối). Nhưng do từ chữ viết, lời ca, băng nhạc, phim truyện, sách vở giáo khoa, bích chương quảng cáo, ảnh thờ gia đình, lẫn cả đồ chơi con nít, thiệp chúc Tết- nghĩa là toàn bộ "văn hóa phẩm cách mạng" sản xuất tại Miền Bắc, (sau 1975 đối với cả nước) trong suốt nửa thế kỷ thế kỷ qua, và hiện nay vẫn đang tiếp tục - đã biến con người bệnh hoạn, hiểm độc kia đã trở nên bất tử, luôn hiện diện dẫu đã chết do bịnh già hơn ba mươi năm qua. Ta có thể kể ra vài lời xưng tụng:"Hôm nay trên đường hành quân ra mặt trận. Trùng trùng quân đi theo ánh sao lá cờ của Bác.."; hoặc, "Từ khi vượt núi qua đèo. Quân đi Bác vẫn nhìn theo tháng ngày.."; hay, "Bác theo lính Miền Bắc hành quân diệt Mỹ-Ngụy; Bác quan tâm chị em Miền Nam bị máy bay Mỹ ném bom nên "hành kinh" không đều"; Bác chăm sóc cho người lớn từ lọ "tương cà mắm muối"; bác lo từng đứa trẻ để "ai ai cũng được học hành".

Tóm lại, Bác tham dự vào tận giấc ngủ, quyết định đến chuyện ăn nằm vợ chồng - Bác là "bản ngã thứ hai" thay thế toàn diện tâm thức lẫn cơ cấu sinh lý của triệu con người gọi là "nhân dân tiến bộ". Những chữ trong ngoặc kép kể trên thuần là "chữ của Bác", hoặc chữ ngợi ca Bác, mà theo thống kê của chuyên viên điều hành kỹ thuật tuyên truyền thế giới, thì họ Hồ là một trong những người được nhận sự tôn sùng nhất của nhân loại - Thành quả nầy không thể thiếu sự góp mặt của người cầm bút trong hàng ngũ "cán bộ văn hóa- văn công cộng sản". Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Huệ Chi là những "cán bộ" nầy-những cán bộ cốt yếu hàng đầu được thực chứng khả năng, lòng nhiệt thành phục vụ sau hằng 40, 50 năm công tác đảng. Chữ, nghĩa dưới ngòi bút của những con người nầy đã rơi xuống mức sa đọa tệ hại nhất, bởi cầm bút là "hiện thực cách thế sống Tự Do" gần như toàn vẹn nhất trong cuộc sống nhân sinh, nhưng những con người kia đã biến chữ viết nên thành một "phương tiện phục vụ, cung ứng" cho nhu cầu cuồng dâm, bạo ngược của kẻ cầm quyền thực hiện một chủ nghĩa đã bày ra đầy đủ tính bất nhân tàn hại cho toàn nhân loại và các dân tộc. Những Lenine, Staline, Ceaussecu, Mao Trạch Đông, Kim Nhật Thành, Hồ Chí Minh, Polpot.. Dân Tộc Việt chịu khổ nạn trầm luân đọa đầy nhất, bởi nay đang bắt đầu thế kỷ 21, nhưng ở Việt Nam vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt đầu mối nguồn bất hạnh lớn lao kia. Bởi "làm văn hóa lầm sẽ tác hại đến muôn đời" mà kẻ sĩ người Việt đã từ lâu hình như đã đánh mất chức năng cao quý thiêng liêng của mình, đồng thuận một cách rất đáng chê trách để trở nên thành "cán bộ văn hóa" của chế độ bạo ngược, phục vụ những kẻ cầm quyền vô lại. Một gã vô học, hung hăng, thô tục như Lê Duẩn qua "Thời Dựng Đảng" của ngòi bút Thép Mới đã biến thành "Anh Ba", với đầy đủ hào quang quyền lực, đến nỗi một người sắc sảo như Indira Gandhi phải ngỏ lời trầm trồ khen ngợi về tính chất huyền thoại!!

Và cụ thể, gần đây, những người ở Hà Nội, ở Việt Nam như Nguyễn Huệ Chi, Hoàng Ngọc Hiến đã nghĩ, lý luận, viết như thế nào về thực tiễn Việt Nam "tụt hậu"(chữ của người cộng sản) xuống hàng nghèo đói thứ tư kể từ dưới lên của thống kê mười nước nghèo nhất thế giới. Người "làm văn hóa Miền Bắc" nghĩ gì về tình trạng giáo dục tan nát với hiện tượng lớp học trẻ con ngay tại Hà Nội ngồi trên đòn thấp đặt lên đất; thầy, cô giáo kiêm luôn nghề bán hàng rong trước cửa lớp; và cơ quan chính quyền nhận được chỉ thị "tận dụng huy động đồ cứu trợ của nạn nhân bão lụt" (thật sự là hành vi ăn cướp giữa ban ngày - ăn cướp trên thây chết của đồng bào mình - tương tự như "lệ phí" đóng trên xác người vượt biên hai mươi năm trước), gồm 10 triệu Mỹ kim của Liên Hiệp Quốc, và 10 triệu của cộng đồng người Việt hải ngoại - Nhưng, cộng đồng lưu vong nầy vẫn không có tiềm năng kinh tế và sống trong sợ hãi lo âu (không nói rõ sợ ai, và lo âu điều gì)". Bản nghiên cứu của JWC không vô cớ, vàø tự nói nên những lời nầy, chúng chỉ thành hình do "chỉ đạo" có hiệu quả theo trục Hà Nội- Boston với những "sứ giả-

những nhà văn hóa thuần thành, trung trực" xuất phát từ trường đảng Nguyễn Aùi Quốc.

3- Không Phải Khi Nào Chính Nghĩa Cũng Thắng.

Cuối cùng, vụ kiện diễn ra không như suy nghĩ giản dị, trung trực của Nguyễn Hữu Luyện, và UMass-Boston đã bác bỏ những cáo buộc của anh với biện hộ thực tiễn: "Tất cả sự tố cáo của Nguyên Đơn chỉ là: "Trường Đại Học tuy đã rao báo, nhưng tự hậu chỉ tuyển dụng những người khác vào "chức vụ công tác" (đây là chương trình học bổng) mà ông ta không hề nộp đơn ứng tuyển". Không mướn một người nào đó vì người ấy đã không nộp đơn ứng tuyển không phải là một hành vi phạm pháp. Giống như 270 triệu người khác trên toàn quốc (nước Mỹ) đã không nộp đơn ứng tuyển vào chức vụ này, Nguyên Đơn chẳng có quyền gì để kiện chúng tôi."

Chúng ta không thể không cảm thấy xa xót với câu trả lời nhẫn tâm bất chấp nhưng thực tiễn kể trên. Và chúng ta làm gì được đối với một việcï đã rồi, qua sự kiện "những hành vi đã hoàn tất trước khi thông báo". Hóa ra, khi cần thiết vào Việt Nam thì có tuyên cáo long trọng: "Biên giới Hoa Kỳ kéo dài đến vĩ tuyến 17, và Ngô Đình Diệm là con người thần kỳ- TT Dwight Eisenhower"; khi chuẩn bị rút đi thì có đánh giá kinh miệt: "Sài Gòn ví như một ổ điếm khổâng lồ- TNS Mike Mansfield", và "đám tướng lãnh ở đấy chỉ là một đống rác- Đại sứ Maxwell Taylor"; cuối cùng cần buộc Miền Nam mau chóng đi vào lần sụp đổ cuối cùng, 1975, thì tuyên bố thẳng thừng: "Không nên cho chúng (Chính phủ Sài Gòn) thêm một đồng xu nào nữa". Cách nói tàn tệ của Abzug, dân biểu Hạ Viện Mỹ, nổi tiếng do thái độ thù ghét, chống đối chính quyền, quân đội Miền Nam.Và nay, cần viết lại lịch sử Việt Nam để yên ổn giải thích sự thất bại của mình (do đánh giá sai bởi chủ quan, và yếu đuối đối với kẻ thù hiểm độc, bất nhẫn coi khinh bạn bè), nên tuyển dụng ngay những kẻ gây nên "tình trạng lưu vong" của ba triệu người Việt hải ngoại, để từ đó sẽ có những câu kết luận soạn sẵn: "Cộng đồng người Việt Nam ở hải ngoại chỉ là tập họp những di dân vì lý do kinh tế, hoặc có tộâi với nhà nước Việt Nam, kém văn hoá, không viết nên được niên biểu sinh hoạt cho tập thể mình, sống âu lo, và sợ hãi ngày mai vì không có tiềm năng kinh tế...". Những người như Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Huệ Chi đã, và đang hợp thức hóa, chính thống hóa những nhận định nầy có sự tiếp tay của những người Mỹ - Kẻ luôn muốn chứng tỏ vị thế tối thượng của mình trong tất cả mọi tình huống - Ở đây, họ thủ đắc thêm quyền hạn từ quá trình hành xử, hoàn tất, và cho phép tay sai thực hiện Sự Aùc.

Khi Thượng Đế đã bị giết thì Con Người còn lại gì? Người Mỹ đang giải quyết chương trình nầy với văn minh kỹ thuật tối ưu của họ một cách vụng về, rất nhiều lầm lẫn.(*)

Cuối cuộc, và dù cay đắng đến bao nhiêu chúng tôi vẫn phải bày tỏ cùng Anh (hay nhắc nhở cho chính bản thân, và tất cả bằng hữu, những tấm lòng chung thủy sắc son)- Cái giá đầu tiên mà Kẻ Sĩ, người Chiến Đấu phải trả là sự thiệt hại của chính bản thân, và nỗi đơn độc thăm thẳm trên đường đi, giữa bóng đêm trùm lấp. Vụ án của Anh (hay của chung chúng ta) sẽ vô cùng giản dị, dễ giải quyết, có khả năng thâu đoạt thắng lợi, nếu như quỹ vận động có một khoảng tiền tương đối vừa đủ cho án phí. Tương tự như thế, chính phủ Thái sẽ không thể nào ngang ngược, lật lọng trong vụ xét xử Lý Tống, nếu toàn bộ ba triệu người Việt trên toàn thế giới đồng lòng trong một ngày tẩy chay tất cả hàng hóa, dịch vụ có liên quan đến, của, từ Thái Lan - Phải, chỉ một ngày thôi cũng đủ. Lý Tống ắt trở về cùng chúng ta.

Thế nhưng, Chúng Tôi luôn có mặt cùng Anh. Dẫu cái chết. Dẫu vũng tối. Vì Quê Nhà đang mãi giữa đêm dày.

Minnesota, 28 tháng Năm, 2001

Cái ống điếu thuốc lào

Chiếc xe đò vừa ngừng trước khu Chợ ABC, Đường Bolsa, Thành Phố Westminster, nam Cali, đám hành khách vội vã bước lên. Mỗi người ngoài ghế cơ hữu sát cửa sổ thuộc những hàng ghế đầu, còn chiếm dụng thêm một chỗ ngồi bên cạnh (như thể để giành cho thân nhân, người quen sẽ cùng đi theo chuyến xe). Nhưng thực ra không là như vậy, mà chỉ do ý hướng muốn có thêm chỗ ngồi rộng rãi, trường hợp hành khách không mấy đông vào những ngày trong tuần. Xong, tất cả lại tuần tự bước xuống xe với vẻ mặt bình an, hài lòng như vừa thủ đắc được một điều hợp ý nguyện. Hóa ra những người Việt luôn cầu một nguồn vui. Ông khách nhận ra điều nầy khi chậm rãi lên xe tìm chỗ ngồi nơi những hàng ghế cuối. Thì ngồi đâu cũng được, rồi thế nào cũng tới, không cần gì phải vội. Ông hiểu ra và áp dụng điều đơn giản nầy như một cách khôn ngoan sau nhiều lần thất bại (cũng có tính tất nhiên, không thể nào từ chối, điều chĩnh) vào buổi cuối đời.- Tôi có thể ngồi đây không? Ông chỉ vào chiếc ghế trống bên cạnh người đàn ông ước chừng cùng lứa tuổi. - Bác cứ ngồi. Không có ai. Người khách đồng hành đáp gọn, sau khi xếp lại hai chân, nới rộng khoảng trống giữa hai người. Khi đã yên chỗ, ông bắt đầu gợi chuyện do người kia có nét mặt bình thản, vui hòa; tóc hớt ngắn, động tác nhanh gọn của giới quân nhân, kẻ quen nghề chỉ huy, và sẵn lòng tuân lệnh. Ông có ngay nhận xét và tin vào suy đoán của mình. Cũng bởi, ông với họ vốn có những liên hệ sâu xa từ thuở xa xưa.. - Bác đi San José?- Thì xe nầy chỉ chạy đến đấy. Người đồng hành trả lời mau mắn, tỏ ý buồn cười vì câu hỏi dư thừa, vô ích.- Nó còn chạy đến Sacramento. Ông khách điều chỉnh.- Chiếc khác chứ không là chiếc nầy. Đến San José, khách đi Sacramento sang xe nhỏ hơn. Người đồng hành giữ chắc ý kiến. Chiếc nầy chỉ tới San José thôi. - Vậy bác thường đi xe đò nầy? Ông chuyển câu hỏi để tránh điều không cần bàn cải. Cách né tránh của người ngại đụng chạm.- Ông bạn tôi trên kia nói vậy. Tôi lên San José tìm ông ta*sau mấy mươi năm*. Người đàn ông tỏ ý muốn chấm dứt câu chuyện bằng cách ngó mông ra ngoài xe. Đám hành khách lần lượt lên.. Từ tốn, chậm rãi bởi tất cả đã giành sẵn những chỗ tốt (có thêm chỗ ngồi trống bên cạnh)… Mời cô bác lên xe, còn mười phút nữa xe chạy. Anh tài phụ nói to nhắc nhở.. Tài xế cho nổ máy, động cơ chạy đều, khí lạnh lan tỏa. Người tài phụ bắt đầu phát những phần thức ăn.. Bánh mì kẹp thịt, chả lụa, hoặc xôi của hàng thực phẩm khô nổi tiếng, Lee's Sandwich. .. Xe chạy thì mở băng ca nhạc nghe chú mà phải là băng hài mới được! Một bà khách lên tiếng sành sõi. Phụ tài đáp nhanh.. Có liền dì hai, để con chia bánh và nước xong. Ông khách có cảm giác gần gũi, ấm áp thân tình như đang sống lại sinh hoạt của những chuyến xe đò đi lục tỉnh miền Nam từ bến xe Petrus Ký Sàigòn ở những năm 60, trước khi chiến tranh trở nên nặng độ. Ông liếc sang người bạn đồng hành, muốn chia sẻ ý nghĩ, nhưng người nầy đã úp chiếc nón lưỡi trai lên mắt.Xe chạy ra Xa Lộ 405 North, những rèm cửa che nắng kéo xuống, những màn ảnh ti-vi treo cao trước hàng ghế ngồi bắt đầu hoạt động.. Đám hành khách chăm chú theo dõi, thỉnh thoảng rộ cười thích thú khi những vai hài bắt đầu màn lắc lư, nhún nhẩy theo điệu nhạc disco với y phục áo dài, khăn đóng cổ truyền người Việt. Ông khách muốn tiếp tục câu chuyện với người đồng hành vì nhớ lại câu nói.. "*mấy mươi năm nay không gặp..",* cũng do đang nhìn lên màn ảnh vô tuyến với những vai nam, nữ vui nhộn, nên ông thấy lại cảnh tượng danh hài Thanh Việt ngồi rũ bên ly rượu trong quán Thanh Thế Đường Nguyễn Trung Trực Sài Gòn sau ngày Ban Mê Thuộc bị Bắc quân chiếm đóng (10 tháng Ba, 1975). Hôm ấy, bộ râu đen dày của Thanh Việt không còn là nét sinh động kích thích cơn cười vỡ như mỗi khi anh nhếch mép, diễu màn vui trên sân khấu, hoặc màn ảnh, nhưng đã là dấu hiệu một sự sống đang dần bị đe dọa, suy hoại, vất bỏ.. Thêm chiếc đầu cạo trắng loang lỗ. Thanh Việt sụp xuống thảm hại trông như bức tranh *Anh Hề Thảm Thiết* của Rouault (*).*Hề thì vui thiệt, nhưng khi buồn thì hề trông tội hơn ai hết* . Ông cũng nhớ món đồ chơi nhỏ nhận được vào dịp lễ Giáng Sinh đầu đời lính ở quân trường.. Một con lật-đật tượng hình thằng hề, và cảm giác hiu hắt khi mân mê hình thằng hề trên tay. Hình như sau đó mình gởi cái ấy kia về cho em. Em anh, đứa nhỏ không hề

có đồ chơi từ tấm bé. Trí nhớ vụt chuyển qua một tình thế bất ngờ, ông không muốn nhớ thêm những điều khó khăn, nên quay mặt về phía người bạn đồng hành. Đúng lúc người nầy cất chiếc nón lưỡi trai ra khỏi mặt.- Bác dễ ngủ quá há! Ông nói bâng quơ làm như không để ý, và tiếp vào câu chuyện đang muốn theo dõi.. Bác lên chơi trên ấy, bạn bè *lâu lâu gặp lại* chắc vui lắm. Ông nhấn mạnh chữ "*lâu lâu gặp lại"* một cách cố ý.
Người đồng hành có ngay phản ứng.. Lấy đâu mà gặp lại, đợi từ năm "*bảy-lăm* " tới giờ mới đi gặp được. Tính chính xác của người thuộc giới nhà binh càng được xác định. Ông khách cười thầm thích thú, tiếp tục câu chuyện với cách thân tình. Ông hỏi không ngần ngại,- Ông đi HO mấy? *Bác* được chuyển qua *ông* một cách cố ý.- Đúng là HO12, nhưng rốt cuộc cứ trầm trầy, trầm trật miết sau nầy mới đi RD4 ngang với HO22. Vi-xi chơi khó thiệt. Lời đánh giá mang ý vui khách quan chứ không là phê phán tức bực.
(*) Rouault (1871-1958), Họa sĩ Pháp, nổi tiếng với những họa phẩm mang đường nét mạnh mẽ, bi thảm, kỳ bí.
Được thúc dục bởi cách nói cởi mở, thẳng thắn từ người đồng hành, ông khách vào thẳng vấn đề muốn nghe đến.. Vậy tại sao ông với ông ở trên San José không gặp được nhau.. Đi tù về, ông nào cũng chân trong, chân ngoài, phe ta tập trung suốt ngày trước công viên Dinh Độc Lập bàn chuyện đi Mỹ..- Tôi đi tù về chưa bao lâu thì giả đã vượt biên, thêm cảnh vợ con quá kẹt nên tôi xuông làm rẫy dưới Suối Nghệ, Bà Rịa để có cái ăn, đâu lên Sài Gòn gặp giả được. Gia đình tôi chạy từ Quảng Trị vào đó từ "*bảy-hai*"..- Ông người Quảng Trị hay sao, tôi ở Đà Nẵng, Quảng Nam. Ông khách bày tỏ cảm thông, gần gũi, bắt đầu với những địa danh miền Trung- Không, tôi người Bình Dương, dạy ở Búng, năm Mậu Thân bị động viên đổi ra Sư Đoàn I, gặp bà xã tôi ngoài đó. Bả là em của ông kia. Giả ngầu lắm, trong nhảy dù, mấy đơn vị bộ binh, thiếp giáp ngoài Huế, Quảng Trị nghe đến tên giả ai cũng kính nể.. Đây, tôi cho ông coi cái nầy. Người đồng hành mở chiếc xắc cầm tay để dưới chân.Ông khách không ngờ được mau chóng dự phần vào câu chuyện, hăm hở nhìn xuống chiếc xắc đang được day day mở ra. ..Thấy chưa, cái điếu đẹp không?

Người bạn đồng hành chuyển cho ông chiếc điếu cầy hút thuốc lào bằng ống tre vàng óng, đầu và cuối ống bịt vòng kim loại, thân ống chạm trỗ huy hiệu các quân binh chủng quân lực miền Nam. Nét khắc tinh xảo chứng tỏ người tạo hình có tính thẩm mỹ cao, và lòng nồng nhiệt yêu quý quân đội.- Tôi cũng đã thấy nhiều ống điếu loại nầy, nhưng quả tình cái điếu nầy đẹp thật, khắc họa đủ hết các quân, binh chủng chiến đấu.. À mà có đến cả huy hiệu đơn vị tiểu đoàn của bên nhảy dù. Ông khách nhận ra khi đọc đến lời trang tặng.. *Trung Tá Sông Lô, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù. KBC 4919.*- Thì giả là tiểu đoàn trưởng dù mà.. Nhưng cái điếu nầy *còn cứu mạng được bốn ông thần liều* nữa! Người đồng hành vuốt vuốt dọc thân ống như đang cầm vật linh thiêng, quý giá. Đáng lẽ tôi gữi trả bằng đường bưu điện, nhưng tiện dịp đi Cali, nên nay đem trả luôn tiện để gặp mặt giả. Ông ấy gởi người đem về Bà Rịa cho bà xã tôi giữ từ khi ra trại; cuối năm 1988 ông ấy ra trại là tính chuyện vượt biên liền. Một anh, một em, gia đình không còn ai. Để tôi kể cho ông nghe, bốn giờ chiều mới tới San José, bây giờ mới mười-hai giờ kém hai-mươi. Sự chính xác thời giờ được lập lại như bảo đảm tính thật của câu chuyện.

Sáng 29 tháng Tư, 1975, Trung Tá Lê Lô, danh hiệu truyền tin "*Sông Lô* ", Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 7 Dù, kiêm nhiệm chức chỉ huy Chiến Đoàn Đặc Nhiệm Số 7 gồm những đơn vị pháo binh, thiết kỵ do Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III tăng phái có nhiệm vụ chận hướng tiến của những sư đoàn Bắc quân theo trục Xa Lộ Biên Hòa- Sài Gòn. Danh xưng một chiến đoàn nhưng thật sự chỉ là những thành phần không còn hệ thống chỉ huy của Quân Khu III, nay viên tư lệnh quân đoàn giao hẳn cho lực lượng nhảy dù điều động vào những giờ phút cuối cùng của trận chiến. Sông Lô vừa chận địch vừa lui binh về gần Sài Gòn với lời gầm quyết liệt: "*Thằng nào chết để tại chỗ, thằng nào bị thương sống được thì bò theo đơn vị. Không tản thương. Không tiếp tế. Không tăng viện. Không yểm trợ."* Mười giờ mười phút sáng ngày 30, khi

nghe lệnh đầu hàng của Dương Văn Minh, Sông Lô đứng trên cầu xa lộ nhìn suốt bình nguyên, những dãy đồi thấp từ Thủ Đức đến Biên Hòa, Long Thành qua những vị trí hằn sâu vào thị giác, lên khối não bộ.. Trường Bộ Binh, Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn 2 Dù, Nghĩa Trang Quân Đội Long Bình, doanh trại hậu cứ tiểu đoàn ở Tam Hiệp, và đằng xa phi trường Biên Hòa bốc khói mù.. Mười hai năm kể từ ngày ra trường, ông đã sống với vùng đất nầy không một giờ khắc vắng mặt. Lê Lô thấy cái chết thực dần xâm chiếm từng phần thân xác một cách cụ thể.
Ngày 15 tháng 6, 1975 cùng những người bạn lính, Trung Tá Lô đi trình diện cơ quan quân quản theo lệnh gọi tập trung cải tạo với thái độ bình tỉnh, thản nhiên. Không gia đình, không tài sản.. Ông đã mất tất cả từ buổi sáng ngày 30 tháng trước, nay không còn gì để phải mất thêm. Tháng 6, 1976 Lô đến Sơn La với tâm trạng cùng đành sau chuyến đi địa ngục từ Tân Cảng, nơi chân cầu Sài Gòn đến Hải Phòng bằng tàu Sông Hương. Năm ngàn con người ngồi nêm cứng trong hầm chứa than; đại tiểu tiện tại chỗ suốt hai ngày đêm di chuyển. Tiếp chuyến xe lửa từ Hải Phòng lên vùng thượng du xuyên miền Bắc xã hội chủ nghĩa trong toa dùng chở than đá và súc vật nay đóng kín để nhồi nhét 200 con người xếp đứng, ép khít vào nhau. Chiều ngày 23 tháng 6, 1976, Trung Tá Lê Lô cùng những người bạn tù đến ga Yên Báy với hơi người chết, phân, nước tiểu từ những thây người chung quanh lấm loét, đọng nghẹt hơi thở, dưới lớp da, sâu chân tóc. Từ *tình trạng sống trong cảnh chết* chịu đựng từ ngày trình diện đi tù tại Trường Lê Văn Duyệt, Gia Định suốt hai năm qua, nên khi qua phà Âu Lâu trên Sông Hồng vào hẻm núi Hoàng Liên Sơn, đi giữa hai hàng dân quân (gồm cả đàn bà, trẻ con) với những viên đá ném dày, tiếng chưởi không ngắt nhịp, Lô chấp nhận, đồng thuận với cái chết ắt sẽ đến như một điều tự nhiên, hợp lý nơi hẻm hốc núi rừng xa xôi u thẩm xa lạ nguy biến nầy. Thế nên, vào buổi học tập toàn trại do cán bộ chính trị cấp trung ương từ Hà Nội phái đến (phụ trách giảng huấn hệ thống trại cấp tá), Lô cáo bệnh, buông màn nằm ngủ. Ông bị dẫn giải đến giữa hội trường với lời chất vấn: "*Tại sao anh trốn tránh học tập* ?" Trung Tá Lê Lô trả lời dứt khoát cụ thể: "*Tôi chẳng có gì để học hết, các ông chỉ nói đi nói lại những điều đã nghe nhiều lần từ trong Nam. Tôi đã đem thân đi trình diện ở tù, các ông muốn làm gì thì làm."* Lô bị tống giam vào nhà kỹ luật vô thời hạn với vị thế thân người kéo căng cứng bởi một hệ thống cùm đục thủng từ những khúc cây. Tay, chân, phần bụng đồng bị siết chặt giữa những vòng khớp gỗ sù sì thô nháp. Con người tênh hênh, trần truồng phơi trên nền đất nện với khí lạnh miền thượng du Bắc Việt đóng băng mờ kín ô thông hơi chắn nan tre tô đất sét. Hai tháng sau, trước mặt hội trường đông người ngồi im lặng để đợi nghe kiểm điểm, Lê Lô vẫn chắc giọng: "*Tôi không có điều gì phải học. Cũng không có điều chi phải kiểm điểm."*

Để áp dụng một biện pháp mà ban giám thị xét ra là khôn ngoan, trại viên Lê Lô được chuyển vào đội nhà bếp với điều kiện: Không được ra khỏi phạm vi khu vực nhà giam - Bởi ban giám thị trại đã hiểu rõ một điều: Hệ thống hàng rào trại, rừng núi Hoàng Liên Sơn, thượng du Bắc Việt không ngăn nổi ý định sẽ trốn trại của Lô đã hiện thực qua hành vi kiên trì không khuất phục. Những ngày bị giữ chân trong đội nhà bếp không hoàn toàn vô ích: Lô được anh em cựu tù nhân, những biệt kích quân hoạt động trên đất Bắc bị bắt giữ trước 1975 hết lòng bảo vệ và bồi dưỡng, ông lấy lại sức lực sau hai tháng nằm hầm kiên giam cấm cố. Hơn thế nữa, ông còn nhận được những chỉ dẫn cần thiết về địa thế rừng núi miền Bắc, đường đi qua Lào mà các biệt kích quân vốn quen thuộc từ thập niên 60, 70. Và quan trọng nhất, ông có cơ hội lén lút tích trữ muối và ngô, khoai, sắn khô. Cũng trong dịp nầy, chiếc điếu hút thuốc lào được viên chỉ huy trưởng toán biệt kích (đang giữ nhiệm vụ trưởng toán nhà bếp) trao tặng với lời kính trọng: "*Ông thầy rửa mặt cho tụi em! Ông thầy rửa mặt cho cả quân đội để chúng nó không thể coi thường anh em mình."* Lê Lô nhận ống điếu, hút hơi mở đầu xong trả lại: "*Cám ơn anh em, tôi giữ không tiện. Sau nầy sẽ hay, bây giờ không nên".* Viên trưởng toán biệt kích dẫu không hiểu hết ý của Lô, song với phản ứng sắc xảo của người quen trận chiến bí mật, đơn độc, anh nhận lại chiếc điếu với lời cẩn mật: " *Khi nào ông thầy muốn thì em đưa lại. Bây giờ em giữ cho ông thầy."*

Một tháng sau, Lô vượt trại với bốn người bạn chiến đấu, hai trung tá, Khôi và Bằng; hai thiếu tá Hạnh và Thức (mà mỗi người lại là một câu chuyện kể khác). Vụ vượt ngục rúng động toàn bộ hệ thống trại tù miền Tây-Bắc và đã minh chứng: Người lính quân lực miền Nam có đủ ý chí cao hơn những đỉnh núi hiểm nghèo ẩn trong mây, vùng rừng nguyên thủy chưa hề có dấu chân người của hệ thống Hoàng Liên Sơn trùng trùng cao ngất từ Vân Nam đổ xuống. Người lính miền Nam có năng lực vượt qua nỗi đọa đày, hoàn cảnh lăng nhục thậm tệ được thực hiện một cách có hệ thống qua phân công những viên sĩ quan cấp tá vào đội trồng rau xanh mà không có một vật dụng canh tác nào ngoài hai bàn tay trần với những thúng phân người – Phân người được gọi bằng một danh từ chính xác: Phân Bắc.

Những người tù sống trong mối phấn khởi hãnh diện âm thầm ngày mỗi lên cao, khi qua hơn một tuần, ban giám thị trại, bộ đội an ninh canh gác dẫu đã phân công lùng sục khắp toàn vùng, đường lên Sơn La, Nghĩa Lộ, xuôi về đồng bằng, vẫn không tìm ra dấu tích toán vượt thoát. Nhưng đến tuần thứ hai, đám cán bộ, và vệ binh trại như được uống chất lên men cực mạnh.. *Bắt được chúng nó rồi! Bắt được chúng nó rồi!* Những viên đạn súng tay bắn liên hồi trong lũng núi; kẻng trại đánh dồn; tập thể tù được lệnh bỏ bãi lao động, khẩn cấp tập trung vào hội trường chứng kiến cảnh nhục hình: Năm thân con người bị đánh dập bởi hai-mươi lăm cây nứa do một trung đội lính thay phiên trừng trị. Thân nứa đập vào thân người đến độ vỡ toang, bẹp dúm. Viên trưởng trại chắc giọng thách thức: “Các anh trông đó làm gương . Tôi đố các anh trốn được tai mắt nhân dân!” Ông ta nói thật, bởi toàn thể dân chúng trong vùng kể từ ngày năm người vượt trại đã ra đồng, vào rừng với cuộn giây thừng và ống tù và, vì họ được hứa hẹn: “Nếu bắt được năm người tù sẽ được miễn thuế nông nghiệp năm năm, thưởng năm mươi cân thóc, và năm lít nước có vị mặn gọi là nước mắm!” Tổng cộng số lượng hiện vật thưởng nếu tính ra tiền Mỹ không vượt quá vài đô-la lúc ấy hay thời giá hôm nay, đầu thế kỷ 21. Năm thân người, đúng ra năm chiếc thây bị kéo lê vào phòng kỹ luật, nay được khoét sâu trong sườn núi đợi ngày ra cột xử bắn. Nhưng sau vài tuần giam giữ, có đêm, toàn trại đang yên lặng như khối mồ lớn thì nghe ra tiếng gọi đùa cợt trao đổi từ những căn hầm kỹ luật.. Hê, hê.. *Nhảy Dù! Nhảy Dù! Cố gắng! Cố gắng!.. Đường trường xa ta quyết đi cho tới cùng.. Muôn đời Lục Quân Việt Nam!!* Buổi hành quyết được tổ chức nơi sân tập họp chính của trại. Trại viên được lệnh nghỉ lao động, thay đồng phục tù mới phát. Viên trưởng trại còn ra lệnh giết heo để ăn mừng thành quả cải tạo giáo dục của trại – Lá cờ đầu của phong trào Học Tập Tốt-Lao Động Tốt-Kỹ Luật Tốt của hệ thống bảy liên trại giam giữ toàn bộ Ngụy quân - Ngụy quyền miền Nam tập trung nơi đất Bắc. Năm quan tài được lệnh đóng khẩn cấp; trưởng trại còn có ý tốt “khoan hồng nhân đạo” nên cho lệnh chuẩn bị những chén cơm gạo tẻ (không độn ngô, khoai, sắn), và những cây hương để cắm lên quan tài sau khi hành quyết, trước khi đem chôn. Có người nhắc nhở với ông ta: Theo lễ tục người miền Nam, phải có quả trứng gối đầu đặt trên những chén cơm kia. Trại không nuôi gà, vịt nên không thể kiếm đâu ra những quả trứng, trưởng trại bèn có sáng kiến táo bạo: Lấy những quả bóng bàn thay thế quả trứng, chôn xong lấy bóng chơi lại! Sau khi đã chuẩn bị đủ “nghi lễ” cho cuộc xử bắn, năm tử tội được đưa ra trước hội trường để nghe đọc lời tuyên án: “Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc.. Xét bốn tiêu chuẩn của tập trung cải tạo, các tên Lê Lô, Trần Đình Khôi, Phạm Công Bằng, Trần Quang Hạnh, Chế Đức Thảo can tội ngụy quân.. Không thành tâm hối lỗi, học tập lao động cải tạo; không chấp hành kỹ luật trại giam, âm mưu thực hiện trốn trại.. Tuyên án: Tử Hình!” Toán tử tội được dẫn đến trước những chiếc cột. Các anh có muốn nói điều gì không? Trưởng trại thoáng bối rối trước sự im lặng bình thản của năm người. Không một ai có dấu hiệu sợ hãi. Không có gì? Lô thay mặt các bạn trả lời (Bởi khi chấp cung, Lô đã xác nhận ông là người trách nhiệm độc nhất tổ chức vụ trốn trại). Nhưng đột nhiên, ông cười nhẹ.. Nếu cho hút điếu thuốc lào thì tốt lắm!

Trưởng trại trầm mặt nghĩ ngợi (không hiểu Lô có ẩn ý gì vì yêu cầu quá nhỏ nhoi, bất ngờ) trước khi chấp thuận. Lô biết ý, giải thích: “Tôi có cái điếu mới, gởi ở các anh BK (đọc là Bê-Ka,

Biệt Kích), tôi muốn hút cái điếu đó một lần chót!" ..Có đây! Có đây! Thưa ban (Ban giám thị), chúng tôi hiện giữ cái điếu của anh Lô. Viên trưởng toán biệt kích mau lẹ đứng dậy từ đám tù ngồi chật hội trường.Chiếc điếu được đưa tới, Lô cầm lấy ung dung.. Mình chơi một điếu nghe mấy ông. Những người bạn đưa mắt nhìn nhau.. Hạnh nói nhỏ chán nản: Hút làm gì Lô? Thì cứ hút đi, trước sau cũng chết! Lô ngồi xuống, cho thuốc vào nỏ điếu, châm cây đóm, kéo sâu hơi thuốc, thở khói lên trời. Ông cười nhẹ, đứng dậy, trao điếu cho các bạn..

Làm một bi đi! Trung Tá Lê Lô nhìn quanh hội trường, đến với mỗi người tù, mặt ông không biến sắc.. Ấp Bắc, 1963; Pleime, 1965; Cầu An Hòa Huế, Tổng Công Kích đợt 2, Nghĩa Trang Người Pháp, Ngã Tư Bảy Hiền, Sàigòn, Mậu Thân, 1968; Hạ Lào, Động Ông Đô, Chu Pao, La Vang, Quảng Trị, 1972; Long Khánh, tháng 4, 1975.. Đoạn đường mười-hai năm một đời chiến đấu kể từ ngày mãn khóa sĩ quan ông đi qua không một lần yếu đuối. Vậy coi đây chỉ là trận chiến cuối, trận đánh không vũ khí, chỉ với những người bạn từng sống-chết, và những người bạn tù ngồi im lặng dưới xa. Lê Lô thở hắt như lần trái đạn 57 ly bắn tung chiếc chiến xa và thân hình ông trước Thánh Đường Đức Mẹ La Vang, nơi quê hương Quảng Trị, chiều tháng 7, mùa Hè 1972. Ngày ấy, cũng nắng như hôm nay. Nhưng nắng miền Nam ấm, vàng tươi, sáng rỡ hơn. Có chiếc xe đỗ nhanh dưới lưng đồi, trước bộ chỉ huy trại. Bóng người chạy vội lên hội trường.. Dừng lại! Dừng lại! Lô tỉnh lạnh bảo Hạnh, Bằng, hai người bạn đứng gần.. Cứ hút đi, đừng để ý làm gì.

Xe bỏ Tỉnh Lộ 152 nhập vào Xa Lộ 101, địa giới giữa Gilroy (thủ phủ tất cả sản phẩm tỏi của Mỹ) và San José. Người bạn đồng hành chấm dứt câu chuyện: Tôi phải đưa cái điếu tận tay ông ấy vì như vừa kể, nó cứu đến năm mạng người lận.
Ông khách im lặng, gật đầu đồng ý, nhưng thật ra có ý nghĩ khác: Có thể cán bộ cộng sản bày ra vụ xử bắn để hù dọa mà thôi.. Bởi họ vốn rất tinh xảo dàn dựng nên nhiều "biến cố để đánh lạc cả lịch sử, lừa được toàn thế giới", chứ ăn nhằm gì vài trăm anh tù khổ đã bó tay hàng phục.

Điều đáng nói là cách hút điếu thuốc trước cái chết của Sông Lô.

Viết lại nơi Cali,
Sau 30 tháng 4, 2012.

Chung quanh... bụi, rác, và nỗi đau!

1963- Trường Trung Học Ngô Quyền, Biên Hòa vào giờ tan học buổi trưa. Đám học sinh khi qua cổng mất cách huyên náo thường lệ, cụ thể với những nữ sinh đệ nhị cấp, lớp thiếu nữ đang thành những nhân dáng riêng với tuổi học trò đang độ lớn, đến mức trưởng thành, rộ nở.

Bởi ngay cổng đang đứng trấn bởi một gã sĩ quan cấp thiếu úy. Áo quần hoa nhảy dù với những hình khối màu nâu, đỏ ngang dọc mạnh mẽ, độc đáo, chiếc mũ đỏ đội lệch và điếu thuốc lá trên môi.. Gã trẻ tuổi còn nguyên vẻ của người mới rời khỏi giảng đường, trường học, dẫu cố làm ra dáng cứng rắn, lính tráng. Viên thiếu úy nhìn săm sắp, tìm kiếm... Đám học sinh chợt ngưng câu chuyện, hạ thấp giọng thì thầm khi đi qua. Cũng bởi, người tỉnh nhỏ đã nhiều lần chứng kiến những hành vi mạnh mẽ quá độ của những gã lính trẻ sống nay, chết mai. Thành phố nằm trong khu bản lề của chiến khu D, chiến khu Hắc Dịch, Rừng Lá, vùng xôi đậu Tân Uyên, Tân Tịch.. của những tỉnh Bình Dương-Biên Hòa- Long Khánh-Phước Tuy, nên dân chúng thường chứng kiến xe GMC chở quan tài lính phủ Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ qua thành phố.

Cảnh tượng gây nên thương cảm xót xa.. Người chết trận phần đông là con em gia đình trong khu phố. Người ta báo cho nhau những tin chết chóc.. Trung sĩ X Biệt Động Quân cháu ông Tám Mg đầu đường Công Lý. Thiếu Úy Q, anh cả con của gia đình em bác Hai L ngoài Cù Lao Phố.. Tuy nhiên gã thiếu úy hẳn là người xứ lạ đến đây tìm kiếm một điều gì. Hiệu Trưởng Bảo thân hình chắc nịch vạm vỡ, nhân dáng của một võ sĩ hơn là nhà giáo tiến tới tự tin.. Xin lỗi, thiếu úy tìm ai? Gã sĩ quan đổi sắc mặt, vất vội điếu thuốc, lột chiếc nón đỏ xuống cầm tay ấp úng.. Thưa thầy! Hiệu trưởng Bảo thoáng ngạc nhiên.. Anh học tôi ở đâu? Thưa, thưa em không học thầy, nhưng em học thầy B, thầy H.. bạn của thầy; em học Phan Châu Trinh, nhưng thầy hỏi oral em kỳ thi Trung Học Đệ Nhất Cấp đầu tiên ở Đà Nẵng năm 1958. Hiệu Trưởng Bảo cười vui.. Thế hôm nay cậu đến đây có việc gì? Em đến tìm anh Hoàng, Nguyễn Xuân Hoàng, người Nha Trang, học trên Đà Lạt đến đây dạy. Vào đến văn phòng, Hiệu Trưởng Bảo lớn tiếng.. Hoàng à, có ông thiếu úy nhảy dù nầy đến tìm toa.

Khi đã ngồi nơi quán T.Hg ở bờ sông, giáo sư Hoàng rạng rỡ.. Quái, tôi đi đâu cũng gặp cậu (Chữ "cậu" có nghĩa thân mật, ngang hàng, không có ý kẻ cả, đàn anh. Hoàng không hề có tính nầy). Ngày xưa sáng tắm biển ở Nha Trang cũng thấy cậu; lên Đà Lạt cũng có, rồi nay gặp lại ở Biên Hòa nầy. Làm sao cậu biết tôi dạy ở Ngô Quyền?

Tôi (Anh hơi ngần ngại trước xưng hộ "anh/em" do biết rõ Hoàng không thích làm "đàn anh" với bất cứ ai. Anh nhớ danh xưng "thầy" với Hiệu Trưởng Bảo).. Tôi đọc thơ của thầy từ học trò của thầy..
- Học trò nào của tôi mà cậu quen?

- Cô học trò giỏi Việt Văn nhất trường Ngô Quyền do được thầy dạy nên đoạt giải thưởng văn chương Lễ Hai Bà Trưng!

- A! Lê Th. Dg

- Đấy cô nhỏ đó, cô ấy đọc thơ của thầy nên tôi mới hỏi ra..

-Thơ làm sao? Hoàng có vẻ thú vị.

Thơ làm từ ngày thầy và tôi còn trên Đà Lạt... Bài, "*Đà Lạt mưa hoài nên Đà Lạt buồn. Tôi mang mối sầu trong lòng hiu quạnh...*"

Hoàng cười trống vắng... Vớ vẩn bỏ xừ. À nầy cũng lạ, tôi với cậu là hai tuổi khác nhau, làm hai việc khác nhau, mà lại hay gặp nhau và ***mỗi lần gặp là một lần có chuyện***.

- Chưa chắc, lần nầy có chuyện gì đâu? Anh cũng *nghĩ đến một chuyện gì đó* nhưng không rõ?

- Có rồi! Tôi sắp đổi về dạy Sài Gòn!

- Như vậy là chuyện tốt vì Biên Hòa, Sài Gòn cách nhau chỉ 30 cây số. Biên Hòa chỉ là ngoại ô của Sài Gòn. Biết đâu tôi lại đổi về những tiểu đoàn ở Sài Gòn thì lại gặp thầy mấy hồi.

Khi đưa anh về cổng Căn Cứ Không Đoàn 33, cổng chung vào Tiểu Đoàn 7 Nhẩy Dù, giọng Hoàng bỗng nhiên chùng xuống ân cần: Cậu cẩn thận nghe không. Súng đạn vô tình. Tội lắm. Tôi ăn cà-rem V.Hg. nhà ông Đg. H, anh họ của cậu từ 1950! Cẩn thận nghe cậu Nam.

Anh không có anh trai. Không chị gái. Nên anh cần thương yêu huynh đệ/bằng hữu như một an ủi, bù trừ.

1973- Sau thời gian trầy thân khắp mọi vùng đất của miền Nam với cách người lính tác chiến thực thụ, nay anh được về làm lính thành phố với nhiệm vụ trong Ban Liên Hợp Quân Sự, Tân Sơn Nhất. Từ Tháng 10, 1973, Hà Nội phổ biến Nghị Quyết 21 công khai đánh chiếm Miền Nam bằng vũ lực, xé bỏ Hiệp Định Ba Lê 1973. Phái đoàn gọi là Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam VN tức chính phủ của Mặt Trận giải phóng miền Nam theo lệnh Hà Nội kéo dài những phiên họp không mục đích, không nội dung. Anh được rảnh rỗi nên thường về Sài Gòn tiếp tục sự nghiệp "cầm cái ly" thay vì cầm khẩu súng. Quán Chợ Đũi với những bạn rượu thuộc thành phần khác hẳn với những hảo hớn giang hồ nhà binh từ bao lâu quen mặt, quen tính. Đấy là ông Đoàn "càn" nổi tiếng "càn" từ hồi Trại Định Cư Phú Thọ sau di cư năm 1954; người thành danh từ Đại Học Xá Minh Mạng; đấy là giáo sư Thảo với cách ăn nói thắm thiết đôn hậu; là ông thầy dạy toán lừng lẫy do đã có Chứng Chỉ Toán Đại Cương (MG) từ trước năm 1960... Danh sĩ quanh bàn rượu còn có những tên tuổi kiệt liệt như nhà giáo thi sĩ Tạ Ký, đến chai bia thứ ba thì xỏa đầu tóc bạc, nhìn trân ra khoảng tối với đôi mắt ráo hoảnh thay tiếng thét im lặng; đấy là nhà vận động cách mạng (cách mạng thứ thiệt/rất bản lãnh) Nguyễn Liệu, Hiệu Trưởng Quảng Ngãi Nghĩa Thục, một cơ sở giáo dục hoàn toàn miễn phí, thách đố chế độ gọi là "xã hội chủ nghĩa" của cộng sản Hà Nội. Bàn rượu cũng có người điên sáng suốt một cách thông tuệ mà một thế kỷ văn chương/thi ca/triết học Việt Nam khó có người ngang tầm, cân sức (kể cả "sức điên/tỉnh" rất đáng kính phục), Bùi Giáng. Tay ôm con mèo và tay cầm ly rượu không phân biệt. Và cuối cùng người thường xuyên ngồi bên anh với nét mặt hòa nhã, vui hòa nhưng cách biệt; tham dự nhưng đứng ngoài; nồng nàn góp chuyện nhưng kín đáo giữ lại phần riêng tư. Hoàng hay ngồi cạnh anh nói câu ân tình vừa phải: Rồi tôi với cậu thế nào cũng gặp nhau mà thiệt.

Chúng tôi luôn có với nhau.

Sáng 30 Tháng 4, 1975, từ Công Trường Lam Sơn, trước Tòa Đô Chánh anh lên yên, nhấn mạnh bàn đạp, động tác không chủ đích đi dọc đường Lê Văn Duyệt, qua Chợ Đũi, nơi các bạn hôm qua hằng vui vầy, sống động... Anh nhìn vào bàn ghế lổng chổng trống không. Anh đạp dài theo Lê Văn Duyệt giữa giòng âm động dồn dập của Sài Gòn đang hồi tẩm liệm với nhịp chày vồ dộng mạnh xuống trăm, ngàn quan tài. Mà quả thật có nhiều quan tài của những người vừa chết.. Đến trước cổng trại Nguyễn Trung Hiếu, hậu cứ Tiểu Đoàn 1 Dù có một xác con trẻ trần truồng không biết ai ném ra từ bao giờ lên mặt đường. Một cô gái mặc áo dài trắng nữ sinh đi đến, gác chiếc xe đạp mini cạnh lề đường, bình thản, thành thạo đưa máy ảnh lên, lấy góc cạnh chụp thây đứa trẻ chết. Cô gái nhỏ giải thích sành sõi: Chụp để làm chứng tội ác Mỹ-Ngụy trước khi bọn chúng rẫy chết!

Anh vào Cư Xá Sĩ Quan Bắc Hải nay đặt dưới quyền chỉ huy của Chuẩn Tướng Hồ Trung Hậu, trước 1972 là Tư lệnh phó Sư đoàn Dù. Chuẩn Tướng Hậu đang trải bản đồ trên mui xe jeep, bàn tính với viên sĩ quan nhảy dù có nhiệm vụ an ninh cư xá. Khi biết lệnh đầu hàng của Dương Văn Minh, ông vất tung chiếc bản đồ, gầm lên lời nguyền rủa. Nhưng viên thiếu úy trả

lời quyết liệt: "Tôi không đầu hàng, tôi với trung đội sẽ ra bến tàu tiếp tục chiến đấu". Thiếu úy Huỳnh Văn Thái tập họp trung đội, hô nghiêm, xếp hàng, ra lệnh di chuyển. Trung đội lính ra khỏi cư xá theo lối cổng Đường Tô Hiến Thành, rẽ vào Nguyễn Tri Phương, đi về phía chợ Cá Trần Quốc Toản, hướng bến tàu. Nhưng những Người Lính Nhẩy Dù của Thiếu Úy Huỳnh Văn Thái không ra đến bến Bạch Đằng, khi tới đến bùng binh Ngã Sáu Chợ Lớn, họ xếp thành vòng tròn, đưa súng lên trời đồng hô lớn.. Việt Nam Cộng Hoà Muôn Năm! Con chết đây cha ơi! Và những trái lựu đạn tiếp nhau bừng bực nổ sau lời hô vĩnh quyết cùng đất nước Miền Nam. Anh chụp hình những người lính nhảy dù của Thiếu Úy Thái với mùi máu người đọng trên cánh mũi, nơi tròng mắt.

Anh đi qua biên giới tử sinh nầy với mặc cảm phạm tội - Tội sống sót. Không hiểu anh đã về đến nhà theo lối nào, nhưng quả thật đây thật là đoạn đường dài nhất, gớm ghê nhất anh vừa đi qua với cổ đắng, miệng khô rốc, trí óc vỡ loãng trỗng không. Có bóng người đứng trước nhà đường Hồ Biểu Chánh, Phú Nhuận. Hoàng lao tới, chụp ghi-đông xe anh rít lên tiếng kêu không che dấu.. *Tại sao! Tại sao... Mầy còn lại ở đây! Tại sao!* Anh biết Hoàng lo sợ cho anh chứ không phải vì bản thân. Anh nhìn xuống che dấu giọt nước mắt muốn rơi. Gió thổi những tấm giấy căn cước bọc nhựa của những người di tản lăn lóc trên mặt đường.

Những năm sau khi yên lành ở Mỹ, mỗi dịp Tháng Tư anh nhớ lại Lần Thật Chết Quê Hương. Cũng chỉ một lần Hoàng “mầy/tao” với với anh.

Ba. 2013/2014.
Anh không thể nghĩ đây là dạng hình sáng/đẹp/vững chắc/cân đối của người thanh niên đứng trước biển Nha Trang sáng sớm trong thập niên 50. Anh phải tự chứng nhận lại về Người Viết Văn/Làm Báo/Dạy Học với dánh dấp rất đàn ông mà cũng thuần hậu, giản dị của thập niên 60, 70. Nhân dáng mà phần đông những nhân sự trong báo giới/văn giới/học giới Sàigòn thường ngụy trang dưới những hình thái quá độ/dáng kịch/rất dễ nhận. Còn chăng là ánh mắt bình thản của một người biết mình là ai. Người rất biết rõ mình ở nơi đâu. Anh cầm cánh tay gầy yếu của bạn. Anh nghe Hoàng kêu lên tiếng đau trong Ngày 7 Tháng 9: Đau quá! Đau nơi sườn! Nam gọi Vy hộ mình! Đau quá! Anh nghe bạn kêu đau và đột nhiên nhớ rất rõ những lời viết về bằng hữu mà anh làm trong đêm tuyết phủ ở Minnesota mười mấy năm trước...

Bạn đã mang tiếng Kẻ Tà Đạo
Cho Đi Trên Mây cũng chưa cao
Hãy Ngồi Lên Cỏ
Ngôi Nhà Ngói Đỏ
Chung quanh,
Bụi,
Rác,
Và..
Nỗi Đau!

Hóa ra, anh và Nguyễn Xuân Hoàng dù rất khác nhau về nhiều điểm nhưng quả đã chung một điều - Cả hai chưa hề nói với nhau về văn chương, chữ nghĩa, có lẽ trong thâm tâm anh và Bạn đều hiểu rõ tính giới hạn/phù hư/không thực của văn tự - Không đủ sức chuyên chở, bày tỏ Sự Thật Vô Hạn của Nỗi Đau. Đau quá!

Nha Trang-Đà Lạt-Biên Hòa-Sàigòn-Cali)
(Sáu- mươi năm trước của 13/9/2014)